

NGUYỄN ÁNH

ĐIỂN TÍCH

TRIẾT - VĂN

CHỌN LỌC

*“Nợ nước Văn Chương toan báo đáp,
Ơn nhà Đạo đức quyết đền ân.”*

(Lời: ĐỨC HUỲNH GIÁO CHỦ)

XUẤT BẢN 1974

Lời Giới Thiệu

Quý độc giả thân mến !

Nhân được xem tập “Điện Tích TRIẾT VĂN chọn lọc” của soạn giả sưu tập. Với những mẫu truyện trong đây, chắc chắn phải dày công truy cứu lắm, soạn giả mới đúc kết được theo từng lý nghĩa : khế hợp với lời của Đức Giáo Chủ trong Sám Thi, qua những cao từ ẩn ngữ, mang tính chất giáo độ, tu chỉnh thân tâm cho nhân loại.

Phần văn chương, cách dùng điển ngữ của Đức Thầy thật là độc đáo, như “BÌNH NGÔ”, “SÁT ĐẤT”; đầy bản sắc dân tộc, như “NỢ NƯỚC VĂN CHƯƠNG”; thiết tha với cuộc sống yêu quê hương đất tổ, như “TIẾNG QUYÊN” ; kiên trì nhẫn nại nuôi ý chí trong gian khổ, như : “NĂM GAI NÉM MẬT”, v.v...

Về triết lý thì... quá đa diện, bởi sự tương hệ giữa ngoại sinh và thuộc tính luôn luôn gắn bó, lại lưu xuất vô cùng... Thế ! Soạn giả cũng kết hợp được nhiều luận chứng thật kỳ tài, qua truyện : “RÚT BỎ”, “NHƯ TA” : tâm lý cuồng động, mà số phận sẵn chờ, chuyện” CÒ BAY THẮNG KIẾNG” : và hiểu dụng lạ lùng của chân tánh đầy nhuệ tính và văn ngữ chẳng thể phô bày, truyện : “CÁI KHÔNG MỚI CÓ”, v.v... Mặc dù trước đây rất muốn tìm, chúng tôi cũng không làm sao hiểu hết được.

May thay ! Tập truyện được chuyển tay, mọi người đều vui mừng, ngộ ý cùng soạn giả xin cho thành sách, hầu

tiện dịp cho những ai cần tìm hiểu thêm về cách dùng điển ngữ của Đức Tôn Sư.

Lời yêu cầu của đa số bạn hữu, được soạn giả gặt đầu tương ứng; một sự thỏa hợp thật miễn cưỡng, bởi việc chưa được coi là tác luyện đối với soạn giả. Nhưng theo chúng tôi, cho dù trên nguyên tố nào chẳng nữa, chỉ nhằm khởi điểm giúp cho tâm thức con người có một hướng tới thật quang đãng. Điều này cũng do tiềm năng, tư chất của mỗi cá nhân, mà sự nội tỉnh có dịp trở giác hoặc nhiều hoặc ít.

Và lại, khu vườn đầy hoa, tức nhiên sẽ tỏa ra một sức quyến rũ kỳ đặc qua sự cảm nhận bằng tất cả giác quan; chừng như ta không muốn quày trở lại với quãng thời gian đã đi qua. Sự liên giao đầy năng lực này, đôi khi khai quật được tiềm năng siêu đạt của con người.

Cho nên đối với Kinh Văn, Pháp Ngữ của bậc siêu phàm, chúng ta rất cần tiếp cận, nghiên cứu, để thấy rõ về bản chất bất toàn nơi ta và có ngày nào cái bất toàn sẽ thuần hóa được.

Do đó, khi đọc đến tập “Điển Tích TRIẾT VĂN chọn lọc” là niềm vui thật lớn với chúng tôi, và hơn thế nữa, hôm nay tập sách được hình thành. Vậy, xin trân trọng gửi đến các bạn niềm vui bất tận ấy !!!

Bên dòng phù sa

Viết trong ngày Phật Đản năm 1974

HUỲNH MÃN THẾ

LỜI ĐẦU SÁCH

Bước vào vườn hoa, ai cũng thấy có rất nhiều loại, hoa nào cũng đẹp, cũng khoe sắc, ngát hương. Tuy tất cả đồng là hoa, song khi tâm nhìn đến đâu, các bạn sẽ thấy mỗi thứ hoa đều có nét đẹp riêng và tính chất, hương nhụy chẳng giống nhau.

Trong kho tàng văn chương Kinh sách xưa nay cũng thế, đã hàm chứa biết bao ý vị; mỗi mỗi đều có những ngụ ý đặc biệt.

Nếu có dịp đọc qua bộ Sám Thi của Đức Giáo Chủ P.G.H.H, các bạn sẽ thấy trong đó rất nhiều Từ Ngữ, Thành Ngữ Điển Tích đủ loại: nào Lịch Sử, Văn Chương, nào Triết Lý, Ngụ ngôn, ẩn dụ v.v... chuyện nào cũng có mang tính chất đặc thù, nhưng tất cả đều nhằm vào mục đích khai trí và cải thiện nhân sinh.

Vì muốn tìm hiểu tu học, nên trước đây tôi có dịp đọc qua một ít Kinh điển truyện sách, thấy nhiều điểm hay hay theo suy nghĩ của mình, nên ghi lại. Nay có nhiều bạn yêu cầu chúng tôi, cần cho thành sách để cùng nghiên cứu, và cũng là phương tiện cho các bạn nào muốn sưu tầm hầu bớt được thời gian phải đọc nhiều Kinh điển khác.

Sách được mang tên “Điển Tích TRIẾT VĂN chọn lọc”. Trong đây, chúng tôi tạm chia làm hai phần. Điển văn tập I và Điển Triết tập II. Tuy nhiên, các chuyện kể dù Chính sử hay Giả sử, dù thực tế hay huyền thoại... chỉ mong sao, khi đọc đến chúng ta kinh nghiệm và tâm đắc một vài bài học trong lành nơi ấy.

Việc làm này cũng chưa hoàn hảo và như ý, rất mong sự đóng góp của các bạn vào những chỗ còn sơ khuyết.

Mùa Hoa Đạo niên Giáp Dần (1974)

Soạn Giả

Tập 1

ĐIỂN VĂN

1 – BỐ KINH

*“Kẻ thời phụ nghĩa BỐ KINH,
Người trung hiếu chẳng gìn vẹn hai.”*
(Sấm giảng Khuyên Người Đòi Tu Niệm)

Bố kinh, cũng đọc bố kinh. Bố là vải, Kinh là gai, do câu “Bố quần kinh thoa” (mặc quần áo bằng bông vải, cài trâm bằng gai). Do điển tích vợ chồng ông Lương Hồng, sống thời Ngụy Võ Đế (Trung Hoa).

Tuy nhà nghèo nhưng sức học ông uyên thâm và rất trọng điều khí tiết. Lương Hồng cưới vợ là nàng Mạnh Quang, con nhà giàu có. Lúc mới về nhà chồng, nàng ăn mặc lộng lẫy, trang sức theo con nhà đài các. Ông lảng lạng bảy ngày không nhìn đến vợ. Mạnh Quang nhận biết ý chồng, liền tự thay đổi bỏ hàng lụa, mặc y phục vải, cài trâm gai. Ông mừng rỡ liền kêu vợ nói :

– Đây mới chính thật là vợ của Lương Hồng.

Sau, ông bà chẳng màng công danh phú quý, lui về sống nghề cày ruộng, dệt vải. Tuy được chồng trọn yêu, nhưng lúc nào Mạnh Quang cũng hết lòng cung kính. Mỗi bữa ăn hay có vật gì đưa cho chồng, bà để vào cái mâm đưa lên ngang mày để tỏ lòng kính trọng (Mạnh Quang cử án tề mi).

Cho nên chữ bổ kính có ý nói người vợ hiền từ, chính đính biết xử sự kính thuận với chồng. Truyện Kiều có câu :

*“Đã cho vào bực bổ kính,
Đạo tòng phu lấy chữ trinh làm đầu”.*

Đức Thầy dùng câu “phụ nghĩa bổ kính” ở đây chỉ cho người người đời nay, giữa chồng vợ cư xử với nhau ít người được nghĩa ân chung thủy, thường phụ rẫy với nhau. Nên ngài từng khuyên :

*“Tu là sửa trọn ân tình,
Tào Khang chồng vợ bổ kính đừng phai.”*

2 – NẮC NIA

*“Đừng ham làm chức nức nia,
Ngày sau như khóa không chìa dân
ôi !”*

(Sấm giảng Khuyên Người Đời Tu Niệm)

Thành ngữ nức nia là phiên âm của Miên Ngữ (Neak Nghia), có nghĩa là tôi mọi. Pháp Ngữ (Esclave), Anh Ngữ (Slave). ⁽¹⁾

¹ Dẫn theo văn học Cam bốt, bài Đức dục lớp 8.

Thành ngữ này xuất phát từ đời vua Ream Mea Chon Pray. Xứ Cam bốt, do sự tích sau đây :

Đời vua Ream Meam Chon Pray có một thanh niên tên Tum, có tài văn nghệ, hát hò rất hay, được vua vời vào cung và phong chức Mon EK. Trước khi vào cung chàng đã yêu một cô gái tên Teav thuộc vào hàng quốc sắc, con của bà góa chồng giàu có. Cô Teav cũng đáp lại một mối tình chân thành, hai người rất buồn sau khi bị chia ly.

Hai tháng sau Teav bị mẹ bắt buộc gả cho tên Nguồn, con của Ông Chuôn, là tỉnh trưởng Tôbôn Kho Mum. Cô từ chối hẳn, kể đó Teav được vua chọn làm cung nữ, nàng rất buồn và lo lắng vô cùng !!! Vào cung, nàng gặp lại Tum. Trông thấy Teav, Tum thất vọng và liều chết trước mặt vua, chàng hát kể lại mối tình của mình đối với Teav. Vua nổi giận bắt hai người hỏi nguyên do. Cả hai đều trình bày sự thật mọi việc... Vua nghe qua rất cảm động, nên cho Tum lấy Teav làm vợ, hai người hưởng hạnh phúc vui vẻ trong cung.

Mẹ Teav được tin cô là vợ của Tum, một người chức vụ thấp hơn Nguồn, giận lắm bà liền gởi cho Teav một lá thư, nói bà đau nặng, Teav cần về gặp để gặp bà. Teav về đến nhà biết bị mắc mưu của mẹ, nàng lén viết thư

cho Tum hay mọi việc. Tum tâu với vua, vua liền cho Tum một thư lệnh cấm Nguồn không cho làm lễ cưới. Tum về đến nhà Nguồn thấy lễ cưới bắt đầu, Tum chưa kịp đưa thư lệnh ra hai người gặp nhau ôm khóc, Nguồn bèn cho người bắt Tum đem giết ở Pô Chon Khal, Teav lén trốn theo đến bên xác chônng tự sát.

Vua được tin ấy nổi giận, liền cho quân lính đến bắt mẹ Teav, Ô Chuôn và Nguồn đem tử hình, còn những người đồng lõa chủ trương làm lễ cưới, đều bắt phạt làm Neak Nghia (tôi mọi) suốt đời.

Xuyên qua mẩu truyện của thành ngữ “nắc nia”, nhận thấy Đức Thầy dùng điển tích này trong hai câu giảng trên, là ám chỉ cho các quan chức thời Pháp thuộc, ham làm tay sai cho ngoại bang; ắt sau này phải đền tội trước quốc dân; như ngài đã từng bảo :

*“Chúng ham làm chức Nắc Nia,
Ngày sau như thể vô địa quên nôm.”*

3 – TÀO KHANG

“Tu là sửa tron ân tình,

TÀO KHANG chồng vợ Bố Kinh đùng phai.”

(Sấm Giảng Quyển III)

Từ Tào Khang, cũng đọc là Tao Khang. Tào là tấm (bả rượu) Khang là cám, gạo. Ý nói người vợ cưới từ lúc còn nghèo khổ; phát xuất từ điển tích Tống Hoàng đời Hán Quang Võ (Trung Hoa) :

Nguyên vua Hán Quang Võ có người chị là Hồ Dương Công Chúa, sớm góa chồng. Vua có ý định muốn gả cho quan Thượng thư Tống Hoàng, nhưng Tống Hoàng đã có vợ. Vua cho vời Tống Hoàng đến vấn thử :

– Ta nghe thiên hạ thường nói : Giàu đổi bạn, sang đổi vợ; có chằng? (ngạn ngữ : Phú dị ch giao, quí dị ch thê, hữu chư ?).

Tống Hoàng quì tâu :

– Thần nghe : người bạn lúc hàn vi không nên phụ; người vợ cưới hồi nghèo nàn không nên bỏ (Thần Văn : Bần tiện chi giao mạc khả vong, Tào khang chi thê bất khả hạ đàng).

Vua Quang Võ nghe qua biết Tống Hoàng không tham giàu phụ khó, nên không ép nữa.

Đọc qua điển tích Tống Hoàng do thành ngữ

Tào Khang. Nhận thấy Đức Thầy có dụng ý khuyên người đời : khi vợ chồng đã ăn ở với nhau từ thuở hàn vi, thì việc cư xử phải tình nghĩa mặn nồng, cho đến khi già chết, mới trọn đạo phu thê, như Ngài thường dạy :

“Đạo chồng vợ thuận hòa cho đến thác”
 Và :”Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền”

4 – NGŨ VIÊN KỲ

“Đời xưa có NGŨ VIÊN KỲ,
 Đem tài học thuốc hiền thì cho dân.”
 (Sám Giảng Quyển III)

Thành ngữ Ngũ Viên Kỳ là danh từ ghép (kép) để chỉ cho Tam Thánh Tổ Sư, tức là ba vị tổ của ngành Đông y vào thời Ngũ Đế (Trung Hoa).

Trong “Nội Kinh Huỳnh Đế” có chép : Đời thượng cổ (Ngũ Đế) có ba ông : Ngũ Tử, Hiên Viên và Kỳ Bá. Hiên Viên là vua Huỳnh Đế, còn Ngũ Tử và Kỳ Bá là hai đại quan cận thần của vua. Ba ông đều đem hết trí năng của mình, kê cứu nguyên nhân các thứ bệnh của thân tâm con người và thí nghiệm những loại thảo mộc tìm ra phương thức, dược phẩm để trị bịnh cứu dân. Lòng các Ngài chẳng hề mong cầu lợi lộc hay danh vị tước quyền.

Diễn Tích trên đây ngụ ý chỉ cho sự giúp đỡ bất vụ lợi của các bậc đầy lòng vị tha bác ái và cũng khuyên mọi người noi gương hy sinh từ thiện ấy. Đức Thầy còn dạy :

*“Người xưa còn chẳng cần thân,
Miễn cho trong nước chúng dân được nhờ.”*

5 – TÊN DÃ TRÀNG

*“Giống xe cát biển Đông thường thấy
TÊN DÃ TRÀNG rất ổng công trình,
Khi nước ròng nhờ lúc bình minh,
Lúc nước lớn cát kia tan rã.”*

(Giác Mê Tâm Kệ – Q. IV)

Tên Dã Tràng, cũng gọi Công Dã Tràng, tức là một loại còng nhỏ, trên lưng lõm xuống, thường ở theo bờ biển. Nước ròng chúng dùng càng vít cát lên lưng, rồi chở xuống mé nước đổ, để lấp biển, nhưng đến khi nước lớn bị sóng đánh vào, cát bị tan rã.

*“Dã tràng xe cát biển Đông,
Nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì”
(CD).*

Thành ngữ này dùng chỉ việc làm nào dày công cực nhọc mà không đem lại kết quả gì. Ở đây chỉ những người, suốt đời chỉ biết đeo đấm danh lợi ảo huyền, nhưng khi gặp tai nạn đưa đến thì tất cả đều buông trôi: “Từ rày trần hạ lợi danh trôi”. Và ngày rớt cuộc:

“Nhắm mắt cũng nắm hai tay”.

Đây là câu chuyện phát xuất thành ngữ Dã Tràng :

– Ngày xưa, tại tỉnh Sơn Tây (Trung Hoa), có anh thợ săn tên Dã Tràng, chuyên sống nghề săn bắn. Hôm nọ Dã Tràng đi ngang qua một hang đá, bỗng gặp đôi vợ chồng nhà rắn. Anh chẳng hề đá động đến, nhưng từ đó ấy anh luôn theo dõi cặp rắn, thấy chúng thường sống bên nhau, chùng như hạnh phúc lắm !

Một hôm, rắn cái tới kỳ lột vỏ, rắn đực đi kiểm mối về nuôi nấng, chăm sóc. Chẳng bao lâu, tới kỳ lột vỏ của rắn đực, rắn cái chẳng những không làm bổn phận, lại còn đi tư tình với con rắn đực khác, và dắt tình nhân về miệng hang toan hại chồng. Thấy thế, Dã Tràng động lòng nghĩa hiệp, quyết giết con rắn lang chạ ấy, liền rút tên, bắn rắn cái chết tốt, tình nhân của nó kinh sợ chạy mất.

Mấy hôm sau, rắn đực cứng mạnh bò ra miệng hang, gặp vợ bị tên nằm chết, xem lại mũi tên có đề danh Dã Tràng, bèn tìm tới nhà báo thù. Rắn lén vô nằm núp dưới giường, bỗng nghe Dã Tràng thuật lại câu chuyện xảy ra của cặp rắn cho vợ nghe. Bấy giờ rắn đực mới vỡ lẽ, vợ mình chết là đáng tội. Còn anh thợ săn này là ân nhân của ta, nó liền bò ra gật đầu trước mặt Dã Tràng mấy cái và nhả ra một hạt ngọc sáng, rồi bò đi mất.

Từ ngày Dã Tràng được rắn tặng cho viên ngọc, mỗi khi anh để ngọc vào miệng ngậm lại, nghe được tiếng của các loài thú. Hôm nọ, Dã Tràng nghe đàn quạ nói với nhau : “Phía đông, cách đây một dặm đường, có con nai bị thương gần chết”. Dã Tràng đến đó gặp đúng như vậy, anh xẻ nai lấy thịt. Đàn quạ bay theo kịp, kêu nói : “Lấy thịt nai cho chúng tôi bộ đồ lòng, vì công ấy của chúng tôi”. Dã Tràng làm y theo lời quạ. Lần sau cũng thế, nhưng quạ chưa đến kịp, bị chó sói cướp mất bộ đồ lòng. Quạ bay theo trách mắng : “Dã Tràng là kẻ bội ngôn...”

Dã Tràng biện minh thế nào, chúng cũng không thôi. Thấy quạ hỗn xược, mắng nhiếc đủ điều, Dã Tràng tức giận rút tên bắn quạ. Quạ né khỏi và cắn mũi tên bay đi, nói : “Ta sẽ

báo thù”, đoạn rồi qua đem mũi tên ấy, cắm vào tử thi đang trôi.

Thế là mấy ngày sau Dã Tràng bị lính bắt về tội bắn người chết. Anh bị tống giam chờ ngày kết án. Ngồi trong ngục Dã Tràng nghe bầy chim sẻ nói : “Có nhiều kho lương thực của vua để hổ, đã bị loài chim ta ăn no nê”. Anh liền cho viên chủ ngục hay điều đó, lúc đầu họ không tin, nhưng việc xảy ra đúng như vậy. Sau đó Dã Tràng thấy đàn kiến kéo nhau di chuyển và nói : “Sắp có bão lụt lớn chúng ta phải lánh nạn”. Anh liền báo tin nữa, lần này quan sở tại cấp báo về triều đình để ra lệnh ngừa lụt. Quả nhiên mấy hôm sau lụt lội toi bời, nhưng nhờ ngừa trước nên không bị thiệt hại cho lắm.

Qua con lụt, Vua ra lệnh tha cho Dã Tràng và mời anh về trào hỏi nguyên do? Dã Tràng tâu rõ tự sự.. Vua phong tước cho anh và ở lại hoàng cung. Từ đó Vua thường mượn viên ngọc của Dã Tràng ngậm vào miệng để được nghe tiếng của các loài chim nơi vườn Ngự uyển.

Ngày kia Vua tổ chức du ngoạn vùng biển, cũng để được nghe các động vật dưới nước nói chuyện; ngồi trên mạn thuyền Vua nghe các bầy cá tâu sự đủ điều, lòng thỏa thích vô hạn nên cười lên ha hả; bỗng viên ngọc rơi tòm

xuống nước. Vua rất hối hận nhưng không kịp, Vua động viên cả thợ lặn, chài lưới tìm lại viên ngọc, song vô hiệu.

Riêng Dã Tràng thì sàu nảo, biếng ăn, biếng ngủ và sau cùng nảy ra ý “lắp biển tìm châu” nên hằng ngày anh ta ra mé biển xe cát đổ xuống cho đến khi thân cùng lực tận mà vẫn không tìm được ngọc.

Sau khi Dã Tràng chết, người ta thấy trên bãi biển xuất hiện giống cua nhỏ (còng), cứ mỗi khi thủy triều xuống (nước ròng) thì chúng xe cát đổ thành đống sát mé nước, nhưng khi dòng thủy triều ủa lên (nước lớn) thì cát ấy bị tan đi. Cứ thế mà chúng mãi làm không chán. Thấy vậy, người ta bảo nhau rằng : có lẽ Dã Tràng chết đi vì lòng luyến tiếc chưa vụn nên hóa kiếp làm loại còng ấy, với hoài bão lắp biển để tìm lại viên ngọc quý.

Điển này xưa nay văn chương thường dùng để chỉ cho sự lắp biển vá trời, là việc sức người không thể làm được, chỉ hoài công vô ích. Còn về Phật học : Dã Tràng ám chỉ cho vạn vật trong thế gian, những gì có hình sắc hay quyền tước, lợi danh, tình ái đều phải đi theo định luật : thành, trụ, hoại, không, nên dù ta có nhọc công gầy tạo và tham luyến cũng chẳng được bền lâu.

6 – BẠN TÁC

*“Chữ BẠN TÁC dù cho đến chết,
Cũng keo sơn gắn chặt mới là.”*

(Giác mê tâm kệ quyển IV)

Thành Ngữ Bạn Tác, tức Đạo bè bạn, một điều trong “Ngũ luân”. Đây chỉ cho tình bạn hữu đã kết nghĩa thâm giao thì dầu cho đến chết cũng chẳng hề phai lợt.

Xưa nay, sách sử thường lưu lại nhiều gương hạnh, như tại Việt Nam có Lưu Bình, Dương Lễ và trong tác phẩm Lục Vân Tiên, Hón Minh, Tử Trục. Còn sử Trung Hoa có ba anh em Lưu, Quan, Trương “Đào Viên kết nghĩa”, các tình bạn ấy rất quen thuộc với mọi người. Ở đây xin chứng minh thêm câu chuyện :

Vào thời chiến quốc, tại vùng Tây Cương, núi Tích Thạch, thuộc địa phận của vua Võ Nguyên nước Sở. Có anh Tả Bá Đào, gia đình nghèo, cha mẹ mất sớm tánh tình hiền hậu, rất hiếu học; tuổi đã 40 vẫn chưa có công danh sự nghiệp. Một hôm nghe Vua Sở chiêu nạp hiền sĩ, Bá Đào khăn gói định đến yết kiến, nhưng nhằm tiết Đông Thiên, gió mưa lạnh buốt, y phục ướt đầm, trời lại sắp tối. Bá Đào ghé vào túp lều tranh dựa mé rừng, hỏi đụt nhờ. Chủ nhà ra mở cửa mời vào, Bá Đào

thấy trong nhà chỉ vón vện một cái giường, ở trên chất đầy sách vở, Bá Đào vừa muốn thi lễ hỏi thăm thì người ấy nói :

– Khoang đã ... để tôi nhúm lửa cho ông hơi ấm lại rồi sẽ tiếp chuyện.

Vừa hơi y phục, hai người vừa trò chuyện, Bá Đào hỏi thăm tên họ chủ nhà, và tại sao chỉ có một mình như thế này?

Chủ nhà đáp :

– Tôi tên Dương Giác Ai, cha mẹ mất sớm, chưa có vợ con, bở lo học hành, bỏ phở ruộng nương nên gia đình phải chịu nghèo túng, sống cô quạnh trong túp lều đây. Nay gặp hiền sĩ ghé vào, thật là vinh hạnh cho tôi nhiều lắm, rồi Giác Ai lo dọn cơm mời khách, thức ăn đơn sơ, nhưng Giác Ai hết sức ân cần tiếp đãi, nên Bá Đào dùng rất ngon lành.

Sau khi kể hết lai lịch cho nhau nghe, hai người rất tâm đầu ý hiệp rồi cùng nhau kết nghĩa đệ huynh : Bá Đào lớn tuổi hơn nên làm anh, Giác Ai làm em, Bá Đào thấy Giác Ai văn võ song toàn nên nghĩ : Anh em mình cùng đi đến nước Sở để lập công danh; với tài lực của em chắc vua Sở phải trọng dụng, thế là hai người chuẩn bị ra đi, song chẳng được mấy ngày, còn đang ở giữa rừng bỗng bị đợt mưa dầm, người nào cũng chỉ

còn một bộ y phục, nhưng đều bị ướt cả, hai người dùng lại cùng nhau cắt lá cây rừng che đỡ, tuyết lại xuống càng nhiều, Bá Đào phát bị nh, lạnh run cả người...

Trời vừa hết mưa, Giác Ai chạy bẻ cây khô đốt lửa hơ cho anh, Bá Đào bàn với Giác Ai :

– Anh thấy con đường đây đến nước Sở, với số gạo tiền của mình hiện có chỉ đủ một người dùng mới đi đến nơi, em còn nhỏ tuổi lại đủ khả năng hơn anh; vậy hãy để anh ở lại đây, mình em ra đi có hy vọng kết quả. Giác Ai không đồng ý, nhưng Bá Đào lại nói : Bây giờ anh quá mỏi, đi không nổi nữa !

Giác Ai cảm động thưa :

– Anh nằm đỡ đây chốc lát, em đi kiếm củi thêm về nấu cơm ăn, khỏe lại chúng ta cùng đi, sống chết vui khổ đều có nhau; nhưng khi Giác Ai đi kiếm củi ôm về thì thấy Bá Đào cởi hết y phục, xếp lên gói hành lý của Giác Ai; để mình trần nằm trên tuyết, chờ chết. Vừa gặp mặt Giác Ai, Bá Đào chỉ nói được ít tiếng từ giã và khuyến tấn em rồi tắt thở. Giác Ai thương khóc thảm thiết, lo chôn thân anh và làm dấu kỹ rồi ra đi.

Khi đến nước Sở nhờ Quan đại phu Búi Trọng tiến cử, Giác Ai được vua Sở trọng dụng phong chức Trung Đại phu. Giác Ai tâu với

vua về tình cảnh anh của mình. Vua Sở liền truy phong cho Tả Bá Đào cũng chức Trung Đại Phu, ban thưởng vàng lụa và cho quan quân theo Giác Ai đến nơi cải táng Bá Đào trọng thể.

Việc vừa xong, một đêm nọ Giác Ai nằm mộng thấy Bá Đào về, anh em gặp nhau mừng rỡ, Bá Đào nói :

- Anh rất cảm ơn em chẳng quên tình bằng hữu, mai táng anh tử tế, nhưng em chôn anh gần mộ Kinh Kha, y chết đặng làm thần rất oai dũng, mỗi bữa y thường đến xua đuổi : bảo anh phải dời nơi khác, nếu không y sẽ phá mồ. Vậy em hãy dời mộ anh đi !

Giác Ai tỉnh vậy, sáng ra bèn dòi làng xóm tới hỏi. Họ cho biết, gần đó có mộ Kinh Kha thiệt. Trước kia y thích khách vua Tần không được, bị giết bỏ thân ngoài đồng. Nhờ Cao Tiệm Ly lén đem về chôn tại đây. Từ ấy đến nay rất linh hiển, nên người xứ này lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế.

Giác Ai liền dắt tùy tùng đến mộ Kinh Kha, chỉ vào tượng mà mắng :

- “Người là một đứa thất phu, ở nước Yên thọ ơn Thái Tử nuôi dưỡng, chẳng biết kể chi đền ơn mới qua Tần làm thích khách. Chẳng những sự bất thành mà còn làm hư việc nước.

Lẽ ra phải ở đây an hưởng cúng tế, có sao còn dám mê hoặc nhân dân, lại hiếp anh ta là một danh nho liêm chính? – Nay ta đến đây dặn bảo phải chừa, nếu còn hiếp anh ta, ta sẽ đào mã và phá miếu của người đó !”

Tối lại Giác Ai thấy Bá Đào về nói :

– Em đã lo cho anh, nhưng bộ hạ của Kinh Kha đông quá nó không chịu nhường nhịn, vẫn còn tới hiếp luôn, anh cứ không lại. Vậy em nên dời mộ anh đi nơi khác là hơn !

Giác Ai thức dậy, tức thời viết biểu về triều, tâu hết sự tình cho vua hay, rồi đòi hàng xóm tới nói : “Kinh Kha làm bức anh ta, nếu ta phá mồ nó, tất làng xóm không vui. Vậy ta quyết định xuống cứu tuyền giúp anh, đánh lại bọn cường nghịch”, Nói rồi ông rút guom tự tử.

Đêm ấy lúc canh ba, gió mưa nổi dậy, sấm sét tung bùng nghe tiếng la hét vang dội. Sáng dậy ai nấy ra coi, thấy mồ Kinh Kha bể nát như trời đánh, xương cốt vang ra tứ tung cây cối tróc gốc ngã lãn như ai đào bới. Miếu bị cháy sạch, như chỗ đất bằng. Từ ấy Kinh Kha không còn linh nữa. Vua Sở hay tin rất thương xót, nên sai quan ra đó, lập miếu thờ hai anh em Tả Bá Đào và Dương Giác Ai.

Nhận thấy tình bạn hữu của hai anh em danh nhân vừa kể, thật hiếm có, về sau được người ca ngợi và lấy đó làm bài học quý giá nên có lời thơ khen tặng;

*“Thương nhau như gã Ai Đào,
Mong chi chia sẻ Đồng Bào nhiều phe.”*

Đức Thầy hiện nay cũng từng khuyên dạy :

*“Đạo bè bạn bất phân nhơn với ngã,
Chữ nghĩa tình sắt đá mãi bền gan”.*

7 – KHOE TÀI

*“Đã tu hành đừng có bôn chôn,
Tuồng hay giỏi KHOE khoang TÀI
cán.”*

(Khuyến Thiện – QV)

Tánh hay khoe khoang tài trí của mình là một tật bịnh không tốt, chẳng những không học thêm đặng điều hay của kẻ khác cũng chẳng được bao người thương mến, còn chuốc lấy tai hại là khác.

1 – Sách xưa có chép: thời chiến quốc (TH), có ông Dương Tử, một hôm đi đến nước Tống, nghỉ đêm trong quán trọ, biết được chủ quán có hai người thiếp : một người có sắc đẹp, một người thì xấu; nhưng có điều lạ, người thiếp xấu ai ai cũng thương quý, còn người thiếp sắc

đẹp mọi người đều khinh bỉ, chê trách. Dương Tử bèn gọi những người làm công để hỏi lý do?

Họ trả lời : – Vì người thiếp đẹp lúc nào cũng tự cho mình là đẹp, lại hay khoe khoang chung diện nên chúng tôi không mến được. Còn người thiếp xấu, bà tự biết mình là xấu, xử sự với mọi người thường khiêm nhường, nhã nhặn, nên ai cũng mến yêu gần gũi.

Dương Tử nghe qua liền kêu các đệ tử, dạy rằng : các trò hãy ghi lấy điều này : “người tài giỏi mà không khoe khoang cái tài giỏi của mình thì đi tới đâu, cũng được nhiều người thương mến học hỏi”.

Câu chuyện trên giúp chúng ta thấy rằng : “Cái nết đánh chết cái đẹp” và đây cũng là một bài học cho người sau về mặt xử thế được hài hòa tốt đẹp. Chính đức tính đó sẽ trợ giúp cho việc tu tịnh khẩu nghiệp mau kết quả.

2- Thời Đông Châu (TH). Sau khi vua Việt Câu Tiễn phá thành Cô Tô, Ngô Phù Sai tự sát. Sự việc đã thành công, quân Sư Phạm Lãi bỏ Việt Câu Tiễn, vượt bể sang Tề, đổi tên họ là Chi Di Tử Bì, sau sang ở đất Đào hành

nghề thương mãi trở nên giàu có lớn. Người người thường gọi ông là Đào Chu Công.

Bấy giờ người con trai thứ của Chu Công giết người, bị nước Sở bắt cầm tù. Chu Công sai đưa con út đến Sở lo cứu anh nó, nhưng người con cả giành đi, ông không đồng ý, người con cả nói :

– Trong nhà có con cả, gọi là đóc suất, nay em con có tội, cha chẳng sai con đi lại bảo thằng Út, thế coi con chẳng ra gì? Nếu không con sẽ tự sát

Người mẹ cũng nói hộ cho con cả được đi, Chu Công dần dần, cục chẳng đã mới tiếp nhận.

Ông viết phong thư và lấy một ngàn nén vàng, kêu người con cả ra dặn dò :

– Người đến Kinh thành Sở tìm nhà Trang Sinh dâng thơ và vàng cho Ông, mặc tình ông làm gì thì làm. Phải cẩn thận đấy ! Nhớ đừng có tranh tài, khoe hơn với ông ấy nhé !

Người con cả khi đi cũng tự đem thêm vài trăm nén vàng để tùy cơ lo liệu.

Nhà Trang Sinh ở một bên ngoài thành, giữa đám rau cải. Khi tới cửa xem có vẻ nghèo hèn, song người con cả cũng xin vào dâng thơ và số vàng theo y lời cha dặn...

Trang Sinh xem thơ hiểu ý nói :

– Vậy thôi anh hãy đi ngay ! Đừng nên ở lại đây, sau này dầu em anh có ra được, cũng đừng hỏi tại sao?

Người con cả ra rồi, không qua lại nhà Trang Sinh nữa, nhưng anh ngầm ở lại lấy số vàng riêng, lo cho một quý nhân có quyền thế trong nước Sở, để nhờ lo cho em mình khỏi tù.

Trang Sinh tuy nhà ở một xóm hẻo lánh, song được nổi tiếng là người liêm sỉ và thẳng thắn với cả nước. Từ vua Sở đến quan quân đều tôn là bậc thầy. Sáng hôm sau, Trang Sinh thông thả vào yết kiến Vua Sở tâu :

Đêm hôm tôi xem thiên văn thấy ngôi sao Mỗ... đóng nơi mỗ... đấy là điềm hại cho nước Sở ta !

Vua Sở vốn tin tưởng Trang Sinh nên hỏi :

– Giờ ta phải làm sao?

– Có cách là bệ hạ phải thi ân bố đức, mới có thể trừ được họa hại.

Vua Sở nói :

– Tiên sinh về nghĩ , Quả nhân sẽ làm theo. Vua liền sai quan giữ kho niêm phong ba kho tiền.

Quý Nhân nước Sở đi châu, nghe được tin ấy vui mừng, về kêu người con cả của Chu Công nói :

– Người đã gặp mai rồi, khỏi lo lắng gì hết, em người cũng được ra.

– Tại sao Ngài biết được như vậy?

– Vì mỗi lần vua muốn đại xá, thường niêm phong các kho tiền. Nay vua đã ra lệnh này, thì chắc trong vài ngày đây sẽ có cuộc đại xá tù nhân, tất em người được về chứ sao !

Nghe nói người con cả Chu Công rất hối tiếc 1 ngàn lượng vàng đã dâng cho Lão Trang Sinh, nên anh trở lại vào ra mắt Trang Sinh. Lão Trang giật mình hỏi :

– Sao anh chưa về?

Người con cả thưa :

– Thưa nay tôi vẫn chưa về. Trước kia vì việc thăng em, nay em nó may được lệnh đại xá nên tôi lại đây chào cụ để về.

Trang Sinh biết nó muốn lấy số vàng lại nên nói :

– Số vàng của anh tôi còn để y tại chỗ kia, anh hãy vào trong nhà mà lấy. Nghe ông nói người con cả lòng mừng khẩn khởi vào trong lấy vàng rồi từ giã ra về.

Trang Sinh tuy có ý trả vàng lại cho Chu Công từ trước, nhưng nay rất xấu hổ vì bị đứa trẻ con đánh lừa, nên tức tốc vào ra mắt Vua Sở nói :

– Hôm qua tôi có báo tin về ngôi sao bất thường đó... Bệ Hạ có hứa tu đức để bù lại. Nay tôi ra đường nghe đâu đâu cũng bàn rằng : đứa con Chu Công là một nhà giàu có ở Đào, nay bị tội giết người, ở tù tại Sở. Người nhà nó đem vàng bạc đến đút lót cho các quan hầu cận Vua. Vậy chuyện phóng thích này chỉ vì đứa con Chu Công, chớ không phải Vua biết thương dân nước Sở mà ra lệnh đại xá đâu !

Vua Sở nghe nói cả giận, liền làm án xử tử con Chu Công, rồi qua ngày sau mới xuống lệnh đại xá. Rốt cuộc con cả của Chu Công phải đưa đám táng của em nó về nước. Người mẹ và dân làng xót thương than khóc; riêng về Chu Công thì chỉ ngồi mà cười dài.

Vợ ngạc nhiên hỏi :

– Sao con chết mà ông không thương khóc, lại cười?

Chu Công đáp :

– Trước kia tôi biết con cả thế nào cũng làm cho em nó chết, nên không cho nó đi mà nó cũng quyết đòi cho bằng được. Không

phải nó không thương em nó đâu. Có điều bà và nó không thể hiểu nổi ! vì từ nhỏ nó đã cùng ta chịu cực khổ vất vả lắm mới làm ra tiền của, giờ bỏ của nó phải tiếc. Còn thằng Út vừa sanh ra là sống trong cảnh giàu sang, cỡi xe bền, rong ngựa tốt, sẵn bản vui chơi, phung phí tiền bạc không hề tiếc. Hôm trước ta sợ dĩ định sai thằng Út đi, chỉ vì có, nó biết coi thường tiền bạc mới lo được việc. Thằng cả thì không biết thế và cũng không nghe lời ta dặn bảo nên nó vô tình làm em nó chết. Lẽ thường là thế, có gì đáng thương xót ! Thêm nữa, ta vì chịu theo ý bà và con, chứ thật ra khi nó ra đi, lòng ta lúc nào cũng chờ nó mang xác em nó về mà thôi !

Xuyên qua hai cốt truyện kể trên giúp ta thấy được tai hại của người hay khoe tài, tranh hơn với thiên hạ. Kẻ có bệnh này thường vướng phải nạn tai và rất trở ngại cho cuộc tiến thân, bất luận dù đời hay Đạo, Đức Thầy từng giác tỉnh :

*“Biết Đạo tùy thời mau tránh khó
Chớ đứng thi thố những tài ba”*

.....

*“Tài ba khoe sức ưỡng thân mà,
Nhứt dạ yêu đời dụng khuyến ca”*

Và :

*“Bước ra đường ăn nói thiệt thà,
Dầu khôn khéo cũng là giả dại.
Nếu tranh đương ắt ta bị hại,
Thêm sa cơ lại bị xích xiềng”.*

8 – TỰ ĐẮC

*“Hơn TỰ ĐẮC khoe khoang đồng
sức,
Phải bị người hiểm khích ghét ganh”.*
(Khuyến Thiện – Q. V)

Ở đời khi người ta có tài năng, tiền của hoặc địa vị hơn người thì hay sanh ra lòng tự đắc, tự hào rồi đem khoe khoang cho thiên hạ biết. Chính đó là cái bệnh mà người quân tử không nên có; còn nói đến nhà tu lại càng tránh xa hơn nữa. Dưới đây là câu chuyện trong làng văn để chứng minh cho vấn đề :

Lê Quý Đôn được nổi tiếng là nhà bác học thời Lê Mạc, ông sáng tác rất nhiều văn thơ nói về sử địa, văn hóa nước ta. Ông sanh năm 1726, tại xã Duyên Hà, tỉnh Thái Bình (Việt Nam), tự là Doãn, hiệu Quế Đường. Ông là con trưởng của Trung Hiếu Công Lê Phú Thứ, giữ chức Hình Bộ Thượng Thư đời vua Lê Dụ Tôn. Ngay từ thuở nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh và có trí nhớ lạ thường.

Năm 18 tuổi ông đã đỗ giải Nguyên, kỳ thi Hương năm 27 tuổi, đời vua Lê Hiến Tôn, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 14, ông đậu Bảng Nhãn.

Bấy giờ Quý Đôn tự xem mình là bậc xuất chúng bèn viết trên tấm biển trước cửa ngõ một câu : “Thiên hạ nghi nhất tự lai vấn” (nếu ai không biết một chữ gì cứ đến mà hỏi).

Hôm nọ, phụ thân ông là Quan Hình Bộ Lê Phú Thứ từ trần, cuộc tang ma rất trọng thể. Nơi bàn giữa, Quý Đôn đang tiếp chuyện với các văn Nhu Khoa bảng; bỗng người nhà báo tin, ngoài cửa ngõ có cụ lão xin vào phúng điếu. Quý Đôn vội vàng đứng dậy ra tiếp rước, thấy khách chưa từng quen, nhưng có vẻ nho phong nên mời ngồi vào hàng ghế giữa, gạn hỏi nguyên do?

Cụ lão tự xưng :

– Tôi là bạn cố tri của Quan Hình Bộ, vì lâu tới thăm nên cậu Bảng Nhãn chưa biết mặt. Nay tôi đến không có lễ lộc chi, nhờ cậu lấy giấy viết, biên hộ giùm hai câu văn, để điếu Quan Hình Bộ.

Lê Quý Đôn vốn tánh hay quý trọng văn chương, nên lẹ làng lấy giấy, viết ra cầm sẵn... cụ lão khởi đọc : “Chi”, rồi ngưng lại, ý chờ

Quý Đôn viết, nhưng Quý Đôn chưa biết viết chữ “chỉ” gì cho đúng ý ông lão, bèn thưa :

– Bạch cụ ! Chỉ gì cụ?

Cụ Lão nhìn Quý Đôn có vẻ ngạc nhiên nói tiếp :

– “Chỉ”... Lúc ấy tất cả quan khách có mặt đều quay về chú ý đến cụ Lão và Quý Đôn. Quý Đôn thì sốt ruột, nhưng vẫn chưa đặt bút xuống được.

Bấy giờ cụ Lão mới chệ u đọc nguyên câu :

– “Chi chi tam thập niên dư xích Huyện Hồng Châu Kim thương tại. – Tại tại sở thiên lý ngoại đào hoa lưu thủy tử hà chi?”. Có nghĩa : Thấm thoát ba mươi năm, xích Huyện Hồng Châu này còn đó. Ngậm ngùi thay ! Ngoài ba ngàn dặm hoa trôi, nước chảy, Bác về đâu?

Viết xong, các văn nhu ai cũng đều xuýt xoa thán phục ! Đoạn rồi Cụ Lão đến trước linh cữu quan Hình Bộ, vừa lay vừa khóc kể :

“Hỡi anh ơi ! Là anh ơi ! anh bỏ anh đi đâu? Con anh nó thi đậu Giải Nguyên, Bảng Nhãn, tôi bảo viết chữ “chỉ” nó không biết viết mà anh bỏ đi đâu vậy? Anh ơi là hỡi anh ơi !”

Cụ lão làm lễ điếu xong đứng dậy từ giã ra đi. Quý Đôn và các nho khách ân cần cầm lại

cách gì cũng không được. Liên theo đó, Lê Quý Đôn cho người ra gỡ tấm bảng trước cửa, cũng từ đó ấy ông lo tu rèn đức hạnh... Về sau ông trở thành bậc Bác học uyên thâm, tài đức song toàn. Ông cũng được nhà vua cử đi xứ Trung Quốc và làm Tổng Tài Quốc Tử Giám, coi việc tọc biên Quốc Sử với Nguyễn Hoàng. Chức vụ sau cùng của ông là Công Bộ Thượng Thư.

Lê Quý Đôn mất vào năm Giáp Thìn (1784) thọ được 59 tuổi, lưu lại cho đời hàng mấy mươi tác phẩm đủ loại, bằng Hán văn lẫn Quốc âm.

Câu chuyện trên giúp chúng ta thấy rằng Quý Đôn là bậc văn tài lỗi lạc, nhưng lúc đầu ông cũng còn tánh tự cho mình hay giỏi, nên bị cụ Lão dạy cho bài học quá mắc. Có điều đáng khen là ông không hề phiền hờn và biết lo cải đổi lại ngay.

Hơn nữa, trong đời chẳng mấy ai không sơ suất, lầm lộn, song nếu mình biết cải sửa sẽ sớm hoàn chỉnh. Vả lại, trong người của mỗi chúng ta đều có bản chất quân tử hay tiểu nhân; ngu si hoặc thông minh Bác học. Cũng như đã có sẵn hạt giống Phật Thánh hay ma quỷ. Nếu ta biết cải đổi hay chuyển hóa tất từ

xấu xa như nhóp trở thành tốt đẹp cao thanh và từ chúng sanh trở nên Phật Thánh, Đức Thầy đã bảo :

*“Ngài bèn xét ở trong Phật chúng,
Các chúng sanh đều có như ta”.*

Và :

*“Phật, Tiên, Thánh muôn loài vạn vật,
Cũng ở trong quả đất dựng gầy,
Siêu thắng nhẹ tách đường mây,
Trầm luân oan nghiệt càng gây thêm
hoài”.*

9 – NGHĨA NHÂN

*“Bách trình giữ lấy NGHĨA NHÂN
Muốn về cõi Phật lập thân cõi trần”.*

(Thu đã cuối)

Từ Nghĩa nhân cũng gọi Nhân nghĩa, Vốn hai đều trong Ngũ thường. Cũng là giềng mối của Đạo làm người, nhà tu nếu thiếu Nhân nghĩa, làm người cũng chưa hẳn được dùng nói chỉ tới Phật Thánh. Cho nên bậc trượng phu quân tử có chí lớn không bao giờ để mất Nhân nghĩa như chuyện sau đây :

Lưu Huyền Đức sống đời Tam Quốc (TH), thuở mới gầy dựng cơ nghiệp, Huyền Đức gặp nhiều gian nan vất vả, sau khi thoát nạn ở Đàn Khê (do Thái Mạo bày tiệc rượu để mưu

sát) ông trở về Tân Dã gặp Đàng Phúc⁽²⁾ một hiền sĩ tài ba đến yên kiến nói :

– Nghe Ông có con ngựa hay, giúp ông thoát nạn ở Đàn Khê, vậy cho tôi xem tướng ngựa coi sao? – Lưu Bị liền sai người tháo yên dắt ngựa đến, Đàng Phúc nhìn kỹ một hồi, nói – Đây quả thật là giống ngựa Địch Lư, tuy có tài chạy ngàn dặm (Thiên Lý mã), nhưng lại có tướng hại chủ, xin Chúa Công chớ dùng.

Huyền Đức nói :

– Tôi bị khốn nơi Đàn Khê, may nhờ nó nhảy bay đưa tôi qua sông, được sống về đây !

Đàng Phúc thưa :

– Nhưng thế nào sau này thế nào nó cũng có một lần hại chủ. Vậy tôi xin phép có phương cách giải trừ cái hại ấy.

– Hãy cho biết xem sao?

– Chúa Công có oán hận người nào thì nên tặng cho họ con ngựa này, chừng nó hại người đó xong, hãy đem nó về mà cỡi thì vô hại.

Huyền Đức nghe qua biến sắc mặt, nói :

² Đàng Phúc tên thật là Từ Thứ, tự là Nguyên Trục

- Ông vừa mới đến, chưa dạy ta điều gì chánh Đạo, lại khuyên ta làm việc ích kỷ hại nhân như vậy, ta thật không dám nghe theo.

Đang Phúc nét mặt hân hoan, bái Huyền Đức một cái, nói :

- Trước đây tôi vẫn nghe Chúa Công là người Nhân nghĩa, đức độ, nhưng chưa tin, nay tôi mới biết lời đồn ấy không sai.

Huyền Đức vui vẻ nói :

- Bị này đâu xứng đáng nhận lời khen tặng, còn phải nhờ Tiên sinh khuyên bảo cho...

Đang Phúc là người tinh thông binh pháp, nên khi về giúp Lưu Bị, Phúc bày mưu lược, đánh Tào Nhân thua luôn mấy trận, chạy về Hứa Xung. Sau Tào Tháo và bọn mưu sĩ biết được, Đang Phúc tức là Từ Thứ, đang giúp Lưu Bị, nên Bị mới mạnh như thế. Họ lập kế bắt mẹ Thứ cầm tù, rồi mạo tuồng chữ của bà; viết thư kêu Từ Thứ phải về với mẹ.

Từ Thứ được thơ tưởng thật, từ giã Lưu Bị để về lo báo hiếu. Tôn Càng hay tin liền có ý kiến riêng với Huyền Đức.

- Từ Thứ là bậc kỳ tài trong thiên hạ, lại ở với mình đã lâu, tình hình quân ta thế nào Thứ đều biết rõ. Nay nếu để ông ta về với Tào Tháo, tất nhiên được trọng dụng, nguy cho bọn ta lắm ! Chúa Công phải cố lưu Thứ lại

đừng cho đi, khi Tào Tháo thấy Thử không về, tức đem giết mẹ Thử. Từ Thử biết mẹ đã chết, quyết phải báo thù, sẽ cố gắng giúp ta đánh Tào Tháo.

Lưu Bị nghiêm sắc mặt nói :

– Ý này không được ! Muốn tay người khác giết mẹ để dùng người con là bất Nhân; giữ người lại không cho đi, để cắt đứt cái Đạo Mẫu tử là bất nghĩa. Ta thà chết chứ không khi nào làm những việc bất Nhân, bất Nghĩa ấy được !

Nghe Lưu Bị nói ai nấy đều thán phục !

Đọc qua câu chuyện, thấy rằng Lưu Huyền Đức cũng lo dân cứu nước, cũng mưu đồ làm chủ thiên hạ, nhưng ông thi hành đường lối Vương Đạo, không hề để mất Nhân Nghĩa, bởi Nhân Nghĩa là vấn đề then chốt của Đạo đức con người.

Ngày nay Đức Giáo Chủ P.G.H.H. Ra đời, có trách nhiệm lớn lao cả hai phương diện : đời lẫn Đạo; vừa lo giác tỉnh quần sanh thoát vòng sanh tử và vừa lo bảo tồn dân nước; Ngài chủ trương đặt Nhân Nghĩa, Đạo Đức hàng đầu. Cho nên Ngài thường thống trách hạng người đánh mất Nhân Nghĩa bằng những câu :

“Giàu sang làm kẻ vô nghi,
 Ý mình trên bực kẻ gì Nghĩa Nhân.”

Hoặc là :

*“Đốc lòng tranh Bá đồ Vương,
Đeo câu danh lợi lập đường Nghĩa Nhân.”*

Để rồi Ngài khuyên mọi người :

*“Ở trần xử trọn Nghĩa Nhân,
Quyết làm tôi Phật gởi thân liền Đài.”*

10 – TRƯỢNG PHU

*“Câu TRƯỢNG PHU là trang nghĩa sĩ,
Chữ anh tài của đấng trung lương.”*

(Nang thơ Cẩm Tú)

Trượng phu là bậc nam nhi đứng đắn, tài ba xuất chúng, đức hạnh song toàn, gồm đủ :
“Trung nghĩa, trí dũng, liêm chính... Xưa, Lưu Huyền Đức thời Hậu Hán (TH) có khen Triệu Tử Long xứng đáng là bậc Trượng Phu.

Tử Long người ở Châu Định, xứ Trường Sơn (TH) họ Triệu tên Vân, tên chữ là Tử Long. Trước giúp Công Tôn Toản, song thấy Toản chưa xứng đáng nên theo phò Lưu Huyền Đức.

Sau khi chiến thắng trận Xích Bích, Lưu Bị và Khổng Minh lấy được Kinh Châu, liền sai các tướng đánh chiếm các nơi. Phần Triệu Tử lãnh lĩnh đánh thành Quế Lương. Tướng giữ thành này là Triệu Phạm chụ u qui hàng, rước Triệu Tử Long vào thành đãi tiệc và kết bạn

thâm giao. Triệu Phạm rất mến tài Triệu Tử Long, ý muốn gả chị dâu cho Triệu Tử nên lúc tiệc ngà ngà say Triệu Phạm cho người chị dâu ra tiếp đãi. Nàng vốn là một trang quốc sắc.

Triệu Tử Long thấy ngạc nhiên hỏi,... Phạm giới thiệu :

– Đây là chị dâu của tôi, anh tôi chết đã 3 năm, chị tôi tuổi còn nhỏ sống cô quạnh, không thể không tái giá. Tôi đã chọn nhiều nơi nhưng chị tôi chưa ưng và bảo khi nào chọn người hội đủ ba điều kiện mới ưng

Triệu tử lấy làm lạ hỏi :

– Ba điều kiện ấy như thế nào?

Triệu Phạm đáp :

– 1. là phải một chàng trai tài kiêm văn võ và vang danh trong thiên hạ.

– 2. là người ấy tướng mạo phải khôi ngô, đường đường một dũng tướng.

– 3. là phải cùng một họ với anh tôi.

Triệu Tử nói :

Như thế thì trong thiên hạ tìm đâu ra người hội đủ ba điều kiện ấy?

Triệu Phạm cười đáp :

– Thế mà có hiền huynh đây hội đủ ba điều kiện đó, nếu hiền huynh bằng lòng thì tôi lo làm lễ cưới để tâu tấu tôi được nâng khăn sửa túi và kết thân trọn đời với hiền huynh.

Triệu Tử Long nghe nói nghiêm sắc mặt mắng :

– Ta đã kết nghĩa anh em với người thì chị dâu của người tức như chị dâu của ta, lý nào tính việc trái lẽ như vậy?

Triệu Phạm then đở mặt, mắng lại và đưa mắt ra ám hiệu cho kẻ tả hữu bắt Triệu Tử Long. Song Triệu Tử lại nhanh trí tổng Triệu Phạm một đạp té nhào, vượt khỏi vòng vây lên ngựa về trại.

Triệu Phạm mưu tính với hai tùy tướng là Trần Ứng và Bảo Long giả trá hàng, nhưng mưu ấy bị Triệu Tử biết được nên việc thất bại. Thế là Triệu Tử lấy được thành Quế Lương và bắt Triệu Phạm đem về nạp dưới trướng.

Trước công đường Triệu Phạm quỳ thưa :

– Tôi quyết định thuận phục Lưu Hoàng Thúc đã lâu, nhưng việc trắc trở là tại anh Triệu Tử mới ra nông nổi này, Phạm liền thuật rõ đầu đuôi cho Lưu Bị và Khổng Minh nghe.

Khổng Quân Sư hỏi Triệu Tử :

– Việc ấy cũng tốt sao tướng quân cự tuyệt?

Triệu Tử thừa :

– Thừa Quân Sư ! Việc ấy có 3 điều không nên :

1 – Là tôi và Phạm đã kết nghĩa huynh đệ, nếu tôi cưới chị dâu Phạm là trái Đạo và thiên hạ chê cười.

2 – Là làm như vậy thì người đàn bà kia sẽ bước thêm một bước nữa, phải thất tiết với chồng.

3 – Là Triệu Phạm mới qui hàng mà có cử chỉ đó e không thật lòng.

Tôi không thể vì chuyện một người đàn bà mà làm hại việc lớn của Quốc gia.

Huyền Đức nói :

– Hôm nay đại sự đã yên, ta cho phép Tử Long kết duyên với người đàn bà ấy.

Tử Long thưa :

“Trong thiên hạ không thiếu chi đàn bà con gái, chỉ lo cho mình không lập được thân danh và chẳng xứng đáng là phận tu mi trong thiên hạ mà thôi”. Lưu Huyền Đức nghe chẳng dám ép nữa bèn trọng thưởng cho Tử Long và có lời khen ngợi :

– Người như Tử Long rất xứng đáng là bậc trượng phu ! Liên theo đó Huyền Đức cũng ra lệ nh tha cho Triệu Phạm.

Câu chuyện trên, cho chúng ta thấy rằng : Người có chí khí trượng phu mới xứng đáng là bậc trung lương nghĩa sĩ trong đời. Còn như ai muốn tiến lên địa vị Hiền Thánh thì lại cần có tiết độ Trượng Phu hơn nữa, như Đức Thầy đã bảo :

*“Trượng phu chí cả dọc ngang,
Dạo trong bốn biển mới trang Thánh
Hiền.”*

11 – THẮT THỦ HẠ BÌ

*“Muôn năm Trời đi nh khắc kỷ,
Ngặt ông THẮT THỦ HẠ BÌ khó toan.”*
(Xuân hạ Tác Cuồng thơ)

Hạ Bì cũng gọi là Hạ Phi; tức Hạ Bì thành, do điển tích Quan Công thất thủ thành Hạ Bì, đời Tam Quốc (TH).

Bấy giờ Lưu Bị đang đóng quân ở Từ Châu, Tào Tháo đem 10 vạn quân, chia làm năm đường tiến đánh. Lưu Bị thua trận chạy qua nương nhờ với Viên Thiệu, Trương Phi cũng lạc một nơi, còn Quan Vân Trường, tức là Quan

Công cố thủ thành Hạ Bì. Tháo lập mẹo lừa Quan Công ra khỏi thành đánh nhau. Tháo giả thua cho Quan Công đuổi theo xa rồi đánh úp lấy thành. Quan Công không còn đường về, đành chạy lên hòn Thổ Sơn trú đóng. Tháo rất mến tài Quan Công nên cho quân vây xiết rồi sai tướng Trương Liêu đến dụ hàng. Liêu cũng có tên là Văn Viễn, trước kia có lúc chơi thân với Quan Công, khi hai người gặp nhau Quan Công hỏi :

– Trương Liêu đến đánh với ta chẳng?

Liêu đáp :

– Đâu phải thế ! Liêu này nghĩ tình cố nhân, đến đây gặp nhau đó thôi ! Nói rồi bỏ đao hai người ngồi trên đỉnh nhúi trò chuyện :

Quan Công hỏi :

– Người đến đây dụ ta hay giúp ta?

Trương Liêu đáp :

– Chẳng phải dụ mà cũng chẳng phải giúp, tôi đến là để báo tin cho anh hay. Hiện giờ Lưu Huyền Đức chẳng hiểu còn hay mất, còn Dục Đức (Trương Phi) không biết sống hay chết. Đêm qua Tào Công phá được thành Hạ Bì, quân dân đều an toàn cả. Tào Công lại cho người giữ gìn gia quyến của Huyền Đức, không cho một ai vào quấy nhiễu, đối đãi thật tử tế.

Quan Công giận nói :

– Thế là người đến dụ ta, nay tuy hết đường đất, ta vẫn coi cái chết như không. Người hãy đi ngay, ta sẽ xuống chân núi đánh nhau, thà chết cũng vui.

Liên nói :

– Anh nói thế không sợ thiên hạ người ta cười cho?

– Ta vì trung nghĩa mà chết, thiên hạ sao lại cười?

– Anh chết bây giờ thì mắc phải 3 cái tội.

– Ba tội ấy như thế nào?

Liên nói :

– Thứ nhất : khi trước anh cùng Lưu Sứ Quân kết nghĩa, thề sống thác có nhau, nay Sứ Quân mới vừa thua mà anh liền chết đi. Nếu Sứ Quân còn, sau này muốn tìm anh làm sao có? Thế là anh phụ lời thề năm xưa.

– Thứ nhì : Sứ Quân đã phó thác hai tẩu tẩu cho anh, giờ đây anh liền chết lấy ai mà bảo vệ, đó là anh phụ lời giao phó.

– Thứ ba : anh đã tinh thông Kinh sử, võ nghệ siêu quần, sao không chờ để hiệp cùng Sứ Quân giúp nhà Hán, lại nhảy vào nơi nước sôi lửa cháy, liền chết như kẻ vũ phu thì có ích gì; nên tôi gọi đó là ba tội.

Quan Công suy nghĩ giây phút rồi nói :

– Thế người muốn bảo ta phải làm sao?

Liều đáp :

– Hiện giờ bốn mặt đều là quân Tào vây kín, mấy lòng cũng khó lọt, nếu anh không hàng tất phải chết. Chi bằng anh hàng đi sẽ có 3 điều tiện lợi, rồi thời gian sau anh ngóng nghe tin tức, khi biết Lưu Sứ Quân ở đâu anh sẽ tìm về đó :

– Một là anh bảo vệ được hai phu nhân

– Hai là không trái với lời thệ ước nơi vườn Đào năm xưa.

– Ba là anh lưu lại được cái thân hữu dụng cho Quốc dân. Vậy anh hãy suy nghĩ kỹ lại đi.

Quan Công liền đáp :

– Người trình bày nghe cũng hợp lý, nhưng ta cũng có 3 điều giao ước.

– Một : ta hàng đây là hàng nhà Hán, chứ chẳng phải hàng Tào.

– Hai : không một ai được quyền quấy nhiễu hai chị dâu ta và Tào Công phải lấy bổng lộc của Hoàng Thúc cung cấp cho hai chị dâu ta.

– Ba : là khi nghe Lưu Hoàng huynh ta ở đâu thì dù cách xa ngàn dặm cũng phải để cho ta tự do đến đó.

Ba điều ấy nếu Tào Công bằng lòng thì ta hàng, bằng không thì ta quyết tử chiến đến cùng. Trương Liêu trở về tâu với Tào Tháo.

Tháo nói :

– Điều một : Ta là tướng của Hán, đầu Hán tức đầu ta điều này dễ thôi.

– Điều hai : Việc nghiêm cấm không ai được bén mảng đến tẩu tẩu của y thì ta đã thực hiện rồi, còn bổng lộc ta sẽ cấp bằng hai !

– Chỉ có điều thứ ba khó mà chấp nhận, vì khi nghe Huyền Đức ở đâu thì Vân Trường cũng đến đó.

Thế thì nuôi y có ích lợi gì cho ta?

Trương Liêu giải bày :

– Thừa Tướng hãy suy nghĩ lại : sở dĩ Quan Công không bỏ được Lưu Bị , là vì Bị cư xử với Quan Công quá tốt, nay nếu y về với ta, ta sẽ đối đãi hậu hơn, tức chừng đó y không còn giữ ý định ra đi nữa. Tháo nghe được liền vui lòng chấp thuận.

Khi về, Tháo tìm đủ cách lung lạc lòng nghĩa khí của Quan Công, như : 3 ngày đãi tiệc nhỏ, 7 ngày đãi tiệc lớn, lên ngựa thưởng

vàng, xuống ngựa thưởng bạc ⁽³⁾ may dầy gấm bọc râu và ban cho áo cẩm bào... Ngoài ra, Tháo còn bày kế ly gián bằng cách để Quan Công cùng hai người chị dâu ở chung một phòng lớn, khiến họ mang tiếng loạn luân và tình nghĩa của Quan Công cùng Lưu Bị chẳng còn.

Dầu thế, nhưng lòng trung cang nghĩa khí của Quan Công như vàng đá, ông cho ngăn gian phòng làm hai, ban đêm ngồi tại cửa đốt đuốc xem sách Xuân Thu cho đến sáng. Mỗi khi có chuyện cần thăm hỏi hai chị, thì ông chờ lúc ban ngày mới dùng tay áo che mặt, mà vào; đứng xây lưng vô, mặt vẫn ngó ra cửa. Tào Tháo cấp mỹ nữ phục vụ cho Quan Công, ông chuyển luôn qua hầu tấu tấu. Tháo cho người theo dõi từ cử động của ông, ai ai cũng đều thán phục. Cũng trong thời gian đó, ông được vua Hán phong chức Hán Thọ Đình Hầu.

Bấy giờ Viên Thiệu sai Nhan Lương, Văn Xú (xu) là hai tướng tài đến đánh, tướng của Tào Tháo không ai cự lại. Quan Công vì muốn đền ơn Tào Tháo, nên xin ra trận, chỉ trong chốc lát đã chém được đầu hai tướng ấy xách về

³ (Tam Nhứt tiểu yển, thất nhứt đại yển, thượng mã đề kim, hạ mã đề ngân)

cho Tháo. Nhân đó ông biết được tin Lưu Bị đang ở bên Viên Thiệu, liền chuẩn bị ra đi. Tháo biết được nên không cho Quan Công gặp mặt để từ giả...

Cuối cùng Quan Công cũng treo ấn tích từ chức, viết thư và vàng bạc, đều để lại, rồi phò nhị Tẩu vượt qua năm ải, chém sáu tướng để đến Hà Bắc đoàn tụ đệ huynh và lo gây dựng cơ nghiệp về sau.

Đọc qua câu chuyện “Thất Thủ Hạ Bì thành” của Quan Công Hầu, dưới thời Hón mặt, ai ai cũng thấy; luật tạo hóa đã luận chuyển nước Trung Hoa sắp đến hồi chia ba thiên hạ mà ba anh em; Lưu, Quan, Trương sẽ chiếm được một gốc để dựng nên cơ nghiệp nhà hậu Hán. Song lúc chưa đến thời Lưu Huyền Đức phải bị binh Tào đánh tan rã, nhất là Quan Công đang gặp hồi nan giải; không hàng Tào ắt phải chết, bằng hàng thì còn gì nghĩa khí.

Tào Tháo thì mẫn tài Quan Công, tính thuyết phục cho kỳ được, nên hai bên đều dùng ý thể đối nhau. Tào dùng mẹo khiến Quan Công chẳng còn lối thoát. Còn Quan Công vì muốn sống còn để sau này làm nên sự nghiệp buộc phải chấp nhận; nhưng ông

thà chịu u hàng nhà Hán chứ không chịu u hàng Tào để bảo tồn khí tiết.

Cũng như Đức Huỳnh Giáo Chủ trong hiện tình (1939) có trách nhiệm khai Đạo cứu đời và bảo tồn dân nước, nhưng thời cơ chưa đến, phải bị người Pháp lưu đày rày đây mai đó, rồi tới Nhứt bắt đem về để ở một nơi, tìm cách mời Ngài hợp tác. Lúc đó có người hỏi Đức Thầy : “Ngài đã quyết chống đuổi người Pháp, nên họ mới lưu đày Ngài, giờ đây người Nhứt đem Ngài về ở gần, nếu sau này người ta hiểu lầm Ngài thân Nhứt thì Ngài nghĩ sao?”

Khi ấy, Đức Giáo Chủ mỉm cười ứng khẩu lên hai câu đối thay vì trả lời :

“Trương Tiên tá Hồn phi thần Hồn,
Quan Thánh Cư Tào bất đế Tào.”⁽⁴⁾

Cũng như Ngài đã thổ lộ trong hai câu giảng :

⁴ Trương Lương nương nhà Hán đánh Tần để báo thù cho vua nước Hán và thân tộc, chớ không phải làm tội nhà Hán vĩnh viễn; sau tu thành Tiên. Còn Quan Công tuy lúc thất thời phải về ở với Tào Tháo, nhưng lòng ông không hề đầu phục Tào Tháo, sau được người đời tôn là Thánh.

*“Muôn năm Trời đi nh khắc kỳ,
Ngặt ông thất thủ Hạ Bì khó toan.”*

Ngài còn khen ngợi lòng nghĩa khí của Quan Công để cảnh giác người thời nay và mãi về sau :

*“Quan Công Hầu gìn chặt nghĩa ân,
Vượt năm ải về thăm Huỳnh trưởng.
Kẻ nghĩa khí thiên kim Vạn lượng,
Lũ nị nh thần sách sử nào khen.”*

12 – TIN HỒNG

*“Lắng tai nghe được TIN HỒNG,
Tờ hoa ít chữ gọi lòng chia vui.”*

(Cho Ông Cò Tàu Hào)

Tin Hồng là tin tức tốt đẹp vui mừng do chữ Hồng tín hay Nhận tín (chim Hồng, chim Nhận). Các loại chim này cùng loại Ngỗng trời. Người xưa khi có việc đi xa thường viết thư cột vào chân chim, chim có linh tính mang thư đi tới nơi của người muốn gửi.

Đời vua Võ Đế có sai Sứ Giả là Tô Võ đi Sứ qua Hung Nô. Cuộc giao hảo không được hài hòa nên Tô Võ bị chúa Hung Nô bắt giam vào hang đá và đày chân dê suốt 19 năm. Thời gian sống cảnh rừng núi dài đằng đẳng, chịu biết bao sự gian khổ. Tô Võ quá nhớ nhung quê hương xứ sở nên viết một lá thơ

cột vào chân chim Hồng Nhạn và bảo : người hãy bay về đến Kinh đô của ta để báo tin cho Vua hay.

Quả nhiên chim bay đến Thượng Lâm, vua Võ bắt được, khai thơ ra xem mới biết được Tô Võ còn sống. Vua liền cử binh mã chinh phạt Hung Nô và rước được Tô Võ về nước, chúa tôi đoàn tụ.

Do từ ngữ và câu chuyện nêu trên, xưa nay khi muốn đến tin tức gì có tánh cách vui mừng sum hiệp các nhà văn thường dùng thành ngữ Nhạn tín hay Hồng tín cho đẹp văn.

Xem văn điển Tin Hồng qua 2 câu giảng, thấy rằng : Ở đây, Đức Thầy khi được tin ông Cò Tàu Hảo sắp xuất gia, tức là ông có quyết tâm giải thoát vòng sanh tử. Đó là tin vui mừng nên Ngài mượn giấy mực gởi tặng một bài thơ để chúc mừng Ông !

13 – NỢ NƯỚC VĂN CHUÔNG

“NỢ NƯỚC VĂN CHUÔNG toan báo
đáp,

Ơn nhà Đạo đức quyết đền ân.”

(Tĩnh Bạt Trần Gian)

Bốn chữ “NỢ NƯỚC VĂN CHUÔNG” có nghĩa dùng tài văn chương, thi phú ra đáp ơn Đấng

nước, khiến cho lân bang kính nể không dám xâm lăng. Xưa nay có rất nhiều điển tích, đây xin chứng minh một ít truyện :

1 – NGUYỄN HIỀN:

Ông sanh đời nhà Trần, tỉnh Nam Hà (Bắc phần Việt Nam). Thuở nhỏ cha mẹ cạo đầu ông, cho vào chùa vừa học Đạo, vừa học chữ với một vị Sư. Nguyễn Hiền rất siêng năng việc học và mọi công tác trong nhà chùa, tâm trí thông minh, học một biết mười, được nổi tiếng là Thần đồng.

Ông thi đậu luôn 3 trường và đậu Trạng Nguyên vào năm 1247, đời nhà Trần, bấy giờ ông mới 12 tuổi.

Khi vào triều bái trước sân rồng, vua thấy Trạng Nguyên còn quá bé trong bộ mũ áo quá khổ (xùng xình) vua tức cười hỏi :

– Khởi đầu Trạng học với ai vậy?

Trạng liền đáp ngay :

– Tâu bệ hạ, lúc nhỏ tôi học với tôi, chỉ khi nào không hiểu mới hỏi lại Sư một vài chữ thôi !

Vua thấy Trạng nói năng cộc lốc cho là trẻ con chưa biết lễ nghĩa nên bảo : – Trạng hãy về nhà học lễ phép ba năm mới cho ra làm quan.

Bấy giờ nhà Nguyên muốn xâm lấn nước Nam ta, mới sai Sứ đem sang một Quốc thư trong đó có một câu đó thử xem nước Nam có nhân tài không? Triều đình ta mở ra, thấy vồn vện có bốn câu thơ chữ Hán;

“*Luông nhật, bình đầu nhật,
Từ Sơn, điền đảo Sơn.
Luông Vương tranh nhứt Quốc,
Từ khẩu tung hoành gian.*”

Cả triều thần xem qua đều không hiểu ý nghĩa ra sao? Chúa tôi dẫn đo bóp trán luôn cả mấy ngày, cũng không sao thấu đạt; bỗng có người nhớ lại Trạng Hiền, bèn tâu với vua nên triệu Trạng Hiền về Kinh hỏi thử, biết đâu Trạng sẽ giải được. Không còn cách nào hơn. Vua liền phái người đi triệu Trạng về gấp.

Viên quan lãnh lệnh, phi ngựa đến nhà Trạng đưa chiếu của Vua ra mời Trạng về triều để hỏi một việc quan trọng.

Trạng lắc đầu nói :

Trước đây vua bảo ta chưa biết lễ phép, nhưng nay đến vua cũng chẳng biết lễ, Trạng nhứt định không đi !

Vua nghe chuyện liền sai quân gia mang cò quạt vớng lọng đến rước, Trạng mới chịu đi...

Khi xem xong bốn câu thơ, Trạng cười lớn trước mặt Sứ thần và tâu với nhà vua : Đây

chỉ là một chữ điền mà thôi ! Trọng liền giải thích :

- Câu thứ nhất : “Luống nhật bình đầu nhật” là hai chữ nhật 日日 ghép lại, trên dưới bằng đầu nhau thì ra chữ điền 田

- Câu thứ nhì : “Tứ Sơn điền đảo Sơn” là bốn chữ Sơn 山 sắp ngửa đảo ngược nhau cũng là chữ điền 田.

- Câu thứ ba : “Luông Vương tranh nhứt Quốc” là hai chữ Vương 王 giao nhau cũng là chữ điền 田.

- Câu thứ tư : “Tứ khẩu tung hoành gian”, là bốn chữ khẩu 口 đặt ngang dọc liền nhau cũng là chữ điền 田 nốt.

Thấy Trọng Hiền giải đúng, Sứ thần nhà Nguyên rất khâm phục, nên từ giã, lui thủi ra về, đình cuộc xâm lăng lúc đó. Còn vua và thần dân ta như trút được gánh nặng. Vua liền ban thưởng cho Trọng rất hậu. Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng vẫn phong cho Trọng chức Thượng Thư, nắm quyền hành một Bộ.

2 - MẠC ĐỈNH CHI

Đây là người thứ nhì cũng dùng tài văn chương làm cho các nước lân bang kính nể.

Mạc Đĩnh Chi là một danh sĩ đời Trần, tự là Tiết Phụ, người làng Lũng Động, Huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương (Bắc phần VN).

Đĩnh Chi gia đình nghèo, thân hình nhỏ bé, tướng mạo xấu xí, nhưng học rất giỏi, thi đậu Trạng Nguyên năm Giáp Thìn. (1304) đời vua Trần Anh Tôn, thấy tướng mạo quan Trạng xấu xí, vua không mấy thích, nhưng sau ông có làm bài; “Ngọc Tỉnh Liêu Phú” để ví mình như hoa sen ở dưới giếng ngọc, Vua mới hài lòng. Ông làm quan rất thanh liêm, phò luôn cả ba đời vua : Anh Tôn, Minh Tôn và Hiếu Tôn.

Mạc Đĩnh Chi được vua phái đi Sứ Trung Nguyên nhiều lần, như có lần ông gặp mưa đi chậm trễ nên vào cửa ải bị quan coi cửa bắt phải đổi một vế đối, mới mở cửa cho vào.

“Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan” (qua cửa quan chậm, quan coi cửa đóng cửa, mong khách đi qua cửa)

Vế ra đối khó ở những chữ “quá” “quan” lập đi lập lại nhiều lần. Trước vế đối hiểm ấy Mạc Đĩnh Chi liền ứng khẩu đọc luôn.

“Tiên đối vị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối”. (Ra vế đối trước thì dễ, nhưng đối lại mới khó, xin nhường Tiên sinh đối trước).

– Như vậy ông đã đổi rồi và những chữ “Tiên” “đổi” cũng lập lại đổi chọi với câu ta đổi của quan coi cửa.

Viên coi cửa thấy Mạc Đình Chi đổi vừa nhanh vừa tài lấy làm kính phục bèn mở cửa cho ông và đoàn Sứ thần nước ta vào

Lần khác ông cũng đến yết kiến vua Nguyên, thấy bức tượng thêu con chim sẽ đậu trên khóm trúc, trông sống động y hệt chim thật, ông liền vồ bắt chim, người Nguyên cười ồ cả lên, chê ông quê kệch. Song Mạc Đình Chi nhanh trí giứt bức tượng xé nát, mặt hầm hầm giận nói :

– Xưa nay tôi nghe người ta chỉ vẽ mai tước, chớ không thấy ai vẽ trúc tước bao giờ. Bức trúc biểu hiện cho người quân tử còn chim sẽ biểu hiện cho kẻ tiểu nhân. Chim sẽ đậu trên bụi trúc là ý để cho kẻ tiểu nhân lấn lướt người quân tử. Nay tôi vì triều đình của các ông mà dẹp bỏ sự lầm lộn ấy, hãy cho người thêu lại đi !

Người Nguyên nghe qua rất xấu hổ và càng nể Trọng của nước ta.

VỊNH CÁI QUẠT

Một buổi chiều khác, có người nước ngoài đem dâng cái quạt quý. Nhân đó vua Nguyên bảo hai Sứ thần nước Nam và Triều Tiên làm

bài thơ “Vịnh Cây Quạt” mà không cho nói đến chữ quạt.

Đĩnh Chi chưa biết làm như thế nào, thấy Sứ thần Triều Tiên viết lia lị a. từ xa nhìn cán bút đưa đẩy, ông đọc được bài thi của Sứ thần Triều Tiên, nhân đó mà phát khởi ý bài của mình, người sau có dị ch đại ý :

“Nắng trải vàng tan đá, trời đất là lò, bây giờ người ta là bậc cự nho như Y Doãn, Chu Công, gió bắc rợn người, mưa tuyết đầy đường. Khi đó người là kẻ trượng phu chết đói như Bá Di, Thúc Tề. Ôi ! Được dùng thì làm, bị bỏ thì ỉn. Riêng ta với người làm được đều đó thôi”.

Bài ông vịnh về cái quạt mà không hề nói đến chữ quạt, lại nói lên được cái khí tiết người quân tử, hay hơn bài của Sứ thần Triều Tiên. Triều thần nhà Nguyên đều phục tài, tán thán ông.

TỎ RA KHÍ PHÁCH

Lại một lần triều kiến khác, người Nguyên ra về đối : “Nhân quả vân yên, bạch trú thiêu tàn ngọc thổ” (mặt trời bốc lửa mây bốc thành khói, ngày lên thiêu tan mặt trăng).

Về đối có ý khoe khoang của nhà Nguyên. Đĩnh Chi liền đối lại :

“Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn sạ lạc kim ô” (trăng làm cung, sao làm đạn, hoàng

hôn bản rớt mặt trời) về đối đầy khí phách. Người Nguyên biết Mạc Đĩnh Chi ngạo mạn, nhưng đành chịu không dám làm gì ông.

MỘT CHỮ NHẤT

Cũng một lần khác, ông đi sứ nhà Nguyên, vừa đến nói gặp lúc Công Chúa nhà Nguyên mất. Từ lâu vua tôi nhà Nguyên muốn hạ uy danh nước ta, không bỏ qua cơ hội tốt. Vua Nguyên liền mượn sứ thần Việt Nam đọc hộ giùm bài văn tế mà họ đã viết sẵn trong phong bì, đợi đúng giờ đọc mới trao cho Mạc Đĩnh Chi.

Ông bóc phong bì ra xem, chỉ thấy có một chữ “nhất”. ông không cần nghĩ ngợi cứ đọc luôn một loạt :

*“Thanh thiên Nhất đóa Vân,
Hồng lô Nhất điểm tuyết.
Thương uyển Nhất chi hoa
Dao trì Nhất phiến nguyệt
Y hi ! vân tán, tuyết tan, hoa tàn,
nguyệt khuyết.”*

Có nghĩa :

*Trời xanh có một ánh mây
Bầu trời có một bông tuyết
Vườn thượng uyển có một cánh hoa
Ao tiên có một vầng trăng*

*Ôi ! Mây tan, tuyết rã, hoa tàn,
trăng khuyết.*

Ý nói về người đẹp nhút mà không nói đến người, chỉ nhắc đến thiên nhiên vũ trụ và chữ Nhất mà thôi. Thật là vừa sát với đề vừa bao gồm cả ý tứ thanh tao. Cũng lần này vua rất thán phục Mạc Đĩnh Chi, nên phong cho ông chức “Luống Quốc Trạng Nguyên” (xứng đáng làm trạng cả hai nước : Tàu và Việt Nam).

Sau này có người khen tặng ông :

*“Hai chức Trạng Nguyên rùm đất Bắc,
Một nhà khoa bảng ngất trời Nam.”*

3 – SƯ ĐỖ PHÁP THUẬN (951 – 990)⁽⁵⁾

Người thứ ba, chỉ có hai câu thơ cũng đủ làm cho sứ Tàu thán phục, tức là Sư Đỗ Pháp Thuận.

Ông sanh năm 915, (không rõ quê quán) chỉ biết Thiên Sư xuất gia hồi còn nhỏ, thọ giáo với Thiên Sư trụ trì chùa Long Thọ. Thiên sư học rộng, giỏi văn thơ, hiểu rõ việc đời, có tài phò vua giúp nước. Thời nhà Tiền Lê mới lập nghiệp, vua Lê Đại Hành thường mời Sư vào triều bàn luận việc chánh trị và ngoại

⁵ Trích lược Sử Phật Giáo Việt Nam của Thích Mật Thể

giao. Khi thiên hạ thái bình, Sư không nhận chức tước của triều đình ban cho. Vua Lê càng thêm kính nể, không dám gọi tên thường mà chỉ gọi là Đổ Pháp Sư. Các công việc văn hàm nhà vua đều ủy thác cho Sư làm.

Năm Thiên phúc thứ 7 (986) nhà Tống sai Lý Giác làm sứ giả sang nước ta, vua yêu cầu Thiên Sư cải trang làm người chèo đò đón Lý Giác. Khi đò sang giữa sông tình cờ gặp hai con ngỗng đang lội trên mặt nước. Lý Giác với vẻ mặt tự hào ứng khẩu ngâm thơ

“Nga nga lưỡng nga nga,
Ngưỡng diện hương thiên nha.”

Có nghĩa :

Ngỗng kia ngỗng một đôi,
Ngưỡng mặt nhìn ven trời

Lý Giác còn đang nghĩ ngợi chưa tìm ra ý văn cho câu thứ ba thì Thiên Sư đang cầm chèo liền ứng khẩu ngâm tiếp :

Bạch mao phô lục thủy
Hồng trạo bãi thanh ba

Có nghĩa :

Nước xanh lông trắng phủ
Sóng biếc chân hồng bơi.

Lý Giác nghe Sư ngâm hai câu thơ rất thán phục, suy nghĩ : đây là người lái đò mà tài

văn học như vậy thì khắp trong dân chúng đất Nam hẳn có nhiều nhân tài xuất chúng hơn nữa. Từ đó Giác rất dè dặt không dám tự hào nữa.

4 – ĐẠI SƯ KHUÔNG VIỆT (933 – 1011)⁽⁶⁾

Thiền Sư họ Ngô, tên là Chân Lưu, người làng Cát Ly, Huyện Hương Lạc, sinh năm 933. Sư là hậu vệ của Ngô Thuận Đế (Ngô Quyền). Sư có tướng mạo khôi ngô tuấn tú, tánh tình phóng khoáng, chí khí cao xa.

Thuở nhỏ Sư theo nho học, lớn lên xuất gia thọ giới với Thiền Sư Vân Phong ở chùa Khai Quốc. Từ đó Sư học qua ba tạng Kinh Điển, thấu đạt ý nghĩa của Thiền Tông. Năm 40 tuổi tiếng tăm Sư lừng lẫy khắp nơi. Có lúc Sư ẩn tích tu tại Hương tích Sơn, vua Đinh Tiên Hoàng phải 3 lần lặn suối trèo non đến tận nơi mới gặp và được Sư nhận lời về giúp. Trong khi đàm luận, Thiền Sư ứng đối rành rẽ và vạch ra kế sách xây dựng Quốc gia. Vua nghe rất đặc ý hết lòng kính nể liền phong Sư làm Tăng Thống. Năm (971) Sư lại được vua

⁶ Trích lược sử Phật Giáo Việt Nam của Thích Mật Thể

phong là Khuông Việt Thái Sư ⁽⁷⁾, cố vấn nhà vua và làm mẫu mực cho nước Việt.

Đến trào vua Lê Đại Hành, Thiên Sư càng được vua kính nể. Bao nhiêu việc trọng đại trong nước vua đều hỏi ý kiến Thiên Sư. Những nơi có cảnh trí đẹp, thanh u Sư đều dựng thảo am để Thiên Hành tĩnh tọa.

Năm Thiên Phúc thứ 7 (986) sứ nhà Tống là Lý Giác sang Việt Nam. Cũng chuyến đi này Lý Giác gặp sư Đỗ Pháp giả làm người chèo đò làm cho Lý Giác thán phục một phen. Giờ đây vào đến trào nội vua lại cho Đại Sư Khuông Việt tiếp sứ, ứng đối tài tình lại khiến cho Lý Giác càng kính nể hơn nữa. Cho nên trước khi ra về, sứ giả Lý Giác lưu tặng cho vua ta một bài thơ

(Xin chép văn nôôm của Thích Mật thể)

“Nay gặp Minh Quân giúp việc làm
 Một mình hai lược Sứ Miền Nam
 Mấy phen qua lại lòng thêm nhớ
 Muôn dặm non sông mắt chửa nhàm
 Ngựa đạp mây bay qua suối đá
 Xe vòng núi chạy đến giồng Lam
 Ngoài trời lại có trời soi sáng
 Vầng nguyệt trong in ngọn sóng đầm.”

⁷ Xứng đáng là bậc Khuông phò nước Việt

Vua Lê Đại Hành đem bài thơ ấy cho Thiên Sư xem và hỏi ý kiến?

Sư đáp :

– Câu thứ 7 trong đây, sứ Trung Quốc có tán thán Bệ Hạ ngang hàng với vua Trung Quốc của y (ngoài trời lại có trời soi sáng). Vua có nhờ Sư làm một bài thơ đưa tiễn Lý Giác. Sư vâng lệnh làm bài thơ theo điệu Tống Vương Lang qui.

(Văn nôm của Sư Thích Mật Thể dịch)

*“Gió lùa phất phới chiếc buồm hoa
Thần tiên trở lại nhà
Đường muôn ngàn dặm trải phong ba
Cửa trời nhắm đàng xa,
Một chén quan hà dạ thiết tha.
Thương nhớ biết bao là,
Nỗi niềm xin nhớ cõi Nam hà
Bày tỏ với vua ta.”*

Nhận thấy trong bốn nhân vật vừa kể qua đều đồng nhất điểm là đem tài văn chương ra bảo vệ danh thể và nước non nòi giống.

Ngày nay Đức Giáo Chủ qua hai câu thi trên, Ngài muốn nói : việc đáp ơn Quốc dân không chỉ dùng tài sức mưu lược bản giết ngoài trận chiến mà có khi phải dùng đến

văn chương lời lẽ mới đem lại cường thịnh về vang cho dân cho nước, và lân bang nể phục. Việc làm này phần nhiều của nhà tu hoặc các hiền nhân Thánh Triết thi hành. Thảo nào Đức Huỳnh Giáo Chủ chẳng dạy : “Nợ nước văn chương toan báo đáp,

Ơn nhà Đạo đức quyết đền ân.”

14 – NHU THẮNG CANG

“NHU HIỀN hòa nhuộc ắt THẮNG CANG,

Đời cùng Đạo bi hoan, ly hiệp.”

(Nang thơ Cẩm Tú)

Về mặt xử thế nếu ai dùng đức tánh mềm dẻo hiền hòa ắt thắng được kẻ cứng mạnh. Cũng như nước và đá, nước có thể soi phủng đá, chớ đá không thể nào làm tiêu nước. Do thành ngữ “Nhu thắng cang” và câu chuyện sau đây :

Thời Đông Châu, nước Triệu có hai người tôi trung nghĩa là Nguyên Soái Liêm Pha và Tướng Quốc Lạn Tương Như.

Nguyên vua Triệu có hạt ngọc bích rất quý giá (Quốc Bảo). Vua Tần hay được khởi lòng tham, nên tính kế sai sứ sang Triệu, bảo đem viên ngọc ấy qua sẽ đổi cho 15 thành. Vua Triệu thừa biết lòng gian xảo của vua Tần,

nên hội quần thần chọn được Lạn Tương Như phong làm Đại phu và giao cho trách nhiệm mang ngọc bích sang Tần. Tương Như hứa rằng : nếu Tần không thật tâm đổi thành thì đem ngọc về chớ không để mất.

Khi đến Tần, nhờ mưu lược thông minh Lạn Tương Như thắng cuộc, đem ngọc trở về mà không bị vua Tần sát hại. Vua Triệu vui mừng liền phong Tương Như chức thượng Đại Phu.

Sau đó vua Tần thiết kế, mời vua Triệu hội kiến tại Thăng Trì, dụng ý ỷ mạnh bắt ép và làm nhục vua Triệu. Vua tôi nước Triệu liền hội kiến chọn Lạn Tương Như theo bảo giá và Lý Mục đem 3.000 binh tinh nhuệ theo sau phòng khi bất trắc.

Trong tiệc rượu ấy vua Tần và bầy tôi tìm đủ cách hạ nhục Vua Triệu, song tất cả bị Lạn Tương Như bác bẻ; làm cho Vua tôi nhà Tần chẳng những không hại được Vua Triệu mà phải tỏ tình hòa hiếu và hứa đưa Thái Tử sang Triệu làm con tin.

Vua tôi yên ổn về tới nước, Triệu Vương nói :

“Quả nhân được Lạn Tương Như, thân yên như thái sơn, nước vững như chín đĩnh. Tương Như công rất lớn, tài trí không ai bằng.” Vua liền phong Tương Như làm tướng Quốc, phẩm trật trên hơn các quan trong triều.

Bấy giờ Nguyên soái Liêm Pha nghĩ rằng : ta bấy lâu chường quân binh quyền, đánh thành cướp đất gầy dựng giang san cho nước Triệu. Còn Lạn Tương Như chỉ có chút công do tài miệng lưỡi mà Vua lại đặt địa vị hãn trên ta. Vả lại y là một xá nhân hèn mọn của kẻ hoạn gia, ta há lại chịu ở cấp dưới của hãn ư.. nếu gặp Tương Như đâu ta phải giết.

Tương Như nghe được lời nói đó, liền cáo bệnh không đi chầu, luôn tránh né chẳng cho Liêm Pha gặp mặt. Nhiều người cho Tương Như là hèn nhát thàm thì chê bai. Có lần hai người cùng đi ngược chiều trên đường cái, Tương Như bảo người đánh xe tránh sang ngã khác, đợi Liêm Pha đi qua rồi mới ra lộ. Thấy thế bọn xá nhân tức giận chịu hết nổi mới họp lại nói với Tương Như:

– Chúng tôi bỏ làng xóm, thân tộc đến đây nương với Ngài, vì thấy Ngài là bậc trượng phu, tài trí mới quý kính mà theo. Ngài cùng Liêm Pha là đồng liêu, còn thứ bậc thì trên hết. Thế mà Liêm Pha hăm dọa Ngài không đáp lại và cũng chẳng dám gặp mặt; tại sao Ngài sợ quá như vậy? Chúng tôi lấy làm xấu hổ cho Ngài và không còn muốn ở đây nữa, xin đi hết !

Tương Như liền ngăn lại, nói :

- Ta sợ dĩ tránh Liêm Tướng Quân là có có, các người chưa biết đó thôi !

- Chúng tôi ngu dốt xin Ngài nói rõ cho nghe.

- Các người xem Liêm Tướng Quân có hơn vua Tần không?

- Dĩ nhiên là Liêm Pha không hơn Vua Tần được.

- Các người nên biết oai võ của Vua Tần thiên hạ không ai dám chống, thế mà Tương Như này dám mắng vua Tần giữa triều đình, lại còn làm nhục cả quần thần nước Tần nữa. Thử hỏi Tương Như này há lại sợ Liêm Tướng Quân hay sao? Bởi ta đã suy nghĩ kỹ, sợ dĩ nước Tần không dám đánh Triệu là vì sợ có ta và Liêm Tướng Quân; nếu 2 cọp cắn nhau tất cả phải chết hết, hoặc chết một con; cũng như hai cánh tay mà đứt một phải bị yếu đi. Cho nên ta thà chịu nhục, nhân nhượng Liêm Tướng Quân là vì coi việc nước là trọng mà thù riêng là khinh vậy !

Hiểu được dụng tâm cao kiến của chủ tướng, bọn xá nhân điều kính phục. Sau đó mấy ngày, xá nhân họ Lạn và bộ hạ của Liêm Pha gặp nhau trong quán rượu, hai bên tranh nhau chỗ ngồi, một người trong xá nhân họ Lạn kêu gọi anh em : chủ nhân ta vì việc nước

mà phải nhân nhượng Liêm Tướng Quân, chúng ta cũng nên theo ý chủ nhân nhượng khách họ Liêm đi ! Nghe được tin ấy Liêm Pha càng thêm tự đắc.

Bấy giờ tại Hà Đông có một Hiền sĩ tên là Ngu Khanh đến yết kiến vua Triệu. Trước khi vào chầu có nghe được việc của Liêm Pha và Tương Như, nên khi triều kiến xong ông liền tâu với vua Triệu :

– Nước của bệ hạ sở dĩ được mạnh, Tần phải khiếp phục là có hai cây cột trụ là Tể Tướng Tương Như và Nguyên Soái Liêm Pha. Hôm nay nghe hai tướng không hòa nhau e nước Triệu phải suy yếu. Đoạn rồi ông thuật hết mọi việc cho vua Triệu nghe. Vua giật mình liền nhờ Ngu Khanh hòa giải giúp.

Ngu Khanh ra khỏi trào đến gặp Liêm Pha, trước hết ông ca ngợi công lớn của Liêm Pha, rồi nói tiếp : – kể về công thì không ai bằng Tướng Quân thật, nhưng nói về chất lượng, chỉ có Lạn Tướng Quân là cao.

Liêm Pha cao mặt nói :

– Nó là đũa hèn nhất, nhờ miệng lưỡi mà được công danh có gì là chất lượng?

Ngu Khanh đáp :

– Lạn Tướng Quân không phải là người hèn nhất đâu, chỉ vì nghĩ đến việc lớn đó thôi !

Rồi ông thuật lại lời của Tương Như bảo bọn xá nhân cho Liêm Pha nghe và nói tiếp : Tướng Quân không gọi thân nơi nước Triệu thì thôi, nếu muốn gọi thân nơi nước Triệu mà hai vị đại thần, một người nhường nhịn, một người kêu căng, tôi e cho cái tiếng tốt kia sẽ không về phần Tướng Quân

Nghe lời nói ấy Liêm Pha cả thẹn, nói :

- Nếu Tiên sinh không giải rõ, tôi bao giờ được nghe biết đều lỗi của mình. Tôi thật kém hơn Lạn Tướng Quân xa lắm ! Đoạn rồi Liêm Pha nhờ Ngu Khanh đến nói trước với Tương Như và tự mình trần vai áo, cầm roi đến dinh của Tương Như xin tạ lỗi :

- Bĩ nhân này chí lượng hẹp hòi, không biết được Tướng Quốc rộng lượng khoan dung đến thế, dù chết cũng chẳng đủ chuộc tội ! Liêm Pha nói rồi quì mãi ở giữa sân. Tương Như chạy ra đỡ dậy và nói :

- Hai ta sánh vai thờ chúa, làm tôi xã tắc. Tướng Quân hiểu lòng cho nhau là quý lắm, còn tạ lỗi làm chi !

Liêm Pha nói :

- Tôi tánh thô bạo, đội ơn Tướng Quốc bao dung, nghĩ lại lấy làm hổ thẹn lắm ! Nói rồi nắm tay Tương Như mà khóc, Tương Như cũng khóc !

Liêm Pha nói tiếp :

– Từ nay xin kết làm bạn sống chết có nhau dù cho thế nào cũng không dám thay lòng. Ông liền sụp xuống lạy trước, Tương Như lạy đáp lại, rồi đặt tiệc khoản đãi, cùng ăn uống đến sáng.

Vua Triệu được tin ấy vui mừng khôn xiết, liền đem trăm vật hoàng kim thưởng công Ngu Khanh và cử làm chức thượng Khanh.

Câu chuyện trên giúp ta thấy rằng Tương Như dùng đức độ nhu hòa mà thắng phục được lòng tự kêu của Liêm Pha và đem lại sự hài hòa cho tình huynh đệ. Ước gì mỗi Quốc gia đều có bầy tôi như Lạn Tương Như thì lo gì đất nước chẳng phú cường, dân chúng không an cư lạc nghiệp.

Đức Thầy dùng thành ngữ “Nhu hiền hòa nhược ắt thắng cương” là để khuyến hóa toàn dân nêu rèn tập cho mình có những đức tánh : hiền hòa, khoan dung, đại độ, mềm dẻo, nhịn nhường để đoàn kết chặt chẽ trong tình dân tộc, hầu đem lại sự vinh quang cho nước non và nền Đạo giáo.

Cũng như trong hiện tình, dù Ngài phải đương đầu với bao kẻ hung tàn khiêu khích,

lấn lướt dã tâm. Song lòng Ngài vẫn giữ một mực.

*“Sĩ điem tị nh tiểu nhơn lấn lướt,
Thời vận hèn dụng nhược thẳng cang.”*

15 – NGHĨA CÔNG

*“Thù riêng muôn vạn cho cam,
Cũng nên gác bỏ để làm NGHĨA
CÔNG.”*

(Tiếng chuông cảnh tị nh)

Thành ngữ Nghĩa Công là chỉ việc lớn lao công nghĩa đối với Quốc dân và vạn loại chúng sanh; nó đối lại với tình riêng là tình cảm ân oán riêng tư nhỏ hẹp của cá nhân hay gia đình đoàn thể.

Sau đây là câu chuyện xuất phát thành ngữ xem “nghĩa công nặng hơn tình riêng.”

Thời Đông Châu Liệt Quốc (Trung Hoa), nước nào cũng lo tranh giành Vương Bá. Bấy giờ thế vua Tề đang mạnh, kéo quân sang đánh nước Lỗ. Khi đến biên giới Tề Lỗ, dân chúng kinh sợ chạy trốn. Trong số đó có một người đàn bà, tay bồng đứa bé, tay dắt một đứa nữa. Thấy đoàn binh kéo gần tới, người ấy liền bỏ đứa bé trên tay xuống đất rồi bồng

đứa nhỏ đang dắt lên mà chạy, bỏ mặt đứa kia kêu khóc.

Viên chủ tướng nước Tề thấy vậy, liền cho lính bắt nàng ấy đến hỏi thì được nàng cho biết :

– Đứa bỏ lại là con ruột của tôi, còn đứa bé tôi bỗng chạy đi là con của người anh cả tôi. Vì tôi liệu sức không thể bảo toàn cả hai đứa; nên đành phải bỏ bớt một đứa.

Tướng Tề hỏi tiếp :

– Mẹ con là tình máu mủ, tại sao nàng đành bỏ con mà đi cứu người khác?

Người đàn bà đáp :

– Anh tôi trước khi chết có ký thác cho tôi nuôi nó để phụng sự Tổ Tông, nối dõi; cho nên con tôi là tình riêng, con anh tôi là nghĩa công, bỏ con tuy đau xót thật, nhưng tôi không thể làm việc vô nghĩa mà bỏ con anh tôi. Vì làm thế tôi không thể vác mặt sống ở nước Lỗ này được !

Nghe nói tướng Tề liền cho dừng quân lại và sai người về tâu lại với vua Tề :

– Nước Lỗ chưa có thể đánh được, vì quân ta mới đến cương giới, đã thấy một người đàn bà ở thôn quê còn biết trọng nghĩa công hơn tình riêng. Huống chi các quan lại, sĩ phu

trong nước Lỗ làm gì họ chẳng gì nghĩa công mà liều chết chống quân ta.

Vua Tề nghe qua cho là phải, lập tức triệu đoàn quân viễn chinh về nước, bãi cuộc xâm lăng.

Xét ra nước Lỗ chỉ nhờ một người đàn bà biết trọng nghĩa công mà khỏi nạn binh lửa. Sau đó mấy ngày, vua Lỗ hay được chuyện, liền cho vời người đàn bà ấy về triều, thưởng cho nàng 100 tấm lụa và sắc phong hai chữ danh dự “nghĩa Cô”⁽⁸⁾

Thời nay Đức Thầy dùng hai chữ nghĩa công qua hai câu giảng nêu trên là có ý khuyên toàn dân đối với đồng bào chủng tộc hay thân quyến bạn bè, dù ai có thù hận oán ân cũng nên gác bỏ để lo thi hành việc công nghĩa, có lợi ích cho dân cho nước và vạn loại chúng sanh.

16 – NGỌN ĐÔNG PHONG

“Nghĩ đến đây gió ào ào thổi,

8 Nghĩa cô là một chức quan do làm được việc nghĩa mà nên

*Ngẩng mình ra nhìn NGỌN ĐÔNG
PHONG.”*

(Thu đã cuối)

Ba chữ “Ngọn Đông Phong” tức là ngọn gió Đông Nam, do thành ngữ “Phong vân bất trắc” xuất phát từ đời Tam Quốc (TH).

Bấy giờ Tào Tháo từ Bắc Ngụy, kéo 80 vạn quân đến, trước đánh Đông Ngô, sau bình Tây Thục. Chiến thuyền của Tào dàn binh tại sông Trường Giang, gần núi Xích Bích. Do đó Lưu Bị nhờ Khổng Minh một mình sang hiệp cùng Đông Ngô thiết kế phá binh Tào Tháo. Sau khi bàn thảo, tất cả đều đồng ý lập trận hỏa công.

Châu Du là quan Đô Đốc của Đông Ngô, vì tổn rất nhiều công của, binh mã trong việc dụng hỏa công, mọi việc đã chuẩn bị, song gặp phải gió ngược không thuận tiện cho cuộc đốt phá quân Tào. Buồn tức quá nên Châu Du sanh bệnh ! Khổng Minh đoán biết, nên đến gặp Du để hỏi thăm chứng bệnh.

Châu Du nói :

“Nhon hữu đản tịch chi họa phúc, khởi năng tự bảo”

(Người có họa hay phúc, trong sớm tối ai giữ được).

Khổng Minh liền đáp :

“Thiên hữu bất trắc chi phong vân, nhân liệu khả năng liễu hồ” (trời có mây gió không chừng, nào ai dám biết rõ được).

Nghe Khổng Minh nói trúng bệnh mình, Châu Du cả kinh nhưng giả vờ thản nhiên hỏi :

– Ông có thuốc chi trị bệnh giúp tôi !

Khổng Minh thông thả đáp :

– Tôi có thuốc, nói rồi mượn giấy mực kê toa. Ông biên ít dòng chữ đưa cho Châu Du xem :

“Dục phá Tào công,
Nghĩ dùng hỏa công.
Vạn sự cụ bị,
Duy khiếm gió Đông.”

(Muốn đánh Tào Công, phải dùng hỏa công).

Muôn việc đã xong, Chỉ thiếu gió Đông).

Châu Du xem qua càng thêm kinh hãi, nghĩ thầm : Khổng Minh thật là bậc Thần Thánh, đoán được ý ta. Cho nên, Du đành chịu thiệt : vì quên nghĩ đến thời tiết mới bày trận hỏa công, rất nhọc công phí sức mà dùng không được, nên tôi tức tối mà sanh bệnh, nhờ tiên sinh có cách nào trợ giúp?

Khổng Minh nói :

– Trước kia, tôi có gặp một Di Nhân cho quyền “Kỳ Môn Độn Giáp Thiên Tho”, có thể gọi gió kêu mưa được. Nếu Đô Đốc muốn cần gió Đông Nam thì phải sai người lập cho tôi một cái Đàn, tại núi Nam Bình, bề cao 9 thước, chia làm 3 tầng dùng 120 người cầm cờ đứng chung quanh, tôi sẽ lên Đàn cầu mượn gió Đông Nam cho Đô Đốc 3 ngày.

Châu Du nói :

– Chẳng cần tới 3 ngày, chỉ một đêm gió thuận là được !

Khổng Minh cho biết :

– Đến ngày 20 tháng 11, là ngày Giáp Tý mới bắt đầu tế gió, đến ngày 22 (Bính Dần) thì có gió.

Châu Du nghe nói vui mừng, vùng đứng dậy như người không có bệnh, liền ra lệnh cho binh tướng đắp đàn. Khổng Minh từ giã Châu Du, rồi cùng Lỗ Túc đến núi Nam Bình xem địa a thế, và sắp đặt mọi việc, chờ đến ngày 20 lên đàn cầu gió.

Trước khi lên đàn Khổng Minh bảo Lỗ Túc : ông hãy về giúp Châu Du điều khiển binh nhung, nếu tôi cầu không được gió cũng đừng nên trách. Túc đi rồi ông ra lệnh cho các binh tướng coi đàn : mỗi người miệng ngậm thẻ không được ngó lên; cấm không ai được tự

tiện bỏ chỗ đứng của mình và cũng chẳng được sợ hãi hoặc quay đầu nói năng bậy bạ. Ai trái lệnh sẽ bị chém đầu ! Cả thầy đều tuân lệnh răm rắp. Khổng Minh mỗi ngày lên đàn 3 lần xuống đàn 3 lần.

Hôm ấy trời gần tối, bầu trời vẫn sáng sủa yên lặng, không thấy một tí gió nào. Du nói với Lỗ Túc :

– Khổng Minh nói sai rồi, trời Đông tháng rét thế này, làm gì có được gió Đông Nam?

Túc đáp :

– Tôi chắc Khổng Minh không phải là người nói sai. Gần đến canh ba, bỗng nhiên nghe tiếng gió thổi, cờ quạt tung bay về hướng Tây Bắc. một lát, gió Đông Nam thổi lên ầm ầm. Du giật mình nói :

– Người này (Khổng Minh) có phép đạt được trời đất, tài thật hơn quỷ thần ! Nếu để y sống, thế nào cũng gây vạ lớn cho Đông Ngô ta, chi bằng giết y trước là hơn. Du liền sai Từ Thịnh và Đinh Phụng điều binh thủy bộ đến ngay đàn cầu gió chặt đầu Khổng Minh, khỏi nói gì hết ! Mặt khác, Du lo điều binh đến đốt Tào Tháo. Trận giặc này tiêu diệt trên 80 muôn binh, tướng của Tào. Chỉ sống sót mấy mươi tên chạy theo Tháo về đến

Huê Dung Đạo, may nhờ Quan Công Hầu nhớ đến nghĩa xưa, nên tha cho Tháo về nước.

Còn hai tướng lãnh lĩnh đến đàn giết Khổng Minh thì khi tới nơi, ông đã xuống thuyền nhỏ, do Triệu Tử Long chực sẵn rước đi, cách đó không xa ⁽⁹⁾. Hai tướng cho căng buồm bọc gió đuổi theo, nhưng khi thuyền gần kịp, bị Triệu Tử Long gương cung bắn đứt dây lèo. Thuyền Đông Ngô quay ngang muốn lật không đuổi theo được. Bấy giờ Triệu Tử Long mới cho trương buồm lướt sóng. Về đến nước Khổng Minh sắp đặt các tướng đánh chiếm các châu quận.

Qua trận Xích Bích, thấy rằng Khổng Minh chỉ có một mình sang Đông Ngô dùng ba tác lưởi và mượn gió Đông phong mà thành công lớn, chiếm được các nơi : Nam Quận, Kinh Châu, Quế Đường v.v... Từ đó, thân thể và đất đai của Lưu Bị (Tây Thục) được nói rộng. Còn Đông Ngô phải phí tổn bao nhiêu công của, binh tướng đánh đuổi Tào Tháo nhưng không chiếm được Châu Quận nào. Châu Du tức khí

⁹ Nguyên Khổng Minh đã chiếm quẻ biết trước, ngày đó có gió Đông Nam và Châu Du quyết giết cho được ông, nên ông đã dặn Triệu Tử Long đón rước. Còn Lưu Bị thì chuẩn bị sẵn đợi ông về sẽ chia quân đánh lấy các thành trước.

mà học máu. Từ đó hai nước sanh bất hòa và gây chiến với nhau.

Nên biết lúc Đức Thầy sáng tác bài thơ “Thu đã cuối” có hai câu giảng nêu trên là Ngài đang bị người Pháp quản thúc tại nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn) năm Canh Thìn (1940). Hôm ấy vào lúc cuối mùa thu, bước sang mùa Đông, nên mới có gió bắc thổi lai rai, mà gió Bắc tức là gió thổi từ hướng Bắc hoặc hướng Đông Bắc thổi về; nhưng lúc đó lại có ngọn Đông Phong, tức là gió từ hướng Đông Nam thổi tới. Cho nên Đức Thầy mới nhớ tới chuyện Khổng Minh thời Tam Quốc xưa kia, nhờ có ngọn gió này (Đông Phong) mà ông thành công rục rờ.

Còn Đức Thầy hiện nay Ngài cũng cho biết : tuy bị bọn tham quan a tòng với người Pháp chèn ép Tôn Giáo và đày sảt các nhà yêu nước, yêu dân; nhưng sẽ có một ngày kia, gió Đông Phong thổi tới⁽¹⁰⁾ thì đám sâu dân một nước ấy chẳng còn (muỗi mồng bay tan) : “Tham quan chừng ấy vắng tăm, Một dân

¹⁰ Âm chỉ đêm 24 rạng ngày 25 tháng giêng Ất Dậu (1945) Nhứt đảo chánh Pháp.

chứng ấy kiểm tâm đầu ra”)⁽¹¹⁾ bấy giờ nền Đạo của Ngài mới được hanh thông sáng tỏ.

17 – SANH VI TƯỚNG TỬ VI THẦN

*“SANH VI TƯỚNG TỬ VI THẦN,
Câu châm ngôn ấy truyền lãn đến nay.”*

(Gọi Đoàn)

Thành ngữ “Sanh Vi Tướng Tử Vi Thần” để nhắc đến các bậc hết lòng trung nghĩa với Quốc dân; dù còn sống hay chết đi cũng là thần dân của đất nước mình, chớ không hề thay lòng đổi dạ. Dân tộc Việt Nam thường lấy câu châm ngôn cho con cháu đời đời. Xưa nay xuất phát qua nhiều truyện tích, đây xin lược kể một vài truyện :

1 – Theo sử Việt Nam vào đời nhà Thục, vua An Dương Vương có hai quan trung thần là Vũ Trung và Lỗ Quốc. Hai ông đã nhiều phen chống nhà Triệu phương Bắc.

Vũ Trung được vua phong chức Đô Thống, sau thăng hàm Thái Bảo. Còn Lỗ Quốc được làm Tổng Binh, sau thăng hàm Thái Sư.

¹¹ Tặng Đoàn Thanh Niên Ái Quốc

Thời gian sau Thục Vương lâm mưu kế thân với Triệu Đà, gả Mỵ Châu cho Trọng Thủy. Trọng Thủy gạt Mỵ Châu đổi được nô thần đem về rồi kéo quân đánh trở lại.

Bấy giờ nước Thục lâm vào thế yếu, hai tướng Vũ Trung và Lỗ Thống chống trả quyết liệt, song bị thua dần. Một hôm lui quân đến Trang Quế Nhâm. Bị hòn núi cản đường, hỏi ra mới biết đấy là Thổ Sơn. Lỗ Quốc liền ứng khẩu ngâm mấy vần thi :

*“Lỗ Sơn nhân hề ! Lỗ Sơn dân,
Sanh vi dũng tướng tử vi thần
Sơn hà tuy hủ, anh hùng cốt,
Danh tính truyền lưu vạn cổ tân.”*

*(Người Lỗ Sơn chừ ! Dân Lỗ Sơn,
Sống làm tướng mạnh, thác làm thần
Xương tàn thân mất, hồn không mất,
Thanh sử truyền ghi mãi vạn đời).*

– Ngâm thơ xong Lỗ Quốc liền tự sát. Vũ Trung lo chôn xác bạn vừa xong, kế binh Triệu đánh ủa tới. Ông dẫn tàn quân chạy đến Lâm Ấp, (quanh Hồ Tây) truyền quân dừng lại, lập miếu thờ Lỗ Quốc; cúng tế Xong ông uống rượu ngâm thơ, trong thơ người ta chỉ còn ghi chép được một câu : “Nan Đệ, Nan Huynh, nghĩa đồng sanh tử” (khó được anh em nào vì nghĩa mà cùng sống thác

chung thi với Quốc dân). Ngâm thơ xong ông cũng nhảy xuống Hồ Tây tự tử.

Lúc đó người đi a phương ai cũng thấy, một đạo hồng quang từ dưới hồ bốc lên trời, rồi dần dần tan biến. Từ đó tiếng tăm và sự linh ứng của hai quan trung thần nổi dậy, qua các Triều đại đều tôn sùng hai bậc vị Quốc vong thân ấy.

2 - Chuyện thứ hai là thời cận đại, lúc người Pháp vừa đặt chân đến đất Việt Nam; Chắc không còn ai lạ gì với Quan Thượng Đẳng Đại Thần Nguyễn Trung Trực?

Ông sinh năm 1837, tại tỉnh Bình Định (Trung phần), trong một gia đình chài lưới ở cặp bờ biển, con của cụ Nguyễn Trung Thăng. Cũng có thuyết nói ông là Chon hay Lịch (Quản Chân, Quản Lịch) ở tỉnh Tân An (Nam phần). song vì bà cụ thân sinh ông, nói tiếng hơi cứng, nên xác định quê ông ở Bình Định đúng hơn.

Vì căm thù quân Pháp nên gia đình ông và số người đồng hương di cư vào Định Tường (Nam phần). Trong đoàn có cụ Quản Cơ Lê Đình Vạn đứng ra chiêu tập nghĩa binh trên 200 người chực cơ đánh Pháp. Sau vì già bệnh, cụ Vạn giao binh quyền lại cho cụ Nguyễn Trung Trực, từ đấy ông lập được nhiều chiến công oanh liệt như sau :

1 - Ngày mùng 10 tháng tư - 1861 Thủy Sư Đô Đốc Charner cho quân đổ bộ lên bờ sông Bảo Định. Chính cụ Nguyễn điều động nghĩa binh tiêu diệt hơn 30 binh sĩ Pháp và tên chỉ huy Bondais bị hạ tại chỗ.

2 - Ngày 22 tháng 6 năm 1861 Tướng Phaulinval tiến đánh Định Tường. bị cụ Nguyễn dùng kế "không thành" đánh Tướng Phaulinval trọng thương và quân Pháp chạy bán chết bán sống.

3 - Kế quân Pháp gom toàn lực bao vây đồn Thuộc Nhiều. Cụ liền phân binh trong một đêm đánh triệt hạ 7 đồn binh của chúng.

4 - Ngày 11 - 12 - 1861 Ngài dùng hỏa công đánh đốt chiếc tàu Espérance tại vàm sông Nhựt Tảo. Ngọn lửa cháy ngất trời cả một khúc sông. Chính cụ chém được đầu trung tá Parfait xách lên bờ cho dân chúng xem.

5 - Đêm 5 - 6 - 1866 Ngài tiến đánh đồn Kiên Giang (Rạch Giá), giết được 5 võ quan Pháp và 67 lính Tây, bắt sống 6 tên và đoạt được 100 khẩu súng vô số đạn dược.

Sau cùng bị số người theo Pháp bày mưu bắt mẹ Ngài và cả trăm đồng bào giam giữ buộc Ngài ra mặt, họ mới trao trả.

Bấy giờ Ngài thấy cuộc kháng Pháp không thể kéo dài thêm nữa. Vả lại cần cứu sống hàng trăm nhân mạng nên Ngài giải tán nghĩa binh, rồi tự trói mình nạp cho Pháp để chuộc mẹ và số đồng bào.

Quân Pháp dùng đủ cách dụ hàng, nhưng không thể lay chuyển được lòng trung nghĩa của Ngài. Cho nên họ đem Ngài ra hành quyết vào ngày 28 – 8 năm Mậu Thìn (27 – 10 – 1868). Trước khi tử hình Ngài có ứng khẩu bài thơ tuyệt mệnh, lời lẽ khí khái và thống thiết vô cùng :

*“Thư kiếm từng nhung tự thiếu niên,
Yêu gian đờm khí hữu Long Tuyền.
Anh hùng nhược ngộ vô dung đi a,
Báo hận thâm cừ bất đái thiên.”*

Thi sĩ Đông Hồ dịch :

*“Theo việc binh nhưng tự thưở trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài,
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chang chang chẳng đợi trời.”*

Sau khi vị Quốc vong thân, Ngài được vua Tự Đức sắc tứ truy phong là “Quan Thượng Đẳng Đại Thần”, hiện giờ đền thờ chánh của Ngài tại xã Vĩnh Thạnh Trung tỉnh Kiên Giang (Rạch Giá).

Bởi Quan Thượng Đẳng trung hiếu lương toàn, nên sau khi bỏ xác chon linh Ngài hiển Thánh và đến thọ giáo với Đức Phật Thầy Tây An (trường hợp này giống như Quan Công Hầu, sau khi hiển Thánh, ông đến tuổi Ngọc Tuyền qui y với Trí Giả Thiên Sư, sau chúng Đạo là Già Lam Quan Đế) ⁽¹²⁾

Trong một bài thơ khoán thủ có đề cập đến Quan Thượng Đẳng Đại Thần, do Đức Thầy sáng tác năm Canh Thìn (1940) với tựa đề “Lý Lịch”

“THƯỢNG : thắm Đạo màu nẻo cao sâu,
 ĐẲNG : đấng hầy làm chớ để lâu,
 ĐẠI : pháp vô vi là chơn lý,
 THẦN : làm trọn vẹn khỏi lo âu.”

Thấm xét bài thơ trên, thấy hàm dung bao ý nghĩa chúng minh rằng Ngài Nguyễn Trung Trục theo Đức Thầy chuyển kiếp độ đời qua bốn chữ Khoán thủ.

Nhận xét của cụ Nguyễn không dài lắm, nhưng tâm đức của Cụ gồm đủ “TRUNG, HIẾU, TIẾT, NGHĨA”. Giờ đây tuy xác thân của Cụ phải trả về cho tứ đại, nhưng hồn thiêng và

¹² Dẫn theo kinh Quan Thánh.

danh nghĩa của Cụ còn sống mãi tới ngàn sau, muôn đời sử xanh hằng ghi tạc. Thật xứng với câu châm ngôn “*Sanh vi tướng, tử vi thần*”.

Dùng thành ngữ này trong bài “*Gọi Đoàn*”. Đức Thầy muốn kêu gọi các tướng binh thời chống Pháp hãy noi gương Trung, Hiếu, Tiết, Nghĩa ấy. Chính Ngài cũng lấy hiệu danh cho Quân đội kháng Pháp là Bộ Đội : “*Nguyễn Trung Thực*”. Ngài cũng từng thốt trong bài “*Sứ Mạng*” : “*Những tiền kiếp đầu sống cũng là dân quan đất Việt, đầu thác cũng quỉ thần đất Việt chó bao lia*”. Và những câu :

*“Trời hùng phong cốt cách duy tôn,
Xác tuy mất hồn thiêng chẳng mất”.*

Qua hai sự tích trên đây đã nêu lên tấm gương tiết khí cao cả và giúp cho người sau làm bài học ghi nhớ muôn đời.

18 – Ô NGÂN – CẦU NGÂN – MƯA NGÂU

*“Bấy lâu chạnh cảm Ô NGÂN,
Bây giờ hiệp mặt phân trần sự duon.”*
(Viếng làng Mỹ Hội Đông)

*“Chim Ô đà dựa CẦU NGÂN,
Người xưa trở gót mấy lần ai hay.”*
(Dặn Dò Bốn Đạo)

“Thân nặng nề như chim Ô Thuộc,

Quyết làm xong cầu đá SÔNG NGÂN.”
(Nang thơ Cẩm Tú)

Các thành ngữ nêu trên đều là pháp xuất từ điển tích Ngưu Lang và Chức Nữ hai người vốn hai ngôi sao trên trời (sao Ngưu và sao Chức).

Ngâu là do chữ Ngưu đọc trại. Chàng Ngưu thì lo việc chăn nuôi cày cấy, còn nàng Chức Nữ thì lo thêu dệt vá may, việc làm rất siêng sản. Thượng Đế thấy thương cho hai người kết duyên tơ tóc, nhưng khi có đôi bạn, hai người lại sanh ra lười biếng. Thượng Đế bắt tội, đày mỗi người mỗi nơi, cách sông Ngân Hà; hằng năm cứ đến ngày mùng 7, tháng 7 mới cho hai người gặp nhau một lần, tại bến sông Ngân.

Vì cách nhau suốt năm trường, nên khi hai người gặp lại nửa mừng nửa tủi, nước mắt rơi xuống thành những đám mưa phùn. Cho nên từ trước đến nay người ta thường gọi mưa phùn vào lúc tháng 7 là mưa Ngâu (mùng ra nước mắt).

Tương truyền là Ngưu Lang và Chức Nữ gặp nhau có chim Ô Thước (chim quạ hoặc chim khách) đội đá bắt cầu cho đôi chàng hiệp mặt. Vì thế chung quanh điển tích này những nhà văn còn dùng thêm các từ ngữ như : Ô thước hay cầu đá sông Ngân.

Tóm lại các từ ngữ có liên quan tới điển tích nói trên đều có ngụ ý chỉ cho sự trùng phùng. Từ vua tôi. Thầy trò hoặc chồng vợ có duyên lành liên hệ với nhau dù bị xa cách thế nào hay thời gian bao lâu đi nữa cũng có ngày trùng phùng hội hiệp. Chuyện Quan Âm Thị Kính có câu : “Thiệt công Ô thước bắt cầu” và Đức Giáo Chủ cũng từng nói :

*“Mảng sợ sông Ngân cầu lỗi nhịp,
Lo chi Ô thước chẳng xong cầu.”*

19 – SÂM THƯƠNG

*“Sum vầy chiếc nhạn SÂM THƯƠNG,
Nho vẫn cảm kính hiền lương của
người.”*

(Viếng làng Mỹ Hội Đông)

Sâm thương là hai vì sao trên nền trời. Sâm là sao Hôm, tối mọc về hướng Tây, Thương là sao Mai; sớm mọc về phía Đông. Hai vì sao này không mọc chung với nhau một lần được Đường Thi có câu : “Nhân bất tương kiến, động như Sâm dữ Thương”. Có nghĩa : người sống xa cách không gặp được nhau như sao Sâm và sao Thương vậy.

Thành ngữ này do điển tích Yên Bá và Thục Trầm là anh em ruột con của Cao Tân, tánh tình bất hòa hai người cãi vã nhau luôn. Một hôm thẩu tới tai Ngọc Hoàng, Ngài liền bắt tội đem đày Yên Bá ở phía Đông làm sao Mai (Thương) và Thục Trầm ở phía Tây làm sao Hâm (Sâm). Từ đây mỗi người mỗi phương không còn gặp nhau nữa.

Do tích này về sau các Văn Nhân, thi sĩ thường dùng chữ “Sâm Thương” để diễn tả sự xa cách không thấy mặt nhau. Người ta thường nói : “Sâm Thương cách trở”. Chinh Phụ Ngâm có câu : “Bây giờ nỡ để cách vời Sâm Thương”.

Truyện Kiều, cụ Nguyễn Du cũng viết :

*“Sâm Thương chẳng vẹn chữ tòng,
Tại ai há dám phụ lòng cố nhân.”*

Xét về chữ “Sâm Thương” mà Đức Thầy dùng ở đây : “Sum vầy chiếc nhận Sâm Thương”. Có nghĩa : từ lâu tuy tờ Thầy cách trở như hai sao Sâm và Thương. Song bây giờ lại được gặp mặt (sum vầy).

20 – BÓNG THỎ

*“Rạng vừng mây BÓNG THỎ lạc nhàn,
Để chuyển khác cạn câu hoài vọng.”*

(Cho Tham Tá Ngà)

Bóng thỏ : do chữ “Ngọc Thỏ” hay “Bạch Thỏ”, tức là con thỏ bằng ngọc trắng. Nghĩa bóng : là chỉ cho mặt trăng. Tục truyền có con thỏ bằng ngọc.

Trong kinh Phật cũng có kể lại sự tích : Ngày xưa, có con thỏ, tánh rất hiền từ, biết thương xót đồng loại. Bấy giờ gặp thời hạn hán, không còn cây cỏ nuôi sống, các nhà thỏ khác lần lượt chết đói rất nhiều. Con thỏ này động mỗi từ tâm mới kêu đồng bọn nói :

“Các anh hãy tụ lại đây tôi sẽ biểu cho thức ăn đỡ lòng”. Nói rồi thỏ tự nhảy vào đồng lửa thiêu mình để hiến xác nó cho đồng loại đỡ đói trong ngày, chỉ còn lại bộ xương.

– Phật thấy vậy rất thương cảm tấm lòng hy sinh của thỏ, nên dùng pháp diệu cứu thỏ sống lại và đem cho ở trên cung trăng.

Từ đó các Văn Nhân thường dùng từ thỏ Ngọc hay Bóng Thỏ (Ngọc Thỏ) để chỉ cho mặt trăng.

Nguyễn Du có câu : “Trái bao Thỏ lặn ác tà”. Bài thơ văn Nguyệt của tác giả vô danh có nói :

“Hỡi con Ngọc Thỏ đã bao tuổi?”

Chớ chị Hằng Nga đã mấy con?”

Và bài Phú Nguyễn Hằng có câu :

“Nghiệm một chút điều bay cá nhảy mới
hay Đạo lý huyền vi. Thấy đôi vầng thỏ lặn ác
tà, biết thuở cơ thường biến đời?”

Câu : “Rạng vầng mây bóng thỏ lặn nhàn”
ở đây có ý nói : Trăng sắp lặn, trời sắp sáng
ra, chỉ cho thời gian hết đêm tới ngày

21 – NON LỊCH

“NON LỊCH dài mây rạng tu mi,”

(Vén Màn Bí Mật)

*“NON LỊCH rùng nhu lộ vẻ rồng,
Danh hiển ban rải khắp Tây Đông.”*

(Đáp lời ông Nguyễn Thanh Tân)

Non lịch nghĩa của chữ “Lịch Sơn” phát
xuất thời Ngũ Đế (Trung Hoa); do điển tích
vua Thuấn cày ruộng ở “Lịch Sơn” (Núi Lịch),
được vua Nghiêu rước về truyền ngôi báu.

Ông họ Diêu, tên Thuấn. Cha ông là người
rất hung bạo, không phân biệt được kẻ dỏ
người hay, nên người đương thời gọi tên ông là
Cổ Tẩu (người mù mắt). Mẹ ông Thuấn mất
sớm, Cổ Tẩu tục huyền với người vợ sau, sanh
được người con trai tên là Tượng. Vì sự gièm

pha của kẻ mẫu và người em ngõ nghị ch cùng cha khác mẹ, Cổ Tẩu không ưa ông Thuấn và tìm cách giết đi. Biết thế nhưng ông vẫn tròn gìn giữ hiếu đối với cha và người dì ghẻ ác nghiệt, hòa thuận với đứa em độc ác, không một lời than oán.

Khi Cổ Tẩu bắt ông đi cày ruộng ở đất Lệ ch Sơn, cốt là để cho ông chết. Vì nơi đây có tiếng rất nhiều thú dữ ăn thịt người; Bởi tâm hiếu thuận động đến lòng trời nên có cả đàn voi ra giúp ông cày đất, và các loài chim đáp xuống nhổ cỏ hộ. Thấy không hại được ông, Cổ Tẩu và người dì ghẻ sai ông đánh cá ở Hồ Lô Trạch, nơi có nhiều sóng to gió lớn, nhưng khi ông đến thì sóng lặng gió yên.

Vua Đường Nghiêu nghe đến đức hiếu của ông, bèn vời về truyền ngôi. Trong suốt 61 năm trị vì, Đế Thuấn chỉ ngồi khảm đàn hát khúc Nam Phong mà trị bình thiên hạ, nhà nhà đều lạc nghiệp âu ca. Người sau thường làm thơ tán tụng ông, đây xin trích một đoạn :

“...Trời cao thăm mấy lần cũng đến,
 Vật vô chi cũng mến lạ người.
 Mấy phen Non Lệ ch pha phối,
 Cổ chim vì nhật, ruộng voi vì cày,
 Tiếng hiếu hữu bay xa Bệ Thánh,

*Mệnh trung dung trao chánh nhường
ngôi
Cầm kỳ xiêm gió thành thời,
Một nhà đầm ấm muôn đời ngợi khen.”*

Dùng thành ngữ “NON LỊCH” qua các câu thơ kể trên Đức Thầy muốn nói : Ngài có trách nhiệm xây dựng cho dân tộc được sống cuộc đời thanh bình như thời Nghiêu, Thuấn. Bằng cách : Mỗi người đều biết trau dồi tâm đức cho thuần lương cao khiết để xứng đáng làm công dân thời Thượng Nguồn Thánh đức ấy.

22 – CỘT ĐỒNG NHÀ NAM

*“Chúng sanh hãy tưởng giếng dòng,
Hiệp tâm, hiệp chí CỘT ĐỒNG
NHÀ NAM”.*

(Thiên Lý Ca)

“Cột Đồng Nhà Nam”, do câu : “Đồng tru chiết, Giao Chỉ diệt”, xuất phát từ thời Bắc thuộc lần thứ hai.

Sau khi Mã Viện, tướng nhà Đông Hán đánh được Trưng Nữ Vương liền sát nhập đất Giao Chỉ ta thuộc về nhà Hán. Mã Viện cho chỉnh đốn binh lương, đem quân đánh dẹp các nơi, đi đến đâu xây thành đắp lũy đến đó

và biến cải mọi cách chính trị trong các châu quận. Mã Viện đem phủ trị về đóng ở Mê Linh và dựng cây cột đồng ở chỗ phân chia địa giới, có khắc sáu chữ “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt”. Có nghĩa : chùng nào cây đồng trụ này đổ (ngã) thì người Giao Chỉ phải mất nòi.

Bấy giờ người Giao Chỉ chúng ta vì sợ mất nòi giống, nên mỗi ai khi đi ngang qua chỗ đó đều liệng vào gốc đồng trụ một hòn đá, ý làm cho cột đồng đứng vững, dân Giao Chỉ trường tồn. Lâu ngày như vậy, đá chồng chất lên cao như ngọn núi, cột đồng trụ không thể ngã được.

Dùng thành ngữ “CỘT ĐỒNG NHÀ NAM”. Đức Thầy có ý biểu dương tinh thần đoàn kết, chung sức của quốc dân ta thời ấy và khuyến khích người sau noi dấu.

23 – TRI ÂM

*“Nay gặp bạn “TRI ÂM TRI KỶ,”
Cho những điều thiện mỹ cố lại.”*

(Cho Tham Tá Ngà)

Tri âm có nghĩa là biết tiếng, tức là nghe tiếng đồn mà biết được ý chí lời lẽ. Ý chỉ cho

tình bạn thâm giao, hiểu biết lòng nhau; Do điển tích Bá Nha và Tử Kỳ.

Bá Nha tộc danh là Du Thụy, làm quan Thượng Đại Phu nước Tống, thời Chiến Quốc (TH). Một hôm ông đi sứ nước Sở về, gặp đêm trăng thanh gió mát, cảnh vật nên thơ, ông cho dừng thuyền ở mé sông Hàm Dương rồi lấy đèn ra khảy. Tiếng đèn du dương thanh thót, bỗng nhiên đèn bị đứt dây, ông kinh ngạc bèn sai tiểu đồng lên bờ tìm xem có ai nghe trộm không? Có tiếng người đáp lại :

– Xin đại nhơn chớ ngại, tôi là tiểu phu đi đốn củi về ngang, nghe tiếng đàn của Đại nhân hay quá nên dừng lại nghe, chớ không phải là kẻ bất lương.

Bá Nha nửa tin nửa ngờ liền mời Tử Kỳ xuống thuyền. Ông sửa dây đàn, khảy lên một bản rồi hỏi Tử Kỳ : Ông bạn nói biết nghe âm nhạc, vậy tôi đàn bản vừa rồi là bản gì?

Tử Kỳ đáp :

– Đó là khúc nhạc Đức Khổng Tử khóc Thầy Nhan Hối, tài cao mà đoán mệnh.

Bá Nha khen thắm, liền sửa dây tưởng mình trên núi cao khảy lên :

Tử Kỳ tán thán : “Nga nga hồ chí tại cao sơn” (Thật chí của đại nhơn tuyệt vời trên núi cao).

– Bá Nha thả hồn theo dòng nước đàn một bản nữa.

– Tử Kỳ cũng ca ngợi : “Duang duang hồ chí tại lưu thủy” (Chí của đại nhơn cuộn cuộn nơi dòng nước chảy)

Bá Nha hết sức vui mừng nhận Tử Kỳ là bạn tri âm, biết thưởng thức điệu dao cầm qua ý chí của mình, rồi mới cùng nhau yển âm và kết bạn thâm giao. Sáng lại, trước khi từ giã hai người hẹn nhau sang năm này sẽ tái ngộ nơi đây.

Một năm trôi qua, đến ngày hẹn. Bá Nha trở lại bến cũ, trông mãi chẳng thấy Tử Kỳ, bèn lấy đàn ra khảy, tiếng đàn phát ra nghe ai oán não nùng ! ! ! Lòng nghi ngại, Bá Nha đợi sáng ra lên bờ tìm tới nhà mới thấy Tử Kỳ đã chết, ông liền đến bên mộ Tử Kỳ bày nghi án cúng tế, rồi lấy đàn ra khảy bản “Thiên thu trường hận” bản dịch của người sau như vậy :

*“Năm qua nhớ một chiều thu,
Bến sông trong chiếc cô chu gặp người,
Năm nay trở lại thôi rồi,
Tri âm đâu vắng, trăng trời lạnh lùng !
Núi hoang một năm mờ phong,
Trăm năm đeo vết thương lòng nơi đây !
Lòng đau đày đoạn tháng ngày,
Giọt sương hồ cạn lệ đầy tâm tư !*

Sầu dằng lóp lóp trầm phù,
Đến vui đi những mị t mù khổ đau !
Tử Kỳ em hỏi nơi nào.
Mấy vàng so được cao sâu nghĩa này !
Cung đàn ta khảy hôm nay
Tơ đàn đã đứt từ đây phỉm lòng !
Đàn ơi năm sợi tơ đồng,
Thiên thu xin gửi theo cùng cố nhân !”

– Đòn xong, Bá Nha đập chiếc dao cầm bể nát, buồn bã trở về ngâm lên bốn câu thơ (chép theo bản nôm)

“Dao cầm đập nát đau lòng phượng,
Đòn vắng Tử Kỳ, đòn với ai?
Gió xuân khắp mặt bao bè bạn,
Muốn kiếm tri âm, ôi khó thay !”

Đức Thầy dùng thành ngữ tri âm qua hai câu giảng nêu trên ý để kêu gọi ai là người thấu hiểu được lời giáo pháp của Ngài hầu thực hành theo :

“Điều đòn trời khúc huyền thâm,
Nhà nghề chọn bạn tri âm đâu nào?”

24 – TRI KỶ

“Nghĩ việc đời xưa, gẫm việc nay,
Ai người TRI KỶ, ai là ai?”

(Ai người tri kỷ)

Tri kỷ là người bạn thân, tốt, biết rõ lòng nhau, những tâm tình, trắc ẩn không thể nói với ai mà chỉ người bạn đó biết cho mình, tình bạn tri kỷ ấy thật hiếm có. Do điển tích Bảo Thúc Nha và Quán Trọng.

Hai người đều sống thời chiến quốc, kết bạn thân với nhau. Lúc chưa làm quan hai người hùn vốn đi buôn. Quán Trọng tìm cách chia phần lời nhiều hơn, nhưng Thúc Nha không buồn, lại nói rằng : Quán Trọng cần có tiền nhiều để nuôi mẹ. Khi mới ra làm quan, Quán Trọng làm nhiều việc không thành, ai cũng chê, chỉ có Thúc Nha biết tài cao cho là Quán Trọng chưa tới thời. Khi ra trận Quán Trọng hay lùi lại phía sau, mọi người đều cười cho là nhát, chỉ có Thúc Nha bảo Quán Trọng còn mẹ già cần phải giữ thân để nuôi mẹ. Khi nước Tề có loạn, mỗi người phò một công tử trốn sang nước khác và hẹn sau ai có chúa được làm vua, phải tiến cử bạn cùng phò một người.

Sau công tử Bạch về nước làm vua, tức là Tề Hoàng Công, Thúc Nha tiến cử Quán Trọng làm Tế Tướng. Quán Trọng giúp Tề Hoàng Công làm nên sự nghiệp, bá chủ khắp chư hầu. Khi sắp chết, Trọng lại không tiến cử Thúc Nha thay mình. Vua lấy làm lạ hỏi? – Quán Trọng đáp :

– Bảo Thúc Nha là bậc quân tử chứ không phải nhà chánh trị. Ông ưa điều thiện, ghét điều ác, lại ghét thái quá đến nỗi không ai chịu được. Người như thế mà nắm quyền chính, ắt hư việc nước. Có người mách việc ấy cho Bảo Thúc Nha nghe, ông cười và nói :

Chính vì thế mà trước kia ta hết sức tiến cử Quản Thượng Phụ cho Chúa Công. Thượng Phụ trung với nước mà không vì bạn, đó là ông chẳng phụ công ta tiến cử. Giả sử Chúa Công phong ta chức Tư Khẩu để trừ gian diệt nịnh thì ta nhận ngay. Nếu phong ta làm Tế Tướng thì nhà người và nội bọn còn đâu có chỗ dung thân ! Kẻ ấy mắc cỡ lui ra.

Bởi thế lúc sanh thời Quản Trọng nói : “Sanh ra là cha mẹ ta, còn hiểu ta chỉ có Bảo Thúc Nha”. Do đây người đời sau gọi hai người là bạn tri kỷ.

Đức Thầy dùng điển ngữ tri kỷ kể trên có ý kêu gọi ai là người hiểu rõ ý chí và tâm đức của Ngài, hãy sớm quay đầu hướng thiện. Và cũng ngụ ý rằng : giữa Ngài và môn đồ dầu sống gần hay xa, dầu được nghe lời dạy trực tiếp hay gián tiếp nếu hiểu được tâm chí và việc làm của nhau, tức có duyên Thầy trò với nhau trong nhiều tiền kiếp

*“Duyên lành rõ được Khùng Điền,
Chẳng qua kiếp trước thiện duyên hữu
phần”.*

25 – MỘ KHAN THẦN TỈNH

*“MỘ KHAN THẦN TỈNH cần triều,
Khỏi con hoạn nạn lam kiều được lên”.*
(Khuyên người giàu lòng phúc thiện)

Thành ngữ “Mộ Khan Thần Tỉnh” chỉ cho người con có hiếu thảo thường sớm viếng tối thăm, đắp lạnh quạt nóng cho cha mẹ, do diễn tích Hoàng Hương, một trong “Nhị Thập Tứ Hiếu”.

Hoàng Hương người thời Đông Hán (TH). Mẹ mất khi ông mới lên 9 tuổi, ông gào thét và kêu khóc thảm thiết. Nuôi cha rất mực cung kính, sớm khuya thăm viếng hầu hạ không hề xao lãng. Mùa Đông nằm ủ vào chăn chiếu của cha để truyền hơi nóng cho cha khỏi rét. Đến mùa hè thì quạt mùng gối để cha được mát mẻ luôn, nhờ đó mà cha ông được ăn ngon, ngủ yên quanh năm vui vẻ.

Quan Thái Thú sở tại biết được Hoàng Hương là người con chí hiếu, liền làm sớ tâu với vua Hán. Hán Đế ban cho Hoàng Hương tấm biển vàng biểu dương bậc biết hiếu để. Người sau thường ca ngợi :

*“Cho hay tuổi trẻ mà khôn,
Nghìn thu biết Đạo làm con mấy người!”*

Dùng thành ngữ “Mộ Khan Thần Tinh”, qua hai câu giảng nêu trên. Đức Thầy muốn khuyến tán mỗi người: bốn phận làm con cháu phải lo tròn câu hiếu đạo hầu đền đáp công ơn sanh dưỡng của Tổ Tiên, cha mẹ thì sau này sẽ được tiến lên cảnh Tiên Phật.

*“Hiếu Trung lòng chó vợi quên,
Sống lo trọn Đạo, thác lên Tiên đài”.*

26 – TƯỚNG BÁI ĐÀN ĐĂNG

*“Đường gai góc thiên sơn vạn hải,
Đẹp cho rồi, TƯỚNG BÁI ĐÀN ĐĂNG.”*

(Xuân Hạ Tác Cường Thơ)

Thành ngữ “Tướng Bái Đàn Đăng”, cũng gọi là “Đăng Đàn Bái Tướng”. Có nghĩa nhà vua sai lập đàn làm lễ Bái Tướng, phong soái cho bậc đủ tài thao lược, xứng đáng thống lãnh binh quyền dẹp giặc cứu dân.

Ở đây chỉ Khương Thượng Tử Nha, được vua Châu Văn Vương xe giá đến Bàn Khê rước về, giúp vua bảo vệ Tây Kỳ. sau thời gian đúng lúc, võ Vương sai lập đàn Bái Tướng, giao cho

Khuong Thượng trọng trách thống lĩnh binh nhung và hội chư hầu tại sông Mạnh Tân diệt bạo Trụ – Đó là ông vua cuối cùng nhà Thương rất hôn quân vô đạo. Khuong Thượng Tử Nha giúp Võ Vương kiến lập nên cơ nghiệp nhà Châu 800 năm. Đức Thầy có viết thêm những câu :

*“Tử Nha như thể cát đằng,
Tùng quân dựa bóng vui bằng hưng
Châu.”*

Và lúc bấy giờ :

*“Trụ kia bạo ác phải nhường,
Võ Vương hữu đức đường đường trị dân.”*

27 – GIẤC MỘNG HOA

*“Ti nh say trong giấc MỘNG HOA,
Mơ màng cũng tưởng như ta bên
mình”.*

(Từ già bốn Đạo khắp nơi)

Từ ngữ “Giấc Mộng Hoa” là giấc mộng tốt đẹp, do điển tích Giang Yên, một nhà thơ nổi tiếng ở Trung Hoa.

Lúc đầu ông thích làm thơ, nhưng thơ của ông viết chưa được hay lắm, nhưng ông không nản lòng, lúc nào cũng tha thiết cầu tiến.

Nhân một đêm nọ ông nằm mộng thấy nơi đầu cây bút của ông trở một hoa sen tuyệt đẹp. Bắt đầu từ đó về sau ông làm thơ rất hay, được vang danh là thi sĩ tài hoa, văn chương lỗi lạc.

Qua hai câu giảng trên và điển tích “Giấc Mộng Hoa” Đức Thầy có ý dạy người tu lúc nào cũng tưởng nhớ đến Đức Phật, được trọn lành trọn sáng để tâm tánh đặng đồng hòa với Chư Phật.

*“Tu cầu Phật hóa tánh tình,
Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao.”*

28 – SÂN TRÌNH

*“Tuy là hữu cảnh vô hình,
Chớ dân lòng tưởng SÂN TRÌNH đáo
lai.”*

(Từ Giã Bồn Đạo Khắp Nơi)

Từ ngữ “Sân Trình” thường ghép chung với từ ngữ “Cửa Khổng” làm một thành ngữ “Cửa Khổng Sân Trình”. Ý chỉ nơi Đạo Tràng (Trường dạy Đạo). Theo Phật học thì Đạo Tràng còn chỉ cho cái tâm của mỗi người. Vậy

chữ “Sân Trình” là do điển tích ông Trình Tử (Sân dạy học của ông Trình Tử).

Ông sanh vào đời Tống Trung Hoa (1033–1107), tên thật là Trình Di, hiệu Y Xuyên, nên cũng gọi là Y Xuyên. Ông vốn một nhà Đại Nho, dạy học trò rất đông. Những giờ ông giảng sách, học trò ngồi nghe chật ních từ trong trường đến ngoài cửa, ngoài sân, nên gọi là sân trình.

Ngoài ra ông còn hiệp với Chu Hội An chú thích rất nhiều kinh truyện để lại cho đời. Về sau các nhà văn thường dùng chữ sân trình để chỉ nơi dạy học, dạy Đạo. Nhà thơ Đặng Trần Phát có viết :

*“Thế sự sương mờ đôi mắt lạc,
Sân Trình vắng vẻ khách ra vào”.*

Qua điển tích và hai câu giảng nêu trên, Đức Thầy có ngụ ý cho biết : Tuy hiện giờ người Pháp bắt thân xác của Ngài lưu đây không còn ở Tổ Đình Hòa Hảo, nhưng chơn linh (pháp thân) của Ngài trùm khắp thế gian, nơi nào cũng có : “Ta phần hồn đạo khắp thế gian”. Nếu tín đồ nào biết thành tâm tưởng nhớ đến Đức Thầy và giữ lòng luôn thanh tịnh tốt lành thì giữa tâm hồn mình

và tâm hồn của các Ngài sẽ được giao cảm nhau trong tức khắc (sân trình đảo lại).

29 – CỬA KHỔNG

*“Từ nay CỬA KHỔNG” gài then,
Chờ ta trở lại thì đèn hết lu.”*

(Từ Giã Bồn Đạo khắp Nơi)

“Cửa Khổng” cũng là thành ngữ, các nhà văn thường dùng để chỉ cho nơi dạy Đạo (Đạo Tràn) phát xuất từ điển tích Thánh Khổng Tử.

Ngài tên thật là Khâu, tự là Trọng Ni, người làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nay thuộc phủ Duyên Châu, tỉnh Sơn Đông. Ngài sinh thời Đông Châu Liệt Quốc, ra làm quan trào Đinh Công nước Lỗ, đình chót làm đến chức Tướng Quốc. Ngài học rộng, biết nhiều đạt thông Thánh Đạo. Sau khi châu du nhiều nơi Ngài trở về nước cũ dạy học và viết sách, lập thành nền Nho giáo (Khổng Giáo). Học trò thụ học với Ngài trên 3.000, phần xuất sắc nhất là được 72 người hiền, nắm vững giềng mối của Đạo và lâu thông lục nghệ ⁽¹³⁾ thi cử đỗ đạt.

¹³ Sáu nghề; lễ, nhạc, bắn tên, đánh xe, văn thư, toán pháp.

Do đó về sau các làng văn thường dùng thành ngữ “cửa Khổng” để chỉ nơi dạy Đạo hoặc dạy học (Đạo tràng).

Nhà thơ Úc Trai đã viết :

“Trước cửa Khổng cung tường chính
nhận,
Bước lên đường vào cửa thung dung”.

Dùng thành ngữ “Cửa Khổng” trong hai câu trên, Đức Thầy có dụng ý cho biết : từ đây, người Pháp sắp lưu đày Ngài, thì nơi Đạo Tràng Tổ Đình Hòa Hảo, Ngài không còn thuyết giảng Đạo lý như trước và tín đồ cũng ít lui tới (gài then). Cho đến chừng nào Ngài được trở về Tổ Đình thì nền Đạo hạnh sẽ được sáng tỏ hanh thông; nên Ngài cho biết : “Chờ Ta trở lại thì đèn hết lu”. Và :

“Chừng nào Thầy lại gia trung,
Thì trong bốn Đạo bóng tùng phủ che”.

30 – KIM LÂN XÍCH PHỤNG

“KIM LÂN XÍCH PHỤNG” lâm nạn,
Cho nên phận Lão đầu an thân già.”

(Từ Giã Bốn Đạo Khắp Nơi)

Thành ngữ “Kim Lân Xích Phụng” là chỉ hai trong bốn con thú linh “Long, Lân, Qui, Phụng một đàn tứ linh”. Song ghép thêm hai chữ Kim và Xích là vàng và đỏ, nghĩa bóng chỉ cho sự quý báu tốt đẹp.

Xưa nay hai loại Lân và Phụng ít khi xuất hiện, khi nào có Phật Thánh lâm phạm hoặc Thánh Vương ra đời chúng mới có mặt để bào tin trước. Ý chỉ cho đời sắp thanh bình Thánh Đức, nhàn lạc âu ca, có hai câu chuyện chúng minh :

1 - Về Kim Lân cũng gọi là Kỳ Lân, do câu chuyện Thánh Khổng Tử ra đời mà có. Vào thời Đông Châu Liệt Quốc, tại nước Trung Hoa có đình ông Thúc Lương Ngột, vợ là Nhan Trung Tại. Ông bà đã sanh được 9 người con, nhưng toàn là gái, chưa có người con trai nào nối hậu, nên ông bà thường lên núi Ni Khâu cầu tự..

Sau đó, bà thọ thai. Sách Hán chép : lúc thọ thai Đức Khổng Tử có một con Kỳ Lân xuất hiện đi ngay vào nhà, nhả tờ ngọc thơ, trong đó có câu “Thủy tinh chi tử, kế suy Chu vi Đế Vương”. Có nghĩa : Con của Thủy tinh nối nhà Châu mà làm vua không ngôi. Bà Nhan thị thấy vậy liền lấy dây lụa đỏ buộc

vào sừng con Kỳ lân làm dấu, hôm sau bỗng nhiên Kỳ lân đi mất.

- Đức Khổng Tử sanh vào ngày Canh Tý, tháng 10 năm Canh Tuất, trước Tây lịch 551 năm, đời Châu Linh Vương thứ 21. Ngài ra đời được ba năm thì cha chết, chỉ nhờ sự đùm bọc nâng niu của mẹ. Khi lớn lên Ngài thông minh xuất chúng, học ít biết nhiều, biết rất sâu rộng và chính xác. Ngài làm quan chức vị sau cùng là Tướng Quốc. Ngài mở trường dạy văn học và Nho học. Đạo Nho cũng gọi là Thánh giáo và bắt đầu có từ đó.

Ngài còn làm ra các bộ sách như : Tứ Thư, Ngũ Kinh... để dạy đời và lưu truyền tới nay. Người thời đó và mãi về sau đều xưng tụng Ngài là Khổng Phu tử hay Thánh Khổng Tử, bởi Ngài là vị Tổ sáng lập nền Nho giáo (một trong tam giáo).

2 - Về chữ "Xích Phụng" chỉ cho loài chim phụng hay phụng hoàng.

Theo Sử Trung Hoa, thời Ngũ Đế : Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu và Thuấn. Người ta xưng tụng năm vị vua này là Thánh nhân, trong thời Nghiêu, Thuấn trị vì dân chúng sống cảnh thanh bình an lạc. Bấy giờ chim Phụng đậu múa hát khắp đồng nội, nơi nào cũng có. Qua đời Kiệt Trụ (thời loạn lạc)

chúa hôn mê thì không còn thấy một chim phụng nào nữa.

Mãi đến Châu Võ Vương sắp ra đời, người ta nghe tiếng chim phụng gáy trên núi Kỳ Sơn, chúng tỏ thời thanh bình sắp trở lại. Quả nhiên Võ Vương lên ngôi lập nên cơ nghiệp nhà Châu 800 năm. Điều này Đức Giáo Chủ PGHH thường bảo :

*“Xưa mặt Thương phụng gáy non Kỳ,
Bởi Võ Vương đáng bậc tu mi,
Nay trở lại khác nào đời trước”*

Hoặc là :

*“Trên non Tiên vắng vắng tiếng phụng hoàng,
Phật, Tiên, Thánh an bang cùng địn
quốc.”*

Và

*“Chừng trần gian kiến thấy phụng hoàng,
Xòe cánh múa chào mừng Phật Thánh.”*

Dùng điển : “Kim lân xích phụng”, Đức Thầy có ý cho biết : Chư Phật Thánh nay đã ra đời, nhưng còn trong vòng pháp nạn. Cho nên cuộc cứu an lễ thứ của các Ngài còn nhiều gian lao lận đận; song tin chắc rằng có một

ngày kia toàn dân sẽ chứng kiến được sự thành công rực rỡ của các Ngài :

*“Ngóng trông chờ cho phụng gặp kê,
Ấy thời đại Thánh Tiên trở mặt.”*

31 – LÁ THẮM

*“Hiệp chung một cuộc nhánh ngành,
Sum sê LÁ THẮM chim xanh nổi
đường.”*

(Từ Giã Bồn Đạo Khấp Nơ)

Thành ngữ “lá thắm” là dị ch nghĩa của chữ “Hồng Diệp” mà ra, do điển tích Vu Hựu và Hàng Thúy Tần đời Đường (TH).

Vu Hựu là nhà văn học, môn khách của Hàng Vinh. Một hôm nhân cuộc du ngoạn ngoài thành, Vu Hựu đến bên dòng Bích Câu ngồi xem cảnh.

– Còn Hàng Thúy Tần là một cung nữ của vua Đường, vì ở trong thâm cung lâu ngày buồn bực nhớ quê hương nên nàng mượn một lá cây đỏ (lá thắm) mới rụng để vào đó một bài thơ, rồi thả xuống dòng nước trôi ra ngoài thành, bài thơ ấy như sau :

*“Nước chảy sao mà vội?
Cung sâu cả buổi nhân,*

*Ân cần khuyên lá thắm,
Đưa quách tới nhân gian.”*

Vu Hựu đang ngồi dựa mé rạch nhìn mây nước, bỗng gặp lá thắm tấp vào, vội vót lên thấy bài thơ. Xem xong chàng liền viết hai câu thơ trên lá cây khác hỏi lại :

*“Đã nghe lá thắm đề thơ oán !
Trên lá đề thơ đi nh hỏi ai?”*

Khi nước chảy vào, Vu Hựu liền thả xuống dòng ngự câu, lá ấy trôi vô thành. Ở trong thành, Hàng Thúy Tần bất ngờ vót được. Hai người đều rửa sạch các lá cây đó, cất vào rương để kỷ niệm, mặc dù cả hai đều không biết mặt nhau.

Thời gian sau nhà vua cho thả hồi ba mươi cung nữ về quê lập gia đình. Vu Hựu may mắn cưới được Hàng Thúy Tần. trong đêm tân hôn, đôi giai nhân nhắc chuyện năm xưa, rồi đem so hai bài thơ thấy đích thị là của mình, đồng cho lá thắm ấy đã mai mối cho đôi bên nên nghĩa đá vàng, nên có thơ rằng :

*“Nhất liên thi cú tùy lưu thủy,
Thập tải ưu tư mãi cố hoài !
Tam nhật khước thành loan phụng hỉ,
Phương tri hồng diệp thị lương môi”*
*(Một đôi thi cú theo dòng nước,
Mười mấy xuân qua nhớ đầy đầy.*

*Mừng bấy ngày nay loan sánh phụng,
Cũng nhờ lá thắm khéo làm mai.)*

– Do điển tích đó, xưa nay văn chương thường dùng chữ “lá thắm” để chỉ những người có nhân duyên với nhau thì dù cho có xa xôi cách trở, rốt lại cũng được gặp nhau.

Điển ngữ “lá thắm” Đức Thầy dùng trong bài “Từ Giã Bốn Đạo khắp nơi” ở đây, dụng ý chỉ cho các tín đồ và Ngài đã có duyên Thầy trò từ trước nên hiện giờ đang gặp nhau. Thế thì từ đây, tuy dù có xa cách gian lao, nhưng rồi cũng sẽ đang cùng nhau sum hiệp :

*“Hiền lành chừng đó sum vầy,
Quần thần cộng lạc mấy ngày vui chơi...
“*

Và nếu ai muốn được tận hưởng cảnh ấy thì hiện giờ phải vâng theo lời dặn dò của Ngài :

*“Giảng kinh đọc tụng chiều mai,
Làm theo lời chỉ ngày rày gặp Ta.”*

32 – CHIM XANH

*“Hiệp chung một cội nhánh nhánh,
Sum sê lá thắm CHIM XANH nối
đường.”*

(Từ giã Bốn Đạo Khắp Nơi)

Chim xanh là nghĩa của chữ “Thanh loan Điểu”, xuất phát từ điển tích vua Hán Quan Võ được gặp Tiên.

Một hôm, vua Đông Hán Quan Võ (TH) cùng quần thần đang dạo xem phong cảnh nơi vườn thượng uyển, bỗng có đôi chim to lớn bay đến đậu gần đó.

Vua liền hỏi bá quan :

– Có ai biết đó là chim chi chằng?

Đông Phương Sóc quì tâu :

– Muôn tâu bệ hạ ! Chim này gọi là chim xanh, tên chữ của nó là “Thanh loan Điểu”, nó vốn là sứ giả của Bà Tây Vương Mẫu, mẹ của chư Tiên cõi trời. Nó cũng có tên là chim đem tin (nổi đường). Hôm nay nó bay tới, tức báo tin trước, chút nữa đây sẽ có bà Tây Vương Mẫu ngự đến. Vua tôi liền hoi trào.

Quả nhiên, sau đó được quân vào phi báo với vua : có Bà Tây Vương Mẫu đến xin ra mắt; vua vui mừng cùng quần thần ra cửa tiếp rước. Khi vào đến cung điện, Vương Mẫu nói :

– Ngài là vua nhân từ, hữu phúc nên nay tôi đem biếu ít quả đào tiên, đây là lộc trời ban cho. Vua tạ ơn thâu nhận và hỏi thăm cách trồng đào?

Vương Mẫu đáp :

– Đào này trồng trên thượng giới, lâu lắm mới kết quả, ở hạ giới này trồng chẳng được đâu

Điển tích chim xanh có ngụ ý : nếu người nào biết ăn ở hiền từ phúc đức thì là điềm báo tin sắp đặng gặp Phật Tiên. Cho nên người sau cũng xác định :

*“Đã là thấy bóng chim xanh,
Ắt rằng Vương Mẫu hậu hành đáo lai.”*

Đại lược hai câu giảng nêu trên, Đức Thầy có ý kêu gọi chúng dân hãy thương yêu đoàn kết trong việc hiền lương đạo đức thì sau này sẽ gặp Phật Tiên cứu độ thoát khỏi sanh tử luân hồi.

*“Kẻ hiền đức sau này được hưởng,
Phép thần linh của Đức Di Đà,
Lại được thêm thoát khỏi Ta Bà,
Khỏi luân chuyển trong vòng lục đạo”*

33 – HUỖNH BÀO

*“Say như xưa nhằm lúc HUỖNH BÀO,
Trần Di ngũ say câu thành tựu”*

(Diệu Pháp Quang Minh)

Từ Huỳnh Bào cũng gọi là Hoàng Bào, có nghĩa cái áo của vua mặc. Do điển tích Triệu

Khuông Dẫn, tức Tống Thái Tổ – vị vua sáng lập đời Tống (TH); vào thế kỷ thứ X.

Lúc thiếu thời Khuông Dẫn có đến núi Tây Nhạc Huê Sơn đánh cờ với Trần Đoàn Lão Tổ, tức Trần Hi Di Tiên Sanh. Ông đã tu thành Tiên, khi nhìn qua tướng mạo, biết Khuông Dẫn sau này làm nên bậc Đế Vương, nên mời Khuông Dẫn đánh cờ với sự giao kết: ông thua thì chung bạc, còn Khuông Dẫn thua thì phải ký nhượng núi Huê Sơn cho ông. Khuông Dẫn nghĩ: núi của quốc gia chứ của mình sao mà ông đòi như vậy, thật buồn cười, liền chịu ký kết.

Khuông Dẫn vốn tay cao cờ, nhưng làm sao đánh lại Tiên ông, thế là Khuông Dẫn bị thua luôn mấy bàn.

Thời gian sau, Khuông Dẫn làm bạn kết nghĩa với Sài Vinh. Vinh được làm vua, Khuông Dẫn làm nguyên soái, đánh Nam dẹp Bắc, thân được Nam Đường, đánh rợ Khiết Đan, lập nhiều công to. Tới khi dẹp loạn ở “Trần Kiều binh biến”, bấy giờ Sài Vinh chết, con lên ngôi xưng hiệu là Cung Đế. Bởi vua tuổi còn nhỏ, quan quân bất phục nên đề nghị Triệu Khuông Dẫn lên thay. Khuông Dẫn một mực khước từ, quần thần bèn lập kế phục rượu cho Khuông Dẫn thật say rồi lấy áo Huỳnh Bào mặc vào và khiêng để nằm trên

ghế cao. Họ chực chờ Khuông Dẫn vừa tỉnh lại, tất cả đều tung hô vạn tế rồi đưa Khuông Dẫn về trào bảo Cung Đế phải nhường ngôi và phò Triệu Khuông Dẫn tức vị Thái Tổ nhà Tống.

Khi đó Trần Đoàn Tiên ông đang cỡi lừa đi giữa chợ, nghe được tin ấy ông liền nâng bầu rượu Thánh và ngâm lên bốn câu thơ :

*“Vận khí xoay vần lối hiệp tan,
Huỳnh Bào đắp cột vững âu vàng.
Trần gian từ ấy đà vô sự,
Ta trở về ngôi ngủ mới an”.*

Trong hai câu giảng nêu trên Đức Thầy có dùng từ Huỳnh Bào, qua điển tích Trần Đoàn Tiên Ông là Ngài muốn nhắc lại : Tiên ông cũng uống rượu, cũng say; nhưng cái say của bậc Thần Tiên là đưa nhân loại vào cuộc thái bình an lạc (thành tựu) vượt trên cái say của thường tình thế tục.

*“Say của Thần Tiên rút cuộc đời,
Say câu diệu lý hỏi người ơi !
Say như Lưu Khánh ai thềm chạ u,
Say thể Trần Đoàn mới thành thời.”*

34 – XÍCH THẰNG

“Treo sợi XÍCH THẰNG chờ vận đến,

Cột dây ngọc đáí đời người ân.”

(Cho ông Nguyễn Kỳ Trân)

Từ Xích Thằng, cũng gọi là tơ hồng, tức sợi chỉ đỏ. Ý chỉ hai người có nhân duyên đã được định trước, phát xuất từ hai điển tích như sau :

1 - Quách Nguyên Chấn sanh đời Đường (TH). Một hôm Nguyên Chấn đến hỏi vợ tại nhà ông Trương Gia Chính. Nguyên Chính có 5 người con gái đều chưa chồng. Ông giao kết với Nguyên Chấn; Năm cô gái ở trong phòng, mỗi người cầm một mỗi chỉ 5 màu khác nhau thả ra ngoài, nếu Chấn nắm được mỗi chỉ của cô nào thì được cưới cô đó. Nguyên Chấn liền rút ngay sợi chỉ đỏ (Xích Thằng), thế là Chấn cưới được cô thứ ba đẹp hơn hết.

2 - Điển thứ hai là Vi Cỗ, cũng người đời Đường ở trọ tại Tống Đô. Một hôm nhân đi dạo cảnh, Vi Cỗ thấy một ông lão tóc râu bạc phơ, đang ngồi dưới trăng sáng xem sách, bên cạnh có cái giỏ xách đựng chỉ đỏ, Vi Cỗ bước đến thi lễ và hỏi :

- Ông lão xem sách chi vậy?

Ông lão đáp :

- Ta là Nguyệt Lão, đây là sách ghi chép sẵn những tên họ của đôi vợ chồng sắp kết

duyên với nhau. Còn chỉ đồ này là để cột chân của đôi trai gái ấy.

Vi Cố liền nhờ Nguyệt Lão cho biết người vợ tương lai của mình?

Ông lão bảo :

- Vợ người là con gái của người ăn mày đang ăn xin ngoài chợ đấy ! Vi Cố nghe vậy lấy làm buồn và qua hôm sau định giết chết con bé ấy để mình khỏi phải kết duyên với con nhà ty tiện đó. Cố liền thi hành thủ đoạn, nhưng may thay cho cô bé ăn mày kia, chỉ bị một nhát dao trúng đầu mà không chết và mẹ cô bỗng chạy qua xứ khác.

Thuở ấy, có vợ chồng viên quan trong vùng, ông bà sống với nhau đã 40 tuổi, nhưng không có con, thấy mẹ con cô bé lâm nạn động mỗi từ tâm bèn xin cô bé làm dưỡng tử. Thời gian trôi qua, Vi Cố lại cưới được cô tiểu thư ấy. Nhân một hôm Vi Cố tình cờ thấy cái sẹo trên đầu vợ, hỏi ra mới biết sự tình, chính vợ mình là cô gái ăn mày đã bị mình chém trước kia.

Do sự tích trên đây, về sau hễ thấy vợ chồng cưới hỏi nhau người ta bảo : Nguyệt Lão đã se duyên khó mà thoát khỏi.

Truyện Kiều có câu :

“Nàng rằng : Hồng diệp xích thằng,

Một ngày cũng đã tiếng rằng tương tri.”

Cung Oán cũng nói :

*“Ngẫm nhân sự có chi ra thế,
Sợ xích thằng chi để vương chân.”*

Dùng thành ngữ “Xích thằng” trong hai câu thi nêu trên. Đức Thầy có ý khuyên ông Nguyễn Kỳ Trân giờ nên gác bỏ vị danh tài sắc và răn lo tu hành để chờ đợi người ân (Chúa và Thầy) trở lại. Hạnh phúc đó mới vinh diệu lâu dài.

35 – VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH

*“VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH khí khẩu
chuong,*

Thanh phong tiết hạnh dĩ luân thường.”

(Cho ông Nguyễn Thanh Tân)

Vạn Lý Trường Thành là một vách tường dài 4.800 dặm bằng 3000 km, hiện nay nằm ở phương Bắc (TH). Do Tần Thủy Hoàng làm ra để ngăn giặc Hung Nô, không cho tràn xuống.

Thành ngữ này có hai dụng ý khác nhau :

Ý thứ nhất, chỉ cho chính sách bạo ác của vua Tần, một ông vua hung bạo nhất, thời Đông Châu. Vì muốn ngăn giặc Hung Nô, vua Tần sai tướng Mông Điền đem 80 muôn binh nổi các bức tường đã xây từ trước, làm thành một vách tường dài 4.800 dặm. Cũng vì bức tường này mà không biết bao nhiêu sanh mạng lương dân phải tử biệt sanh ly, nghèo đói, bệnh tật lan tràn khắp lãnh thổ Trung Hoa thời ấy.

Xưa nay văn chương thường dùng thành ngữ này để chỉ những chính sách hà khắc dân chúng, bắt sưu dịch quá nặng nề.

Ý thứ hai, “vạn lý trường thành” cũng chỉ cho mạng lịnh của người có danh vọng quyền uy, người ta ý trông vào đó như bức thành muôn dặm.

Do điển tích vua văn Đế đòi Tống ra lịnh giết ông Đàn Đạo Tế, nhưng ông Tế không hề khiếp sợ. Trái lại mắt ông sáng quắc lên như ngọn đuốc, nhìn thẳng vào nhà vua, khiến vua phải núng chí !

Ông Tế nói tiếp :

– Như vậy chí khí của đôi mắt và lời nói của ta sẽ phá mất bức thành muôn dặm của nhà vua !

Qua hai câu thơ và điển ngữ kể trên, Đức Thầy muốn cho ông Nguyễn Thanh Tân biết : với chánh sách ác nghiệt của người Pháp hiện tình như “Vạn lý trường thành”, nhưng Ngài không hề khiếp sợ, vẫn dùng chí khí lời lẽ khai Đạo giáo dân, xây dựng cuộc sống mới cho cả đời lẫn Đạo.

*“Đem nguồn sáng mới cho nhơn loại,
Để tiến, tiến lên cõi đại đồng.”*

36 – LŨ HUỲNH CÂN

*“Thương tưởng người mê Lão sống
trần,
Ngặt vì chưa đẹp LŨ HUỲNH CÂN.”*
(Đáp lời ông Nguyễn Kỳ Trân)

Lũ Huỳnh Cân là giặc khăn vàng, tức binh tướng đều bị tước khăn bằng vải vàng, treo cờ cũng màu vàng. Điển này phát xuất từ đời Tam Quốc (TH).

Thuở ấy tại Huyện Cư Lộc có ba anh em : Trương Giác, Trương Lương, Trương Bửu (Bảo). Nguyễn Trương Giác bị rút tú tài, buồn quá nên vào núi hái thuốc. May gặp cụ lão xưng là Nam Hoa Lão Tiên cho Giác bộ Thái Bình yêu thuật, gồm ba quyển dạy rằng : người về xem kỹ theo đây mà tự học sẽ đạt được nhiều kỳ diệu. Khi kết quả phải lo tế thể độ dân, nếu

có manh tâm tà gian ắt bị ác báo. Đoạn rời Tiên ông hóa gió bay mất.

Trương Giác trở về tu tập theo đó, quả nhiên được phép hoán võ hô phong, thành binh sai đậu và bùa chú trị bệnh cho bá tánh dân chúng kéo theo càng lúc càng đông.

Từ khi có danh vọng, Giác không tự chủ được tâm nên cùng hai em mưu đồ cướp đoạt Hán triều. Bởi dưới tay có hàng vạn tướng binh, cùng biết bùa phép, nên lúc đầu quân nhà Hán phải thua. Vua truyền phát mộ thêm quân và tập trung các tướng giỏi vây đánh.

Bấy giờ có ba vị anh hùng là : Lưu Bị, Quan Công và Trương Phi cùng nhau kết nghĩa tại Vườn Đào và mộ binh kéo ra đầu quân trừ giặc. Bốn Trương Giác dùng sai đậu thành binh thắng qua nhiều trận. Cuối cùng Châu Tuấn và ba anh em Lưu, Quan, Trương dùng đồ như uế phá tan bùa phép, giặc Huỳnh Côn tiêu diệt từ đó.

Đức Thầy dùng điển tích qua hai câu giảng nêu trên ngụ ý chỉ cho đời nay cũng có lắm tà đạo ra đời quấy phá chánh Đạo “Tam thiên lục bá khắp tràn hại dân”. Cho nên Ngài có trách nhiệm dẹp tan tà đạo để cứu an bá tánh :

*“Diệt tà lập chánh đàng rành,
Ba màu năm chăt Nam thành xử phân”.*

37 – TAY VIN NHÀNH QUẾ

*“Không tìm thầy đặng hưởng phúc
thừa,
Ngày lập Hội TAY VIN NHÀNH QUẾ.”*
(Nang Thơ Cẩm Tú)

Thành ngữ “Vin Nhành Quế” là nắm được cànch quế, nghĩa bóng, chỉ người thi đậu. Tương truyền trên mặt trăng có cànch quế nên văn chương thường dùng chữ cung Quế, là chỉ mặt trăng và có ngụ ý : người học trò thi đỗ đạt. Điều này phát xuất từ truyện của Đậu Yên Sơn (TH). Trong sách Tam Tự Kinh có chép :

*“Đậu Yên Sơn, Hữu nghĩa phương,
Giáo ngữ tử, Danh cu dương.”*

Phần chú thích có giải; Xưa có nhà họ Đậu ở đất Yên Sơn, là người có đức hạnh, học rộng, biết nhiều, gia đình khá giả và sanh được 5 người con trai. Ông có phương cách khéo léo giáo huấn năm người con đều tinh cần học tập.

Về sau 5 người con ấy đều thi đậu cao, làm tới tước vương trong triều đình. Thật là một gia đình gương mẫu, đời sau sách sử ghi biên, văn nhân ca ngợi :

*“Đậu Yên Sơn, ngũ chi đôn quế,
Danh thom còn lưu để nghìn thu.”*

Gần đây, nội tổ của ông Võ Mậu Thanh cũng có viết bài thơ khuyến dạy con cháu siêng năng học tập :

*“Trăng thò chệ u về ngọt thì nếm,
Vui dạ chi bằng đọc sách đêm.
Học đủ ba dư⁽¹⁴⁾ trời chẳng phụ,
Có ngày bẻ đặng Quế cung thêm⁽¹⁵⁾”*

Nhận thấy Đức Giáo Chủ PGHH dùng điển từ trên là để kêu gọi mọi người sớm tâm sự hành đạo kịp đến ngày lập hội sẽ đặng thành quả, chẳng những danh phận được như người thi đậu mà còn hơn thế nữa.

38 – NGUỒN MÂY BẠC

¹⁴ Học trong ba thời gian dư :

1 – Thông thường học sinh tới thảng hè thì nghỉ, nhưng người chăm học vẫn học luôn.

2 – Ban ngày gặp trời mưa học sinh quần chần ngủ, còn người siêng học vẫn học không ngủ.

3 – Đêm lại học sinh đi chơi rồi ngủ. Còn người siêng học, học luôn cả đầu hôm và khuya.

¹⁵ Bẻ đặng Quế Cung thêm” là chỉ cho sự thi cử đỗ đạt.

“NGUỒN MÂY BẠC cuốn quay mãi
viết,
Chấm vào nghiên chỉ viết ngại ngừng.”
(Thu đã cuối)

Thành ngữ “Nguồn Mây Bạc”, tức là khối mây trắng. Nghĩa bóng chỉ nơi quê hương cha mẹ ở, do diễn tích Địch Nhân Kiệt (TH).

Nhân Kiệt tự Hoài Anh, sống đời nhà Đường ở xứ Tinh Châu, làm quan rất minh chánh. Ông thường tiến dẫn những nhân tài ra giúp nước. Lúc thi hành công nhiệm phải xa nhà, ông quá nhớ thương cha mẹ. Một hôm ông nhìn về quê hương thấy nơi đỉnh núi Hàn Sơn có chòm mây trắng liền than rằng : “Nhà cha mẹ ta ở dưới đám mây đó” (Địch Nhân Kiệt vọng Thái Sơn thương nhất phiến bạch vân thân viết ! ngô thân xá tại kỳ hạ).

Đương thời Nhân Kiệt được nhiều người ca ngợi về tài đức và ví ông như Thái Sơn Bắc Đẩu.

Dùng diễn tích Nguồn Mây Bạc qua hai câu giảng nêu trên, Đức Thầy có ý cho biết : hiện tình Ngài đang bị người Pháp quản thúc tại nhà thương Chợ Quán; Ngài cũng rất nhớ nhung quê hương, thân quyến tín đồ. Đó là lý do khiến Ngài hạ bút đề thơ.

39 – MƯA TẦN

*“Còn một đoạn MƯA TẦN nắng sỏi,
Trải qua rồi việc dở quá hay.”*

(Thu Đã Cuối)

Thành ngữ MƯA TẦN, cũng như Lửa Tần, đều chỉ cho chánh sách trị dân quá nghiệt ngã, độc ác của Tần Thủy Hoàng.

Tần Thủy Hoàng tên thật là Triệu Chính, con của Dị Nhân, sinh thời Chiến Quốc (TH). Khoảng 221 – 206 trước Tây Lịch.

Sau khi gòm châu lục Quốc, Thủy Hoàng sát hại binh tướng các nước quá nhiều, còn gom hết sách vở của Thánh Hiền mà thiêu hủy, chôn sống 460 sĩ phu, xây cung A Phòng tổn biết bao công quỹ nhân lực để vui hưởng riêng tư. Bắt quân dân xây vạn lý trường thành, hằng vạn gia đình phải chịu u lầm than đói khổ, người cầm hòn oán ghét không sao kể xiết.

Vì thế, nhà Tần chỉ hưởng được 3 đời là mất nước, để tiếng bạo ác muôn đời vẫn bị còn chê bai nguyên rủa.

Đức Thầy dùng điển này để ám chỉ cho người Pháp :

*“Miệng toàn lời bắt chước chúa Tần,
Muốn chôn sống anh tài như sĩ.”*

40 – NĂNG SỞ

*“Quản chi NĂNG SỞ mua Tần,
Chèo xuôi chèo ngược mấy lần không
thôi”*

(Sấm Giảng Khuyên Người Đòi Tu Niệm Q. 1)

Nói đến Năng Sở tức nói đến lòng hung tàn, hiếu sát của Hạng Võ, ai cũng ghê tởm.

Hạng Võ người ở làng Hạ Tương, đất Cối Kê (TH) tên là Hạng Tịch. Mồ côi từ thuở bé, nên ở với người chú là Hạng Lương và có sức đi ch muôn người. Sau hiệp với Lưu Bang diệt bạo Tần, có giao ước trước mặt Sở Hoài Vương, nếu ai nhập Hàm Dương trước thì được làm vua.

Lưu Bang nhờ lòng nhân đức, được quân dân mến phục nên vào được Hàm Dương trước. Còn Hạng Võ vì tánh nóng nảy, hung hãn, trên đường tiến quân gặp nhiều trở ngại nên đến Hàm Dương sau. Võ liền bội ước và ý mình binh đông, thế mạnh cướp lấy Hàm Dương.

Những tội ác của Hạng Võ kể không xiết; chẳng những cướp đoạt kỳ công của Lưu Bang

và phản phúc Sở Hoài Vương mà còn một đêm chôn sống 20 vạn quân Tần, quật mồ Tần Thủy Hoàng, giết chết tôn tộc nhà Tần 800 người và họ hàng của quần thần gồm 4.600 người, đốt cung A Phòng cháy luôn 3 tháng mới tắt.

Tóm lại do hai điển tích Tần Thủy Hoàng và Hạng Võ mà từ đó về sau các nhà văn khi muốn nói đến chánh sách cay nghiệt hung bạo đều dùng thành ngữ “Nắng Sở Mưa Tần”, hay “làm Tần làm Sở” (tức là làm khổ dân).

Đọc hai điển tích vừa qua hai câu giảng vừa nêu trên, Đức Thầy muốn cho chúng ta biết : Xưa nay những làn sóng nắng mưa bạo ác không lâu dài chỉ trong giai đoạn nào đó thôi. Cho nên Ngài có nói rõ;

“Còn một đoạn mưa Tần nắng Sở,
Trải qua rồi việc dở hóa hay.
Thế gian sẽ biết Thánh tài,
Bể bồng con dại hát bài khải ca”.

41 – TIẾNG QUYÊN

“Trí thần nhớ đến TIẾNG QUYÊN,
Gọi hồn cố quốc sầu riêng một mình.”

(Tự Thán)

Tiếng Quyên là tiếng chim quyên kêu, cũng gọi chim Quốc hay chim Cuốc, thường kêu suốt mùa hè. Có khi văn chương cũng gọi là Đỗ Vũ hoặc Tử Qui. Thành ngữ này phát xuất từ điển tích vua Thục Đế (TH).

Vua Thục Đế, xưng Đế, một trong bảy nước, hiệu là Vọng Đế. Trong nước gặp hội thủy tai, dân chúng nghèo đói, nước non loạn lạc. Vua Thục Đế nhường ngôi cho thừa tướng Khai Minh, rồi lên núi ẩn. Sau thì thương nhớ nước non mà chết, hồn hóa thành chim Quốc kêu suốt mùa hè. Truyện Kiều có câu : “Ấy hồn Thục Đế hay mình Đỗ Quyên”.

Về sau các nhà văn chương dùng điển này để nói lên lòng nhớ thương quê hương non nước.

Hiện nay Đức Thầy cũng dùng từ ngữ tiếng Quyên là để biểu lộ lòng xót thương cho giang san chủng tộc mình đang bị kẻ ngoài thống trị :

“Yêu nước bao đành trơ mắt ngó,
Thương đời chưa vội ẩn non cao.”

42 – GIẤC HUỖNH

*“Trầm ngâm về mặt làm tỉnh,
Tựa mình bên gối GIẤC HUỖNH đã
say.”*

(Tự Thán)

Từ ngữ Giác Huỳnh là giấc mộng quý báu, tốt đẹp của các bậc Thần Tiên ngủ, giống như giấc mộng vàng, hay giấc mộng Hoa.

(Xem giấc mộng vàng bên điển triết số 24)

43 – TÌNH TRƯỜNG

*“TÌNH TRƯỜNG đầy dẫy thi hài,
Lạ gì chẳng biết những bài học xưa.”*

(Cảm Tác)

Văn nghĩa Tình Trường có nghĩa môi trường tình ái, tức vòng yêu đương giữa đôi trai gái. Sách sử thường chép : Chỉ có tình yêu của nam nữ mà gây biết bao thảm kịch núi xương sông máu. Chẳng những riêng họ chuốc lấy thảm thê mà còn làm cho bao nhiêu người khác phải khổ lây.

Xưa nay trong vòng tình ái xảy ra biết bao trường hợp, ở đây xin đơn cử một vài câu chuyện để làm bài học kinh nghiệm :

1 – “AN LỘC SON với DUONG QUÝ PHI”

Dương Quý Phi sanh đời Đường (TH), hiệu là Thái Chân, nàng có sắc đẹp khuyh thành và trí thông minh, được Thái Tử Long Cơ yêu, cưới về làm vợ; song vua cha là Đường Huyền Tông quá say mê sắc đẹp của Thái Chân, bèn đoạt lấy và phong làm Dương Quý Phi.

Còn An Lộc Sơn, trước làm quan Tiết độ sứ cho vua Đường (Sơn gốc là vợ Khiết Đan). Sơn a từng với Lý Lâm Phủ, vốn là phường tội nịnh, Lâm Phủ bèn kế cho Sơn vào làm con nuôi của Dương Quý Phi để cùng Phi gây cuộc tình ái. Sơn mưu đồ cướp ngôi nhà Đường để trọn hưởng người đẹp, nên kéo 15 vạn quân chiếm các tỉnh Hà Bắc, Hà Nam. Rồi công hãm đoạt được thành Lạc Dương, xưng hiệu Yên Đế và kéo binh thẳng về Trường An, tức kinh đô nhà Đường làm cho quan quân chết vô số, vua Đường phải lánh nạn về Ba Thục mang Quý Phi theo. Sơn cũng kéo binh rượt bấn gót.

Bấy giờ tướng binh nhà Đường nổi dậy buộc vua phải xử tử Quý Phi để đền tội. Khi Quý Phi thắt cổ chết rồi, các quan mới nỗ lực

đánh trả. Cuối cùng quân của An Lộc Sơn tan rã và Sơn cũng chết.

2 - Điển thứ hai là “ĐÀO HOA PHU NHON” : Nàng tên là Túc Vĩ, sanh thời Đông Châu (TH), vốn là vợ của Túc Hầu, người có sắc đẹp vô song, hoa nhường nguyệt thẹn.

Một hôm, bạn chư Hầu với Túc Hầu là Sái Hầu, toan cưỡng hiếp Túc Vĩ, nhưng không được.

Để trả thù cho vợ, Túc Hầu sang triều cống nước Sở (đang mạnh), đem lời gièm siểm khiến Sở Vương cất binh đánh nước Sái. Sái Hầu nhờ Dục Quyền rồi tấu mới được tha. Sái Hầu quyết trả thù nước Túc nên đến tâu với vua Sở; vợ Túc Hầu là nàng Túc Vĩ đẹp lắm, chưa có phi hầu nào bằng ! Khiến vua Sở động mỗi tà dâm liền mượn có tuần du sang nước Túc, bắt buộc Túc Hầu phải đem vợ ra chào mừng. Vua Sở thấy Túc Vĩ mê cả tâm thần liền bày mưu đãi tiệc Túc Hầu, rồi truyền quân mai phục bắt đưa đi an trí ở Như Thủy, Túc Hầu uất ức mà chết.

Túc Vĩ hay tin dữ, toan nhảy xuống lầu tự tử, may có người khuyên nên sống để thừa cơ hội trả thù cho chồng. Còn vua Sở cho người vào cung bắt được Túc Vĩ đem về làm vợ và phong chức phu nhân, đặt cho biệt hiệu là : “Đào Hoa phu nhân”. Ở với vua Sở ba năm,

nhưng Túc Vĩ không hề cười một tiếng. Vua Sở khuyên dỗ cách gì cũng không được, bèn hỏi duyên cớ?

– Túc Vĩ khóc và trả lời : Thần thiếp chẳng giữ trọn tiết trinh lại đi thờ hai chồng, nhứt là thù chồng chưa trả, thật vô cùng xấu hổ còn mặt mũi nào mà vui cười với ai !

Vua Sở lại càng yêu quý hơn và hứa trả thù cho nàng. Vua liền ra lệnh xua quân đánh nước Sái lần nữa. Sái Hầu phải đem châu báu vàng ngọc ra dâng cho nước Sở và nguyện hàng năm cống lễ xung thần để được tha toàn mạng.

Đọc hai cốt chuyện kể trên, nhận thấy cũng vì sắc đẹp tình ái mà gây nên môi trường chiến tranh chết khổ, như nhà Đường Trung Hoa phải một phen thất điên bát đảo, sông máu núi xương, tiêu hao tài sản. Thật là một trang bi sử hãi hùng. Còn nước Túc thì bị diệt, nước Sái hai lần bị chiếm. Tướng binh, dân chúng chết vì các trận giặc ấy vô số kể, thảo nào Đức Thầy chẳng bảo :

“Tình trường đầy đầy thi hài.
Lạ gì chẳng biết những bài học xưa”

44 – NẪM GAI NẼM MẬT

*“Ngày xưa mấy bậc anh hào,
NẪM GAI NẼM MẬT dạ nào trách
than.”*

(Cảm Tác)

Thành ngữ “*Nằm Gai Nấm Mật*” do câu : “*thường đêm ngựa tằm*”. Có nghĩa đêm nằm trên đồng củi có gai nhọn và ngày thường nếm mật đắng. Ý chỉ cho người nuôi chí phục thù hay thực hiện một sự việc gì, dù cho thời gian có dài dặc hay đau đớn cay đắng thế nào cũng không nhục chí sờn lòng. Xuất phát từ điển tích Việt Câu Tiễn làm vua một chư hầu của nhà Châu, thời chiến quốc Xuân Thu, trước Tây lịch kỷ nguyên 450 năm. Nay là Tỉnh Chiết Giang (TH).

Bấy giờ vua nước Ngô là Phù Sai đem binh đánh nước Việt. Việt Câu Tiễn bại trận, bị Phù Sai bắt cả vợ chồng đem về cầm tù. Ngày thì đày chẵn ngựa, tối bắt ngủ nơi nhà ngục lạnh lẽo, suốt 10 năm như vậy. Sau nhờ vệ thần Phạm Lãi bài kế quì nếm phẩm của Ngô

Phù Sai để đoán bệnh cho y. Vua Ngô vì cảm cái ân tình ấy thả vợ chồng Câu Tiễn về nước.

Khi về đến nước nhà. Câu Tiễn quyết nuôi chí phục thù nên hằng đêm nằm ngủ trên đồng chà (củ) có gai nhọn. Ban ngày trước khi dùng bữa đều nếm một miếng mật đắng để lòng không lãng quên mối nhục hòn vừa qua.

Trải 20 năm nuôi chí và nhờ mưu chước của hai cận thần là Phạm Lãi và Văn Chung, dùng mỹ nhân kế dăng Tây Thi và Trịnh Đáng cho vua Ngô, cũng như hiến gỗ quý cho xây thành Cô Tô. Vay giống lúa tốt, trả giống lúa đã luộc chín, khiến nước Ngô bị thất mùa.

Đến lúc Ngũ Tử Tư chết, nhà Ngô kiệt quệ lương tiền, Câu Tiễn cử quân đánh phá thành Cô Tô và buộc Ngô Phù Sai phải tự sát.

Dùng điển “*nằm gai nếm mật*” qua hai câu giảng nêu trên. Đức Thầy muốn nói : hàng trượng phu chí cả trong đời, khi gặp cảnh khổ đau, cay đắng người ta còn không than phiền chán nản. Huống chi những bậc có bản nguyện : “*vì chúng sinh mà sinh*” và : “*ta chịu u khổ, khổ cho bá tánh*”. Như Đức Thầy trong bối cảnh hiện tình, sá gì chuyện bị người Pháp lưu đày, mưu hại mà nản chí độ

đòi hay sao? Ta hãy đọc thêm hai câu giảng kế tiếp sẽ thấy rõ ý chí của Ngài :

*“Trượng phu chí cả dọc ngang,
Đạo trong bốn biển mới trang Thánh
Hiền.”*

Và Ngài từng cho biết :

*“Thân Ta đâu làm đoạn trường,
Cũng làm cho vẹn chữ thương hơn loài.
Ngài kia thỏa chí làm trai,
Tiếng lành như thể hương bay nức nồng.”*

45 – TRÒ CHUA

*“Chữ tài thường gặp chữ tai,
Trở trêu tạo hóa ông bày TRÒ CHUA.”*
(Cảm Tác)

Trò chua là trò cay nghiệt độc ác, bởi lòng hoài nghi, đố kỵ, ghen ghét mà ra, do điển tích vua nước Kim (Mãn Châu ở phía Đông Trung Hoa).

Nguyên Kim Hoàng rất sủng ái hai vị cung tần, khiến bà Tiêu Hoàng Hậu ngày đêm ghen ghét thường bày mưu tính kế trừ bỏ. Bỗng vua Kim lâm trọng bệnh liền vời Hoàng Hậu lại gần căn dặn; “Khi ta chết hãy chôn

hai cung tần ấy để theo hầu ta”. Nói rồi vua băng hà. Hoàng Hậu nghe theo lời dặn, nhưng trước khi đem chôn sống hai cung tần bà nghĩ : “nếu để toàn thân cho họ thì e khi xuống suối vàng chúng lại được nhà Vua yêu quý hơn trên trần, vì không có ta ở đó”. Nghĩ vậy nên bà bắt hai cung tần đem lóc hết thịt, có ý để khi xuống âm ti hình hài sẽ xấu xí, tất không được yêu; nhưng rồi lại nghĩ : “Hai cung tần đó còn bộ xương nếu xuống cõi âm lại hóa thành người lại được Vua yêu sủng hơn nữa chẳng?” Bà nghĩ ra được cách hoàn toàn hơn là đem tuốt xương hai người ấy ngâm vào giấm chua cho tiêu mòn đi.

Diễn ngữ này xưa nay các nhà văn thường dùng để diễn tả những sự ganh tị ghen ghét quá đỗi mà bày ra làm trò cay độc chua chát.

Trong hai câu giảng nêu trên Đức Thầy có dùng diễn trò chua là để diễn tả hiện tình Ngài đang gặp trò cay độc của kẻ cường quyền Pháp còn thêm làm người hiểm tị ghét ganh. Chớ chẳng phải Ngài thống trách tạo hóa, vì Ngài thừa biết đây là định luật : ngọt, chua, mặn, lạt hay bi, hoan, ly, hiệp sẵn dành cho những ai đặt chân vào cõi Ta Bà, như Ngài từng thốt :

*“Gẫm trong cõi tạm nhiệm màu,
Ngặt mang xác thị t, khó hầu cao bay.”*

46 – LẠC HỒNG

*“Bay mùi thơm cả Tây Đông,
Bắc Nam nhơn vật LẠC HỒNG thành
thời.”*

(Cảm Tác)

*“Giống HỒNG LẠC kim chi ngọc diệp,
Nay đời đời nhiều sự thấp hèn.”*

(Diệu Pháp Quang Minh)

*“Đừng chia lìa Bắc Tở Nam Tông,
Chỉ biết giống LẠC HỒNG thượng cổ.”*

(Nang Thơ Cẩm Tú)

*“Khắp Bắc Nam LẠC HỒNG một giống,
Tha thứ nhau để sống cùng nhau.”*

(Tiếng Chuông Cảnh Tĩnh)

Từ ngữ Lạc Hồng hay Hồng Lạc, tức nói đến họ Hồng Bàng và Long Quân, là các nhà vua đã có công lập quốc và sản sanh dân tộc Việt Nam. ⁽¹⁶⁾

¹⁶ Cũng có sách chép : tiền nhân ta đời thượng cổ, lấy chim Hồng chim Lạc làm vật Tổ, coi như

Nguyên khởi là vua Đế Minh, cháu ba đời của vua Viêm Đế tức là vua Thần Nông đời Ngũ Đế (TH). Nhân đi tuần thú phương nam, đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam, gặp một Tiên nữ, hai người kết duyên và sanh được Lộc Tục. Sau vua Đế Minh cắt đặt cho người con trưởng là Đế Nghi làm vua ở phương Bắc và Lộc Tục làm vua ở phương Nam. Lộc Tục lấy Đế hiệu là Kinh Dương Vương, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ, vào khoảng năm Nhâm Tuất (1872 trước Tây lịch). Bờ cõi nước ta lúc bấy giờ phía Bắc giáp Đông Đình Hồ (Hồ Nam), Tây giáp Ba Thục, Tứ Xuyên, Đông giáp Nam Hải.

Lên ngôi xong Kinh Dương Vương cưới con gái của Động Đình Quân là Long Nữ, sanh ra Sùng Lãm. Sùng Lãm nối ngôi xưng là Lạc Long Quân sánh duyên cùng Âu Cơ, sau sanh ra một cái bọc có 100 trứng và nở được 100 con trai (Đồng bào).

tổ tiên của mình. Chẳng những thờ cúng mà còn vẽ hình đó vào mình để làm dấu riêng của bộ lạc. Đây là hai thứ chim hay đổi chỗ ở theo mùa nóng, lạnh và bay rất cao xa. Người Việt thường di cư theo hướng bay của chim ấy, không sợ lạc ra bờ biển. (Đây dẫn theo Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim)

Khi các người con khôn lớn vua Lạc Long nói với bà Âu Cơ : “Ta là giống Rồng, còn bà là giống Tiên (giống Tiên Rồng) không thể sống mãi như thế này được. Vậy bà hãy đem 50 con về núi, còn ta dắt 50 con xuống mé biển để lập nghiệp”

Do đó người Việt từ đó đến nay cho mình là con Rồng cháu Tiên, hay con cháu Lạc Hồng : “Hồng Lạc giống xưa rất tuyệt vời”.

Sau vua Lạc Long phong cho người con trưởng làm vua nước Văn Lang xưng là Lạc Vương, tức vua Hùng Vương thứ nhất và kế truyền dẫn xuống 18 đời. Vậy kể từ họ Hồng Bàng đời Kinh Dương Vương, Lạc Long Vương và 18 đời Hùng Vương là những triều đại trước tiên từ năm Nhâm Tuất (cuối đời Xuân Thu) 2879 trước kỷ nguyên Tây lịch. Đến năm Quý Mão 238 trước kỷ nguyên Tây Lịch. Cộng lại tất cả là 2621 năm mới bị nhà Thục cướp ngôi.

Dùng điển ngữ Lạc Long hay Lạc Hồng. Đức Thầy muốn nhắc nhở Đồng bào ta nên nhớ đến Tổ Tiên nòi giống. Hễ là con người Việt Nam thì từ Bắc, Trung, Nam đều là nòi giống Lạc Hồng : “Lúc xưa thì cũng ruột rà với nhau”. Và “Cần lao nhẫn nại Lạc Long tổ

truyền”. Vậy chúng ta hiện giờ không nên chia rẽ mà phải thương yêu đoàn kết lẫn nhau để cùng nhau bảo vệ những nền nếp tốt đẹp sẵn có và dìu nhau trên con đường tiến hóa cả đời lẫn Đạo.

.
. .

47 – LONG TUYỀN KIẾM

*“Tỏ ra khí phách trượng phu,
Vung “LONG TUYỀN KIẾM” tận tru
gian thần.”*

(Gọi Đoàn Thanh Niên)

Long Tuyền Kiếm là lưỡi kiếm báu chém sắt đứt như chém bùn, để lâu chiếu ra hào quang và hóa rồng, nên có tên ấy, do hai câu chuyện sau :

1 – Theo điển sử Trung Hoa. Đời Đông Châu, vua Ngô Hạp Lư sai Cang Tương làm ra. Trước hết Cang Tương đi tìm những kim loại tinh anh, rồi chọn ngày giờ, thời tiết tốt, sai 300 đồng nam, đồng nữ ngày đêm đốt than, nấu suốt 3 tháng mà vàng, sắt, thép vẫn không chảy. Cang Tương chẳng biết vì có sao, liền hỏi ý kiến vợ là Mạc Gia.

Người vợ đáp :

– Có lẽ thần vật đọi sinh khí của con người mới thành được, nay phu quân đúc kiếm 3 tháng không xong chắc là như vậy.

Cang Tương nói : – Xưa thầy ta cũng đúc mãi không thành kiếm, bà vợ phải hy sinh tế lò mới nên việc.

Mạc Gia nói :

Thầy ta còn bỏ thân để nên kiếm, ta nay há lại chẳng dám noi theo. Nàng liền tắm gội sạch sẽ, ra đứng ở cửa lò bảo các đồng nam đồng nữ kéo bể đốt than. Khi lửa cháy mạnh thì nàng nhảy vào lò. Được một lúc, các kim loại đều chảy ra, ông mới đúc được hai thanh kiếm báu, liền lấy tên là Cang Tuong và Mạc Gia (lấy tên hai vợ chồng). Cang Tuong đem cây Mạc Gia kiếm dâng cho vua Ngô, còn cây Cang Tuong thì dấu lại giữ mình. Ngô Hạp Lư cầm thanh kiếm chém thử vào tảng đá, đá bị đứt hai ngọt xót, vua liền tặng cho Cang Tuong 100 nén vàng.

Thời gian sau vua biết Cang Tuong còn giữ lại một thanh kiếm nên buộc phải đem nạp, bằng không sẽ bị tử hình. Sứ giả đến nơi, Cang Tuong vào lấy thanh kiếm ra xem, thanh kiếm nằm trong vỏ tự nhảy ra hóa hình con rồng xanh. Cang Tuong liền cưỡi rồng bay lên trời đi mất. Sứ giả về tâu lại, vua Hạp Lư thở dài, từ đó vua quý thanh kiếm Mạc Gia lắm.

- Chuyện thứ hai : Sau đó khoảng 600 năm thuộc về đời Tấn (TH) có quan Thừa Tướng là Trương Hoa, đêm thấy trên nền trời có khí lạ liền triệu một người giỏi về thiên văn là Lô Hoán đến xem và hỏi?

Lôi Hoán nói : “Đó là cái tinh hoa của bảo kiếm, ở vào địa phận Phong Thành. Trương Hoa tức khắc bổ Lôi Hoán làm tri huyện ở xứ đó để tìm kiếm báu”.

Một hôm Lôi Hoán nhân đào hầm lấy đất đắp nền nhà bắt gặp được cái hòm bằng đá, dài hơn 6m, rộng hơn 3m. Khi mở ra xem trong đó có hai thanh kiếm, dùng đất ở núi Tây Sơn mà đánh bóng thì ánh sáng phóng ra rực rỡ. Lôi Hoán dâng về Trương Hoa một cây, còn một cây lưu lại để dùng. Trương Hoa xem kiếm rồi bảo : “Đây là kiếm Cang Tuong, còn kiếm Mạc Gia đi đâu mất, nhưng thần vật thể nào rồi cũng hợp lại với nhau”.

Sau Lôi Hoán và Trương Hoa cùng đeo kiếm đi qua bến Diêm Đình, tự nhiên hai thanh kiếm đều phóng xuống nước mất. Hai ông liền sai người lặn xuống tìm thì thấy hai con rồng ngũ sắc vênh râu, trừng mắt, khiến thợ lặn hoảng sợ trời lên không dám xuống nữa.

Theo truyền sử thì những thanh kiếm báu thình thoảng cũng có xuất hiện, nhưng chỉ dành cho những bậc Thánh vương và các anh hùng tướng soái để trừ gian dẹp loạn hoặc đánh đuổi xâm lăng, bạo chúa hầu cứu dân cứu nước. Như vua Lê Lợi nước Nam ta, lúc

chưa đến thời. Ông đi đánh cá dưới hồ, khi kéo lưới lên, bỗng được thanh kiếm báu.

Sau đến thời kỳ, ông khởi nghĩa đánh đuổi được quân Minh đem lại nền tự do cho nước nhà. Khi xong nhiệm vụ trở về già, vua Lê Lợi đang bơi thuyền dạo chơi dưới hồ, bỗng gặp thần Kim Qui thâu gươm lại. hiện giờ còn dấu tích “hồ Hoàn Kiếm”, cũng gọi là Hồ Gươm ở gần Hà Nội (Bắc phần Việt Nam).

Qua hai câu giảng nêu trên, Đức Giáo Chủ PGHH dùng thành ngữ “Long Tuyền Kiếm” là dụng ý ca ngợi tinh thần yêu nước của các anh hùng dân tộc, và để bài trừ những kẻ gian tà nịnh tặc, mãi quốc cầu vinh qua bất cứ thời đại nào.

48 – BÌNH NGÔ

*“Tiếng roi lại BÌNH NGÔ sát đất,
Sử xanh còn ngào ngạt hương thơm.”*

(Gọi Đoàn Tráng Sĩ)

Thành ngữ “Bình Ngô”, nói cho đủ là “Bình Ngô Đại Cáo”, tức là lời bố cáo rộng cho khắp chúng dân hay về việc vua Lê Thái Tổ và quân dân ta đã đánh đuổi được giặc Minh ra khỏi bờ cõi Việt Nam.

Bản “Bình Ngô Đại Cáo” do vị Đệ nhất công thần Nguyễn Trãi thừa lệnh vua Lê làm ra. Trong bài này cụ đã dùng tài văn chương ca ngợi công nghiệp đánh đuổi giặc Minh, đem lại nền độc lập thanh bình cho quốc dân ta thời đó. Lời lẽ trong đây rất hùng hồn sắc bén, nêu cao dũng khí của người xưa và tinh thần bất khuất của dân tộc ta. Thật là áng văn kiệt tác và bất hủ, đọc đến ai cũng lấy làm hãnh diện và hứng khởi trước cảnh vinh quang của đất nước. Cho nên khi nhắc đến bài “Bình Ngô Đại Cáo” ai ai cũng nhớ đến cụ Ươ Trai Nguyễn Trãi là Vị Quân Sư Khai Quốc Công Thần dưới trào nhà Lê.

Cụ là con trai của ông Bảng Nhân Nguyễn Đức Long. Hiệu là Phi Khanh, quê ở làng Thị Ngại, Huyện Thượng Sơn (Chí Linh) tỉnh Hải Dương, nay là tỉnh Hà Đông (Bắc Phần Việt Nam).

Năm 21 tuổi cụ thi đậu Thái Học Sinh dưới thời Hồ Quý Ly. Khi nhà Minh đưa chiêu bài giả tạo : “Diệt Hồ Phù Trần” để thôn tính Việt Nam; thế là nhà Hồ bị bắt đem về Kim Lăng. Cụ Phi Khanh cũng bị bắt theo, Nguyễn Trãi bị n rịn không rời, quyết theo cha để sớm hôm phụng dưỡng, nhưng thân phụ không cho, bảo ông phải ở lại quê nhà làm tròn nghĩa vụ nợ nước thù nhà.

Ông vâng lời trở về ẩn sĩ và lo học tập lâu thông binh pháp trận đồ, chờ đến lúc Bình Định Vương Lê Lợi khởi nghĩa tại Lam Sơn, ông đến hợp tác và dâng lên vua một chiến sách “Bình Ngô”. Vua rõ được tài ba của ông nên rất vui mừng chấp nhận, liền phong ông làm Quân Sư.

Thật là “Minh Quân Lương Tể”, suốt 10 năm gian khổ chống giặc, lúc nào vua tôi cũng kề cận bên nhau. Khi bình giặc xong, vua Lê lên ngôi, Nguyễn Trãi được phong chức Quan Phục Hầu, được cải sang nhà họ Lê, tức là Lê Trãi kiêm chức Nhập Nội Hành Khiển – một chức quan to nhất trong triều, đặng vào ra cung điện bất cứ lúc nào.

– Về sự nghiệp văn chương của ông, ngoài bài “Bình Ngô Đại Cáo” và “Ức Trai Thi Tập” (gồm 100 bài thơ dài ngắn lấy bút hiệu là Ức Trai) ông còn sáng tác rất nhiều tác phẩm khác, tất cả đều nhằm vào mục đích lợi dân ích nước giáo huấn các giới dân chúng.

Đến lúc 60 tuổi, ông lui về trí sĩ tại Côn Sơn, Huyện Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, nơi trước kia ngoại tổ của ông là Trần Nguyên Đán đã trí sĩ và có chùa của Huyền Quang Tôn Sư, đệ Tam Tổ phái Trúc Lâm – một tông phái phát xuất từ dân tộc tính Việt Nam.

Ngày nay, nhắc đến bài “Bình Ngô Đại Cáo”, Đức Thầy có dụng ý kêu gọi Đoàn Tráng Sĩ noi gương xưa để xây dựng đoàn kết đánh đuổi ngoại xâm, bảo tồn dân nước. Ta thử đọc thêm một đoạn kết :

*“Nay vận nước đến hồi thanh thái,
Chỉ anh hùng ta hãy noi gương.
Một mai nước được phú cường,
Tấm thân tráng sĩ cột nường nhà Nam.”*

49 – SÁT ĐÁT

*“Tiếng roi lại bình ngô SÁT ĐÁT,
Sử xanh còn ngà ngọc hương thơm”*
(Gọi Đoàn Tráng Sĩ)

Từ ngữ “Sát Đát” phát xuất từ đời Trần (Việt Nam), do chống quân Mông Cổ mà ra. Chữ sát là giết phạt, Đát là quân Mông Cổ, cũng gọi là giặc Nguyên.

Đời vua Trần Nhân Tông trị vì, vào năm Giáp Thân 1283 vua Nguyên (bấy giờ đã lấy hết nước Trung Hoa) sai Thái Tử Thoát Hoan và bọn Toa Đô. Ô Mã Nhi dẫn 50 vạn quân

sang đánh nước Nam ta. Họ viện có mượn đường Việt Nam đi đánh Chiêm Thành, nhưng vua ta đã rõ được cơ mưu của họ nên cử Trần Hưng Đạo Vương làm Tiết chế thống lãnh ba quân chống giặc.

Song vì quân ta ít, lính giặc quá đông nên lúc đầu quân ta phải yếu thế. Vua vời Hưng Đạo Vương đến nói : “Thế giặc to như vậy mà chống đối với nó thì quân ta bị tàn hại, hay là Trẫm hàng đi để cứu muôn dân”.

Hưng Đạo Vương liền tâu : “Bệ hạ nói câu ấy rất là nhân đức, nhưng tôn miếu xã tắc thì sao? – Nếu bệ hạ muốn hàng thì xin trước hãy chém đầu thần rồi sau hãy hàng”

Vua nghe lời nói trung liệt như vậy lòng mới yên. Vương liền chiêu tập các đạo quân hội tại Vạn Kiếp ngày đêm lo luyện tập. Ngài còn viết ra bài “Hịch” truyền đi khắp nơi, khiến quân dân tướng sĩ đều nức lòng chiến đấu. Người nào cũng lấy kim mộc chích vào cánh tay hai chữ “Sát Đát”. Nghĩa là giết quân Mông Cổ.

Thế là hai lần giặc Mông Cổ xâm lấn nước ta đều bị quân ta đánh bại và danh chữ “Sát Đát” có từ đây.

Dùng từ ngữ “Sát Đất” Đức Thầy có ý nhắc đến chiến công oanh liệt của Hưng Đạo Vương đời Trần và quân dân ta 2 lần đánh bật quân Mông Cổ ra khỏi bờ cõi. Cũng để kêu gọi toàn dân hãy đứng lên đuổi giặc ngoại xâm (người Pháp), bảo tồn dân nước để đồng bào ta được tự do hạnh phúc. Ta hãy đọc thêm một đoạn trong bài : “Tặng Đoàn Thanh Niên Ái Quốc” để hiểu thêm lời kêu gọi của Ngài :

“Từ Nam ra Bắc xa ngàn,
 Nhưng lòng phải một mới toàn mưu hay.
 Chừ ! đâu có đảng cay rán chị u,
 Đợi cơ trời kết liễu thù chung,
 Làm cho rõ mặt anh hùng,
 Làm cho đi ch thử rùng rùng bố tay.”

50 – BẠNG DUẬT TƯƠNG TRÌ

“Giống nòi nữ giết nhau chi?
 BẠNG DUẬT TƯƠNG TRÌ lợi lũ ngư ông.”
 (Tự Thán II)

Thành ngữ “BẠNG DUẬT TƯƠNG TRÌ” có nghĩa con trai (ngao) và con cò cắn náu nhau thì ông chài được lợi. Ý chỉ cho hai người hoặc hai nhóm, hai nước mãi tranh nhau, tất phải

hở nhiều phía nên bị kẻ thứ ba thừa cơ tóm hết cả hai; phát xuất từ điển tích như sau :

Thời Xuân Thu, nước Tâu (TH) chia ra làm nhiều nước nhỏ, bấy giờ nước Triệu mưu tính đánh nước Yên. Tô Tần vì nước Yên sang nói với vua Huệ Vương nước Triệu : - Vừa rồi trên đường sang đây tôi thấy trên sông Dịch Thủy có một con trai hỏ miệng phơi mình trên bãi, bỗng có con cò chạy đến mổ trai. Trai liền ngậm miệng lại kẹp chắc lấy mỏ cò. Cò nói :

- Ngày nay và ngày mai trời không mưa chắc có khô trai ăn !

Trai liền nói lại :

- Nay và mai người cũng không rút được mỏ ra thì ắt có khô cò ăn !

Hai con chẳng con nào nhượng con nào, bỗng chốc có ông chài vừa bơi xuống tới chài một cái bắt hết cả hai. ⁽¹⁷⁾

Nay nếu Bệ hạ sai quân đánh nước Yên, bên nước Yên tất phải chống lại. Hai bên đều hao binh tổn của và cũng suy yếu cả, e nước Tần thừa cơ hội đánh lấy cả hai nước. Chùng ấy Bệ Hạ có hối cũng không kịp. Vua Huệ nghe được liền ra lịnh bãi binh.

¹⁷ Bạng duật tương trì lợi lữ ngư ông.

Đức Thầy viết thành ngữ này trong hai câu thơ nói trên, là có dụng ý kêu gọi đồng bào ta hãy tránh nạn chia rẽ, nòi da xáo thịt. Cần phải xây lung đoàn kết lẫn nhau để lo đánh đuổi xâm lăng bảo tồn dân nước, như Ngài đã nhiều lần kêu gọi :

“Khắp Bắc Nam Lạc Hồng một
giống,
Tha thứ nhau để sống cùng nhau
Quý nhau từ giọt máu đào,
Để đem máu ấy tưới vào đì ch quân”

51 – MƯỜN GƯƠNG LÊ LÝ

“Nước mất đâu để ngồi an,
MƯỜN GƯƠNG LÊ, LÝ dẹp tan quân
thù.”

(Tể chiến sĩ trận vong Vườn Thơm)

Bốn chữ “Mười Gương Lê, Lý” là Đức Thầy muốn nhắc đến điển vua Lê Lợi và danh tướng Lý Thường Kiệt. Hai vị anh hùng này đã làm nên các chiến công hiển hách cho quốc dân Việt Nam.

1 - Vua Lê Lợi; người làng Lam Sơn, Huyện Thị Nguyên, Phủ Tiên Hoàng. Tỉnh Thanh Hóa. Trải mấy đời thân quyến sống nghề nông, gia đình giàu có, tài đức hơn người. Ông thường giúp kẻ nghèo khó, cô quả, nên được mọi người quanh vùng mến phục. Bấy giờ giặc Minh khuyến dụ ông ra làm quan, nhưng ông không nhận. Ông thường nói : “làm trai sanh ra trong đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời” một hôm, ông đi chài cá, bỗng kéo lên được lưới kiếm chiếu ra ánh sáng, ông biết là “bảo kiếm” nên đeo vào người. Từ ấy ông nuôi chí lớn... Vì thấy nhà Minh cai trị dân ta quá tàn ác, đâu đâu cũng chung chịu cảnh làm than cơ cực, ông lo tích lũy lương tiền, ngựa voi, khí cụ và chiêu tập anh hùng các nơi để chờ cơ đuổi giặc.

Đến mùa Xuân năm Mậu Tuất 1418, ông tự xưng là Bình Định Vương, khởi nghĩa đánh giặc Minh. Bấy giờ có Nguyễn Trãi và hào kiệt bốn phương kéo về hợp tác. Qua mười năm kháng chiến, Bình Định Vương và tướng sĩ đuổi được quân Minh ra khỏi bờ cõi đem lại nền tự chủ cho nước nhà, Ngài mới lên ngôi tức là Thái Tổ nhà Lê.

Lúc tuổi già, một hôm vua cho bơi thuyền chơi trên mặt hồ, bỗng thấy thần Kim Qui

xuất hiện lợi ngay lại thuyền. Vua liền rút kiếm báu chém một cái, không ngờ thần Kim Qui há miệng cắn lưỡi kiếm lặn mất. Vua mới hiểu ra mình đã hoàn thành nhiệm vụ, tất phải trả kiếm lại cho nguyên chủ.

2 – Lý Thường Kiệt : Ông sanh thời hậu Lý ở phường Thái Hòa. Huyện Thọ Xương (Hà Nội). Ông có sức khỏe hơn người và lâu thông thạo binh lược pháp, tài kiếm văn võ. Những công lao bảo vệ quốc dân của ông, chẳng những vang danh thời đó, mà còn làm cho hậu thế ca ngợi, nhắc nhở muôn đời, qua bài chiến công đáng kể : “*Bắc phạt Tống, Nam bình Chiêm*”.

Theo sử chép : vào năm Ất Mão (1075) bấy giờ nhà Tống bên Tàu (TH) muốn xâm lấn nước ta, sai Lưu Bí khiêu khích phá khuấy biên thù. Vua Lý Nhân Tông liền sai Lý Thường Kiệt và Tôn Đản, cử 10 vạn binh chia, làm hai đạo tiến đánh phủ đầu giặc Tống, chiếm được ba Châu : Khâm Châu, Liêm Châu và Ung Châu. Tiêu diệt hơn 10 muôn binh Tống và gom hết của tiền châu báu chở về nước. Tống Triều nổi giận sai Quách Quì và Triệu Tiết cử đại binh hiệp với hai nước : Chiêm Thành và Chân Lạp (Miên) sang đánh báo thù.

Được tin ấy Lý Thường Kiệt tức tốc chia quân chặn đánh tại sông Như Nguyệt, quân giặc tiến lên không được, nhưng ông thấy giặc đông hơn quân ta gấp bội; sợ chiến sĩ thối chí nên ông làm một bài thơ nói rằng của Thần Thánh ban cho để kích thích lòng hăng chiến các binh sĩ :

*“Nam quốc sơn hà Nam đế cư,
Tiệt nhiên đị nh phận tại thiên thư,
Như hà nghị ch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”*

Nghĩa :

*Núi sông Nam Việt, vua Nam ở.
Đị nh phận đã ghi bởi số trời.
Cớ sao quân Bắc sang xâm lấn?
Chúng giặc rồi đây cũng bại thôi !*

Nhờ vậy mà quân Nam ta hăng hái đánh giặc và đẩy lùi được binh Tống.

– BÌNH CHIÊM : Đến năm Quý Mùi (1103) nhân có bọn Lý Giác ở Diễn Châu, Nghệ An làm phản, Lý Thường Kiệt liền đem quân vào đánh. Giác thua chạy sang Chiêm Thành, nhờ vua nước ấy là Chế Na Na trợ giúp rồi lại họp quân nước ấy trở lại đánh lấy ba Châu⁽¹⁸⁾ mà

¹⁸ Ba châu ấy là : Địa Lý, Mê Linh và Bố Chính.

trước kia vua Chiêm Thành đã hiến dâng cho nước ta.

Vua Lý Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt đem quân vào đánh đuổi. Chế Na Na thua chạy, xin trả lại ba châu và triều cống như trước.

Bình Chiêm xong trở về được một năm thì ông mất, thọ được 86 tuổi. vua Lý Nhân Tông phong tước Trung Phụ Công, lại gia phong mỹ tự và Dũng Vũ. Sau vua Trần Anh Tông tấn phong ông là : “Uy Thắng Đại Vương”.

Dùng thành ngữ “Mượn Gươm Lê Lý” qua hai câu thơ trên, Đức Thầy muốn nhắc đến hai chiến công oanh liệt của hai vị anh hùng Việt Nam là Lê Thái Tổ và Lý Thường Kiệt. Ý để kêu gọi toàn dân hãy noi gương ấy mà hăng hái đứng lên chống đuổi giặc ngoại xâm. Dem lại nền tự chủ cho nước nhà.

52 – MỘNG VÕ HẦU

“Nào ai dám sánh mình Minh triết,
Mà dám lăm le MỘNG VÕ HẦU”

(Đáp lời Cụ Phạm Thiệu)

MỘNG VÕ HẦU là mộng làm Tể Tướng, hay Quân Sư của một quốc gia. Ý chỉ mộng công danh phú quý. Danh từ này phát xuất từ điển tích Khổng Minh đời Tam Quốc (TH).

Khổng Minh tên tộc là Gia Cát Lượng, sanh thời Tam Quốc (234 – 181 trước Tây lịch). Con của Gia Cát Khúc, em Gia Cát Cẩn. Gặp thời loạn lạc (Mạt Hồn) ông đến ở ẩn đất Nam – Dương, tại Ngọa Long Cương, nên có hiệu là Ngọa Long tiên sinh, ông thường ví mình như Quán Trọng, Nhạc Nghị thời xưa.

Sau ba anh em Lưu Bị, Quan Công, Trương Phi ba lần đến thảo am cầu xin ông về giúp, thấy ba anh em quá nhiệt tình nên ông ưng thuận.

Khổng Minh là bậc túc trí đa mưu, tinh thông thiên văn, địa lý và binh pháp. Ngồi trong thảo am vẫn biết cuộc diễn tiến của đất nước Trung Hoa ra sao. Một mình sang Đông Ngô, ông chỉ dùng 3 tấc lưỡi phá 80 muôn binh của Tào Tháo (Trận Xích Bích). Ngồi một chỗ dẹp năm Đạo quân của Bắc Ngụy... đã chết còn làm cho cha con Tư Mã Ý kinh tâm tán đởm. Ông giúp Lưu Bị từ trong thế cùng lực kiệt, dựng nên cơ nghiệp. Từ quyền Tổng quản điều khiển quân nhung, đến địa vị Quân Sư Thừa tướng. Khi Lưu Bị từ trần. Lưu

Thiện nổi ngôi phong cho ông là Võ Vương Hầu ⁽¹⁹⁾ và tôn ông là Thượng phụ của Vua.

Sở dĩ trong hai câu thơ đáp lời cụ Phạm Thiều. Đức Thầy có dùng chữ Võ Hầu (tước vị của Khổng Minh) vì cụ Phạm Thiều trong bài thơ mời Ngài tham chánh thời ấy, cụ có viết :

*“Non sông chờ đợi người Minh triết,
Chớ để danh thơm chỉ Võ Hầu.”*

Nghĩa là cụ Phạm Thiều xưng tặng Đức Thầy là bậc Triết nhân tài đức, có thể đảm trách vai trò quân sư hay Tể Tướng Như Khổng Minh (Võ Hầu), nhưng tại sao Ngài còn ngần ngại chẳng chịu ra giúp nước cứu dân, vì non sông đang chờ đón những người như Ngài, nên e cho một ngày kia danh nghĩa và tài đức của Ngài phải mai một đi chăng?

Nên Đức Thầy mới đáp lại :

Đại ý Ngài không bao giờ cho rằng mình là hàng minh triết và cũng không hề có cao vọng làm công hầu khanh Tướng Như bao nhiêu người đã tưởng, qua hai họa đáp :

*“Nào ai dám sánh mình minh triết,
Mà dám lăm le mộng Võ Hầu.”*

¹⁹ Có chỗ biên là Võ Hương Hầu.

53 – BẠCH ĐĂNG GIANG

“BẠCH ĐĂNG GIANG công nghiệp ấy ai bằng,

Quần Việt ít đánh tan Mông Cổ mạnh.”

(Kỷ niệm rừng Chà Là)

Bạch Đăng Giang là con sông Bạch Đằng chảy qua các tỉnh : Bắc Ninh, Hải Hưng và Quảng Yên, đổ ra vịnh Bắc Việt, do câu :

“Bạch Đằng Giang vương nghiệp sáu năm.”

Nhắc đến Bạch Đằng Giang, tức muốn nói đến hai chiến công rực rỡ mà trước kia ông cha ta đánh đuổi xâm lăng, qua hai trào nhà Ngô và nhà Trần.

Chiến công thứ nhất là Ngô Quyền chiến thắng giặc Nam Hán :

Thời nước ta tự chủ, có ông Ngô Quyền ở làng Đường Lâm, Huyện Phú Thọ, Tỉnh Sơn Tây (Bắc Phần Việt Nam) là con của vị quan Mục Phong Châu tên Ngô Mân. Khởi nguyên, Ngô Quyền làm thuộc tướng của Dương Diên Nghệ bị Kiều Công Tiễn giết và cướp ngôi, ông bèn kéo binh về phá thành giết được Kiều Công Tiễn.

Trước khi chết, Kiêu Công Tiễn có thông đồng với nhà Nam Hán (TH). Vua Hán nhân cơ hội ấy thực hiện mộng xâm lăng, liền sai Thái Tử Hoàng Thao dẫn 15 muôn binh tiến theo đường thủy còn y thì thống lĩnh 10 muôn binh đi đường bộ sang đánh nước ta.

Được tin ấy Ngô Quyền đem quân đón giặc tại sông Bạch Đằng. Ông cho quân đóng cọc, đầu bịt sắt nhọn cắm lút dưới mặt nước. Khi chiến thuyền của giặc vào sông Bạch Đằng, vượt qua cửa Lục Đầu đúng lúc nước lớn, ông cho thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi tháo lui, quân giặc đuổi theo qua khỏi chỗ có đóng cọc thì bị binh mai phục của ta đổ ta đánh bất ngờ làm quân giặc thua, rút chạy. Bấy giờ gặp lúc nước ròng xuống nên thuyền giặc bị chạm vào cọc nhọn tan vỡ, lính Nam Hán chết vô số. Ngô Vương bắt được Hoàng Thao đem về giết tại thành Đại La.

Hán chúa Lưu Cung được tin đại binh bại vong, con chết nên lo buồn hoảng sợ, rút quân thẳng về Phiên Ngung (TH). Thắng quân Nam Hán, Ngô Quyền lên làm vua, đóng đô tại thành Cổ Loa. Ông làm vua được 6 năm, mất vào năm Bính Thìn (944) thọ được 47 tuổi (897 - 944).

Chiến công thứ hai của Hung Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, vị Đệ nhất Công Thần Đờì Trần, chiến thắng quân Mông Cổ.

Ông quê ở làng Tức Mạc, Huyện Kỳ Lộc, phủ Trường Xuân (bắc phần Việt Nam). Thân sinh là An Sinh Vương Trần Liễu, thuộc dòng tôn thất nhà Trần. ông đã hai lần chiến thắng đuổi quân Nguyên (Mông Cổ) ra khỏi bờ cõi. Đây xin kể trận chiến thắng tại Bạch Đằng Giang.

Sau các trận chiến thắng như : Hàm Tử Quan, Chương Dương Độ, Tây Kết... Thoát Hoan Thái Tử Mông Cổ phải chui vào ống đồng mà trốn về Tàu. Đến mùa thu năm Đinh Hợi (1287) Thoát Hoan lại kéo 30 muôn binh sang phục thù.

Hung Đạo Vương được tin lo phòng bị ngăn giặc, mặt khác sai Trần Khánh Dư đánh tan đoàn thuyền vận lương. Ngài đoán biết thế nào quân giặc cũng thối binh, nên cho binh tướng phục kích tại sông Bạch Đằng. Cũng áp dụng thế chiến của Ngô Quyền khi xưa, lấy cọc bịt sắt nhọn đóng một khúc sông. Chờ nước thủy triều lên cho thuyền nhỏ ra như giặc, khi thủy triều ròng xuống thì rút lui cho giặc lọt vào ổ phục kích. Ngài mới ra lệnh tấn công... Quân giặc lớp bị bắt, lớp bị giết vô số...

Nhận thấy 30 vạn quân Nguyên nhiều gấp mấy lần quân ta, thế mà nhờ mưu lược cộc chiến tại sông Bạch Đằng nên quân ta toàn thắng, tạo thành một chiến công lịch sử muôn đời.

Đức Thầy dùng ba chữ Bạch Đằng Giang là để nhắc lại hai chiến công oanh liệt vẻ vang của ông cha ta thuở trước. Và cũng để kêu gọi toàn dân hăng hái đứng lên đánh đuổi ngoại xâm (Pháp) hầu giành lại nền độc lập cho quốc dân, như Ngài từng thốt :

“... Tiếng vang độc lập reo hò,
 Từ Nam chí Bắc nung lò khí thiên
 Quyết phen này kết liên một khối,
 Đem máu đào tắm gội giang san

Và :

“Liều mình đục pháo xông tên,
 Liều mình giết giặc xây nền tự do.”

Tập 11

ĐIỂN TRIẾT

*“Triết ẩn văn chương thông nghĩa lý,
Tu thân xử kỷ đạt cơ màu.”*

Thiền Tâm

1 – DANH LỢI CHẲNG MÀNG

*“Nghĩ suy DANH LỢI CHẲNG MÀNG,
Bền lên ăn dật lâm san tu trì.”*

(Sấm Giảng Quyển Nhứt)

Bốn chữ “Danh Lợi Chằng Màng” là chỉ cho người không còn bị ngũ dục chi phối, thường hay ăn mình nơi thanh tịnh, ít tiếp xúc với mọi người để lo tu tâm dưỡng tánh.

Xuất phát từ nhiều điển tích, ở đây xin diễn hình một câu chuyện :

Vào thời Ngũ Đế (Trung Hoa), vua Nghiêu đang trị vì. Bấy giờ có hai người bạn cùng ăn sĩ, thường chơi thân với nhau là Hứa Do và Sào Phủ, vua Nghiêu được nghe tiếng Hứa Do là bậc hiền tài đức độ, nên mời ông về trào tở ý nhường cả thiên hạ cho ⁽²⁰⁾ Hứa Do từ chối rồi lui về ở ẩn tại núi Trung Nhạc, phía Nam sông Dịch Thủy.

²⁰ Người xưa truyền hiền bất truyền tử.

Sau vua Nghiêu lại tìm đến nơi, cố mời ông làm Tổng quản cả chín châu, Hứa Do cũng từ chối hẳn. Khi vua về rồi ông đi thẳng ra bờ sông Dịch Thủy, xuống nước rửa lỗ tai mãi. Ngay lúc ấy, Sào Phủ đang dắt trâu xuống tới bờ sông định cho trâu uống nước, bỗng gặp Hứa Do đang rửa tai, ông liền hỏi :

– Việc gì mà anh phải rửa lỗ tai mãi thế !

Hứa Do ngó lên đáp :

– Vua Nghiêu mời tôi cầm quyền thiên hạ, tôi không muốn danh lợi làm bẩn tai nên phải rửa.

Sào Phủ nghe nói liền dắt trâu lên quăng sông trên nước mới cho uống.

Hứa Do thấy lạ hỏi :

– Tại sao anh làm thế?

Sào Phủ đáp :

– Vì tôi sợ trâu tôi uống phải nước bẩn của anh rửa tai trôi xuống.

Sào Phủ trả lời xong vừa cười vừa hỏi tiếp :

– Anh đã làm gì đến nỗi vua Nghiêu biết anh là người hiền trong thiên hạ mà đón anh ra làm vua?

Hứa Do nghe chỉ mỉm cười...

Đọc câu chuyện chắc ai cũng cho là kỳ lạ. Vua mời nhường ngôi báu, mình không chịu thì thôi, cần gì phải xuống mé sông mà rửa lỗ tai?

Còn một người khi nghe đến chuyện ấy liền đuổi trâu lên, không cho uống nước dưới dòng. Còn một điều kỳ lạ nữa là câu hỏi sau cùng : “anh làm gì đến nỗi để vua biết anh là người hiền tài mà mời về truyền ngôi?”

Việc mới nghe qua hình như là quá đáng, nhưng xét cho kỹ thì rõ ra các bậc đã có chí ẩn dật tu hành thì lòng không hề để cho vị danh hay quyền lợi gì vướng bận. Đây quả là một bài học quý giá để cho đời sau, và dành cho những ai muốn đạt đến chỗ “vô danh, vô ngã” và “vô sanh, bất diệt”.

2 – DẤU ĐẦU LỜI ĐUÔI

*“Duong gian chậu úp đượ voi,
DẤU ĐẦU rồi lại cũng LỜI sau ĐUÔI.”*

(Sấm Giảng Quyển Nhứt)

– Ngạn ngữ có câu : “không ai lấy thúng mà úp voi”. Bởi con voi thì lớn, cái thúng hoặc cái chậu thì nhỏ, không thể nào úp trọn

ven con voi cho được. Hễ úp kín cái đầu thì lộ cái đuôi mà kín cái đuôi lại lộ cái đầu. Cho nên thành ngữ “đầu đầu lòi đuôi” ngụ ý chỉ cho những việc làm gian tà ám muội, sớm muộn gì cũng bị bày lộ, không thể dấu ai được. Xuất phát từ câu chuyện Đắc Kỷ và bọ Hồ Ly trong truyện Phong Thần :

Vào cuối đời Thương (Trung Hoa) có Ân Thọ tức là Trụ Vương, vì quá say sắc đẹp của Đắc Kỷ (nguyên là Hồ Ly Tinh).

Đắc Kỷ dối gạt vua Trụ, khi xây cất Bá Lộc đài xong sẽ có chư Tiên giáng thế. Trụ Vương tưởng thiệt tin theo, liền ra lệnh cho Đốc công, dân thợ ngày đêm làm việc ráo riết cho đài mau rồi.

Khi Bá Lộc đài cất xong, Đắc Kỷ thông tin cho quyến thuộc nhà Chồn hay, kẻ biến hình Tiên Ông, người biến Tiên Cô đang vân đến dự tiệc. Vua Trụ bắt Hoàng Thúc Tỹ Càng hầu bàn đãi rượu.

Tỹ Càng bắt mẫn nhưng vì lệnh vua nên ông chẳng dám cãi. Các giả Tiên mê ăn uống say mềm, tà phép hết linh, lòi đuôi ra ngoài bay hơi Chồn nực mũi.

Tỹ Càng nhờ mạnh rượu không say, nên lên về bàn với Hoàng Phi Hổ, cho binh tướng theo dõi đám giả Tiên. Bởi ăn uống quá no say bọ

ấy đặng vắn không nổi, đành dìu nhau kéo bộ ra về. Hoàng Phi Hồ chờ cho bọn giả Tiên chui vào hang xong liền sai đốt chết rụi hết.

Khi lửa tắt, bởi tro ra thấy toàn là xác Chồn. Tỷ Cang và Hoàng Phi Hồ truyền lột da Chồn may áo hồ cừu dăng vào trào để can vua Trụ.

Dùng thành ngữ này qua hai câu giảng nói trên, Đức Thầy có ý ám chỉ những người trong giới quan trường hoặc khoác áo nhà tu chuyên hành động việc tà mê mị dối, gạt gẫm chúng dân thì sớm muộn gì cũng bày lộ chân tướng và chuốc lấy tai họa bìa tiếng xấu muôn đời.

3 – HỌA PHƯỚC VÔ MÔN

*“Chỉ rằng HỌA PHƯỚC VÔ MÔN,
Đáo đầu cũng phải xác hồn tiêu tan.”*
(Sám Giảng – Quyển Ba)

Thành ngữ “Họa phước vô môn” do câu sách trong Minh Tâm Bửu Giám; “Họa phúc

vô môn duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo như ảnh tùy hình”. (Họa phúc không có của, chỉ do con người tự dòi lấy mà thôi. Còn sự báo ứng của việc lành hay dữ cũng như bóng với hình). Xưa nay có rất nhiều điển tích chứng minh. Đây xin lược kể một vài chuyện :

1 – Ngày xưa có một anh chàng sống miền đồng ruộng, thường chất đống cỏ trước sân nhà để phơi khô chum. Một buổi sáng sớm anh vừa bước ra sân, bỗng nghe tiếng kêu tích tích, vội vạch đống rom ra thì bắt được con trĩ. Anh rất vui mừng cho rằng mình có phúc bèn để y đống cỏ đó. Cách vài hôm sau, anh cũng nghe tiếng kêu tích tích liền vạch đống cỏ ra hy vọng bắt được con trĩ, không ngờ bị con rắn cắn vào tay rồi chết.⁽²¹⁾

Đây có phải họa hay phúc tự mình tạo gây không?

2 – Sách Phật học có chép, Tiền kiếp của vua Lương Võ Đế (Trung Hoa) là một tiểu phu nhà nghèo. Một hôm ông đi đốn củi, gặp một cốt Phật dựng đứng ở giữa trời, mặc cho nắng cháy mưa chan; kích động thiện tâm, ông liền lột cái nón toi của mình đội lên cho Phật cốt,

²¹ Dẫn theo cổ học Tinh Hoa.

phần mình nắng mưa chẳng nệ. Nhờ đó nhiều kiếp sau ông được làm vua.

Và cũng trong kiếp tiền phu ấy thường ngày ông đi đốn củi có mang gói com theo để trên vồ đá, khi đốn củi xong ông sẽ ăn rồi về.

Hôm nọ, luôn hai ngày ông bị mất hai gói com như vậy. qua ngày thứ ba, ông cũng để gói com chỗ cũ rồi giả vờ ra đi, nhưng lộn trở lại rình xem, bỗng thấy một con khỉ đến ôm gói com chạy đi. Ông tức rượt theo, con khỉ chạy chun xuống một hang đá gần đó. Ông lấy đá lấp hang, khi ăn hết com rồi chết đói luôn ở trong hang; nên kiếp sau ông làm vua bị Hậu Kiến (hậu thân của con khỉ) lập mưu cướp ngôi, thừa lúc ông vào Đài Thành, rồi cho quân vây chặt, khi hết lương thực ông phải chết đói trong đó.

Thành ngữ “Họa phúc vô môn” đã nói lên luật nhân quả rất nghiêm minh, làm lành hưởng phúc, tạo ác mang tai, cũng như ai “gieo gió thì gặp bão”, không hề sai chạy.

Cổ nhân có nói :

*“Xuân một hạt giống gieo,
Thu gặt nghìn thóc mễ.
Người đời tạo chữ lành,
Quả báo y như thế”*

Cho nên Đức Giáo Chủ PGHH từng nói :

“Làm ác đức nhiều điều quanh
quẩn,
Như gà cồ ăn bần cõi xay”.

Và :

“Nuôi tâm ắt được nên to,
Nếu ta làm phải phúc hờ bên lưng”.

.
. .

4 – CŨNG CÁI LƯỠI

*“Xưa đức Thánh luận bàn cái lưỡi,
Ngài nói rằng : Các việc tại đây.
Thuận với hòa hay ghét với rầy,
CŨNG CÁI LƯỠI làm thầy các việc”.*

(Giác Mê Tâm Kệ – Quyện Tử)

Lưỡi thì ai cũng biết nó là bộ phận của cơ quan tiêu hóa, nằm trong miệng, có nhiều hạch nước miếng, dùng để nếm các vị, lùa các thức ăn và để nói chuyện.

Nghĩa rộng: chỉ cho lời nói. Vì mọi việc hư nên, tốt xấu thành bại; hoặc thương ghét, nghịch hòa đều do khả năng của miệng lưỡi tạo ra.

Sách Tây Phương có chép :

Erope là một Triết Gia, cũng là một nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng nhất ở Hy Lạp, ông sống vào khoảng thế kỷ thứ 6 và 7 trước Tây lịch.

Lúc ông còn làm nô lệ cho một trưởng giả, hôm nọ chủ nhân muốn thử tài người nô lệ của mình, nên bảo ông ra chợ mua thức ăn nào ngon nhứt đem về nấu dùng một bữa. Erope ra chợ mua toàn là lưỡi heo đem về làm các thức ăn : nào luộc, nào chiên, xào...

chủ nhân dùng, cảm thấy thú vị, liền kêu ông hỏi lý do :

Ông đáp : – Lưỡi là cái chìa khóa của tất cả lý lẽ. Nhờ nó mà con người được địa vị cao sang, nhiều kẻ khác kính nể. Chủ nhân gật đầu suy nghĩ...

Ít hôm sau, người chủ muốn thử ý Elope lần nữa nên bảo :

– Hôm nay ông hãy ra chợ mua món nào xấu và dở nhất đem về nấu ăn. Ông ra chợ cũng mua toàn là lưỡi heo, đem về làm các thức ăn dâng lên cho chủ. Trưởng giả dùng xong kêu Elope hỏi :

– Tại sao hôm trước tôi bảo ông mua món nào ngon nhất, ông mua toàn lưỡi heo. Rồi hôm nay tôi bảo ông mua món nào dở nhất, ông cũng mua lưỡi heo nữa? Elope đáp :

– Thưa chủ nhân ! “Nói về cái quý thì gì quý hơn lưỡi, nhưng tìm cái xấu thì cũng không gì xấu hơn nó. Chính cái lưỡi đã khiến con người ưa tranh biện, gây chia rẽ, vu cáo nói lời bất nghĩa, bất nhân và cũng chính nhờ cái lưỡi mà đem lại sự hòa hài hạnh phúc cho toàn thể.

Nghe lời biện luận của Elope chủ nhân rất hài lòng công nhận.

Xem qua câu chuyện và đọc lại bốn câu giảng nêu trên, thấy rằng Đức Thầy muốn khuyên mọi người nên vệ gìn ngôn ngữ, đừng để khẩu nghiệp gây nên tội ác.

Khi muốn nói điều chi ta phải thận trọng :

*“Lựa lời tiếng dị u dàng trong sạch,
 Khi thốt ra đoan chánh hiền từ.
 Tích thiện thì thường có phước dư,
 Bằng tích ác họa ương đeo đăm”.*

5 – TỰ TRỊ

*“Coi ròi phải thân mình TỰ TRỊ,
 Chẳng đờ xong Phật khó dứt dừ”.*

(Giác Mê Tâm Kệ – Quyển Tư)

Tự Trị là pháp tu tự lực “Thiền tông”. Có nghĩa là tự tu tự độ, chớ không phải chờ người khác cứu hộ cho. Nếu hành giả không nỗ lực cố gắng hết sức mình thì chẳng bao giờ được người khác cứu giúp.

Chúng ta thử đọc hai câu chuyện sau :

Xưa, có một gia đình chuyên sống nghề ăn trộm, cậu con trai tuổi đã trưởng thành.

Một hôm cậu nghĩ : Cha ta nay sắp già yếu, ta phải làm cách nào để nuôi gia đình, nếu

không nổi nghiệp cha? Vậy ta quyết định phải học nghề ăn trộm của cha, nó đem ý kiến đó trình bày với thân phụ.

Người cha nghe mừng lắm nói :

– Tốt lắm, tốt lắm !

Ngay đêm đó, ông già nhứt định truyền cho con bài học võ lòng. Hai cha con lách thân vào được một gia đình giàu có trong vùng. Sau khi mở được ổ khóa cửa ngoài, họ lọt vào trong gặp một cái giường hòm lớn, người cha liền mở khóa nắp, dỡ lên thấy đầy ắp quần áo tiền của.

Ông ra dấu bảo thằng con nhảy vào trong tha hồ mà lựa đồ quý giá chuyển ra. Cậu nhỏ vừa bước vào ngồi xuống để lựa, ông già bất thần đập nắp lại, khóa chặt rồi lên ra ngoài, đập cửa lung tung cho chủ nhà hay rồi lão chuồn êm về nhà.

Nghe có người đập cửa, cả nhà thức dậy đốt đèn đuốc lên, kiểm tìm khắp chỗ không thấy gì cả, họ tắt đèn đi ngủ, còn tên trộm nằm chết điếng trong giường, không hiểu tại sao cha nó lại hại nó như thế?

Nghe chủ nhà nằm yên nó mới nghĩ ra cách để thoát thân, nó dùng ngón tay cào lên mặt ván kêu rột rạt. chủ nhà lắng tai nghe, tưởng chuột đang cắn phá đồ trong

hòm, liền chò dây đốt đèn lên, lấy chìa khóa mở nắp hòm. Thừa cơ hội ấy anh chàng ăn trộm tung ra như chớp, xô chủ nhà ngã lăn, cây đèn văng một nơi tắt ngấm, anh nhanh nhẹn đào tẩu, chủ nhà cầm gậy gộc rượt theo bển gót.

Thấy nguy kịch đến nơi, anh ta chạy gần tới bờ giếng liền ẵm cục đá lớn liệng ầm xuống giếng. Lúc đó ai cũng tưởng tên trộm nhảy xuống giếng trốn, bèn mỗi đước sáng bao quanh giếng tìm đón tên trộm mà đập. Đợi mãi chẳng thấy tên trộm nổi lên, họ nghĩ tên trộm chắc chết luôn dưới giếng, nên kéo nhau ra về, còn tên trộm chạy về tới nhà tức quá, toan cự nự ông già, nhưng ông chậm rãi nói :

– Việc đâu còn có đó, con thuật rõ cho cha biết, con đã làm cách nào mà thoát thân được?

Đứa con kể hết đầu đuôi cho ông cha nghe.

Ông cha cười bảo :

– Hay ! hay ! Con đã thành nghề rồi ! Cha không còn gì để truyền dạy cho con nữa cả !

“Nghề dạy nghề” mà, thành công là chỗ nhanh trí và sự nỗ lực của con đây!⁽²²⁾

Xem qua câu chuyện, thấy rằng mọi nghề nghiệp trong đời, người hướng dẫn chỉ một phần mà người học nghề phải vận dụng hết khả năng tâm trí của mình mới thành công.

Đối với nhà tu cũng thế. Giáo lý và ông Thầy chỉ là người hướng đạo. Còn đi tới đích là do hành giả phải nỗ lực tu sửa thân tâm, nhiên hậu Thầy Tổ mới gia hộ thêm. Vì thế Đức Thầy mới dạy môn đồ :

*“Coi rồi phải thân mình Tự Trị,
Chẳng đợi xong Phật khó dắt diu”.*

Nếu nhà tu chỉ nguyện cầu tha độ mà không có tự độ thì khó mong kết quả.

²² Dẫn theo chuyện của Pháp Diễn Thiền Sư kể cho môn đồ nghe.

6 – CÁI KHÔNG MỚI CÓ

*“Đạo Thích Ca nhiều nẻo cao sâu,
Hãy tìm kiếm CÁI KHÔNG MỚI CÓ”.*

(Kệ Dân Quyển Nhì)

Cái không mới có, tức là cái “chơn không” mà “diệu hữu”. cũng gọi là “chơn tánh” hay “thật tướng chơn như”, hoặc gọi là “Chánh Pháp Nhân Tàng Niết Bàn Diệu Tâm” do Phật Thích Ca truyền qua 33 vị Tổ. Xin đơn cử câu chuyện sau đây :

Đức Đạt Ma Tổ Sư là vị tổ thứ 28 bên Ấn Độ, nhưng khi sang Trung Hoa là Sơ Tổ. ngài thân nhận rất nhiều đệ tử. Trong số đó Ngài thấy Huệ Khả là bậc Pháp Khí. ⁽²³⁾

Một hôm Huệ Khả đến hỏi Đức Đạt Ma :

– Pháp ấn của chư Phật không thể nhờ vào người khác mà được !

– Nhưng tâm con không an, thỉnh Tổ Sư giúp cho tâm con được an.

Tổ liền bảo :

– Đưa tâm ngươi đây, ta an cho !

²³ Người đủ khả năng tiếp thu giáo lý, gìn giữ và tiếp nối truyền bá Đạo Pháp.

Huệ Khả thưa :

– Con tìm mãi mà chẳng thấy tâm ở đâu cả.

Tổ đáp :

– Thế là ta đã an tâm cho con rồi đó.

Thời gian thấm thoát đã 9 năm. Tổ Đạt Ma muốn trở về Thiên Trúc bèn gọi các môn nhơn đến bảo :

Ngày ta lên đường sắp đến, các người thử trình bày xem chỗ sơ đắc của mỗi người về Đạo Thiền.

Bấy giờ ông Đạo Phó đứng lên bạch :

– Theo chỗ thấy của tôi, chẳng chấp văn tự chẳng lia văn tự, đó là sở dung của Đạo.

Tổ nói :

– Ông được phần da của tôi.

Kế đó Bà Ni Tổng Trì đứng lên thưa !

– Bạch Tổ ! chỗ thấy của con nay như Khánh Hỷ (A NAN) nhìn vào nước Phật A Súc chỉ thấy một lần, không thấy lại được.

Tổ cho biết :

– Bà được phần thị t của tôi.

Kế đó là ông Đạo Dục đứng lên bạch :

– Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng thật, chỗ thấy của tôi không có gì là sở đắc hết.

Tổ nói :

– Ông được phần xương của tôi.

Rốt hết Huệ Khả đứng lên đánh lễ Tổ Sư, rồi cứ thế mà đứng thẳng im, không nói gì hết.

Tổ Đạt Ma nói :

– Ông được phần tủy của tôi.

Rồi Tổ truyền tâm ấn và y bát cho Huệ Khả làm Nhị Tổ.

Đọc câu chuyện trên qua hai câu Giảng của Đức Thầy, thấy rằng Ngài dạy môn đồ tu đến chỗ tối thượng “Niết Bàn diệu tâm” của Đạo Phật. Song muốn tới đó hành giả phải lìa cả sắc tướng, không chấp văn từ, ngôn ngữ, đối đãi hay biệt phân nhân ngã “vô pháp tướng mới là thiết tướng”.

Cho nên khi Đạt Ma Sơ Tổ hỏi đến chỗ này thì 3 vị trước trình bày về văn từ lý lẽ.

Duy có mình Huệ Khả ra đứng làm thỉnh. Trong Luận Bát Nhã, Long Thọ Bồ Tát cũng nói : “Giới hạnh là da, Thiền định là thịt, trí huệ là xương, chỉ có diệu tâm mới là cốt tủy

của Đạo”. Vậy hành giả khi rõ được “Lý chọn không bất hoại” thì tu đến chỗ :

*“Nội quang cảnh tâm vô kỳ vật,
Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình”.*

7 – MA PHẬT TẠI TÂM

*“Đị a ngục cũng tại tâm làm quấy,
Về thiên đàng tâm ấy tạo ra.
Cái chữ tâm mà quỷ hay Ma,
TIÊN hay PHẬT cũng là tại nó”.*

(Giác Mê Tâm Kệ – Quyển Tư)

Kinh xưa từng bảo :

“Vạn vật duy tâm, vạn pháp duy thức”.
Còn bốn câu giảng trên đây Đức Giáo Chủ muốn nói rõ là Thiên đường hay Đị a Ngục. Phật Tiên hoặc ma quỷ cũng tại tâm mình mà ra cả, và sách Thánh cũng giải nghĩa chữ tâm :

“Tam điểm như tinh tượng, hoành câu tợ nguyệt tà. Phi mao từng thử đắ, Tổ Phật giả do tha”, có nghĩa : ba chấm như tượng sao. Hoành ngang như mặt trăng xế, muốn mang

lông đội sừng hay muốn trở thành Tiên Phật là cũng do tâm mà ra cả. Chúng ta thử đọc câu chuyện sau đây :

Bấy giờ Thầy trò Tam Tạng từ giã vua tôi nước Diệt Pháp lên đường. Lúc đang đi bỗng thấy một cái núi cao chận đường. Tam Tạng dùng ngựa kêu đồ đệ nói :

“Núi cao chắc có yêu tinh, các người phải giữ gìn cho lắm !”

Tôn giả cười thưa :

– Thầy cứ an tâm, không có hệ chi mà lo, có tôi đi theo thì vô sự.

Tam Tạng bảo :

– Đừng nói vô sự, ta coi chót núi này cao quá lại có các làn mây dữ, ta lo lắng xốn xang lắm !

Tôn Hành Giả hỏi :

- Bộ Thầy quên Tâm Kinh rồi sao?
- Ta nhớ hết thầy chẳng hề quên câu nào.
- Tuy Thầy nhớ hết mà còn quên mấy câu tán tụng sau cùng.
- Bốn câu kệ ấy ra làm sao?

Tôn Hành Giả liền ngâm lớn lên :

*“Phật tại Linh Sơn bất viễn cầu,
Linh Sơn chỉ tại nhữ tâm đầu*

*Nhơn nhơn hữu cá Linh Sơn tháp
Hào tướng Linh Sơn tháp hạ tu’.*

*(Phật ở Linh Sơn vốn chẳng xa,
Linh Sơn thiệt ở tại lòng ta.
Người người đều có Linh Sơn tháp,
Hễ nhớ Linh Sơn hết sợ tà.)*

Tam Tạng nghe qua liền nói :

– Cứ theo bài kệ này thì “Phật tức tâm, tâm tức Phật”. Tâm chánh thành Phật Thánh, tâm tà thành ma quỷ.

Tôn Hành Giả thưa :

– Không có khi khó, hễ giữ lòng thanh tịnh thì việc dữ cũng hóa lành; nếu sai chạy dao động ắt không nên việc. Lòng thành thì chùa Lôì Âm trước mắt, chớ Thầy nhất quá thì tâm thần chẳng an, biết đi đến ngày nào mới đến Đại Lôì Âm !

Tam Tạng nghe nói an lòng, Thầy trò hăng hái tiến bước ⁽²⁴⁾

Xem qua chuyện của Thầy trò Tam Tạng và bốn câu giảng nêu trên, chắc ai cũng thấy Đức Thầy dạy tín đồ tu ngay gốc, tức là tu

²⁴Trích diễn theo Tây Du Diễn Nghĩa.

ngay tâm, hễ tâm chân chánh thì việc làm,
lời nói cũng chánh hơn. Bằng tâm tà gian thì
ngôn ngữ, hành động cũng tà gian hung ác.

*“Làm gian ác là quỷ là ma,
Làm chơn chánh là Tiên là Phật”.*

Cho nên hễ tâm thanh tịnh chân chánh
thì dù có gặp ma quỷ lòng mình cũng không
khiếp sợ (Tà Thần bất cảm chánh).

.
. . .

8 – THIỆT TƯỚNG

*“Đẹp năm tên được mới mừng cười,
Vô pháp tướng mới là thiết tướng.”*

(Giác Mê Tam Kệ – Quyển Tư)

Thiết tướng là danh từ tạm chỉ cho chân tánh của mỗi người. Cũng gọi “Trung Đạo Nghĩa” hay là Tạng Tánh Như Lai”. Do Hành Giả khi phá tan ngũ Uẩn ⁽²⁵⁾ hay lìa cả bốn tướng. ⁽²⁶⁾

Trong bộ “Trung Thu Chân Kinh”, Liệt Tử có liệt kê câu chuyện như sau :

Xưa có người tên Kỳ Dương, từ nhỏ đến trưởng thành, anh chỉ nuôi một hoài bão tìm Thầy học nghề bắn cung để trở thành “Đệ nhất thiên hạ” trong thiên hạ.

Một hôm Kỳ Dương nghe tiếng đồn Thầy Vệ Phủ là người bắn cung giỏi nhất trong nước, anh liền tìm đến nơi xin theo học. Nhìn tướng trạng của Kỳ Dương, Thầy Vệ Phủ đắn đo, sau cùng ông cũng chấp nhận và bảo :

²⁵ Ngũ Uẩn là : sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc là tham sân si, nhơn ngã.

²⁶ Từ tướng; là tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.

- Việc trước tiên là người phải luyện thể nào cho đôi mắt nhìn mọi vật không chớp. Kỳ Dương về nhà, chui xuống khung cửa của người vợ đang dệt vải, nằm yên, ngửa nhìn con thoi đưa qua đưa lại mà cặp mắt không chớp. Dương tập như thế được 2 năm trở lại trình báo với Thầy :

Vệ phủ nói :

- Người đã thành công bước đầu. Giờ đến lượt thứ nhì : người phải tập nhìn làm sao một con sâu có thể lớn như con gà.

Kỳ Dương vội trở về bắt một con sâu, dùng sợi chỉ cột treo ở đầu giường rồi lùi lại ngồi ở chân giường, tập trung tinh thần nhãn lực để nhìn con sâu, không phút lãng tâm. Qua ngày này tháng khác, anh chỉ nhìn có một con sâu, quên hết mọi ngoại vật. Suốt 3 tháng, bỗng Kỳ Dương thấy con sâu lớn bằng con tầm đủ tuổi.

Luôn 3 năm như vậy Kỳ Dương không ra khỏi nhà, cứ tiếp tục nhìn con sâu. Hôm nọ anh thoạt thấy thân sâu lớn bằng con gà, còn vũ trụ chung quanh như đã tan biến đâu mất. Kỳ Dương liền đứng dậy lấy chiếc cung lắp mũi tên nhỏ, lùi ra xa, tập trung nhãn lực nhìn con sâu bắn tới. Đầu mũi tên cắm giữa thân sâu, ghim vào canh gỗ.

Kỳ Dương trở lại trình bày với Thầy Vệ Phủ mọi việc.

Vệ Phủ bảo :

– Người đã thành đệ nhất thiên xạ rồi !

Từ đó về sau, Kỳ Dương bắn cung bách phát bách trúng. Dương có thể đứng xa hàng trăm thước, bắn trúng lá liễu bay phất phơ trước gió, và buộc trên khuỷu tay một ly nước không hề bị đổ ra ngoài một giọt; Kỳ Dương đã hoàn toàn làm chủ chân tay và tâm thức lúc bắn cung. Thế là tài nghệ đã ngang với Thầy Vệ Phủ, không còn gì phải học nữa; chính lúc đó, Kỳ Dương bỗng nảy ra một tà tâm : nếu Thầy Vệ Phủ còn sống thì ta chưa phải đệ nhất xạ thủ trong thiên hạ.

Một hôm Kỳ Dương đang đi trong rừng, thoạt thấy Vệ Phủ cùng đi bên kia vách rừng, Dương liền rút tên bắn ngay Thầy. Vệ Phủ bấy lâu cũng biết ý của đứa học trò, nên khi nghe tiếng gió xé tên, ông lấp tên bắn trả lại, hai mũi tên đụng đầu nhau rơi xuống đất. Thầy trò cứ bắn với nhau như vậy đến khi Vệ Phủ hết tên. Kỳ Dương vì có tính toán trước nên cứ bắn mãi, Vệ Phủ bẻ nhánh cây bắn lại cũng cản được mũi tên của Kỳ Dương. Khi bắn hết tên mà Thầy không chết, Kỳ Dương quá hối hận, liền chạy đến xin tạ tội. Thầy Vệ Phủ

không chút oán giận người đệ tử bội nghĩa, còn bảo Kỳ Dương đứng lên và nói :

– Ta hết tài nghệ dạy thêm người nữa, nhưng ta còn biết một Di Nhân ở bên kia dãy núi Tây Nam. Ông ấy tài đức gấp mấy lần ta, vậy người muốn giỏi hơn nữa, hãy đi đến đó mà học thêm.

Kỳ Dương nghe nói lập tức từ giã Thầy ra đi, Dương phải vất vả hằng tháng trời mới tới chỗ ở ẩn của Di Nhân, cúi lạy xin cầu học.

Không biết Di Nhân ấy đã dạy Kỳ Dương những gì, chỉ biết y ở luôn nơi đó 10 năm.

Kỳ Dương trở về thôn xóm cũ, người ta thấy ông không còn mang cung tên nữa, mất hẳn cái khí sắc oai vệ kiêu căng như hồi trước. Bây giờ ông chỉ còn bộ mặt lạnh như gỗ, ngây ngô như người ngu dại. Có lần Thầy Vệ Phủ đến thăm, nhìn qua nét mặt Thầy nói :

– Bây giờ ta mới thấy rõ Kỳ Dương quả thật đã trở thành đệ nhất thiện xạ. Ta không thể sánh bằng người đâu !

Những người chung quanh có tính hiếu kỳ xúm lại hỏi Kỳ Dương :

– Là đệ tử thiện xạ, sao bây giờ chẳng thấy ông dùng cung tên và nhìn ông cũng không còn tướng oai vệ của người bắn cung nữa?

Kỳ Dương đáp :

- Giai đoạn tối thượng của hữu vi là vô vi.
- Tối thượng của ngôn ngữ là im lặng.
- Tối thượng của tài nghệ bản cung là không còn thấy tướng dạng hay vương víu cung tên nữa !

Đọc qua câu chuyện khá kỳ lạ và đầy ý nghĩa vừa kể trên, thấy rõ người xưa muốn nói : học nghề hay tu Đạo lý cũng thế, chỉ có tập trung tâm thức, quán tưởng mới học được đến chỗ tuyệt nghệ và tu đến chỗ nhứt tâm.

Nhưng được đến đó cũng chưa tới đích, vì còn pháp tướng. Cũng như Kỳ Dương đã rèn luyện trở thành đệ nhất thiện xạ vẫn còn chấp ngã, sanh tà tâm, nên phải gia công tu đức 10 năm nữa mới kết quả.

Thế nên thời nay Đức Giáo Chủ PGHH, dạy môn đồ hãy tu cho đến :

“Vô pháp tướng mới là thiệt tướng”

9 – TỬ THẦN

*“Đầu ẩn nơi cùng cốc thâm sơn.
Chẳng trốn lánh TỬ THẦN cho khỏi”*

(Khuyến Thiện – Quyển 5)

Tử thần cũng gọi là quỷ vô thường, tức chỉ cho cái chết. Bởi cái chết người ta quá ghê sợ nên xem sự chết như một ông Thần hay quỷ dữ, nhưng đây là một định luật, dù loài người hay vạn vật hễ có sanh (sống) tất có tử (chết).

Chúng ta thử chiêm nghiệm câu chuyện trong kinh Pháp Cú.

Thuở Đức Phật còn trụ thế thuyết pháp độ sanh. Tại nơi khu rừng nọ có bốn anh em Phạm Chí⁽²⁷⁾, tu hành đã đắc được ngũ thông. Bấy giờ bốn Phạm Chí biết rõ : bảy ngày nữa đều phải chết một lượt, nên cùng nhau bàn luận : “Anh em chúng ta tu hành đã chứng được ngũ thông, lẽ nào chẳng tìm kế thoát khỏi vòng hái của Tử Thần sao?”

Anh thứ nhất liền nói : “tôi sẽ nhảy vào trong biển lớn, trên chẳng có đầu lên mặt nước, dưới chân không đụng đáy biển, làm gì Tử Thần thấy được để bắt tôi !”

²⁷ Những người tu có chí hướng đạt thần thông và sanh lên trời Phạm Thiên.

Anh thứ nhì bảo : “tôi chẻ núi Tu Di chui vào trong đó rồi khép lại, thử hỏi Tử Thần làm sao thấy được mà tìm bắt tôi?”

Anh thứ ba thốt : “tôi sẽ tàng hình vào hư không, chẳng còn ai thấy tâm dạng, quỷ vô thường biết đâu mà theo bắt.”

Anh thứ tư cho biết kế hoạch : “Phần tôi sẽ đến chợ đông, đi lẫn lộn vào trong đó, dầu Tử Thần có đến kiểm cũng không ra !”

Bàn tính xong, bốn người đặc ý lắm, mỗi người đều chuẩn bị đi đến chỗ mình đã định. Song đúng bảy ngày mạng căn đã đến bốn anh em đều bất lực trước Tử Thần (chết) họ đều chết một lượt.

Bấy giờ Phật biết rõ chuyện ấy, bèn kêu các đệ tử kể cho nghe và nói lên bài kệ :

*“Phi không, phi hải trung
Phi nhập sơn thạch gian
Vô hữu đị a phương sở
Khả thoát bất thọ tử”.*

*(Chẳng không chẳng biển cả,
Chẳng vào trong núi đá,
Không có miếng đất nào,
Thoát được cái chết cả.)*

Đọc chuyện trốn Tử Thần và hai câu giảng kể trên, thấy rằng : Đức Thầy khuyên mọi người hãy nhận định cho thấu rõ “Định luật sanh tử”. Hễ ai có tạo xác thân trong cõi trần thì không thể nào trốn khỏi cái chết; dù có đạt đến ngũ thông lên cõi trời cũng không vượt khỏi luân hồi sanh tử.

Chỉ có cương quyết tu hành theo Phật Đạo, dứt lòng ô nhiễm dục lạc trong cõi hồng trần, mới mong giải thoát về Niết Bàn Cực Lạc, cho nên Đức Thầy hằng khuyên :

*“Hãy rán tu đặng mà chết,
Chớ đưng để chết đến mà chẳng có
tu”.*

.
. . .

10 – THẮNG TAM BÀNH LỤC TẶC

*“Lũ Tam Bành trong bụng còn đeo
Đoàn Lục Tặc ta mau sớm giết”.*

(Giác Mê Tâm Kệ – Quyển Tư)

Tam Bành là 3 món phiền não : Bành căn, Bành chất và Bành kiêu, nó ẩn náu trong tâm tư, hay xúi con người làm điều sai quấy.

Còn lục tặc là 6 con giặc, tức là : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sở dĩ ví nó như 6 con giặc

là vì nó thường quây phá làm tán loạn cả tâm trí và hay xúi dục con người ô nhiễm theo 6 trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cho nên Đức Thầy khuyên nhủ ta phải thắng phục nó mới mong đắc Đạo.

Dưới đây là câu chuyện cụ thể hóa vấn đề :

Chuyện xảy ra dưới thời nhà Nguyễn, vua Minh Mạng trị vì, năm thứ 5. Tại vùng Tâm Vu, xã Dương Xuân Hội, Quận Bình Phước, tỉnh Long An (Nam phần Việt Nam). Có gia đình phú ông họ Dương, giàu có nhứt trong vùng, nhưng có điều bất hạnh là Phu Nhân của ông sanh luôn 10 cô tiểu thơ. Dương Ông quá chán nản buồn rầu, bà an ủi chồng và mơ mộng gom toàn lực sanh thêm cậu con trai út. Từ độ ấy ông bà tìm đủ thuốc uống, thức ăn tẩm bổ. Không có chùa, miếu linh thiêng nào mà ông bà chẳng tới cầu tự để được sanh đứa con trai. Bỗng một đêm bà mộng thấy chim Phượng vào nhà, từ đó bà thọ thai. Các thầy tướng số được mời đến tấp nập, họ đều đoán, bà sẽ sanh một nam nhi quý tử. Ông bà vui mừng chi xiết, nên chuẩn bị cuộc ăn mừng công tử sắp ra đời.

Tin bà gần lâm bồn, Dương Ông mừng cuồn quýt cho người tổ chức các cuộc vui, rồi chạy thẳng vào phòng nhìn đứa bé, thì ra một cô tiểu thơ nữa !

Dương Ông sùng sốt, tam bành lục tặc nổi lên : thất vọng, buồn tức, chán ghét, liền quày trở ra. Ông còn ra lệnh : từ đây đừng cho ông gặp đứa bé đó nữa !

Riêng Phu nhân khi nhìn kỹ con mình, thấy đôi mắt trong sáng, gương mặt đê đạm thanh tú, giống như tượng Phật Quan Âm mà trước kia bà đã từng thành tâm cầu tự, nên hết sức vui mừng, triu mến. Bà liền đặt tên cho con là Xuân, vì sanh cô ra nhằm mùa xuân, năm Quý Mùi.

Chào đời được 3 ngày, bé Xuân được giao cho vú Năm nuôi dưỡng và do lệnh của Dương Ông, nên Xuân từ đó chỉ được nuôi dưỡng và chơi giỡn với đám con của các gia nhân ở nhà dưới. Xuân bị cha chán ghét mà các chị cũng ruồng bỏ luôn.

Hôm nọ, Dương Ông rước thầy về dạy cho 10 cô tiểu thơ học, nhưng vì các cô quen thói ăn chơi trong sự nuông chiều nên thường chệnh mảng sự học, khiến thầy đồ cũng chán dạy. Sáng hôm nọ thầy ra vườn sau ngắm cảnh giải trí. Bỗng thấy trong đám trẻ chạy giỡn có bé gái, mặt sáng láng ngoan hiền, Thầy liền kêu lại dạy thử vài câu. Bất ngờ Thầy thấu nhận được thêm một học trò giỏi. Chỉ một tháng bé Xuân đã thuộc hết bộ Minh Tâm Bửu Giám, lúc Xuân mới lên 8 tuổi.

Thầy đồ rất thương quý, đi đâu cũng dắt bé Xuân theo như chú Tiểu đồng. Hôm nọ Thầy đến chùa Thiên Thai đàm đạo với sư Hải Thiện, Xuân cũng được đi theo nấu nước pha trà hầu quý thầy. Thường khi như vậy. Có lần Xuân nghe sư Hải Thiện giảng về lịch sử Phật Thích Ca. thình lình Xuân đến bên Sư chấp tay kính cẩn thưa :

- Thưa Thầy ! Con xin phép Thầy cho con được đi tu.

- A ! con gái mà cũng muốn thành Phật sao?

- Thưa Thầy, nếu ai cũng có Phật tánh, không phân biệt nam nữ thì con tu cũng có thể thành Phật ! đúng không Thầy?

Sư Hải Thiện giật mình không dám trả lời khinh suất nữa, ông chậm rãi đáp :

- Đúng vậy con ! Trai hay gái hoặc sang hèn gì, tu cũng đặng thành Phật cả. Con thấy không? Những vị Phật mà ta đã học trong Kinh sử, thấy hình tượng trong các chùa, tuy có hạnh tướng khác nhau, nhưng tất cả đồng một Phật tánh không khác. Phật đã thành hay Phật sẽ thành, đó là nguyên lý : tất cả là một, một là tất cả đó con !

Thọ tam qui ngũ giới xong, Sư đặt pháp danh cho bé Xuân là Thanh Hội⁽²⁸⁾. Từ đó Thanh Hội tiếp tục học chữ Nho lẫn Kinh Phật, nhờ hai Thầy tận tình dạy chỉ nên chẳng bao lâu cô đạt đến mức uyên thâm. Đến năm 14 tuổi ông bà họ Dương chấp nhận cho cô xuất gia theo lời xin của cô.

Chùa Thiên Thai theo truyền thống Thiền Tông, sa di Thanh Hội phải hành Thiền trong mọi công tác sinh hoạt quanh chùa... hai năm sau thầy Hải Thiện gọi cô đến Ni Viện Phổ Đà, tức chùa Cây Mai ở Gia Định cho sư Bà Diệu Nghĩa hướng dẫn (chùa này theo Tịnh độ Tông nên Pháp danh chữ đầu để là Diệu).

Năm 17 tuổi Thanh Hội trưởng thành, được Sư Bà chọn làm thị giả, cộng với sắc đẹp của cô xinh lịch khác thường, ai thấy cũng trầm trồ khen tặng. Khiến cho hai bạn đồng tu là Diệu Kim và Diệu Ngọc sanh lòng đố kỵ xâm xì phê phán. Cô y theo lời dạy của Sư bà nhất tâm trì niệm sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật trong tứ tướng oai nghi⁽²⁹⁾ chẳng hề để tâm đến sự ghen tị bên ngoài, luôn đối xử hòa vui

²⁸ Thanh là hệ thứ 21 của dòng Lâm Tế. Hội là Xuân đã sớm hội được ý màu của Đạo.

²⁹ Đi, đứng, nằm, ngồi đều nhất tâm niệm Phật được cả.

với mọi người. Theo quan niệm cô thì thiên hay tịnh chỉ là một.

Bấy giờ bà Tổng Trấn Gia Định muốn làm lễ Trai Tăng nên sai lãnh binh Trương Đại Nhon đến chùa mời, buộc sư bà phải hướng dẫn phái đoàn Sư Ni đến dự.. trước đó mấy hôm có công tử Bạch con trai của Lãnh Binh cũng là rể của quan Tổng Trấn có đến viếng chùa. Khi bắt gặp sắc đẹp của Ni Cô Thanh Hội, y dần lòng không được, nên ngỏ lời chọc ghẹo và quyến rũ đủ cách. Ni Cô đã từ chối bằng lời van lơn khéo léo, nhưng cũng bị Diệu Kim, Diệu Ngọc vu oan chỉ trích.

Giờ đây Bạch lại gặp Ni Cô Thanh Hội tại Dinh cha vợ, nên dù đang quì dự lễ mà cặp mắt Bạch vẫn ngó chăm chăm sư cô, khiến vợ Bạch nổi ghen nói lời cay đắng với Sư Cô...

Hôm sau, ông bà Lãnh Binh dẫn cô dâu đến chùa mắng nhiếc Sư Bà và Ni Cô Thanh Hội một cách thậm tệ, lại còn hăm phá chùa nữa, rồi bỏ ra về.

Việc xảy ra Sư bà thoáng buồn rồi lấy lại bình thường, lặng lẽ vào phòng đóng cửa. Các đệ tử ai cũng áo não thần thờ. Riêng cô Thanh Hội giữ chánh niệm không để ngoại cảnh chi phối từ trước, nhưng lần này làm sư cô chơi với, khổ quá cô bỏ bữa ăn trưa, lòng luôn nghĩ tới cái chết. Ôi ! Tạo hóa trở trêu,

sanh chi cái mặt thanh tú này, không có ích chi mà lại còn làm nguyên nhân sanh phiền muộn ! Cô nảy ý nên làm cho mặt mình xấu xí mới dễ tu, cô liền ra sau vườn bẻ xương rồng lấy mủ, vừa đưa tay lên cào để thoa mủ vào, bỗng bị cánh tay khác nắm lại.

– Thanh Hội con ! Con không nên hành hạ xác thân như vậy, Thầy đã có biện pháp an toàn cho con. Sáng lại bà đem cho Thanh Hội cái mũ đội đầu đặc biệt có vải bao kín mặt chỉ chừa hai lỗ nhỏ nơi tầm mắt và đưa cô đến am Phổ Tĩnh, núi Châu Thối nương nhờ với Ni Sư Viên Đức...

Am này thuộc hệ Thiền Tông, tu theo thanh qui của Tổ Bách Trượng “Nhứt nhứt bất tác, nhứt nhứt bất thực”. Vừa làm vừa tu không nhờ sự yểm trợ của chư Phật tử. Ở đây tuy vất vả, nhưng hợp với sự tu của Ni Cô.

Đến mùa Thu năm Dần, Ni Cô được chọn thọ giới Tỳ Kheo Ni do Thầy Hải Thiện tổ chức. Đại giới Đàn ở chùa Thiên Thai (Tâm Vu) vào rằm tháng giêng năm Quý Mão. Trước đó 5 ngày Sư bà Diệu Nghĩa cho đón Ni Cô Thanh Hội về Ni Viện rồi hướng dẫn 18 đệ tử cùng về tham dự Đại Giới Đàn.

Khi hành lễ ai nấy thấy Ni Sư Thanh Hội đội mũ che kín mặt đều phân vân bàn tán, nhưng khi Hòa Thượng đưa cô ra làm lễ tấn

Đàn thì khăn che mặt không còn nữa. Lúc đó đại chúng ngạc nhiên vì trước mặt họ là một Ni Cô trẻ đẹp như Tiên Nga. Vừa thoát tục vừa thánh thiện làm sao !

Sáng lại các phái đoàn lần lượt ra về. Riêng Ni Sư Thanh Hội xin phép ở lại chùa Thiên Thai vài ngày. Còn Sư bà Diệu Nghĩa hướng dẫn 17 đệ tử đi về hướng Gò Công để viếng Từ An Ni Viện. Khoảng đường này có một cái đầm lầy, rộng lớn mọc đầy dừa nước, cách lộ vài cây số. Một bọn cướp chiếm cứ ở đây, thường ra đón khách qua đường cướp của. bọn cướp ấy xưng là Lục Thiên anh hùng, đầu đảng là Thiên Ý, rồi Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Thiên Tĩ, Thiên Thiệt, Thiên Thân và một số lâu la.

Bọn chúng theo dõi, biết sắc đẹp của Ni Sư Thanh Hội, nên hôm ấy đón đường bắt hết phái đoàn. Khi kiểm tra lại không thấy Thanh Hội, nên chúng buộc phái đoàn phải viết thư sai phu xe đem về cho Thượng Tọa Hải Thiện. Thầy mở thư ra xem, thấy có văn tắt mấy dòng chữ :

“Lục thiên anh hùng gọi Đại sư Hải Triều !

Phái đoàn Ni Sư bị chúng anh hùng bắt giữ. Ra lệnh cho Đại Sư phái phái Ni Cô Thanh Hội đến làm áp trại phu nhơn cho chúng anh hùng thì các tù nhân sẽ được tha toàn mạng.

Nếu không thì đúng ngày mai là giờ hành huyết. Đại sư hãy cho người đến thu nạp 18 xác chết về cầu siêu !”

Diệu Kim thảo theo lệnh của Thiên ý đại vương. (Phía dưới có vẽ một hình ảnh người tù trên cây rớt xuống giữa hai con hổ).

Vẽ hình ảnh này là ý Diệu Kim muốn Ni Cô Thanh Hội hy sinh để cứu phái đoàn mà trong đó có mình.

Vừa thọ giới và phát nguyện thi hành bồ tát hạnh. Ni Cô Thanh Hội nghĩ : Cầu chết để cứu một người cô cũng chẳng từ nan, huống là đổi được 18 người mà trong đó có Ân Sư của mình. Thế nên cô nhất quyết, mặc dù lúc đó nhiều người ngăn cản, Sư Cô cũng nhờ phu xe đưa cô đến hang hùm.

Bọn cướp đứng chực chờ, thấy Sư Cô tới, chúng reo mừng, nhứt là Thiên nhân và Thiên thân nhảy nhót, muốn vồ dập người đẹp. Sư cô bình tĩnh rút con dao nhỏ sáng quắc, ghim ngay vô ngực mình, nghiêm nghị nói :

“Tiểu Ni đến đây là tuân theo điều kiện trao đổi, nếu các vị chưa thả hết tù nhân ra mà đụng chạm đến thân này thì tiểu Ni tự sát”.

Thiên lý là chúa đảng cười nói : “Bọn anh hùng này đâu có sai lời”, cả bọn liền chia nhau mở trời 18 Ni Sư ra về, nhưng Sư bà không nỡ bỏ đi...

Sư cô Thanh Hội thấy biết bèn năn nỉ : “Xin Thầy đừng bịn rịn ! Hãy đi ngay đi ! Phật tử Cây Mai rất cần Thầy hướng dẫn, nếu Thầy chậm lại thì cả hai đều phải chết”. Sư bà từ từ bước mà nước mắt chảy dài.

Sư cô đứng đó suy nghĩ : “Nếu ta bị chúng giết hay đánh đập thì hay quá, còn chúng hành hạ ta bằng cách dâm dăng thì làm sao chịu nổi. Ôi ! Ta có nên tự sát không? Tự tử có phạm giới sát không? Có phạm giới vọng ngữ vì nói gạt chúng không? Có lẽ kiếp nào đó mình đã hiếp đáp người, nay mới lâm vào hoàn cảnh này”. Đang suy nghĩ, chợt thấy con chim Nhạn bay qua. Sư cô tư duy tiếp :

“Ôi ! Kiếp phù sinh ngắn ngủi như vết nhạn bay vô tung tích, có đáng gì đâu? Ta đã nguyện xả thân cứu độ chúng sanh, thân xác này đã kể là không, bị giết hay đánh đập, trong sạch hay dơ bẩn cũng là không, có gì phải băn khoăn sợ hãi”. Nghĩ đến đây sư cô thu lại hùng tâm, bình tĩnh quăng con dao xuống đất, nói :

– Tiểu Ni giữ tròn lời hứa, bây giờ các người có thể hành hạ cách nào cũng được, Tiểu Ni chẳng hề hờn oán.

Thiên ý cười đắc chí nói :

– “Bọn ta là Lục Thiên huynh đệ, anh em ta đồng sanh cộng tử, phúc họa cùng chia. Nàng là vợ thì phải là vợ chung của 6 anh em ta. Vậy hãy cởi bộ đồ nhà tu ra đi !

Sư cô không hề để tâm đến lời suồng sã vô nghì đó, chỉ phát lòng từ bi vô lượng quán xét “Họ chỉ là những kẻ tội nghiệp, đáng thương ! Bởi thiếu hạt giống Đạo đức nên bị dục sai khiến trở thành mù quáng lầm lạc. Ta phải dùng phương tiện cảm hóa họ”.

Sư cô lặng yên nhập định, quán thân mình chỉ là cái túi đựng các món dơ bẩn, thúi tha : máu xương, tim ruột, gan phổi, mồ hôi, nước tiểu... rồi quán cái thân ma vừa chết, mặt bầm xanh, lần lần sinh lên, nứt nẻ chảy nước vàng, giời tủa đục ăn còn trơ lại bộ xương trắng.

Giờ đó trời đang nắng, bỗng mây đen kéo che khuất mặt trời. Trong bóng tối lờ mờ bọn cướp thấy rõ từ các món dơ bẩn... Cuối cùng chúng thấy bộ xương trắng đi về phía chúng và nghe tiếng Ni Cô nói lớn :

– “Này các hành giả hãy quan sát cho kỹ bộ xương trắng biết đi này có đáng để các vị yêu thương chăng?”

Lạ lòng thay ! Sư cô đứng mỉm cười mà bọn cướp đứng run bầy bầy, cúi đầu quỳ lại không ngừng, miệng luôn van xin : – “Lạy Sư Phụ ! Xin sư phụ mở lượng hải hà tha tội chết cho chúng con ! Thấy bọn cướp thành tâm hối lỗi sư cô bảo :

– “Các vị gây nên tội thì các vị tự sám hối, làm lành để chuộc lỗi mình. Tiểu Ni không buộc tội ai hết, cũng không tha tội cho ai được”.

Lúc đó mây tan, trời trong sáng trở lại. Sư cô ngồi kiết già, thuyết kinh nhân quả báo ứng cho bọn cướp nghe. Nghe xong, bọn cướp rất hối hận tội ác của mình, tự nguyện từ đây tín phụng theo lời dạy của Sư Cô : bỏ giữ, làm lành, xả thân phục vụ cho đồng bào xã hội để chuộc lỗi lầm từ trước.

Độ bọn cướp xong, Ni Cô từ giả, sáu tên cướp kính cẩn đưa tiễn Thầy ra lộ, đón xe ngựa gởi Thầy về Tâm Vu. Một lần nữa sáu người đồng quỳ sắp hàng cung kính hướng về Sư cô : “Chúng con nguyện vâng lời Sư Phụ sẽ giải tán đảng cướp nội ngày nay”. Xe lăn bánh mà sáu tên tín đồ còn lạ Thầy mãi cho đến khi khuất dạng.

Về đến chùa Thiên Thai, cả chùa ngạc nhiên mừng rỡ. Ni cô thuật hết câu chuyện cho Thầy và đại chúng nghe, rồi xin phép Thầy được về nhà thăm cha mẹ. Việc Ni Cô Thanh Hội hàng phục Lục thiên anh hùng do các phu xe tung tin vang vọi khắp vùng, ai nghe cũng đều kính tin tán thán !

Tại tư gia Dương Ông, cả nhà đều rộn rịp đón mừng Ni Sư về. hàn huyên thân quyến xong, Sư Ni thuyết pháp độ mẹ tu môn Tịnh độ và độ Vú Năm xuất gia theo Sư cô về chùa Thiên Thai. Mọi việc đều xong, Ni Sư Thanh Hội tới trước Thầy trân trọng quì lạy tạ ơn !

Thầy Hải Thiện nhìn Sư Cô nghiêm trọng hỏi :

– Hậu sự như thế nào?

Ni sư thưa :

– “*Nhận quá trường không !*”⁽³⁰⁾

³⁰ Một trong bốn câu kệ của Hương Hải Triều Thiên Sư đời nhà Lê (VN) đã trả lời cho vua Lê Dụ Tôn, khi vua hỏi : “*thế nào là ý của Phật?*”
*Nhận quá trường không – Ảnh trầm hải thủy
 Nhận vô di tích chi ý – thủy vô lưu ảnh chi tâm*”

(Giữa trời cánh nhận – Trong nước bóng chìm.

Đoạn rồi Ni Sư lên chánh điện tọa thiền mà viên tịch. Sư Hải Thiện cho làm lễ hỏa thiêu rồi chia xá lợi cho ba nơi : “Thiền Thai, Phổ Đà và Phổ Tịnh giữ làm kỷ niệm”

Người sau vì muốn ghi nhớ Ni Sư mãi mãi nên ghép họ và Pháp danh Ni Sư thành là Dương Xuân Hội để đặt địa danh xã cho vùng Tâm Vu cũ.

Thật ! Ni Sư Thanh Hội đã như thế mà đến và cũng như thế mà đi. Hai mươi năm ngắn ngủi như “Vết nhận lưng trời”, vô hình vô tích (31)...

Xuyên qua câu chuyện trên, nhận thấy quãng đời hành Đạo của Sư Cô Thanh Hội đã bị ba lần nội tâm và ngoại cảnh thử thách, dù cho Tam Bành và một lần đương đầu với sáu tướng cướp, dù cho lục tặc mà Cô vẫn thẳng phục để vượt qua :

1 – Lúc làm thị giả cho Sư bà Diệu Nghĩa, Ni Sư bị hai bạn Đạo là Diệu Kim, Diệu Ngọc đố kỵ, vu oan, gièm xiêm mà lòng Ni Sư chẳng chút buồn phiền, giận tức hay thanh minh với ai.

Nhạn không còn lưu dấu vết – nước chẳng để lại bóng hình)

³¹ Dẫn theo truyện; “Vết nhận lưng trời”

2 - Khi Bạch công tử đem danh vọng quyền tước, bạc vàng quyến rũ, nhưng lòng cô không hề dao động.

3 - Lần thứ ba nặng nề hơn hết là lúc vợ chồng Trương Lãnh Bình đến chùa mắng nhiếc Sư bà và Sư Cô, liên đới cả chùa và nền Đạo mà Sư Cô cũng nhẫn nại vượt qua.

4 - Khi sáu tướng cướp buộc cô phải đến làm áp trại Phu nhon để đổi 18 người, nhờ Đại Hùng tâm nên Sư Cô hăng hái ra đi, đến nơi Sư Cô dùng đại trí tùy phương độ chúng. Chót hết Sư Cô Đại từ tâm quán sát lý sắc không và thân bất tịnh để hàng phục bọn cướp. đó là Sư Cô hội đủ : Đại Hùng, Đại Bi và Đại Trí nên làm chủ được sáu căn, chuyển vọng hườn chơn.

Thế là Lục Thiên anh hùng trở thành sáu tín đồ ngoan đạo, tức lục tặc đã “phục tùng chơn lý”, nhưng vọng đã hết thì chơn cũng không còn tên gọi ! Thế nên Sư Cô được hườn về thể tánh (tịch diệt). Bấy giờ Tam Bàn Lục Tặc với Phật chỉ là một. Bởi :

*Sóng lạng hết nước hườn về thể tánh.
Và : sắc không, không sắc tỳ là đây.*

Cho nên Đức Giáo Chủ PGHH mới khuyên môn đồ muốn thắng phục Tam Bàn Lục Tặc phải hội đủ : Đại hùng, Đại bi và Đại trí :

“Chữ Đại hùng, Đại lực, từ bi”

Và :

*“Mài gương trí cho tinh cho khiết,
Dứt tâm trần kiểm chữ sắc không”.*

11 – CỬA PHI NGHĨA

*“Hãy tu thân chừa thói vô nghi,
CỬA PHI NGHĨA làm chi xong
chuyện.”*

(Khuyến Thiện, Quyển Năm)

Cửa phi nghĩa là tiền của làm ra không chánh nghiệp, chẳng phải Đạo nghĩa, như : Tham lam, lận lường, trộm, cướp v.v... của tiền chẳng phải nghĩa dù có, ta tiêu xài chẳng lâu bền, còn chuốc lấy tai họa. Cổ Đức thường cảnh tỉnh người đời : Người không có Đạo Nghĩa không giao du, tiền của không phải nghĩa chẳng nên lấy giữ. “Nhân phi nghĩa bất giao, vật phi nghĩa bất thủ”, xuất phát từ câu chuyện sau :

Xưa, vào thời nhà Hán (Trung Hoa), có ông Bàn Đúc Công, cũng gọi là Bàn Công Cư Sĩ. Gia đình ông rất giàu có, thường hay bố thí phóng sanh. Những người nghèo khổ bệnh tật quanh vùng đều được ông giúp đỡ. Nguyên ông Bàn Công có hai người giúp việc, mỗi khi có ai đến xin hoặc hỏi mượn vàng bạc tiền của thì ông sai hai người ấy mở tủ lấy trao cho.

Vốn sẵn lòng tham gian, cho nên mỗi lần mở tủ, hai người ấy đều có lấy số vàng bạc đem cất dấu trên núi. Lâu ngày số vàng bạc đó rất nhiều, hai người cùng toan tính xin ông Bàn Công cho nghỉ việc. Ông vui vẻ bằng lòng, còn cho họ thêm một số tiền của.

Hai anh tạ ơn ông Bàn Công rồi từ giã gánh đồ ra đi, họ cùng phân công : một người lên núi trước, một người đi xuống chợ mua rượu thịt mang lên núi cùng vui một tiệc rồi sẽ chia vàng ra về.

Lúc ấy anh đi chợ suy nghĩ : số vàng ấy chia cho bạn mình phân nửa rất ồng, chỉ bằng tìm cách giết nó đi. Anh đến tiệm ăn uống no say rồi mua thuốc độc tẩm vào thức ăn, mang về thuốc anh trên núi. Còn anh trên núi cũng nghĩ như thế nên bẻ cây núp vào bụi rậm dựa mé đường, để thi hành thủ đoạn. Anh đi chợ vừa về ngang bất thành linh bị đập một cái, anh ngã lăn ra chết.

Anh trên núi nhảy ra lõi xác bọ ném vào chỗ kín rồi thâu lượm thức ăn đến chỗ dẫu vàng. Với ý định ăn uống xong sẽ đào vàng ra về, nhưng khi ăn vào bị thuốc thấm làm anh đau đốn nhào lặn, thế là mấy phút sau anh cũng từ biệt cõi đời. Số đồ ăn còn dư lại, các loài chim chóc bay ngang đáp xuống ăn, cũng chết rất nhiều

Hôm sau có người trong xóm đi núi phát giác hai tử thi, liền về báo lại cho ông Bàn Công hay. Ông đoán biết mọi việc liền cho người đến khiên hai xác chết đem về chôn cất, than rằng : “Cũng vì tham vàng bạc mà bao người phải chết, đến các loài chim bọ tham ăn nên mạng sống cũng chẳng còn”⁽³²⁾. Từ đó ông Bàn Công càng gia tăng việc bố thí hơn trước. Ông có làm bài kệ tị nh đời :

“Người đời trọng châu báu,
Ta quý một mảy tị nh,
Tiền lắm lụy lòng người,
Tị nh được thấy chơn tánh”.

Xem câu chuyện qua hai câu giảng nêu trên, nhận thấy Đức Thầy cảnh tị nh người đời

³²Do câu : “Nhân tham tài tất tử, Điều tham thực tất vong.”

chẳng nên tham lấy tài vật một cách phi nghĩa, mà nên nhận nó bằng do công lực của mình tạo ra và phải tin sâu nơi Luật Nhơn Quả. Ngài đã từng khuyến cáo :

*“Luật nhân quả thật là cao viễn,
Suốt cổ kim chẳng lọt một ai.”*

Và :

*“Tham chi giả tạm của tiền,
Như chim vào lưới xích xiềng trói thân.”*

Đồng thời hãy ghi nhớ bốn câu giảng sau đây để tiêu trừ lòng tham lam ích kỷ :

*“Thà nghèo thanh, hơn giàu mà trược,
Lo vun trồng cõi phước về sau,
Muốn trừ tham phải liệu cách nào?
Phải bố thí diệt lòng ích kỷ”.*

12 – TIN BUỐNG NGHE CÀNG

*“Đừng bạ đâu TIN BUỐNG NGHE
CÀNG,*

Làm ngu muội đọa thân ướng kiếp.”

(Khuyến Thiện – Quyển Năm)

Bốn chữ “Tin buống nghe càng” là chỉ cho hạng người mê tín dị đoan, hay tin các việc :

coi bói, soi căn, đoán số mạng, bùa chú linh thánh v.v... kẻ ấy thường bị gạt gẫm, làm trò cười cho thiên hạ.

1 – Thời vua Hán Vũ Đế, hôm nọ nhằm buổi tiệc vui, có mặt trào thần đông đủ, Vua Hán nói với các quan rằng :

“Ta xem sách tướng có nói : hễ ai nhân trung dài một tấc ⁽³³⁾ thì sống lâu 100 tuổi.

Lúc đó Đông Phương Sóc đang đứng hầu bên vua, bỗng phì cười. Các quan liền bắt lỗi :

– Sao ông dám vô phép với vua?

Đông Phương Sóc lật mũ quì xuống tâu :

– Muôn tâu Bệ Hạ, kẻ hạ thần này không dám cười Bệ Hạ, chỉ cười ông Bành Tổ mặt dài mà thôi.

Vua hỏi :

– Sao lại cười ông Bành Tổ?

Đông Phương Sóc thưa :

– Tục truyền, ông Bành Tổ sống 800 tuổi : nếu quả thật như câu trong sách tướng Bệ Hạ vừa nói thì nhân trung ông dài tám tấc, mà

³³ Nhân trung là lằn trũng dưới lỗ mũi chạy xuống môi.

nhân trung dài 8 tấc thì cái mặt của ông ta dễ phải đến một trượng (10m).

Vua Hán nghe nói bật cười, tha tội cho ông.

2 – Vào thời chiến quốc, có người đem dâng cho Vua nước Sở một viên thuốc bất tử (không chết). Người ấy bung viên thuốc vừa tới cổng, Quan canh cửa gạt lại hỏi :

– Viên thuốc này có dùng được không?

Người ấy đáp : Thưa ăn được !

Tức thì ông Quan ấy giựt lấy viên thuốc mà ăn.

Có người đem tâu chuyện ấy đến vua, Vua ra lệnh đòi vào hỏi duyên cớ rồi phán : bắt ông quan ăn viên thuốc đem giết.

Ông quan ấy liền kêu oan với vua :

– Muôn tâu Bệ Hạ : thần đã hỏi người đem dâng thuốc, người ấy nói thuốc “dùng được” nên thần mới dám ăn. Thế ! Thần vô tội, mà lỗi ở người dâng thuốc.

Vả lại, người đem dâng thuốc nói : thuốc “bất tử”. Nghĩa là ai ăn vào thì không còn chết. Thế mà thần mới ăn vào đã sắp phải chết. Vậy phải gọi là thuốc “tử”, chớ sao gọi là thuốc “bất tử” cho được?

Nay Bệ Hạ nữ giết thần, thực là bắt tội một người vô tội và tỏ ra thiên hạ dối được Bệ Hạ mà Bệ Hạ vẫn tin !

Vua nghe nói có lý bèn ra lệnh tha tội cho viên quan ấy, còn tặng thưởng thêm, vì có nhận xét chánh kiến.⁽³⁴⁾

Xem qua hai cốt chuyện và đọc lại hai câu giảng nêu trên, thấy rằng Đức Thầy có ý dạy mỗi người : đối với bất cứ việc gì, trước phải lấy trí mà suy xét nhận định một cách chính xác rõ ràng, khi thấy đúng với lẽ phải (chơn lý) mới tin. Người đã tu hành cần phải thận trọng hơn, ai muốn thành đạt mục đích, nên tu chánh tín chớ đừng tu mê tín.

*“Trí linh mãi nhìn xem các chuyện,
Phải đứng cho làm lạc nẻo tà.
Dầu việc người hay việc của ta,
Nên phán đoán cho tường cho tận”.*

³⁴ Hai câu chuyện trên đều dẫn theo Cổ Học Tinh Hoa.

13 – THAM VƯỜN RUỘNG

*“Tham nhà cao, cửa rộng, thân vinh,
THAM VƯỜN RUỘNG cò bay thẳng
kiếng”.*

(Khuyến Thiện – Quyển Năm)

Sống trong đời ai cũng hiểu lòng tham là nguyên nhân của sự khổ, là nguồn cội sanh ra muôn ngàn tội lỗi và sanh tử luân hồi. Người xưa bảo : “Tham thì thâm, dâm thì đen”. Thế mà ít ai chừa bỏ nó được.

Sau đây là một trong nhiều câu chuyện để chứng minh cho vấn đề :

Thuở xưa có một chàng trai nọ, gia đình đủ ăn đủ xài, nhưng lúc nào anh cũng mong muốn làm sao cho mình có đất vườn thật nhiều, giàu có hơn thiên hạ. Hôm nọ anh nghe đồn ở gần núi có vị Thần biết nhiều phép lạ. Anh bèn lặn lội đến đó yêu cầu vị Thần giúp cho anh có được nhiều đất để trở thành một đại điền chủ.

Vị Thần ấy bằng lòng và dạy anh rằng :

– Ta cho người được quyền làm chủ tất cả những khoảnh đất nào mà người bước qua, kể từ giờ phút này cho tới mặt trời lặn.

Nghe qua anh thanh niên rất sung sướng, liền phóng mình chạy nhanh như tên bắn, anh chạy rút chẳng dám ngoái lại vì sợ chậm đi; cứ chạy mãi, bất kể chông gai... mồ hôi đầm mình, thở không muốn kịp, nhưng cũng không dừng lại vì sợ mất thời gian. Giờ phút đến với anh lúc này không phải là bạc mà hơn vàng nữa. Khát, anh không dừng lại để uống, đói cũng không chụ u nghỉ để ăn.

Điều kiện đã qui định mặt trời lặn là hết rồi ! Ôi ! Quả đất thì mênh mông, còn lòng tham thì không đáy !

Vì muốn tranh với thời gian và không gian, anh cứ chạy... không kịp thở. Mặt trời đã vàng rực chân trời, anh chỉ còn là một bộ máy đau thương đang ôm hy vọng tràn trề, làm chủ nhân một vùng đất vô cùng rộng lớn. Dưới chân anh máu chảy đầm đề, hơi thở cấp bách như muôn ngàn mũi nhọn đâm thủng lồng ngực. Trong mạch máu như có nhiều cây kim châm chích. Quả tim như sắp tan vỡ, không khí chẳng đủ cho anh thở nữa.

Còn năm phút !... một phút !... một giây nữa là mặt trời sụp mất rồi ! ! !

Gắng gượng thêm lên, anh chuyển cả thần lực gần tàn để tranh từng tấc đất với bóng quang âm... mau lên... mau hơn nữa ! Anh chỉ là một bó xương thịt chao động dưới bóng

mặt trời. Mồ hôi nhễ nhại, một tí hơi thở phì phà... bấy giờ anh chỉ còn lại nỗi đau khổ đang vắt vớ giữa khoảng mênh mông của trời đất.

Thôi rồi ! Mặt trời vừa khuất dạng... thì anh cũng vừa bắt tỉ nh ! Rồi trút hơi thở cuối cùng.

Nói cho đúng, anh chỉ tranh được ba thước đất để chôn thi hài của anh mà thôi !

Than ôi ! Cái mộng chiếm đoạt vũ trụ hay làm bá chủ hoàn cầu của con người, cũng được có bấy nhiêu, không hơn gì người ấy. ⁽³⁵⁾

Tham vườn rộng là thông bệnh của người, ít ai vượt khỏi. Chỉ có người giác ngộ Đạo đức mới thấu rõ lẽ thật hư chân giả và biết “tri túc thường lạc” để diệt trừ lòng tham. Đức Giáo Chủ PGHH đã cảnh giác người đời :

*“Tâm chánh niệm thường thường suy
nghĩ,
Vật ở trần như bọt nước làn mây.
Thân ta còn rày đó mai đây.
Của ấy cũng khi tan khi hiệp”*

³⁵Phỏng theo chuyện của tác giả Tolstoi.

14 – NHƯ TA

*“Ngài bèn xét ở trong Phật chúng,
Các chúng sanh đều có NHƯ TA”*

(Khuyến Thiện – Quyển Năm)

Hai câu giảng trên Đức Thầy muốn nhắc lời của Đức Phật Thích Ca khi xưa, lúc thành Đạo Ngài đã nói : Ta xem cả thấy chúng sanh đều có đầy đủ đức Tương Như Lai cả (Nhon nonh hũu tánh Như Lai).

Trong kinh tạp Tỷ Dụ có chép câu chuyện :

Thuở xa xưa, nơi cánh rừng nọ có một con sư tử cái, đã mang thai và phải bệnh mấy hôm đi kiếm ăn không được, nên bụng đói thắc thèo. Không thể chịu đói lâu hơn nữa, sư tử gương ra mé đường mòn của các bầy dê thường qua lại, ý định rình bắt một con dê con để ăn đỡ lòng.

Nó núp khuất trong bụi rậm, chờ bầy dê đi ngang liền nhẩy ra vồ một con, nhưng dê lẹ chân tránh chạy. Sư tử đau yếu lại chụp hụt con mồi, nên bị té va đầu vào gộp đá bên kia đường, gãy chết. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, nó lại sanh được một con sư tử con. Mẹ chết, sư tử con chẳng biết nương nhờ ai, bỗng bầy dê khác đi tới nó liền chạy theo. Bầy dê

thấy sư tử còn bé, trông rất ngoan hiền nên cho nhập bầy và bú sữa. Từ đó sư tử con sống chung với bầy dê, ăn uống tánh tình đều cũng giống như loài dê. Hôm nọ sư tử chúa đứng trên triền núi nhìn thấy một con sư tử nhỏ đi chung với bầy dê mà vẫn được hòa hợp, trù mến, nó lấy làm lạ bèn nghĩ cách tìm hiểu nguyên nhân.

Suy tính xong, sư tử chúa xuống núi ẩn mình vào một lùm cây bên dựa đường, chờ bầy dê đi ngang, nó phóng ra chụp được sư tử nhỏ, giữ lại và hỏi :

- Tại sao mày là sư tử mà lại sống chung với bầy dê, làm mất thể diện cả loài?

Sư tử nhỏ vùng vẫy không được bèn cãi chính và năn nỉ :

- Ông à ! Tôi là dê mà, chớ không phải sư tử, ông làm ơn buông cho tôi theo bầy !

Sư tử chúa nắm hai vai nó lắc lắc nói tiếp :

- Mày là sư tử, chớ không phải dê, biết chưa !?

- Sư tử nhỏ cũng tha thiết năn nỉ nữa.

- Tôi là dê mà ! Xin ông mở lượng khoan hồng cho tôi một lần đi !

Sư tử chúa giải thích mãi cũng không kết quả nên kéo xoắn sư tử nhỏ đến bờ giếng, chỉ xuống mặt nước trong lặng và bảo :

– Hãy dòm xuống đây xem hình mây có phải giống hình tao không?

– Sư tử nhỏ nhìn xuống ngo ngác... sư tử chúa liền rống lên một tiếng vang vọng cả rừng. Sư tử nhỏ bất thần rống theo, tới đây nó mới chột tĩ nh mình là sư tử.

Câu chuyện trên giúp chúng ta nhận rằng : mỗi chúng sanh từ vô thi đều đồng một bản thể với chư Phật, song vì vô minh điên đảo mà phải lăn lộn mãi trong sáu đường sanh tử, rồi mê chấp mình là chúng sanh mãi mãi, không thể nào làm Phật được.

“Bị vô minh vọng tưởng vạy tà,
Nên quay lộn ta bà cõi khổ”.

Nay nhờ Đức Phật, Đức Thầy dùng mọi phương tiện giác tĩ nh, chúng sanh mới nhận ra nơi mình có sẵn hột giống Phật. Nếu ai biết tu hành tất được đồng hòa một bản thể cùng chư Phật, ấy là thành Đạo giải thoát.

Cũng như con sư tử nhỏ (Phật tánh), khi sanh ra và lớn lên trong bầy dê, tánh tình

tập nhiễm giống như dê, rồi tưởng mình là dê (chúng sanh). May nhờ có sư tử chúa (Đấng Giác Ngộ) tìm mọi biện pháp khai ngộ, sư tử nhỏ mới bừng tỉnh biết mình là sư tử.

.
. .

15 – THƯƠNG HẢI TANG ĐIỀN

“THƯƠNG HẢI TANG ĐIỀN ắt chẳng yên !”

(Bài Lộ Chút Cơ Huyền)

“Cuộc TANG THƯƠNG dâu bể cảnh trần.”

(Khuyến Thiện – Quyển Năm)

Thành ngữ “thương hải tang điền”, cũng gọi là “tang điền biến di thương hải”, hoặc “dâu bể” hay “tang thương”. Có nghĩa ruộng dâu hóa ra biển xanh, hoặc biển xanh trở thành ruộng dâu.

Do điển tích Bà Ma Cô Tiên nữ, chính mắt đã thấy ba lần ruộng dâu hóa ra biển xanh. Ý chỉ cho sự thay đổi cuộc đời và vạn vật, không chi bền chắc lâu dài.

Các thi nhân thường viết :

*“Trăm năm một cuộc bể dâu,
Người cùng cây cỏ khác nhau chút nào.”*

(Nguyễn Trãi)

Và :

*“Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
Khách tang hải giật mình trong cơn mộng.”*

(Chu Mạnh Trinh)

16 – ĐÀO NGUYÊN

*“Làm sao khỏi chốn mê tân,
ĐÀO NGUYÊN vạn lượng tỏ phân
kính sùng.”*

(Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

“ĐÀO NGUYÊN di khả tứ hồ văn.”

(Vén Màn Bí Mật)

Đào nguyên cũng gọi là Đào Hoa Nguyên, tức là Nguồn Đạo. Nghĩa bóng : chỉ cho cảnh Tiên Phật (siêu thoát), đối với cảnh trần gian (luân hồi sanh tử). Do thành ngữ và Điển tích “Ngư phủ nhập Đào Nguyên”.

Theo Thần Tiên truyện có 2 sự tích :

1 – Vào đời Tấn (Trung Hoa), tại huyện Võ Lăng có người thuyền chài, thường chèo thuyền đánh cá dọc theo các khe rạch. Hôm nọ bỗng thấy trong con suối có nhiều hoa Đào theo nước trôi ra. Ngư ông nghĩ, từ nơi trong chắc có dân chúng ở nên mới có hoa Đào trôi ra như vậy. Ông liền chèo thuyền theo ngọn

suối, càng đi sâu vào nguồn, hoa Đào trôi càng nhiều. Ông thấy có người ở khá đông, trông người nào cũng xinh đẹp, lộ vẻ an nhiên thư thả. Ông lại gần hỏi thăm họ đáp :

– Chúng tôi là số người tị nạn bạo Tần, gặp Tiên hướng dẫn vào sống cuộc đời an lạc ở đây lâu rồi. Ngươi ông chung sống với họ nơi đây thời gian. Khi trở về quê hương thuật lại cho mọi người và quan sở tại nghe. Vị quan biết được liền cho người đến đó, nhưng bị lạc lối mãi, không tìm được ngõ vào.

Trong “Hương Sơn Nhục Trình” nhà văn Chu Mạnh Trinh có viết :

“Giữa lòng đáy nước lòng gương,
Mượn chèo Ngự Phủ, đưa đường Đào
Nguyễn”.

2 – Điển tích thứ hai : Ngày xưa, ở Bắc phần Việt Nam có ông Từ Thức làm quan huyện Tiên Du. Hôm nọ, ông đến vườn thượng uyển của để xem hoa Mẫu Đơn, bỗng gặp một cô gái xinh đẹp đang bị trời dắt đi. Ông hỏi thăm mới biết cô gái ấy tên Giáng Hương, cũng đến xem hoa, nhưng khi sờ đến cành Mẫu Đơn, lại rụng đi nên phải tội. Nghe qua Từ Thức động lòng từ ái liền đem áo quý của

mình xin chuộc tội cho Giáng Hương, nàng tạ ơn Từ Thức rồi đi mất.

Thời gian sau Từ Thức từ quan về ẩn sĩ, hưởng thú tiêu dao, thường ngao du các danh lam thắng cảnh. Một hôm ông xuống thuyền nhỏ giả làm Ngư Ông chèo lần theo mé sông, cứ thong dong chèo mãi không muốn quay lại. Hôm nọ, con thuyền đang tiến hành theo mé núi, ông thấy phong cảnh lịch xình, có cái hang vừa rộng vừa ẩn sâu vào núi, ông theo hang ấy chèo mãi tới một nơi gọi là Động Bích Đào⁽³⁶⁾, Điện Huỳnh Hư, tình cờ ông lại gặp nàng Giáng Hương. Vì nhớ nghĩa xưa nên nàng kết duyên với Từ Thức, hai người sống cuộc đời an nhàn vui đẹp rất lâu nơi cảnh Tiên này.

Nguyên Giáng Hương là một Tiên nữ, nên tới ngày lệ hằng năm phải về chầu Diêu Trì Kim Mẫu. Kỳ này nàng căn dặn Từ Thức : chàng hãy yên lòng ở lại đây, thiếp về chầu Thánh Mẫu xong sẽ trở lại ngay, có điều quan trọng là chàng không nên mở cửa sau mà ngó ra biển, nguy hại lắm !

³⁶ Động đá xem như ngọc và có hoa Đào trở chung quanh.

Văng Giáng Hương, Từ Thúc buồn bực quá, đi dạo khắp nơi cũng chưa khuây khỏa, chàng cãi lời dặn của vợ, mở đại cửa sau nhìn ra biển, từ Thúc thấy biển rộng mênh mông, sóng bủa muôn trùng, bên kia bờ dằng dặng quê hương mình, liền đâm ra nhớ nhà da diết.

Khi Giáng Hương đi châu về, Từ Thúc xin từ giã nàng để về thăm quê hương. Nàng khuyên giải và cho biết : nếu chàng cãi ra về, khi muốn trở lại, ắt khó tìm gặp thiếp nữa; song Từ Thúc nằn nằn quyết định. Giáng Hương đành gạt lệ tiễn chàng ra đi !

Từ Thúc theo đường cũ trở về đến xứ nhà, nhìn cảnh vật có phần đổi lạ, tìm gặp một cụ lão trên 70 tuổi hỏi thăm về nhà cửa và bà con của mình? Cụ lão đứng hỏi tưởng một lúc rồi đáp : thủa nhỏ tôi có nghe ông bà kể lại, trước kia tôi có ông Tổ cách đây bảy đời tên là Từ Thúc, sau khi từ quan ông xuống thuyền đi mất không về, thời gian nghe đâu ông đã thành Tiên.

Nghe ông lão kể Từ Thúc đứng nghĩ : mình đi mới có mấy năm mà đã trải bảy đời con cháu, thật kiếp sống cõi hồng trần quá ngắn ngủi ! Ông bèn xuống thuyền chèo trở lại Động Bích Đào, nhưng tìm mãi cũng không gặp, đành vào núi tu hành.

Sau đó, tại trái núi Tinh Thanh Hóa có một cái động, người ta thường gọi là động Từ Thức. người sau khi nhắc đến chuyện trên có viết hai câu hát để tiếc uổng giùm cho ông :

“Trách chàng Từ Thức vụng suy,
Đã lên cõi thọ, về chi cõi trần !”

Câu chuyện vừa qua ngụ ý chỉ cho người tu mà lòng còn vọng nhiễm trần mê, quyến luyến cảnh tục, tánh tò mò tánh tò mò muốn tìm cảnh lạ. Từ Thức mở cửa sau nhìn về biển hồng trần, nhớ đến quê hương, tức là chỉ cho sáu căn còn ô nhiễm sáu trần rồi phải hườn tục, bít đường lên Tiên cảnh.

Qua điển tích “Đào Nguyên Vạn Lượng” và hai câu giảng của Đức Thầy. Ngài có ý cảnh tỉnh mọi người : Bến mê (mê tân) là cõi trần tục đầy sự khổ đau ràng buộc. Còn cảnh thanh nhàn siêu thoát của Tiên Phật vô cùng quý báu, thật ngàn vàng khó sánh (Đào nguyên vạn lượng). Song ai muốn hưởng cảnh đó hãy sớm thức tỉnh tu hành, dứt lòng trần tục.

17 – LAM KIỀU

*“Mộ khan thần tử nh cần triều,
Khởi con hoạn nạn LAM KIỀU được
lên.”*

(Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện)

Lam Kiều cũng gọi là Cầu Lam, tức cây cầu bắt ngang dòng sông Lam, thuộc huyện Lam Điền, tỉnh Thiểm Tây (Trung Hoa). Nơi đây Bùi Hàng được gặp Vân Anh và sau thành Tiên, nên thành ngữ này ngụ ý chỉ cho đường về cảnh Tiên, phát xuất từ điển tích :

*“Nhất âm huỳnh tương bách cảm sinh,
Huyền sương đảo tận kiến Vân Anh,
Lam Kiều tiện thị Thần Tiên quật,
Hà tất khi khu thượng Ngọc kinh.”*

*(Ứng rượ huỳnh tương trăm cảm sinh,
Huyền sương giã thuốc thấy Vân Anh
Lam Kiều vốn thật nơi Tiên ở,
Hà tất băng đường đến Ngọc Kinh.)*

Sau Bùi Hàng y lời dặn trong thơ đi đến Lam Kiều, Hàng dùng chân nơi quán trọ bên đường của một bà lão để giải khát.

Con gái của bà lão bung nước ra, Hàng trông thấy xinh đẹp bèn hỏi tên họ, rõ ra nàng là Vân Anh em ruột của Vân Kiều : Hàng liền hỏi xin bà lão được cưới nàng Vân Anh làm vợ.

Lão bà bảo Hàng hãy tìm cho được cối chày bằng ngọc đem lại, bà sẽ gả Vân Anh cho, khỏi cần vàng bạc chi hết. Nhờ lòng nhiệt thành Hàng được gặp Thần Tiên giúp đỡ và cưới được nàng Vân Anh.

– Lão bà chỉ cho Hàng về cách công phu tu tập và bảo Hàng dùng cối chày đó tán thuốc tiên trọn ba tháng. Khi làm thuốc xong cả ba người cùng uống và đều được thành Tiên.

Do điển tích trên đây mà các kinh sách hay các nhà văn thường dùng từ ngữ Cầu Lam hay Lam Kiều để chỉ con đường đưa đến cảnh Tiên. Cổ thi có câu :

“Trăm năm thề chẳng lòng phàm,
Sông Ngân đưa bạn, cầu Lam rước người.”

– Đức Thầy nay cũng hằng than :

“Lam Kiều hữu lộ vắng hoe,
Ngục môn không cửa mà hè nhau đi !”

– Điển Lam Kiều còn có ngụ ý đặc biệt là không câu chấp phân biệt hình thức, hễ người quyết tâm tâm Đạo thì không cần phải đến chùa chiền hay núi non am cốc mà bất cứ nơi nào :

“Ở đâu cũng Phật cũng Trời,
Tâm thành chí nguyện xem đời khó chi.”

– Người xưa cũng bảo : “Dân phòng tửu xá vô phi Đạo tràng” (Dù cho quán trọ hay nhà điếm, nơi nào cũng là Đạo tràng cả).

Thật vậy ! Bùi Hàng được gặp Đạo nơi quán nước. Còn Lưu Trường Sanh thì luyện đạo trong nhà điếm, hai ông cũng đều thành công cả.

Đức Thầy cũng đã xác định :

*“Qua sông nhờ được Cầu Lam,
Tu hành nào đợi chùa am làm gì”.*

18 – CƠ THÂM HỌA DIỆC THÂM

*“CƠ THÂM THÌ HỌA DIỆC THÂM,
Nào trong sách sử có làm ở đâu?”*

(Sấm Giảng Quyển Nhứt)

Thành ngữ “Cơ thâm họa diệc thâm”, có nghĩa nếu mình dùng mưu mẹo sâu khéo hại người thì kết cuộc mình cũng gánh lấy tai vạ sâu độc như vậy. Do câu thơ người xưa thường nói : “Cơ thâm thì họa diệc thâm là thường”.

Xuất phát từ nhiều điển tích. Ở đây xin đơn cử một chuyện :

Lữ Bất Vi sống thời Chiến Quốc (Trung Hoa), Vi vốn là tay thương buôn quỉ quyết. Một hôm Vi xem tướng Hoàng tôn nước Tần tức Dị Nhân đang bị cầm tù làm con tin bên nước Triệu; Bất Vi biết Dị Nhân sau này ắt sang cả, có thể nối ngôi vua Tần mà làm chúa thiên hạ, liền lập kế gả vợ lẽ đang có thai ba tháng cho Dị Nhân và dùng kế gạt tướng Triệu lên đưa vợ chồng Dị Nhân về Tần.

Quả sau, Dị Nhân lên ngôi vua và Lữ Bất Vi được làm tướng Quốc nước Tần, y lại tư thông với vợ cũ. Khi vua Tần (Dị Nhân) chết, Thái Tử là Tử Chính (vốn là con ruột Bất Vi) nối ngôi xưng là Thủy Hoàng Đế, thế là dòng họ Dĩnh của Tần kể như bị diệt. Bất Vi ngày càng lộng hành nên bị Thủy Hoàng hạ ngục, rồi sau bị ép chết, bia danh xấu muôn đời.

Thành ngữ “Cơ thâm họa diệt thâm”, qua 2 câu giảng kể trên, Đức Thầy có ý chỉ cho Luật Nhân Quả rất nghiêm minh không hề sai chạy. Cho nên Ngài từng khuyên :

“Cơ thâm họa diệt từ đây có,
Bộ máy thiên cơ ắt đảo huyền”.

19 – RẪN HÓA CÙ

*“Muốn cho RẪN đặng HÓA CÙ,
Xả thân làm phúc Diêm Phù vượt
qua.”*

(Khuyên Người Giàu Lòng Phước Thiện)

Thành ngữ “Rắn hóa cù” có nghĩa : loài rắn cũng như sấu, hễ con nào biết trằm sâu dưới sông biển, lo tu hành lâu năm sẽ có hột ngọc quý trong mình. Khi đúng ngày giờ nó phải biết nhả ra mới được hóa rồng (cù) bay liệng tự do, bằng con nào tiếc ngọc ngậm mãi không thể hóa cù được. Đây ngụ ý chỉ người tu biết đem tài lực trí tuệ mình bố thí, giúp đời mới được thành Đạo giải thoát.

Trong “Kho tàng Cổ Tích Việt Nam” có chép câu chuyện :

Một anh nhà nghèo nọ, nghèo đến đổi làm việc gì cũng bị hư thất, lỗ lã, nhưng anh có đức tánh chơn thật hiền từ không dòi dối. Vì quá buồn tủi cho số phận, anh quyết định tìm đến Tây Phương hỏi Phật.

Trên đường đi diêu vợi, trải nhiều gian nan trắc trở, anh vẫn bền lòng đi mãi... hôm nọ anh đang đi, bỗng gặp con sông lớn cản

đường, anh không biết cách gì để qua, thỉnh linh một con sấu nổi lên, kêu anh nói :

– Tôi xin tình nguyện đưa anh qua sông ! Nguyên con sấu này đã tu lâu năm nên biết nói tiếng người. Lúc đầu anh nhà nghèo còn ngờ vực, nhưng sau thấy nó có vẻ chơn tình, liền bước xuống ngồi trên lưng sấu. Sấu vừa lội vừa nói : khi anh đến Tây Phương gặp Phật làm ơn hỏi giùm một việc :

– Sao tôi tu hành lâu quá, gần hai ngàn năm rồi vẫn chưa thành quả. Vậy nhờ Phật cho biết tôi tu tới chừng nào mới được hóa rồng !

Anh nhà nghèo hứa lời, phút chốc sấu lội tới bờ, anh từ giã và bước lên nhắm hướng Tây đi riết.

Phật cảm thông tấm chơn tình anh nhà nghèo nên xuất hiện cho anh được gặp. Anh quỳ lạy Phật và bạch rõ các duyên do mà anh muốn gặp Ngài.

Nghe xong Phật phán dạy :

– Nhà ngươi trở về bảo con sấu ấy nên nhả hột ngọc quý trong bụng ra đi sẽ được hóa kiếp, bằng tiếc ngọc ngậm mãi ắt không thể hóa rồng được.

Còn phần nhà ngươi thì từ nay đã qua con “bĩ cực”, sắp tới hồi “thái lai... “

Anh nhà nghèo vâng lời Phật, lạy tạ trở về đường cũ. Khi tới mé sông cũng được sáu đũa qua bờ. Anh thuật lại lời của Phật dạy. Sáu liền nhả ngọc tặng anh, tức thì nó được hóa rồng bay bổng lên hư không, anh nhà nghèo vui mừng, cất ngọc vào túi ra đi. Trên đường về anh lại được kết duyên với nàng Hà Như Ý, cùng hưởng sự vinh sang hạnh phúc trọn đời.

Dùng thành ngữ “Rắn đặng hóa cù”, Đức Thầy có ý chỉ dạy : nếu ai quyết tâm tu thân hành thiện trọn đời không thay lòng nản chí và mở thân xả thí giúp đời từ tinh thần lẫn vật chất cho nhân loại được an vui hạnh phúc. Tất nhiên đến lúc chung qui mọi việc đều được thành quả như ý. Bởi :

“Hữu thành Phật độ ắt qua trường.”

Và : “Hiệp mặt phân trần hết ám u.”

Chính lúc bấy giờ hành giả đã chuyển hóa được từ chúng sanh trở thành Phật Thánh.

20 – THAM SẮC ĐẸP

“Người tu phải lánh hơi men,

*Đừng HAM SẮC LỊCH lăm phen luy
mình.”*

(Sám Giảng Quyển Ba)

*“Tham tiền tài thường vương nạn eo,
THAM SẮC ĐẸP nhà tan cửa nát.”*

(Khuyến Thiện Quyển Năm)

Tham sắc đẹp là một trong “tứ đồ tường”, ai ngã vào vách đó thì tài của hư hao, thân bại danh liệt, rớt cuộc chuốc lấy vô vàn đau khổ và gieo giống luân hồi sanh tử. Người xưa từng bảo : “Sắc bất ba đào dị nị ch nhân”⁽³⁷⁾ xuất phát từ câu chuyện :

– Thời vua Hậu Đế nhà Minh (Trung Hoa) có nàng Tiểu Nga, nhan sắc tuyệt trần, chồng là Vương Hóa Chiêu. Vợ chồng sống trong cảnh nghèo túng với mẹ già, song vẫn được hòa hiếu êm đẹp. Trong xóm lại có chàng Trác Háo Sắc, vốn nhà hào phú, thấy nhan sắc của nàng Tiểu Nga dần lòng không được. Háo Sắc mưu tính đem tiền trợ giúp Hóa Chiêu và kết bạn thân. Hóa Chiêu ngỡ tình thật nên thọ nhận, từ ấy Háo Sắc lúc nào cũng tỏ ra là người bạn tốt.

³⁷ Sắc đẹp của nữ giới tuy không phải là sóng gió nhưng dễ nhận chìm được người.

Ít lâu sau Háo Sắc rủ Hóa Chiêu đi buôn xa, đêm ấy thuyền neo nghỉ giữa sông vắng. Háo Sắc bày tiệc rượu ép Hóa Chiêu thật say rồi thừa cơ hội xô Chiêu xuống nước. Chiêu cố ngoi lên mấy lần, nhưng bị Háo Sắc dùng sào nạng nhện chìm luôn, rồi giả vờ la khóc âm ỉ. Các người bạn thức dậy ai cũng thương tâm, nhưng giữa dòng nước mênh mông khó tìm lại thể xác, bèn quày thuyền báo tin buồn...

Hóa Chiêu chết, Háo Sắc luôn tỏ ra bi thảm hơn ai hết và tiếp tục hỗ trợ gia đình Tiểu Nga. Mẹ con Tiểu Nga và xóm chòm điều tưởng Hóa Chiêu tự té mà chết thật, nên không ai còn nghi ngờ gì nữa.

Hai năm sau, Háo Sắc mới cậy người hỏi Tiểu Nga làm vợ, vì đã thọ ơn, nên mẹ chồng ép nàng ưng Háo Sắc. Lúc đầu nàng Tiểu Nga quyết thủ tiết, sau rồi cũng đành chịu. Vợ chồng sống trên 10 năm, sanh được hai đứa con. Nhân một đêm trăng thanh gió mát hai vợ chồng rủ nhau hứng cảnh rồi bày tiệc bờ hồ ăn uống, ngâm thơ. Bỗng dưới hồ sen có một con ếch nổi lên, Tiểu Nga liền cậy có nạng chọc ếch, ếch lại lặn xuống rồi lại nổi lên, mấy phen như vậy. Háo Sắc thấy nhớ lại cảnh mình giết Hóa Chiêu thuở nọ, nên bắt giác ngâm lên hai câu thơ :

“Hồi ức thập tam niên tiền sự,

Huyền tợ Hà mô lục thủy thời”.
(Nhớ lại việc mười ba năm trước,
Mùng tượng ngày nay ếch sật sừ)

– Tiểu Nga vừa nghe hai câu thơ, sanh nghi, bảo chồng chép lên mảnh giấy, Tiểu Nga suy đoán biết chắc sự tình, liền nắm Háo Sắc mà la lớn : “Chính người này đã giết chồng trước của tôi”. Quan lính đến bắt Háo Sắc đem lên Huyện đường tra tấn. Háo Sắc cung khai tự sự và bị kết án tử hình. Khi chôn xác chồng xong, Tiểu Nga thức suốt đêm suy nghĩ : cũng vì sắc đẹp của mình mà hai người chồng phải chết, nên nàng quyết định không muốn sống nữa. Trước khi chết nàng có làm 5 bài thơ tứ cú. Ở đây xin chép lại một bài đầu :

*“Giết chồng, rồi lại lấy chồng thù,
Mặt mũi nào còn tiếc sống đâu.
Hòn giàn bởi mình cưu kẻ khác,
Huỳnh tuyền nay xuống tỏ đuôi đầu.”*

Đọc chuyện trên, thấy rằng : Háo Sắc vì tham đắm sắc đẹp của Tiểu Nga mà tiền của tiêu tan, thân chết nơi đao kiếm và danh xấu lưu để nghìn thu. Song đó là người thường, còn trong giới tu hành, nếu chưa dứt được lòng nhiễm sắc thì dù bậc Tiên gia cũng hùn tục.

Điều này trong kinh “Tứ Thập Nhị Chương” Đức Phật có răn dạy : “Về các thứ ham muốn không thứ gì tai hại bằng sắc dục. Cái ham về sắc dục là cái ham lớn nhất. Cái ham lớn ấy may là chỉ có một. Nếu có cái ham nào cũng to như thế thì tất cả con người ở dưới gầm Trời, không ai có thể tu đắc Đạo được”.

Cho nên Đức Kim Sơn Phật (Đức Thầy) nay cũng khuyên dạy môn đồ :

*“Đừng ham sắc lị ch lằm phen lụy mình.”
Và : “Sắc mển nó ngày kia lao khổ.”*

21 – CỘI TÙNG

*“Cũng bung sao lại khuấy bung,
Một bầu ngợ ngác CỘI TÙNG còn xa.”*
(Thu Đã Cuối)

Cội Tùng, cũng có tên là “Ma Đánh Tùng”. Theo văn chương thì cội Tùng tượng trưng cho bậc Quân Tử, có lòng Đại lượng hay che chở kẻ dưới. Người chồng bảo vệ vợ : (Cát đặng nương bóng tùng quân). Hoặc ông vua thường ban ân huệ cho toàn dân, hay là nhà vua với bậc Tể Tướng (Minh Quân Lương Tể).

*“Từ Nha như thể cát đặng,
Tùng quân dựa bóng vui bằng hưng
Châu.”*

Về Đạo giáo thì cội Tùng tượng trưng cho vị Giáo Chủ hay ông Thầy, thường hết lòng thương lo giáo hóa các đệ tử.

Kinh Di Đà Sớ Sao có chép :

Thuở xưa Trần Huyền Trang, tức Đường Ngự Đệ, vâng sứ mạng vua Đường (Trung Hoa) đi Tây Phương thỉnh kinh. Trước khi lên đường, Ngài vỗ vào cây Tùng tại sân chùa Linh Nham và nói :

– Khi ta đi qua Tây Phương, người phải ngã về hướng Tây, lúc ta trở về phương Đông, người cũng phải ngã về hướng Đông nhé !”

Nói xong Ngài ra đi, cây Tùng tự nhiên ngã nghiêng về phương Tây hai trượng.

Thời gian trôi qua mười mấy năm, các đê tử đều ghi nhớ và trông đợi sự trạng ấy. Bỗng một hôm trời đang yên lặng, cây Tùng tự ngã nghiêng trở lại hướng Đông. Cả thầy môn đệ đều reo mừng đồng nói : “Thầy ta sắp về đó”. Quả nhiên ít hôm sau Đường Tam Tạng về đến.

Dùng thành ngữ cội Tùng ở đây Đức Thầy có ý cho biết : Ngài ví như bóng Tùng, nhưng vì gặp Pháp nạn phải đành ra đi làm cho cả tín đồ bơ vơ nơi bán lộ : “Một bầu ngọc gác cội Tùng còn xa”. Nhưng rồi đoạn giảng khác Ngài cũng an ủi và dặn bảo :

*“Chừng nào Thầy lại gia trung,
Thì trong bốn đạo bóng Tùng chở che.”*

22 – NHƯ CUỘI TRÊN TRĂNG

“Làm cho Lão nửa phiền nửa tủi,

Ước sao mình NHƯ CUỘI TRÊN
TRĂNG,

Đặng soi khắp cả dương trần,
Cho người trong tối được lần điện
quang.”

(Thu Đã Cuối)

Xưa nay văn chương thường dùng sự tích chú Cuội để chỉ cho mặt trăng, cũng như tích Ngọc Thổ vậy. Đây là lối văn tỷ dụ (muốn đó để dụ cho việc khác). Theo văn học cổ Việt Nam có chép :

Tương truyền thuở các thú vật còn biết nói tiếng người, có chú bé tên Cuội, chăn trâu cho một nông gia. Hôm nọ vì ham chơi nên Cuội quên cho trâu ăn, chiều về sợ bị chủ rầy đánh, Cuội lấy mo cau úp vào bụng trâu rồi lấy bùn nhồi với rom trét lên cho no ra !

Khi về đến nhà chủ hỏi : – Trâu ăn có no không?

Trâu đáp : – “No gì mà no, chỉ rom với mo ở bụng”.

Chủ ông xem kỹ lại biết Cuội dối mình, ông liền đánh Cuội. Cuội giận lấy rom đốt cổ họng trâu.

Vì vậy bắt đầu từ đó, trước cổ trâu thường có đốm trắng mọc cái bướu to bằng

hai đầu ngón tay; đó là vết đốt của Cuội ngày xưa và từ đây trâu không còn nói chuyện được nữa.

Chủ ông nóng ruột vì Cuội làm hại trâu, nên nọt đánh Cuội nữa. Cuội quá sợ chạy tót lên cung trăng ngồi lỳ dưới gốc cây Đa, ung dung nhìn xuống.

Điển này có ý nói, hễ ai ở được trên cao là nhìn được khắp bốn phương. Riêng Đức Thầy vì thấy chúng sanh đang lầm lũi trong màn vô minh tăm tối, nên Ngài ước mình được ngồi trên cung trăng để dùng ánh sáng trí huệ rọi soi lên cho mọi người nương theo đó mà tìm ra lối thoát.

23 – MÀI SẮC NÊN KIM

*“Gắng công MÀI SẮC NÊN KIM,
Những câu huyền bí rán tìm cho ra.”*

(Vọng Bắc Hòa Nam)

Thành ngữ “mài sắc nên Kim”, do câu “Ma chử thành châm” có nghĩa mài cái chày bằng sắt để thành cây kim. Ý chỉ đức nhẫn nại của mỗi người. Công việc chi cũng thành công. Xuất phát từ hai điển tích :

1- Lý Thái Bạch người đời Đường (Trung Hoa), thuở nhỏ ông đi học đã lâu mà không giỏi nên buồn ý, bỏ nhà Thầy ra về. Giữa đường ông thấy bà già ngồi dựa triền núi, tay cầm khúc sắt mài trên tảng đá mãi. Thấy lạ, Thái Bạch hỏi lý do? Bà lão đáp :

- Ta không tiền mua kim, nên mài cây sắt này để thành kim mà xài.

Thái Bạch cười nói :

- Cây sắt quá to, bà mài cho tới bao giờ mới thành kim đặng?

Bà lão trả lời :

- Nay không rồi thì mai, năm nay không rồi thì sang năm. Ta cứ cố công mài mãi, một ngày kia sắt cũng trở thành kim.

Nghe qua, Lý Thái Bạch hội ý, liền trở lại trường, gia tâm học nữa, sau mới nên danh. Ông cũng là một nhà thơ lỗi lạc. Rất được vua Đường kính mến và sau ông đi tu được thành Tiên.

2 - Điển thứ hai : sự tầm sư học Đạo của Tôn Tẫn? Ông sống thời Xuân Thu (Trung Hoa) người ở nước Tề có bẩm chất thông minh, đức độ hiền hòa cao khiết. Trên đường tầm sư

học đạo, kết bạn với Bàng Quyên người ở nước Ngụy tánh tình gian xảo, tham cầu danh lợi.

Hai người đồng đến xin tu học với Quỷ Cốc tiên sinh tức là Vương Thuyền Lão Tổ. trải qua thời gian, Quyên thấy mình đủ khả năng, nên từ giã Thầy về nước lập công danh, lại rủ Tôn Tấn cùng đi. Thầy Quỷ Cốc đồng ý cho Quyên đi, nhưng kêu Tôn Tấn bảo :

– Tài đức của trò còn kém, nên ở lại tu học thêm, song Tôn Tấn vì tình bạn cũng xin về.

Khi hai người xuống tới triền núi, bỗng thấy một bà lão tay cầm khúc sắt mài trên tảng đá, phút chốc cầm lên xem.

Tôn Tấn bước lại gần chấp tay hỏi :

- Bà mài thanh sắt để làm chi vậy?
- Tôi mài để thành cây kim khâu áo.
- Thanh sắt to như vậy, bà mài tới chừng nào mới thành kim đặng?
- Dầu vậy, nhưng tôi gắng công bền chí mài mãi nó cũng thành. Còn ông học Đạo mới mấy năm ra về làm sao nên công được?

Tôn Tấn nghe bà lão nói hội ý, liền chia tay với Bàng Quyên, trở lại xin lỗi Thầy cho tiếp tục việc tu học.

Bấy giờ Thầy Quỷ Cốc mới truyền binh pháp và cuối cùng Tôn Tấn được thành chánh quả “Đại La Thiên Tiên”.

Xuyên qua hai cốt chuyện và hai câu giảng vừa nêu trên, nhận thấy Đức Thầy có dụng ý nhắc nhở mọi người dù việc học nghề hay việc tu học Đạo đức cũng thế. Nếu ai bền lòng gắng chí thì dầu việc có khó khăn cách mấy cũng được thành công, như trong một đoạn giảng khác, Ngài có khuyến tấn :

*“Việc khó khăn lắm lúc khôì hài,
 Ấy bởi thày lay ông Tào.
 Ông nhồi quả cho người hành Đạo
 Lúc nguy nàn thối chí cùng chằng?
 Nếu bền lòng vị quả cao thẳng,
 Chẳng phải dạ bỏ lẩn Phật Thánh.
 Chốn Phật đường rần trau đức hạnh
 Phải bền lòng mới rảnh trần ai.
 Chuyện cao siêu Phật Pháp còn dài,
 Khó gặp chữ không không mà cố”.*

24 – GIẤC MỘNG VÀNG

*“GIẤC MỘNG VÀNG đang truyền Đại
 Đạo,
 Cảnh vô-sanh lòng bạo mà mê”.*

(Bài Sa Đéc)

Giấc mộng vàng, cũng viết là Giấc Vàng, theo văn chương thì dùng để chỉ cho Giấc Mộng quý báu được gặp Tiên Phật truyền dạy Đạo pháp, do hai điển tích như sau :

1 - Đồi Tống (Trung Hoa) có nhà họ Vương, làm chức Hiếu Liêm, lòng rất nhân từ liêm chính. Một hôm hai ông Tiên ông là Lữ Đồng Tân và Hón Chung Ly, thấy Hiếu Liêm có căn tu và đến lúc độ được, nên khi mưa dầm, hai Tiên ông giả ra hai kẻ ăn xin đến kêu cửa. Hiếu Liêm liền cho người ra rước vào thay đổi y phục và đãi đằng cơm nước tử tế. Trời mưa luôn ba ngày mới tạnh, hai người sửa soạn ra đi, bỗng thấy Hiếu Liêm mặc áo rộng đi tới, người nhà bung theo mâm cơm. Hiếu Liêm ân cần mời hai người dùng bữa rồi sẽ đi. Lúc dùng cơm, Hiếu Liêm hỏi tên họ và gợi ý muốn giúp vốn cho hai người sanh sống khỏi phải ăn xin vất vả.

Hai người xưng tên là Vô Tâm Xương và Kim Trọng, chẳng những họ từ chối sự giúp đỡ còn nói thêm hai câu : “*Gia kê hữu thực thang qua cận, Giã hạt vô lương thiên đị a khoang*” (Gà tuy có lúa ăn mà chảo nước sôi kể một bên, chẳng biết bữa nào phải vào đó. Còn loài hạt tuy không có lương thực, nhưng rất tự do bay liệng bốn phương trời).

Nghe qua Hiếu Liêm hiểu ý, không dám khuyen nữa, liền tiễn đưa hai người ăn xin một đoạn đường. Mới đi chốc lát. Hiếu Liêm thấy có cây cầu là lạ, ý muốn từ giã trở về, hai người ăn xin kêu nói :

– Hiếu Liêm có lòng đưa tiễn hãy bước lại cầu chúng tôi xin tặng chén rượu để đền ơn tri ngộ.

Hiếu Liêm uống rượu xong nằm xuống cầu ngủ vui, mộng thấy hai người kêu : Hãy tỉnh dậy đi theo xem cảnh lạ. ông liền theo hai người leo lên đỉnh núi thấy phong cảnh tuyệt vời, thật là : “*Bồng Lai Tiên Cảnh*” Hiếu Liêm nhìn bên mé suối thấy mặt nước lặng trong, có bảy bông sen đang khoe sắc. Ông liền khởi lòng muốn được một ít bông, Tiên ông hiểu ý, lội xuống hồ bẻ hết bảy hoa sen đem lên tặng cho Hiếu Liêm và nói :

– Bảy hoa sen này là bảy vị Tiên, tức là : Khưu, Lưu, Đàm, Mã, Xích, Vương, Tôn ⁽³⁸⁾. Vốn có tiền duyên làm học trò của nhà ngươi, vậy sau khi tu đắc Đạo ngươi phải độ bảy người này cùng đặng thành chánh quả. Đoạn

³⁸ Bảy vị chơn Tiên; Khưu Trường Xuân; Lưu Trường Sanh; Đàm Trường Chơn; Mã Vương Ngoại; Xích Thái Cổ; Vương Ngọc Dương và Tôn Bất Nhị.

rời Tiên ông thuyết giảng về cách tu Tiên, hành Đạo cho Hiếu Liêm nghe và dạy phải trở về.

Hiếu Liêm tạ từ hai ông Tiên, ôm bó hoa sen xuống núi, bỗng bị vấp chân, tỉnh dậy, thấy mình đang nằm trong nhà. Ông hồi tưởng việc vừa qua mới hiểu ra hai tên Kim Trọng và Vô Tâm Xương chiết tự là Hón Chung Ly và Lữ Đồng Tân. Rõ ràng hai Tiên ông dùng phương tiện xuống độ mình bằng cách truyền Đạo trong giấc mộng. Từ đó ông giả điên ở luôn trong phòng chiêm nghiệm lời truyền dạy của hai ông Tiên và hành Đạo luôn 12 năm là chứng quả, rồi xuất phòng.

2 – Điển tích thứ hai vào thời cận đại, cách đây trên 100 năm, tại tỉnh Châu Đốc – Nam Phần Việt Nam, có ông hai Trần Văn Nhu. Sau khi thọ giới với Đức Phật Thầy Tây An, ông lo tu hành tại gia cư sĩ. Bấy giờ người Pháp bắt đầu đặt ách thống trị nước Việt Nam ta. Ông Hai Nhu phải theo cha là Cố Quán Trần Ngọc Thành lo chống giặc.

Trước khi thất thủ đồn Hưng Trung – cứ điểm cuối cùng của Bình Gia Nghị – ông Hai được Đức Cố trao cho ấn dấu có bốn chữ Bửu Sơn Kỳ Hương (Tông phái của Đức Phật Thầy Tây An) mà trước kia, khi sắp tịch diệt Đức Phật Thầy đã truyền cho Đức Cố giữ. Nay Đức

Cổ giao lại cho ông Hai và dạy về ăn náo tại Láng Linh, lo bảo vệ mẹ già cùng tu thân hành Đạo.

Hôm nọ, ông Hai đang ngồi trên võng, bỗng té trụi xuống bộ ván rồi ngủ lịm luôn. Những người nhà thấy ông Hai vẫn còn hơi thở đều đều nên thay phiên nhau ngồi chung quanh canh chừng, luôn ba ngày đêm Ông Hai mới tỉnh dậy.

Sau khi dùng nước lấy lại sức khỏe, ông Hai kể cho mọi người nghe : “Trong ba ngày nay ông mộng thấy Đức Phật Thầy dắt đi viếng chung quanh vùng Thất Sơn; ông được trông qua nhiều cảnh báu lạ và được Đức Phật Thầy truyền cho Đạo pháp”.

Sau hôm đó ông Hai bắt đầu thuyết giảng Đạo lý cho mọi người nghe và tiếp tục kể truyền tôn chỉ : “Học Phật tu nhân” của Đức Phật Thầy đã khai thị. Ngoài ra, ông còn phát cho mỗi bốn đạo một lòng phái có nhận dấu bốn chữ “Bửu Sơn Kỳ Hương”⁽³⁹⁾. Chính ông Hai là một trong thập nhị Hiền Thủ của Đức Phật Thầy.

³⁹ Dẫn theo Đức Phật Thầy Tây An của Vương Kim và Đào Hưng.

Từ đó, ngoài việc diu dắt nâng đỡ các đồng đạo cùng quy y với Đức Phật Thầy trước kia, ông Hai còn độ thêm được rất nhiều bổn đạo mới. Trong số đó có các vị được liệt vào hàng cao đệ, như :

1 – Ông Nguyễn Văn Thới : tục gọi là ông Ba Thới người gốc xã Mỹ Trà (Cao Lãnh). Ai cũng công nhận ông ba là bậc đã chứng ngộ Pháp lý Phật Giáo “Bửu Sơn Kỳ Hương” do Đức Phật Thầy truyền xuống. Ông có sáng tác 9 áng văn kệ tác, vừa luận giải Đạo lý vừa tiên tri cuộc diên tượng lai, với tựa đề là “Cửu Khúc Kim Cổ Kỳ Quan”.

2 – Ông Vương Thông ở Núi Két : ông cũng có sáng tác quyển Sấm Giảng về Đức Cổ Quán và bài về Thất Sơn

3 – Ông Năm Tịnh, sau trụ trì chùa Bửu Hương Tự và Bửu Hương Các ở Láng Linh hiện giờ.

4 – Ông Tư Phan Văn Cây, xây dựng và trụ trì ngôi Bửu Sơn Tự ở xã Kiến An (Chợ Mới). Chùa có để kỷ niệm chiếc ghe sáu bồ, một trong thuyền đội của Đức Cổ Quán hồi trước, nên cũng có tên là chùa Ghe Sáu.

Cuộc đời hành Đạo và truyền Đạo của ông Hai dưới thời Pháp thuộc gặp nhiều khó khăn trở ngại, vì họ cho người theo lòng bắt ông.

Cho nên bước bôn đảo của ông phải rày đây mai đó, vất vả gian nan. Cuối cùng, ông dừng lại ở Trà Bang cho đến khi viên tịch, hôm ấy nhằm ngày 25 tháng 3 năm Quý Sửu (1913), hiện nay phần mộ ông vẫn còn tại đây.

Đọc qua hai truyện tích của Vương Hiếu Liêm đời Tống (Trung Hoa) và ông Hai Trần Văn Nhu cuối đời nhà Nguyễn thời Pháp thuộc tại miền Thất Sơn Việt Nam. Nhận thấy hai ông đều hưởng đặc điểm giống nhau được Thầy Tổ truyền Đạo trong giấc mộng (thần mộng) ⁽⁴⁰⁾

⁴⁰ Mộng, cũng gọi là nằm chiêm bao; có 4 trường hợp người ngủ thấy mộng.

1 - Do ăn uống không điều hòa (no quá), tối ngủ thấy ác mộng.

2 - Do nằm nghiêng co rút cắn gân máu không lưu thông nên thấy ác mộng, lúc thức còn sợ hãi mệt mỏi.

3 - Do nơi tàng thức (tiềm thức), tức những ý nghĩ hoặc ngôn ngữ, hành động trong ngày hay vừa qua hoặc mơ ước việc chưa tới, đều được ghi trong tàng thức (A Lại Da Thức). Tối

ngủ nó diễn lại như cuộn phim chiếu trên màn ảnh. Ba loại mộng này như huyền hóa, không thật thể, khi thức dậy là hết.

4 - Do thần mộng, tức mộng thấy đúng như thật. Khi nào người đó 3 nghiệp thân, khẩu, ý gần thanh tịnh, tâm trí có thể giao cảm với Phật Tiên Thần Thánh mặc dầu chưa hoàn toàn đắc Đạo, nhưng có khi được Thầy Tổ truyền Đạo hoặc chư Thiên, thần báo mộng cho biết các việc sắp xảy ra đều đúng, miễn hành giả đừng vọng đắc hay mơ ước. Như hai nhân vật vừa kể trên, và giấc mộng của Hoàng Hậu Ma Da thấy Bạch Tượng, vua Đường mộng thấy Hiền Thần Nhon Quý v...

25 – THIÊN LÝ VỊ NHIÊN

*“Giờ mắc câu THIÊN LÝ VỊ NHIÊN
Nên còn đãi thiên oai nấy ị nh”*

(Nang Thơ Cẩm Tú)

Câu “Thiên Lý Vị Nhiên” phát xuất từ lời than của Khổng Minh sau khi đốt cha con Tư Mã Ý không được.

Tóm tắt câu chuyện như sau :

Khổng Minh phò nhà Hán Lưu Bị đời Tam Quốc (Trung Hoa). Tộc danh là Gia Cát Lượng, tự Khổng Minh, làm quan đến chức Thừa Tướng, kiêm Quân Sư, tước vị Võ Hương Hầu, gọi tắt là Võ Hầu.

Thuở đó, ông đem binh ra Kỳ Sơn để đánh Bắc Ngụy Tào Tháo, tướng Đô Đốc của Tào là Tư Mã Ý ra binh chống cự, nhưng Ý tự biết mưu lược của mình không thắng nổi Khổng Minh nên bẻ thành cổ thủ, đợi lâu ngày quân Thục nản chí rút về sẽ tiến đánh.

Khổng Minh cũng thấu rõ ý định của Tư Mã Ý nên dùng đủ cách khiêu chiến mạ nhục, nhưng Ý vẫn kiên nhẫn không ra đánh. Cuối cùng Khổng Minh bày kế : sai Mã Đại đem binh bên kia núi lấp một đầu hang Hồ Lô Cốc rồi giả vờ chuyển lương thực cất vào hang,

chớ kỳ thực là đem bồi khô chất vào, đặt đi a lô và phục binh chung quanh. Mặt khác sai các tướng vận lương đi rời rạc để cho quân Ngụy cướp đoạt mấy lần.

Phần Khổng Minh thì bỏ ra trại Kỳ Sơn sang đóng quân gần hang Thượng Phương (Hồ Lô Cốc). Rồi truyền Ngụy Diên đến trại đi ch khiêu chiến.

Từ Mã Ý dò biết binh Thục thờ ơ tản mác liền phân binh tiến đánh, rượt theo Ngụy Diên tới miệng hang, thấy ở trong có chứa lương thực liền thúc quân mã vào cả trong hang, nhưng khi lọt vô trong thì không thấy Ngụy Diên đâu cả. Ý đâm ra nghi ngờ vội kêu hai con nói : “Ta vào đây phỏng có quân đi ch lấp mắt cửa hang thì thế nào? Nói chưa dứt lời bỗng nghe tiếng quân reo bốn phía, lửa từ trên núi ném xuống đất chặn ngang cửa hang trước. Hai bên tên lửa bắn như mưa, dưới chân thì đi a lô nổ vang dội, ngọn lửa bốc cháy ngùn ngụt”.

Từ Mã Ý hốt hoảng chân tay luống cuống liền nhảy xuống ngựa ôm lấy hai con khóc. “Ba cha con ta phải chết ở chốn này !”

Bỗng dung mây kéo đen kịt, rồi một tiếng sét nổ vang, trời mưa thật lớn như trút nước, lửa đang cháy tắt sạch, đi a lô hết. Bấy giờ cha con Từ Mã Ý hùn hồn liền gom hết toàn

lực đánh phá thoát khỏi vòng vây, tuy không chết, nhưng cũng bị mất thành và binh hao vô số !

Lúc đó Khổng Minh đang đứng trên núi theo dõi trận chiến... thấy Ngụy Diên dụ được cha con Tư Mã Ý vào hang, ông rất vui mừng chắc phen này cha con Tư Mã Ý không khỏi chết. Không ngờ trời mưa lớn tắt lửa hết, bọn Ý chạy thoát ra khỏi hang. Khổng Minh mới cất tiếng than : “muu sự tại nhân, thành sự tại Thiên. Nhân nguyện như thử, như thử, Thiên lý vị nhiên, vị nhiên”. (Mưu việc tại người, thành việc tại Trời, ý người muốn như vậy, như vậy... nhưng lý trời chưa vậy ! chưa vậy !)

Dùng điển từ Thiên lý vị nhiên, qua hai câu giảng nêu trên, nhận thấy Đức Thầy có dụng ý cho biết, vì thời cơ chưa đến nên Ngài phải đành :

“Ấn nhẫn hoài chờ đợi vận hanh thông”

Và :

*“Đợi cơ thiên đì a xây vắn đến,
Chờ cuộc phong lôi đổi vận lành”.*

• •

26 – TỈNH GIẤC NAM KHA

*“Mong dương trần TỈNH GIẤC NAM
KHA,*

Trừ vật dục trì chơn bất hoại.”

(Diệu Pháp Quang Minh)

*“Khuyên người trí sĩ mau mau tỉnh,
Giấc mộng NAM KHA chốn thế trần.”*

(Tĩnh Bạt Trần Gian)

Câu “Tỉnh Giác Nam Kha” đồng nghĩa với thành ngữ “Nam Kha Mộng Tỉnh”, gọi tắt là Mộng Nam Kha hay giấc Hòe, xuất phát từ điển tích Thuần Vu Phần :

Trong bài Nam Kha Ký của Lý Công Tá đời Đường, có chép sự tích ấy như sau :

Một hôm, Thuần Vu Phần dạo chơi ngắm cảnh, dùng chơn dưới gốc cây Hòe, mắc võng nằm nghỉ rồi ngủ quên. Phần chiêm bao thấy mình đến nước Hòa An, thi đỗ cao, được Vua gả Công Chúa và phong làm Phò Mã, hưởng sự vinh sang phú quý.

Sau Phần lại được vua phong làm quan Thái Thú trấn tại Quận Nam Kha. Kế có giặc xâm chiếm, Phần đem quân chống cự, nhưng bị thất trận, công chúa bệnh nặng rồi chết. Nhà vua đem lòng nghi kỵ liền cách chức đuổi về. Vu Phần quá ức lòng buồn tủi, chợt tỉnh giấc thấy mình còn nằm dưới gốc cây Hòe. Khi đó,

Phần mới nghĩ ra cuộc đời vinh sang phú quý của mình vừa qua chỉ là trong một giấc mộng vậy thôi ! Phần chán nản kiếp sống hiện tại liền bỏ nhà đi tu.

Các nhà văn thường dùng thành ngữ “Giấc Nam Kha” để chỉ cho những cái gì giả tạm, không bền chắc, ví như giấc mộng Cung Oán Ngâm Khúc có câu :

*“Giấc Nam Kha khéo bất bình,
Bưng con mắt dậy thấy mình tay không.”*

Nhà văn Tú Xương cũng nói :

“Giấc mộng Nam Kha khéo chập chờn”

Đức Giáo Chủ PGHH đã từng tỉ nh đời :

*“Bồi hồi chợt tỉ nh Nam Kha,
Đường danh nẻo lợi xem ra ích gì.”*

27 – OAN OAN TƯƠNG BẢO

*“Thua hỏ người làm chuyện bất lành,
Gây nghiệp dữ OAN OAN TƯƠNG
BAO.”*

(Khuyến Thiện Quyển V)

Thành ngữ “Oan Oan Tương Báo” có nghĩa : nếu mình hại người thì sanh oán thù, tất

nhiên bị người tìm cách trả thù lại. Cứ thế dây dưa, hết đời này sang đời khác, hoặc hết kiếp này sang kiếp khác và kể đó nữa, không dứt.

Xưa nay có rất nhiều điển tích, đây xin đơn cử một câu chuyện :

Vào thời Chiến Quốc (Trung Hoa) có hai nước Ngô và Việt, họ thường đánh giết nhau. Vua nước Ngô là Hạp Lư thua trận bị quân nước Việt giết chết. Con Hạp Lư là Ngô Phù Sai lên nối ngôi làm vua, thề rằng : thế nào cũng phải phục thù cho cha được mới thôi.

Ông sai một viên quan đứng chực sẵn ở sân, mỗi khi vua ra vào. Viên quan ấy phải nói to lên :

– Phù Sai kia ! Nước Việt nó giết cha ngươi mà ngươi quên ư !?

Phù Sai liền thưa : “dạ không dám quên !” sau ba năm chuẩn bị , Phù Sai kéo binh đánh nước Việt để báo thù cho cha.

Vua nước Việt là Việt Câu Tiễn bị thua, xin cầu hòa. Phù Sai buộc vợ chồng Câu Tiễn phải sang làm con tin. Câu Tiễn rất căm thù, nhưng phải đành chịu nhục ra đi, có vệ thần là Phạm Lãi theo hầu. Đến nơi Phù Sai đày vợ chồng Câu Tiễn ban ngày chặn ngựa, tối lại cho ngủ nơi nhà rom lạnh lẽo, nên lúc nào y

cũng nuôi chí phục thù. Suốt bao nhiêu năm trường Câu Tiễn chịu cực khổ, gian lao. Cuối cùng nhân gặp lúc Phù Sai có bệnh, Câu Tiễn chịu nhọc, quì nếm phần để chuẩn bị cho Phù Sai. Phù Sai thấy đối phương hạ mình như vậy, tin rằng Câu Tiễn thật tâm đầu hàng, nên tha vợ chồng về nước.

Khi về tới nước nhà, vì muốn không quên mối thù, Câu Tiễn cho chắt củi làm giường để nằm và treo mặt đấng để trước bữa ăn phải nếm một cái (nằm gai nếm mật). Ngoài ra Câu Tiễn còn nhờ hai người tôi trung thần là Văn Chủng và Phạm Lãi bày mỹ nhân kế : hiến gỗ quý xây thành Cô Tô, mượn giống lúa tốt, trả giống lúa đã luộc rồi. Khiến cho nước Ngô bị thất mùa đói khó, hao hụt công quỹ...

Công việc chuẩn bị suốt 20 năm trường, cơ thuận tiện đã đến, Câu Tiễn cử binh đánh nước Ngô. Một đảng thì thờ ơ, một đảng cố ý chuẩn bị nên Việt Câu Tiễn toàn thắng. Ngô Phù Sai chỉ còn cách sai người đến xin đầu hàng, Câu Tiễn không bằng lòng, thế là Phù Sai phải liều đánh tới mức cuối cùng rồi rút gươm tự sát.

Đọc câu chuyện qua hai câu giảng của Đức Thầy nêu trên, thấy rằng hễ ai hại người thì

người hại lại. Đánh diệt nước người tất bị người đánh diệt lại. Cho nên Cổ Đức từng nói : “Oan gia nên mở đùng nên kết”.

Đức Phật khi xưa cũng thường răn bảo : “Lấy đức báo oán, oán tự tiêu tan”. Còn “Lấy oán báo oán, oán thêm chồng chất”.

Đức Thầy hiện nay há chẳng dạy môn đồ :

*“Việc hung ác hễ vừa thấp thoáng,
Chữ từ bi ta diệt nó liền
Sự oán thù đáp lại chữ hiền
Thì thù oán tiêu tan mất hết”.*

28 – ĐOẠN TRƯỜNG

*“Từ bi tình ấy ĐOẠN TRƯỜNG,
Kể qua tích cũ mà lòng lòng đây.”*

(Từ Giã Bốn Đạo khắp Nơi)

Đoạn trường có nghĩa là đứt ruột, thành ngữ này chỉ cho lòng từ bi của Phật và Thầy thương xót chúng sanh rất bao la, vô bờ bến như tình mẹ thương con : “Mẹ thương con biển hồ lai láng” (ca dao)

Xưa nay xuất phát nhiều điển tích : ở đây xin điển hình một chuyện :

Xưa, có ông Hứa Tinh Vương (Trung Hoa), thói thường lúc rảnh việc Vua hay mượn thú săn bắn làm vui.

Nhân hôm nọ, Hứa Tinh Vương dẫn đoàn tùy tùng vào sâu trong rừng, bỗng gặp con Vượn còn to, Vua lấp tên bắn trúng Vượn. Vượn mang tên chạy miết, Vua giục ngựa đuổi theo tới một nơi nọ, Vua thấy vượn con nằm phục dưới chân Vượn mẹ. Ngài liền dừng lại xem thử, thấy Vượn mẹ cắn mũi tên nhổ ra, rồi le lưỡi liếm chỗ vết thương của Vượn con. Vua ra lệnh cho đoàn tùy tùng tiến bắt, Vượn mẹ quẩn quýt bên Vượn con không chạy, thế là hai mẹ con nhà Vượn đều bị bắt.

Về tới triều, Vua sai làm thịt hai con Vượn, lúc mổ ra những người làm thịt thấy ruột của Vượn mẹ đứt từng đoạn, còn Vượn con tuy bị thương nhưng ruột của nó vẫn còn nguyên vẹn, họ liền đem trình bày cho Vua xem. Vua nhận xét :

– Vượn mẹ tuy không bị tên nhưng vì quá thương con nên ruột đứt từng đoạn (đoạn trường), loài thú còn vậy huống chi loài người.

Luôn mấy ngày suy nghĩ, Vua vô cùng hối hận hành động của mình, liền bẻ hết cung tên, nhường ngôi cho Thái Tử rồi vào núi tu hành, sau được thành chánh quả và mở cơ phổ hóa nhân sanh.

Xem cốt chuyện và 2 câu giảng nêu trên, nhận thấy Đức Thầy dùng điển ngữ Đoạn trường là muốn cho môn đồ có nhận xét : tình mẹ thương con của loài Vượn còn đến thế thì tình từ bi của Phật và Thầy thương xót vạn loài chúng sanh còn hơn rất nhiều. Cho nên, trên bước đường cứu độ chúng sanh dầu phải gặp muôn ngàn đắng cay nghị ch cảnh, các Ngài cũng chẳng hề nao lòng nản chí.

*“Thân Ta dầu làm đoạn trường !
Cũng làm cho vẹn chữ thương non loài”*

.
. . .

29 – TÚI THAM

*“Biết sao đây được TÚI THAM,
Không ngăn không đậy càng làm
không kiêng.”*

(Từ Giã Bồn Đạo Khắp Nơi)

Người đời cho lòng tham là cái túi dây thun, đầy rồi mà nhét thêm cứ được hoài, cuối cùng hết mức giãn, nó cũng phải bể ra. Trong Đạo gọi lòng tham không có đậy, bỏ vào mãi không thấy đầy, rốt cuộc cũng lọt tót hết. Đến đó dù có hối hận thì việc đã rồi.

Chúng ta thử xem câu chuyện sau đây :

Ngày xưa, tại nước Nhật Bản có một hòn đảo tên là Migafimô, rất nổi tiếng là linh thiêng. Vốn một trong ba thắng cảnh đẹp nhất ở Phù Tang. Trên đảo có một ngôi đền danh tiếng, ở ngay trên biển. Số dân chúng ngụ trên đảo, có hai vợ chồng tiều phu nọ, tuổi đã già. Chồng tên là Yoshida, vợ là Fumi. Họ là người tốt nên được cả làng yêu mến, vị nể, ai cũng đều khen sự kiên nhẫn chịu đựng mọi trở ngại mà họ đã trải qua; cũng như ca ngợi lòng chân thành của hai vợ chồng đối xử với nhau trên 60 năm chung sống.

Sau khi kết hôn, ông bà đã sanh liền tiếp 3 người con trai, khi trưởng thành họ chuyên sống nghề đánh cá. Một hôm, thuyền ra khơi, bỗng gặp trận bão cướp mất 3 người con ấy, khiến ông bà khóc thương đau xót, lòng như tan nát...

Bấy giờ chỉ còn hai vợ chồng, họ lấy sự kính yêu nhau làm nguồn an ủi duy nhất.

Ai cũng muốn làm cho người thân của mình bớt đau khổ. Dần dần tâm hồn họ bình thản trở lại và kiên nhẫn sống với tuổi già. Họ thường lấy câu tục ngữ sau đây để an ủi : “Khi hoa Anh Đào đã tan, không phải lấy sự tiếc thương mà làm cho hoa nở lại được”.

Giờ đây họ đã già lắm, già như con đò mỗi cổ kính. Ông thì làn da nhăn nheo khô héo chân tay run rẩy, còn bà thì tóc và lông mày đã rụng hẳn. Người ta gặp họ đi chơi với nhau, bước rất chậm chạp.

Thỉnh thoảng ông bà hay đi đến ngôi đền nguy nga đã giúp cho hòn đảo nổi tiếng, để chiêm bái và ngoạn cảnh. Yoshida và Fumi kể ra là đôi vợ chồng già hạnh phúc, biết gác ra ngoài những nỗi khổ cực của loài người để hưởng sự yên tĩnh và thương yêu lẫn nhau. Nhưng dầu sao họ vẫn còn một nỗi sầu vương vẫn là họ đã già quá, lòng luyến tiếc thời trẻ trung khi xưa đã qua xa rồi. Người nào cũng

nghĩ rằng : khi có một trong hai người chết đi, người còn sống sẽ đau khổ đến ngàn nào ! Giá bây giờ họ còn trẻ cả hai sẽ hưởng một cuộc sống lâu dài bên nhau và đời sống trở nên tho mộng êm đềm biết bao !

Một chiều thu, trời rất trong sáng lòng Yoshida như một cảm hứng huyền bí gì, ông muốn đi về phía cánh rừng một mình mà trước kia ông đã cùn cùi đốn củi sanh sống. Bây giờ trước khi chết ông muốn nhìn lại quang cảnh mà ông đã sống suốt đời, nhưng khi đến nơi không còn nhận ra phong cảnh xưa kia nữa. Ngay cửa rừng ông không còn thấy cây Phong to lớn, lá đỏ của mùa thu, nổi bật lên giữa đám thông xanh thẫm hay cái suối nước trong màu xanh lơ cũ.

Đi đã mỏi chân, ông cảm thấy khát nước, bỗng gặp một cái suối nước trong veo, nằm ngang cạnh lối đi. Bước xuống mé suối với hai lòng bàn tay ông bụm nước lên thông thả uống 3 hớp. Nào ngờ khi bóng mình in trong suối nước, ông bỗng thấy tướng trạng mình thay đổi hết, tóc trở lại đen, mặt hết nhăn nheo, trong người các bắp thịt có một sức mạnh vương lên. Yoshida đã trẻ lại như người mới 20 tuổi, ông đã vô tình uống được nước suối "Trường Sanh". Sau giờ phút ấy ông nghe mình rất khỏe mạnh vui tươi đầy nhựa sống,

Yoshida bây giờ là một chàng thanh niên trẻ trung, yêu đời. Anh ta sung sướng vội vã chạy thẳng về nhà. Bà Fumi trông thấy một thanh niên đẹp trai bước vào nhà, bà thốt lên một tiếng : Ô ! Rồi từ ngạc nhiên đến sợ hãi, làm bà chết đứng như người mất trí, Yoshida vội an ủi vợ và giải thích rõ ràng về sự may mắn vừa đến với mình.

Bấy giờ đến lượt bà lão đáng thương, khi nghe ông nói rõ bà vừa cười vừa khóc vì quá sung sướng. Sáng mai, bà cũng đến cái suối tiên uống nước, rồi khi về bà cũng sẽ trẻ lại như một thiếu nữ 20 tuổi. Hai vợ chồng ta sẽ sống lại cuộc đời tươi đẹp, với bao sự vui thú của tuổi trẻ và sẽ hài lòng khi nghĩ đến những kỷ niệm đã qua. Ông không quên căn dặn bà hãy nhớ uống 3 hóp thôi nhé !

Sáng hôm sau, lúc nắng hồng vừa mới hé sau làn không khí trong trẻo, Fumi đã vội vàng lên rừng để tìm suối “Trường Sanh”, Yashida ở nhà yên tâm chờ đợi. Vì anh biết rằng phải mất độ 2 tiếng đồng hồ cho một người già đi đến suối và lúc về sẽ mau hơn.

Vậy mà đã hơn 3 giờ Fumi vẫn chưa về, ông ngạc nhiên nghĩ tới : Từ suối về có bao xa mà sao lâu đến thế? Rồi những giờ phút trôi qua sự sốt ruột của ông càng lúc càng tăng. Thời giờ cứ tiếp tục trôi đi một cách tàn nhẫn

chậm chạp. Đã 4 giờ qua, rồi 5 giờ qua...Yoshida tự hỏi : chuyện gì xảy ra đây?

Ông không còn kiên nhẫn được nữa, vì sợ hãi cứ tăng dần lên, ông liền đóng cửa nhà rồi chạy thẳng lên rừng. Ông chạy lẹ đến chỗ suối tiên, chỉ nghe thấy tiếng nước chảy hòa lẫn tiếng lá reo trên cành. Chú ý im lặng tìm kiếm cả một vùng rộng quanh bờ suối mà vẫn chưa thấy vợ đâu, ông bắt đầu thất vọng !

Bỗng dưng ông nghe được tiếng i e nhỏ nhỏ rồi kêu lên giống như tiếng con vật bị thương... làm cho ông chú ý lắng nghe và tiến dần đến chỗ đó. Khi đến tận nơi, ông ngạc nhiên khựng lại, vì thấy một đứa bé nằm trong đám cỏ, ông nhìn kỹ lại là bé gái độ mới sanh vài ba tháng, chưa biết nói, chỉ đưa tay về phía ông i e vói vẻ thất vọng.

Yoshida bước đến bế đứa bé lên, nhìn vào đôi mắt nó, tự nghĩ : sao nó lại có cặp mắt của vợ mình một cách lạ lùng thế?

Bấy giờ ông mới nhận ra cặp mắt của vợ ông, khi buồn khóc, khi cười vui y hệt. Ông cảm xúc vô cùng, kể rồi ông đột nhiên hiểu ra tất cả. À ! Đứa bé này quả thật là vợ của mình ! Chính Fumi đáng thương, đã trở lại quá cũ. Vì bà ham muốn trở lại hơn chồng để được sự thương yêu chịu chuộng, nên uống

nước tuổi quá độ, không y lời dặn, giờ đây bà phải bị biến thành một hài nhi !

Yoshida thở dài, rồi bồng đứa trẻ lên và đai nó sau lưng, như bà mẹ thường đeo đứa con, ông buồn bã bước đi suy tư : Từ nay ông sẽ phải như một người cha chăm sóc dạy đứa trẻ mà trước kia là vợ của mình.

Câu chuyện vừa kể trên có ý cảnh tỉnh người đời phải biết : “tri túc thường lạc”. Tuy sự ham muốn của nàng Fumi chưa đến nỗi phải gây nên tội, nhưng vì cái ham muốn ấy không có chừng mực, tiết độ, nên việc bất thành, tui tham không đáy là vậy.

Cổ ngữ Việt Nam thường răn đời : “Tham thì thâm, dâm thì đen” là như thế.

30 – RÚT BỎ

*“Cõi hồng trần các việc mền ưa,
Sự giả tạm ta nên RÚT BỎ.”*

(Giác Mê Tâm Kệ Quyển IV)

Từ “Rút Bỏ”, hay “buông bỏ” cũng đồng nghĩa là phải sạch hoặc xả bỏ lòng dục vọng, nhiệm ô phiền não. Xuất phát từ câu chuyện sau đây :

– Lúc Phật còn trụ thế thuyết pháp độ sanh, có một Thầy Bà La Môn tên Mông Tay Đen rất kính trọng Phật. Một hôm ông dùng thần thông nhổ hai cây bông khổng lồ, để nguyên cả cành rễ hoa lá, nắm chặt mỗi tay mỗi cây bay đến xin dâng cho Phật.

– Đức Phật gọi tên ông. Ông dạ.

Phật liền bảo :

– “Buông xuống đi !”

Thầy Bà La Môn liền bỏ cây hoa bên tay trái xuống trước mặt Phật.

Phật lại bảo :

– Buông xuống nữa đi !

Thầy Bà La Môn liền buông cây hoa bên tay mặt.

Nhưng Phật lại bảo : “hãy buông nữa đi !”

Thầy Bà La Môn liền bạch hỏi :

– Tôi còn cái gì nữa đâu mà Phật bảo phải buông bỏ. Vậy Phật muốn dạy tôi lời chi?

Phật đáp :

– Ta không hề bảo người buông hết những cây hoa, mà ta bảo người bỏ đây là bỏ hết 6 căn, 6 trần và 6 thức. Khi người bỏ được hết, đến không còn có gì nữa để bỏ, đó là lúc người thoát ly tất cả sự ràng buộc của sanh tử luân hồi.

Đọc câu chuyện trên, thấy rằng : Phật dạy cách nói thuận, nói rất rõ ràng, ai nghe cũng hiểu... Nhưng sau này các nhà tu thiền còn một lối nói nghịch. Cũng xin chép vào đây để chư độc giả chiêm nghiệm :

Có ông Tăng đến hỏi Thiền Sư Triệu Châu (Trung Hoa)

– Không mang gì hết đến đây là thế nào?

Triệu Châu đáp :

– Buông xuống đi !

Ông Tăng bạch lại :

– Một vật chẳng mang theo thì còn buông xuống cái gì?

Ngài Triệu Châu đáp :

– Buông chẳng xuống thì giở lên hết đi !

31 – BỊ GẠT

*“Thế trần tạm giả GẠT ĐÒI TA,
Luột khỏi sông mê khỏi ái hà”*

(Tình Bạn Trần Gian)

Vấn đề bị gạt là chỉ cho những cái gì giả dối, không chọn thật khiến người ta không hiểu nên bị lầm. Xưa nay muôn ngàn trường hợp bị gạt, đây xin lược kể một chuyện :

Ngày xưa, tại một Thị trấn ở xứ Ấn Độ, nền kinh tế bị so sút, dân chúng thất nghiệp.

Trong số đó có 3 người bạn thường chơi thân với nhau, một anh làm nghề thợ mộc, một anh sống nghề may vá và một anh thì chuyên nghề thợ bạc.

Các anh ấy đồng chung số phận nghề nghiệp ế ẩm, mức sống càng ngày càng thấp. Hôm nọ 3 anh họp bàn đều đồng ý cùng nhau sang xứ khác sanh sống, họ không quên mang theo vốn liếng và dụng cụ nghề nghiệp. Đi dọc đường lại gặp một tu sĩ, hỏi ra thì cũng di cư, nên họ hiệp nhau đồng đi.

Đoàn người tiến hành thời gian tới một cánh rừng rộng lớn, rừng này vốn có nhiều thú dữ, lại phải trải qua nhiều ngày mới vượt khỏi.

Tối đến, trước khi nghỉ họ kiểm cây củi chất xung quanh làm rào và đốt lửa sáng lên để ngăn thú dữ. Họ cũng phân công với nhau mỗi người phải gác 3 tiếng đồng hồ, anh thợ mộc bắt thăm được gác phiên đầu.

Vì đi bộ lâu ngày vất vả mệt mỏi, nên vừa đặt lưng xuống là họ ngủ vùi. Riêng anh thợ mộc nghĩ : “mình nên làm việc gì để ít buồn ngủ”. Anh liền lựa một khúc cây vừa tầm thước, rồi lấy dụng cụ ra đẽo chạm thành một cô thiếu nữ. Công việc vừa hoàn thành thì mãn giờ, anh kêu bạn thợ may thức dậy đổi gác.

Anh thợ may rửa mặt lãnh trách nhiệm, nhìn thấy tượng gỗ đứng trần truồng, anh nghĩ : “phải có bộ đồ đặc biệt mặc vào mới tăng thêm vẻ đẹp”. Nghĩ thế anh liền mở rương lựa ra một khúc vải thật tốt, cắt may bộ đồ rồi mặc vào cho tượng gỗ. Việc vừa xong thì cũng tới giờ, anh thợ bạc gác. Anh thứ ba này đứng ngắm nghía người gỗ, rồi nghĩ : “Với dáng vóc, y phục như vậy phải trang sức thêm đồ nữa trang nữa mới trở thành một giai nhân tuyệt hảo”, anh liền làm phận sự đó...

Trang sức cho người gỗ xong, tới phiên gác của vị Tu Sĩ, ông thức vầy quạt đồng củi cháy sáng lên, rồi đọc lâm râm ít câu kinh. Bỗng

gặp một cô gái sắc đẹp tuyệt vời đứng nhìn ngay mình, ông thoáng hết hoảng, tim hồi hộp, một phút sau vị Tu Sĩ mới lấy lại bình tĩnh, bước gần tới người đẹp “Thì ra là một tượng gỗ. Ông tự cười cho mình... rồi suy nghĩ, ta phải làm sao cho tượng gỗ này trở thành người thật”. Ông liền đốt nhang quì xuống cầu nguyện thần tối cao, cộng với nội công mà ông đã tu đạt. Ông cứ nguyện mãi cho đến hết 3 giờ gác, bỗng tượng gỗ mấp máy đôi mắt, tay chân cử động rồi đi tới đi lui...

Bấy giờ đúng 6 giờ sáng, ba anh bạn kia đều thức dậy, tất cả đều chăm chú nhìn người đẹp lòng nghĩ cách chiếm hữu.

– Anh thợ mộc lên tiếng trước : từ một khúc gỗ tôi đã ra công đục chạm suốt 3 tiếng đồng hồ mới hoàn thành tác phẩm, thế là cô thiếu nữ này phải là vợ của tôi.

Anh thợ may cãi lại : “đâu có được ! Anh chỉ tạo ra một thiếu nữ trần truồng, trông thấy gớm ghiếc, nhờ tôi may bộ y phục trang nhã mới đẹp như vậy, nên phải là của tôi mới đáng chớ !”

Anh thợ bạc liền lên tiếng : “nếu không nhờ số đồ nữ trang của tôi trang sức vào thì cô thiếu nữ ấy có ra cái thứ gì. Vậy thì người đẹp này phải là vợ của tôi mới đúng”.

– Khoan đã ! Vị Tu Sĩ nói :

– Ba anh tô điểm cho giai nhân được như thế này kể như có công rồi, song đó bắt quá là một con búp bẽ thôi ! Nhờ sức khẩn vái của tôi tượng gỗ mới trở thành người sống thật. Vậy thiếu nữ này phải là của tôi chớ không ai tranh được.

Bốn người còn đang cãi vã, bỗng có người lạ mặt đi tới, họ đồng kêu nói : “Anh là người trung gian ngoại cuộc hãy phân giúp coi cô gái thuộc về ai?”

Người lạ mặt vừa nhìn cô gái đắm đuối vừa lắng tai nghe bốn người kể lể...

Nghe xong anh nói lớn : “Đây là vợ của tôi, vì giận tôi mà nàng bỏ nhà đi mấy hôm rày tôi tìm mãi tới đây mới gặp”. Anh liền quay qua cô gái nói :

– Thôi em đừng phiền nữa, hãy về với anh !

Nói đoạn anh toan bước lại nắm tay người đẹp dắt đi. Bốn người kia cản lại rồi họ cùng nhau tranh cãi, cuối cùng ai cũng đồng ý dẫn đến nhờ quan Huyện phân xử.

May đâu lúc đó có Quan Huyện đi công việc vừa tới, Quan liền kêu từng người hỏi nguyên do, nhưng mắt cứ nhìn chăm chăm người đẹp. Nghe xong, Quan Huyện cười lớn nói :

– Các người làm rồi, thiếu nữ này là em dâu của tôi, hôm qua vợ chồng nó về thăm cha mẹ. Nói rồi quan quay qua hỏi cô gái : “Chồng em ở đâu mà để em bị người ta bắt như thế này? Vậy em hãy theo anh về huyện đường”

Mọi người không tin giữ cô gái lại nói :

– Quan Huyện xử như vậy chẳng công bình đâu ! Chúng ta cần phải kéo đến kinh thành để nhờ đức vua phân xử mới ổn.

Khi đó cụ già râu tóc bạc phơ, tay chống gậy, nãy giờ đứng nghe cãi vã ông lên tiếng :

– Khỏi nhọc công đến kinh thành, trong mé rừng trước kia có cây cổ thụ to lớn, sống hàng vạn vạn năm. Quanh vùng này hễ ai có chuyện gì nan giải tranh chấp thì đến nhờ cổ thụ phân xử rất công bình khiến ai cũng hài hòa đồng ý.

Nghe cụ già nói, tất cả đều đi theo cụ tới dưới gốc cổ thụ, mỗi người từng tự nói hết lý lẽ của mình cho cổ thụ nghe. Khi đó gốc cây tự nhiên nứt hai ra như cánh cửa rộng, cô gái liền đi ngay vào trong đó nghe tiếng nói lớn từ thân cây phát ra :

– “Mọi vật chi đều phải trở về với nguồn gốc của nó ! Xin mời các bạn đi dạo mát rồi về gia đình an nghỉ.”⁽⁴¹⁾

Ở đời người ta hay dùng nhiều mưu mẹo, bẫy rập lừa gạt kẻ khác để bao gồm những lợi danh tài sắc, nhu cầu cho cá thể mình. Kẻ này gạt người kia, kẻ kia gạt người nọ bị làm lạc đã đành.

Đằng này chính mình gây tạo cái giả, cũng tự mình bị lầm nó, rồi quyết tâm bảo thủ cho kỳ được, thật đáng buồn cười, như câu chuyện bốn anh bạn vừa kể trên. Thế thì bảo làm sao anh lạ mặt và Quan Huyện kia chẳng bị gạt cho được “Thế trần tạm giả gạt đời ta”.

Háo sắc là tâm bịnh chung của loài người, chỉ một thứ đó, người ta phải đem hết tâm cơ lời lẽ, tranh đấu giành giựt, làm mất hết tình nghĩa bạn bè thân tộc, rốt cuộc cũng nắm tay không : “Nhắm mắt cũng nắm hai tay”.

Vậy ai muốn cho mình được một đời sống hạnh phúc an vui, tự do thanh thoát thì chỉ

⁴¹ Dẫn theo chuyện cổ Ấn Độ.

có trở về với cái chơn thật, và : “Rút trần bất nhiễm mới là yên”.

32 – THIÊN DUYÊN

“Duyên lành rõ được Khùng Điền,
Chẳng qua kiếp trước THIÊN DUYÊN
hữu phần.”

(Viếng Làng Mỹ Hội Đông)

“Niệm Phật mà gây lấy THIÊN
DUYÊN,
Cho đẹp mặt Tổ Tiên nơi giếng.”

(Khuyến Thiện Q. V)

Thiên Duyên tức là duyên lành, có nghĩa : nếu thời nay ta tạo nhân lành bằng ý nghĩ, lời nói, hoặc việc làm thì kiếp sau, hoặc nhiều kiếp sau, hưởng quả tốt lành hay gặp việc lành đưa đến, hoặc là duyên lành ta tạo từ kiếp trước, hay nhiều kiếp trước nữa thì hiện nay được những điều may mắn tốt lành đưa đến. Xin điển hình một chuyện tích :

Thuở Đức Thích Ca còn trụ thế, một hôm Thị Giả A Nan đang tịnh tọa bỗng nảy ra ý thắc mắc : tại sao trong muôn ngàn đệ tử của Phật, lại có năm anh em ông Kiều Trần Như

được hân hạnh gặp Phật và nghe pháp trước hơn hết. Ông liền xả định đi đến chỗ Phật ngự, quì xuống thưa hỏi :

– Bạch Đức Thế Tôn ! Nhờ Ngài cho biết nguyên nhân nào mà năm ông : Kiền Trần Như, Át Bệ, Bạt Đề, Ma Nam Câu Ly, Thập Lục Ca Diếp được gặp Phật trước hơn chúng con và sau khi nghe pháp, các ông ấy liền chúng quả?

Phật vui vẻ đáp :

– Này A Nam ! Ông hãy lắng nghe, ta sẽ kể đây : Vào thời quá khứ xa xưa về trước, có một Quốc độ, dân cư đang sống an lành, bỗng gặp tai nạn : bị năm con quỷ thừa cơ bắt dân chúng hút máu mà sống; khiến dân trong nước ấy bị chết rất nhiều. Nhà Vua cầu hội các thầy Phù Thủy dùng bùa chú ếm trị mãi, chúng cũng không sợ. Ngài dẫn đo suy nghĩ rồi xoay qua phương cách khác ra lệnh cho toàn dân, quan trong nước đều phụng thờ Tam Bảo, giữ giới, trì chay và tu thiện tránh ác.

– Lệnh truyền ra chẳng bao lâu thấy có kết quả, tai nạn quỷ hút máu dân không còn nữa. Bỗng một hôm Vua thấy 5 con quỷ hiện ra quì trước sân chầu, chúng tấu trình với Vua :

– Muôn tâu Bệ Hạ ! chúng tôi cũng là một công dân trong Quốc độ của Ngài, bởi ác nghiệp từ trước nay chúng tôi phải mang thân quỷ và chỉ ăn uống bằng máu của những người gian ác mà sống. Từ khi Ngài ra lệnh toàn dân làm lành lánh dữ, tu hành chân chánh, nên chúng tôi không còn dám hút máu ai nữa, chắc từ nay chúng tôi phải chết đói. Vậy mong Ngài nhủ lòng thương cảm đến chúng tôi.

Nghe bọn quỷ nói, Vua cũng xót thương, suy nghĩ giây lát rồi nói :

– Thôi được rồi, từ đây các ngươi đến đây Ta sẽ cắt máu ta cho các ngươi dùng. Qua hôm sau đúng giờ, năm con quỷ đến đứng chực sẵn trước sân thềm. Vua cũng y hẹn, nhưng trước khi cắt máu vua thuyết pháp nhân quả và trừ ác tu thiện cho các quỷ nghe...

– Nghe pháp xong, bọn chúng đồng thỉnh tâu : “Xin Bệ Hạ đừng cắt mạch máu, nay chúng con nguyện cải hối ăn năn bỏ tà theo chánh, từ đây không hút máu ai nữa hết, để sớm giải thoát kiếp quỷ đói, quyết tâm theo Bệ Hạ tu hành cho đến khi chúng quả...”

– Kể tới đây, Đức Phật kêu A Nan nói : “Này A Nan ! Năm con quỷ thời đó là tiền thân của năm anh em Kiều Trần Như, Còn

nhà vua thuở ấy là tiền thân của Ta. Do thiện duyên vừa kể mà từ đó dẫn tới giờ, trái không biết bao nhiêu kiếp, năm người ấy chẳng rời Ta. Hễ Ta làm thầy thì họ là đệ tử, Có khi là bè bạn, cũng có lúc là con cháu trong thân tộc... Cho đến kiếp chót này, khi ta vào khổ hạnh lâm cũng cùng tu khổ hạnh với năm anh em đó. Rồi sau khi chúng quả Như Lai ta cũng đến độ năm người ấy trước”.

“Còn câu thắc mắc tại sao năm người ấy vừa nghe pháp Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo được chúng quả liền, là vì từ vô lượng kiếp ta thi hành Bồ Tát Đạo, các người ấy cũng sanh làm đệ tử Ta và tu tập khá nhiều công hạnh. Cho nên hôm nay Ta viên thành quả Như Lai thì năm huynh đệ Kiều Trần Như cũng hoàn thành đi a vị A La Hán”.

Nhận thấy lòng nhân của nhà Vua thuở ấy rất cao độ, chẳng những lo tìm cách cứu dân mà còn dám hy sinh máu mình để giúp bọn quỉ đói và thuyết pháp cho bọn chúng nghe. Nhờ đó mà họ biết hồi tỉnh ăn năn, được liên kết thiện duyên với Phật và cuối cùng được thành Đạo giải thoát.

Ngày nay Đức Thầy dùng thành ngữ Thiện Duyên qua các câu giảng vừa nêu trên là Ngài

có ngụ ý cho biết tất cả môn đồ đã có gieo sâu duyên lành với Ngài trong nhiều kiếp trước, như Ngài đã bảo : “Vì thể lòng từ bi bác ái cùng thù đáp những linh hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp Ta nương cậy tu hành, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ Mão, Ta hóa hiện ra đời cứu độ chúng sanh...”

Đã có thiện căn và kết duyên lành với Đức Thầy trong nhiều tiền kiếp, chúng ta còn ngần ngại gì mà chẳng lo tô bồi vun vén cho cội lành của mình sớm được đơm bông, kết quả.

33 – HÓA KIẾP

*“Điều pháp chuyển thân vô sự thể,
Huyền thông HÓA KIẾP chẳng lo
toan.”*

(Tĩnh Bạt Trần Gian)

Từ ngữ hóa kiếp có nghĩa là chuyển thân phàm phu ra thân Phật Thánh và chuyển tâm chúng sanh trở thành tâm Phật. Đây là phương thức công phu tu tập của những người học Phật và tu Phật.

Trong truyện Tây Du Ký có chép : Thầy trò Tam Tạng trên đường đi Tây Phương thỉnh Kinh. Đến hồi thứ 98 “Vườn thuộc, ngựa thuần, vừa thoát sát; công thành hạnh đủ gặp Chân Như”.

Sau khi từ giả vị Đại Tiên, Thầy trò đồng nhắm hướng Tây thong thả bước. Đi khoảng năm sáu dặm, bỗng gặp một con sông lớn nước chảy cuồn cuộn, sóng bủa muôn trùng, rộng độ tám chín dặm, gần đó chẳng thấy một bóng người hay nhà cửa chi cả. Tam Tạng kinh hồn kêu hỏi :

– Ngô Không ! Đại Tiên chỉ đường có đúng không, sông lớn, sóng to lại chẳng có đò làm sao qua được?

Ngộ Không cười nói :

– Không sao đâu ! Thầy không thấy đằng kia có cây cầu dài đấy ư. Chúng ta phải đi qua cây cầu đấy mới thành chánh quả. Thầy trò liền đi lại gần, thấy bên cầu có tấm biển đề 3 chữ lớn : “Bến Lãng Vân”. Đây là một cây cầu độc mộc, chính là :

*“Xa ngắm ngang trời như cột ngọc,
Gần nhìn chặn nước một cây già,
Ngăn sông ngáng bể làm còn dễ,
Cây một, xà đơn khó vượt qua.
Muôn trượng mây hồng trùm đất rộng,
Nghìn tầm lụa trắng tiếp trời xa.
Trơn như dầu đổ khôn qua lại,
Trừ có Thần Tiên đạo gót hoa...”*

Tam Tạng nhìn kỹ thất kinh nói :

– Ngộ không ! Cầu này người đi không được chúng ta hãy tìm lối khác mà đi !

Hành Giả cười nói :

– Chỉ có con đường này đây, nếu không qua cầu ắt chẳng đến được Tây Phương.

Bát Giới nghe hoảng sợ nói :

– Cầu này không làm sao dám đi, sông đã rộng, sóng gió lại to, vòn vện chỉ có một cây

gỗ, vừa nhỏ vừa tròn, không có tay vịn đi làm sao cho được?

Hành Giả liền nói :

– Mọi người hãy đứng đây, để Lão Tôn đi thử cho mà xem. Nói rồi Hành Giả bước lên Độc Mộc Kiêu vung vung vẩy vẩy, phút chốc đã sang qua bờ bên kia và đưa tay ngoắc : Đi sang ! Đi sang ! Hành Giả từ bên kia cầu chạy về túm lấy Bát Giới nói :

– Chú ngọc, đi theo ta, đi theo ta !

Bát Giới nằm lăn ra đất van xin :

– Tron lắm, tron lắm, đi không được, tha cho tôi, để tôi cỏi mây sang qua.

Hành Giả nắm lại bảo :

– Ở đây là chỗ nào, ai cho phép chú cỏi mây? Tất phải đi qua cây cầu này mới thành chánh quả.

– Anh à ! Không được thành Phật thì thôi, chứ thật là tôi không dám đi.

Hai người đứng bên cầu cứ giằng co níu kéo với nhau, Sa Tăng bước đến khuyên giải mới chệ u buông ra. Bấy giờ Tam Tạng đứng ngó mong, chợt thấy dưới hạ lưu có một người chèo thuyền tới và lên tiếng :

– Ai muốn sang sông hãy lên đò, tôi sẽ đưa sang.

Tam Tạng mừng rỡ kêu lớn :

– Đò đệ dùng cái nhau nữa, đã có đò rồi.

Cả 3 người liền chạy lại thì đò vừa cập bến, nhưng thấy chiếc đò không có đáy. Lúc đó hành giả nhìn biết Phật Tổ dùng hóa thân giả ra người chèo đò, nhưng không dám thổ lộ. Còn Tam Tạng trông thấy lo sợ hỏi :

– Thuyền của Ngài không có đáy thế này, đi làm sao được?

Ông đò liền ngâm lên bài thơ :

“*Hồng mộng từ thuở nổi thanh danh,
May có ta đây lái rất rành.
Sóng gió mặc dù, thường vững chãi,
Trước sau chỉ kể cứ thẳng bình.
Bụi nhơ không bợn về riêng lối,
Dời kiếp yên vui mặc thỏa tình.
Không đáy con thuyền qua bể rộng,
Xưa nay tế độ khắp quần sanh.”*

Nghe xong Tôn Ngộ Không chấp tay tạ ơn :

– Cảm ơn Ngài đón tiếp Thầy tôi ! Rồi xoay qua thưa Sư phụ lên thuyền đi. Thuyền của Ngài đây tuy không có đáy, nhưng rất vững chãi, dù có sóng gió cũng không lật chìm.

Tam Tạng vẫn còn lo ngại, Hành Giả lần một cái, ông gượng không được té ùm xuống đáy thuyền. Người lái đò vót đũa lên thuyền.

Tam Tạng vừa bị ước vừa trách Hành Giả. Cả 3 học trò quảy đồ dắt ngựa đều nhảy xuống đứng trước mũi thuyền. người lái đò chèo ra, bỗng thấy phía thượng lưu có một thầy người trôi tới, Tam Tạng hơi kinh sợ, Hành Giả cười thưa :

- Sư phụ đừng sợ, vốn là cái xác phạm tục của Thầy đó. Bát Giới Sa Tăng cũng đồng nói :
- Đứng là Thầy, đứng là Thầy rồi.

Người lái đò cũng đưa tay ra hiệu nói :

- Chính là Ngài đây ! Đáng mừng ! Đáng mừng... có giữ bỏ giả thân mới đạt được chơn thân chứ ! Cả 3 đệ tử liền họa theo một lượt vui mừng khó tả.

Đò đi giây phút đã cập bến bên kia, Thầy trò bước lên bờ. Riêng Tam Tạng thấy mình thanh thoát. Có thơ rằng :

*“Xương cốt phạm thai đã thoát thân
Tương thân tương ái một nguyên thân
Giờ đây hạnh đủ đương thành Phật
Rửa sạch từ xưa hết bụi trần.”*

Bốn Thầy trò định quay lại tạ ơn ông lái đò thì ông và chiếc thuyền không thấy biến mất tự bao giờ. Đến đây Hành Giả mới nói rõ cho Thầy biết. Chính đó là Phật Tổ dùng hóa thân giả người chèo đò để tiếp độ Thầy trò ta, chớ

ở đây đâu có ai đưa đồ muốn. Bấy giờ Tam Tạng mới rõ, vội quay lại tạ ơn 3 đồ đệ :

Hành Giả liền nói :

– Cả hai bên không ai cần tạ ơn ai hết, vì kẻ này người kia đều giúp đỡ lẫn nhau. Chúng tôi nhờ Sư phụ cứu thoát khổ để theo đường lối tu hành, nay mới thành quả. Còn Sư phụ cũng nhờ chúng tôi bảo hộ, nhứt tâm hành Đạo và vượt qua tai nạn, mới giải thoát lòng phàm xác tục.

Qua câu chuyện Thầy trò Tam Tạng, giúp cho chúng ta rút ra một bài học quý giá; Thấy rằng : Người học Phật và tu Phật, trên con đường từ bờ mê sang bến giác, tất phải trải qua nhiều chông gai thử thách và hành giả phải quay về nội tâm để “Tìm kiếm cái không mới có”.

Cuối cùng chuyến kiếp phàm phu trở thành Phật Thánh, chuyển phiền não hóa Bồ đề mới được bước lên thuyền Bát Nhã mà hòa vào Bản lai thanh tịnh, giải thoát sanh tử luân hồi. Cho nên Đức Thầy chỉ dạy :

*“Tu cầu Phật hóa tánh tình, ⁽⁴²⁾
Lưới mê chẳng buộc nhẹ mình tiêu dao.”*

34 – TỢ LỬA LÒ

*“Phan lòng chữ dạ chó hoại lo, ⁽⁴³⁾
Ngọc ẩn Non Côn TỢ LỬA LÒ”*

(Thiên Lý Ca)

Thành ngữ tợ lửa lò, ý nói trong lò sẵn có lửa, cũng như trong Tâm của mỗi chúng sanh đều có Phật Tánh. Chúng ta thử đọc lại câu chuyện đối đáp của thầy trò Tổ Bá Trượng

Qui Sơn vốn là học trò của Tổ Bá Trượng (Hoài Hải). Một hôm Qui Sơn đang đứng hầu thầy.

Thầy kêu hỏi?

Qui Sơn ứng tiếng :

– Dạ ! con là Linh Hựu đây (Qui Sơn).

Tổ Bá Trượng bảo :

⁴² Chuyển hóa tâm chúng sanh trở thành tánh Phật, chó chẳng phải tìm ông Phật khác.

⁴³ Chữ dạ là ghi để trong lòng.

– Người hãy vào trong khui bếp xem có còn lửa trong lò không?

Qui Sơn vâng lời Thầy vào nhà bếp khui tìm mãi không thấy lửa, trở ra thưa :

– Dạ, trong lò không có lửa !

Tổ Bá Trượng liền rời chỗ ngồi đi vào bếp, cầm đôi đũa khui sâu, gắp lên đũa cục than còn lửa đỏ rực, đưa lên cho Qui Sơn thấy và hỏi :

– Đây không phải là cục lửa sao?

Tổ Qui Sơn nghe tiếng hỏi và thấy cục lửa, hoát nhiên tỏ ngộ.

Điển tích trên đây : ngụ ý tâm của mỗi hành giả đều có tánh Phật. sở dĩ chúng ta còn phải nhọc công tìm kiếm bên ngoài là vì chưa chịu quay về nội tâm để trực nhận cái “*Bản lai thanh tịnh*” của chính mình.

Ở đây Đức Thầy muốn nói với ông cả Châu và tất cả môn đồ cũng như vậy.

Nghĩa là : “*Chẳng nói vẫn dài Phật nọ tức tâm*”. Và :

“*Phật tại tâm chớ có đâu xa,
Mà tìm kiếm ở trên non núi.*”

Hoặc là :

“*Nhàn thanh tìm kiếm, kiếm nơi tâm,
Phật cũ ngày xưa hãy rón tìm.*”

35 – PHƯỚC DUYÊN ĐỂ DÀNH

*“Ông Bà có sẵn của tiền,
Lại thường làm ruộng PHƯỚC DUYÊN ĐỂ
DÀNH.*

*Lớn lên ăn ở cao thanh,
Biết yêu, biết quý, điều lành nghe con !”*

(Cho thẳng Tân)

Danh ngôn Tây Phương thường nói : muốn để của báu lại cho con cháu không gì hơn phúc đức. Sách Thánh Á Đông cũng dạy : “Gia tài, vàng bạc hay ruộng vườn để lại cho con cháu nó tiêu xài thời gian cũng hết, chỉ bằng để phúc đức lại mới hưởng được lâu dài”.

Ở đây, Đức Thầy khuyên cậu bé Tân, cháu ngoại của ông ký Giỏi : nhờ ông bà trước kia có gây tạo phước duyên, nay bé Tân mới hưởng được cảnh vinh hoa phú quý.

Câu chuyện sau đây để chứng minh cho vấn đề :

– Thời Đông Châu Liệt Quốc (Trung Hoa), Vua Sở vì muốn che việc xấu của mình nên đòi cha con Ngũ Xa đến giết đi để bịt miệng thế gian. Ngũ Xa và người con lớn là Ngũ Thọng về trào chịu chết. Còn người con thứ

là Ngũ Viên, tức là Ngũ Tử Tư bắt bình vì oan ức nên trốn đi.

Vua Sở cho họa đồ hình Ngũ Tử Tư treo khắp xứ, ra lệnh nếu ai bắt được Tử Tư đem nộp, được lãnh 5 muôn hộ thóc và làm chức Thượng Đại Phu.

Trên đường trốn lánh, Tử Tư đến biên giới Sở Trịnh gặp con sông Ngạc Chử cản đường, lúc nguy ngập may nhờ một ngư ông đưa hộ. Ông lão biết rõ việc của Tử Tư, nhưng vì lòng trắc ẩn hay làm việc nghĩa nên ông sẵn sàng đưa Tử Tư sang sông và đãi ăn uống tử tế. Com nước xong Tử Tư cởi thanh bảo kiếm quì dâng cho ông lão đánh cá để đền ơn.

Ông lão cười nói :

– “Vua Sở treo giải thưởng năm vạn hộ thóc và chức Thượng Đại Phu cho ai bắt đặng người, lão còn chẳng ham lựa là thanh gươm này. Vả lại, lúc này nhà người còn cần nó rất nhiều hãy để mà dùng”. Tử Tư lạy tạ rồi lên đường. Song đi ít bước rồi quay lại dặn :

– “Nếu có quan quân đuổi theo, xin cụ đừng tiết lộ tông tích tôi”.

Ông lão thở dài than :

– “Lão đã vì nghĩa mà giúp, thế mà người còn ngại lòng lão sao?” rồi ông tự nghĩ : “nếu về sau vì lý do nào người này bị bắt, lão ắt

khó mà biện bạch nổi oan”. Nghĩ xong ông lão lao mình xuống nước tự tử!

Ngũ Tử Tư trở lại cứu không kịp nên thở dài ăn năn : “Ta nhờ lão mà sống, lão vì ta mà thác thật đáng thương thay !” người con trai ông lão vót xác cha chôn cất.

Thời gian sau, Ngũ Tử Tư làm Nguyên Soái nước Ngô, giúp nước Ngô trở nên cường thịnh. Vua sai Tử Tư cầm quân đánh nước Trịnh, Trịnh cự không lại, nguy ngập đến nơi. Vua Trịnh liền truyền rao : “Ai lui được binh Ngô sẽ được chia hai thiên hạ với Ta”.

Bấy giờ người con trai của ngư ông trước kia, nghe được tin ấy, liền ra lãnh trách nhiệm, rồi bạo dạn đến gặp Ngũ Tử Tư, tự xưng :

– “Tôi là con ông chài ở mé sông Ngạc Chử trước đây. Tử Tư rất mừng rỡ nói :

– Tiên phụ người vì một lời nói vụng về của ta mà tự thác, ta đang tìm cách báo đáp ơn xưa. Vậy bây giờ ta có thể giúp người việc gì chăng?”

Người con Ngư ông đáp :

– Binh nước Trịnh quá yếu, chống không lại quân Ngô. Nay tôi vì bảo vệ sinh mạng binh dân, lãnh lĩnh đến đây thỉnh cầu nguyên Soái bãi binh để hai nước giao hòa.

Tử Tư có dịp đáp được ơn xưa, vui vẻ cho lui binh. Con ông chài trở về, được vua Trịnh y lời chia hai đất nước...

Đọc chuyện trên, thấy rằng ông lão chài cá vì nghĩa mà hy sinh cứu người, chẳng tiếc thân mạng. Ngũ Tử Tư vì sự đền ơn mà lui binh, chẳng cần quyền lợi cả một nước Trịnh.

Còn người thanh niên con ông chài vì cứu nguy cho dân nước mà liều chết đến gặp Ngũ Tử Tư để nhắc lại chuyện xưa, nếu gặp người khác thì chưa chắc gì được sự thỏa thuận.

Ông lão thi ơn không cần trả, nhưng phúc duyên để lại cho con. Hột giống nhân nghĩa ấy, di truyền cho đến ngày chung cuộc, tất nhiên con ông được hưởng hạnh phúc vinh sang.

Đức Thầy nay thường xác định điều này :

*“Trồng cây lành vị quả thơm tho,
Tuy không thấy mà sau chẳng mất”.*

36 – THẦN KHÂM QUỖ NHƯỜNG

“Định thần dẹp hết tà tâm,

Huòn lai bốn tánh THẦN KHÂM QUI NHUÔNG”:

(Thu Đã Cuối)

Tà tâm là lòng tà vạy, không chon chánh, là tâm ác hung ma quỷ. Còn tâm địn chảng những có diệu năng đẹp được tà tâm, hòa vào Bản thể chon Như mà còn khiến cho Quỷ Thần phải khâm phục kính nhường.

Xưa nay có rất nhiều câu chuyện để chứng minh cho vấn đề, đây xin trích dẫn một trường hợp :

Thời xa xưa về trước, tại nước Xá Vệ có cậu thanh niên, cưới được người vợ hạnh đức thùỵ mị, đoan trang, sắc đẹp hoa nhường nguyệt thẹn. Tuy nhà nghèo nhưng hai vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc và qui Phật tu hành, hằng thọ trì tam qui ngũ giới.

Thường ngày họ vừa lo sinh hoạt đời sống, vừa lo niệm Phật tịnh tâm, đức hạnh và sắc đẹp của người vợ được mọi người quanh vùng ca ngợi, nên ai cũng muốn đến để nhìn ngắm cho thỏa lòng. Do đó, nàng chỉ làm việc trong nhà, ít khi đi ra ngoài. Chẳng bao lâu tiếng đồn vang đến Kinh Đô. Khiến vua động tánh hiếu kỳ, bèn kêu một quan cận thần bảo :

– Khanh có cách nào giúp trẫm gặp người đẹp ấy một lần?

Viên quan quì tâu :

– Theo thần biết, hai vợ chồng người đó đã thọ tam qui ngũ giới, thường cúng dường các Tăng Sư, nay Bệ Hạ muốn gặp người phải giả ra một nhà Sư đi khất thực ngang cửa nhà, tất nàng ấy sẽ ra đón cúng dường...

Vua nghe nói liền thực hành y kế, thế là việc được kết quả như ý. Song lòng ham muốn của vua chưa dừng lại. Đêm ngày Vua mơ ước làm sao cho gặp nàng ấy mãi mãi, nên than với viên quan :

– Khanh có phương cách gì làm cho nàng ấy được sung vào hậu phi của trẫm, nếu không, chắc trẫm chẳng sống còn được nữa !

Viên quan suy nghĩ giây lát rồi hiến kế :

– Tâu Bệ Hạ ! ở trong nước ta, cách đây 1 ngàn dặm, có một cái hồ lớn, trong hồ đầy đầy hoa sen năm sắc, vừa đẹp vừa thơm. Như Bệ Hạ đã biết : quanh hồ ấy có ba loại yêu tinh ma quỷ mai phục. Ai đến hái hoa đều bị chúng hãm hại. Nếu Bệ Hạ có thể sai Đê Xá đến đó hái hoa sen thì y không thể nào sống mà trở về, chùng ấy Bệ Hạ sẽ toại nguyện. Vua nghe tức tốc ra lệnh Đê Xá phải đi hái hoa sen !

Đôi vợ chồng trẻ tiếp được lệnh vua rất kinh sợ lo lắng. Nàng nói với chồng :

– Hôm nay tai vạ đến với vợ chồng ta, đều do sắc đẹp của em mà ra cả ! không đi, hoặc đi, anh cũng phải chết, song chúng ta đã là Phật tử cần có quyết tâm mạnh tin nơi Tam Bảo, sống đúng với Đạo Nghĩa và luật Giới. Giữ tâm an định, không sợ sệt thì các loài ma quỷ chẳng thể hại được. Vậy trên đường đi, anh luôn thiền định và nhất tâm niệm Phật. Nếu anh không còn, để trở về với em được, thì em lập tức xuất gia nguyện suốt đời bảo toàn giới hạnh giải thoát. Nghe vợ nói Đề Xá an lòng ra đi...

Đề Xá đi được nửa đường thì gặp lũ ma xuất hiện cản lối, hỏi :

– Anh là ai, sao lại dám đến đây?

Đề Xá đáp :

– Tôi là một Phật tử.

Ma nói :

– Chắc anh cũng biết, xưa nay người nào phạm tội, Quốc vương mới sai đến đây hái hoa sen năm màu, thực ra ý vua muốn người đó phải chết. Nay anh là một Phật tử lại là người không có tội lỗi gì, nên chúng ta không thể hại anh được và cũng chẳng muốn kẻ khác hại hai vợ chồng anh. Chúng tôi xin hái

hoa giùm để vừa giúp anh thoát nạn và vừa làm được việc tốt lành.

Đợi chẳng bao lâu, bọn ma quỷ đem sen về đến, song vì hoa sen nhiều quá nên bọn chúng phải mang hộ với Đền Xá về Hoàng Cung dâng lên Vua.

Bấy giờ nhà Vua vô cùng kinh ngạc. Sau khi biết rõ nguyên nhân vua càng kính sợ, suy nghĩ :

– Thì ra, Ta là người không biết phân biệt thiện ác, tốt xấu, thật thua cả loài ma quỷ ! Từ lúc đó vua rất hối hận ăn năn, nguyện quy y Tam Bảo, lo niệm Phật tưởng kính và thọ trì ngũ giới một cách nghiêm túc. Vua còn ca ngợi và trọng thưởng cho vợ chồng Đền Xá. Nhờ đó mà quốc dân từ ấy được thái bình thịnh vượng.

Xuyên qua điển tích và đọc lại hai câu giảng nêu trên, chúng ta thấy được hiệu quả của sự tu hành, giữ tâm an định, niệm Phật nhất tâm rất cao quý như hai vợ chồng Đền Xá; chẳng những đặng vượt qua tai nạn, ma quỷ phải kính nhường và ủng hộ mà còn cảm hóa được nhà vua qui đầu Phật pháp.

Nếu sức thiền định đó đến mức cuối cùng hành giả sẽ được “hoàn lai bốn tánh”, hay “Phật hóa tánh tình”.

Cho nên Đức Thầy nay mới khuyên môn đồ :

*“Rán tu cho quỉ khiếp thần khâm,
Được tâm phát Bồ Đề vững chắc.”*

37 – TÂM VÔ KỶ VẬT

“Nội quang cảnh TÂM VÔ KỶ VẬT”

.....
“Ngoại quan hình bất chấp kỳ hình.”

(Diệu Pháp Quang Minh)

Bốn chữ “Tâm vô kỷ vật”, là chỉ cái bản thể chân như của mỗi người, khi hành giả tu chánh định lọc sạch các phiền não vi tế nơi lòng và bên ngoài chẳng còn duyên chấp theo một pháp hay một cảnh vật nào tức đạt tới đích. Kinh xưa có câu “Nội quán kỳ tâm, tâm vô kỷ tâm. Ngoại quán kỳ hình, hình vô kỷ hình”. Cũng trùng hợp với nghĩa của chữ “Thiền định”. Trong kinh Pháp Bảo Đàn :

“Ngoài thấy cảnh không sanh là thiên, trong tâm không tán loạn là Địa nh”.

Sau đây là câu chuyện chứng minh cho vấn đề :

Vào thời Vua Lương Võ Đế (Trung Hoa) có nhà tu chứng đắc, người ta thường tôn xưng Ngài là Chí Công Hòa Thượng.

Bấy giờ Vua Lương Võ Đế là một Phật Tử rất kính mộ Hòa Thượng Chí Công, nên thường hay lui tới học hỏi. Một hôm vua thử nh ông về trào cúng dường và thuyết pháp cho cả trào thần được nghe. Vua cảm Hòa Thượng ở lại một đêm rồi cùng đi xem hát. Nguyên gánh hát này do Lương Võ Đế tuyển tập để hát cho nội triều xem. Vì nể lòng vua, Hòa Thượng cũng đi theo tới rạp hát. Vua cho đặt hai ghế danh dự để vua và Hòa Thượng ngồi nhìn lên sân khấu... sáng lại nhà vua bạch hỏi Hòa Thượng : – Nhờ Thầy bình luận giùm chỗ hay dở, ưu khuyết của các kịch viên và nội dung thứ hát hồi cho tôi được hiểu?

Hòa Thượng Chí Công chậm rãi trả lời :

– Hồi hôm, tôi không chú tâm vào thứ hát cùng các diễn viên, nên không sao phê bình được.

Vua bạch tiếp :

– Lúc xem hát tôi theo dõi thấy rõ Thầy cũng nhìn thẳng lên sân khấu, chẳng hề ngó qua lại hay nhắm mắt, mà bây giờ Ngài nói không biết, không phê bình nhận xét được dù là một đoạn ngâm thì làm sao tôi tin được?

Hòa Thượng ôn tồn nói :

– Vậy thì tôi phải ở lại đây một đêm nữa và có cách làm cho Bộ Hạ tin.

Chiều lại Hòa Thượng bảo nhà vua : “Đêm nay cho ban hát tiếp tục trình diễn và Vua chọn cho tôi một người tội sắp tử hình đưa đến đây, tôi có việc cần”. Tới giờ Hòa Thượng chuẩn bị sẵn, kêu tử tù đến hỏi :

- Ngươi có biết tội mình sắp tử hình chẳng?
- Dạ biết, tử tù đáp lại.

Hòa Thượng bảo tiếp :

– Giờ đây ta có một việc, nếu ngươi làm được ta sẽ tâu với Vua trả tự do cho. Vậy ngươi hãy bung cái mâm thau, trên có để tô nước đây, khi thứ hát bắt đầu trình diễn, ngươi cứ bung cái mâm này đi quanh sân khấu. Đến mãn thứ hát mà tô nước không đổ tí nào thì ngươi được trả tự do; bằng có đổ, ngươi lãnh án tử hình như cũ chớ không thêm chút gì.

Nghe qua, tên tử tù rất vui mừng, lãnh phận sự. Trên sân khấu các diễn viên kéo màn trình diễn, tên tử tù cũng bắt đầu thi hành nhiệm vụ. Chân anh bước từ từ, tâm và ánh mắt anh chăm chú vào tô nước cho đến khi vỡ tuồng chấm dứt. Anh tử tù bung cái mâm có tô nước đến trình diện trước mặt Vua và Hòa Thượng, không thấy đổ chút nước nào.

Hòa Thượng nói :

– Mừng cho người đã làm xong phận sự và sắp được trả tự do, nhưng người hãy đứng lên bình tĩnh nghe ta hỏi một việc : Hồi hôm tới giờ, người đi, đứng chung với các diễn viên trên sân khấu. Vậy người hãy kể lại một lớp ngắn trong nội dung thứ hát hay một dáng điệu của vài Đào kép gì cho ta và nhà Vua nghe?

Người tử tù tay run run quì xuống thưa :

– Muôn tâu Bệ Hạ và bệch Hòa Thượng, xin tha tội cho con, con chẳng biết gì về thứ hát, cũng như hình thể của các đào kép hết.

Hòa Thượng giả làm mặt giận hỏi :

– Tại sao vậy? Người nói thế làm sao ta tin được?

Người tử tù bạch tiếp :

– Vì cái sống, chết, nó ở mãi trong đầu óc con, nên con để hết tâm trí vào tô nước, không còn biết gì bên ngoài nữa hết. Thật sự con không dám nói dối với Bệ Hạ và Hòa Thượng.

Bấy giờ Hòa Thượng Chí Công xoay qua tàu với vua :

– Bệ Hạ có thấy chằng, người tử tù vì sợ bị chết 1 kiếp, mà chủ tâm được mấy tiếng đồng hồ, không hề biết đến việc khác. Còn tôi là một nhà tu, nếu còn để tâm duyên theo ngoại cảnh một giây phút nào, sẽ bị luân hồi nhiều đời nhiều kiếp. Cho nên hôm qua và nay vì nể lời mời của Bệ Hạ, tôi cũng đi xem hát, cũng nhìn lên sân khấu : cũng thấy các diễn viên trình diễn, nhưng tôi không hề để tâm phân biệt hay dở, đẹp xấu, nên tôi không thể bình phẩm thứ hát được.

Tới đây Vua Lương Võ Đế mới vỡ lẽ và lòng càng kính phục Hòa Thượng hơn nữa, vua cũng ra lệnh trả tự do cho người tử tù.

Độc câu chuyện và qua 2 câu giảng nêu trên, nhận thấy Đức Thầy có ý dạy tất cả nhà tu Phật nên Thiền định trong mọi hoàn cảnh

đi, đứng, nằm, ngồi, nói năng, xử sự, uống ăn, ngủ nghỉ ...

Đối với mọi cảnh, mọi vật bên ngoài tâm vẫn “Như như bất động” ấy là đạt đến chỗ “Đại định” tức là “Tánh tịnh Niết Bàn”.

“Niết Bàn tịch tịnh là đường vô sanh”.

38 – LONG ÁC NGHIỆT

“Thâu cho được con LONG ÁC
NGHIỆT,
Thì khắp nơi mới biết mến yêu”.

(Sa Đéc)

Long ác nghiệt là con rồng hung dữ độc ác, lúc chưa ai thâu phục thì nó ăn cả thịt người lẫn vật. Muốn tìm hiểu nó, phải nhận xét qua ba phần : sự kiện lịch sử, triết lý và ngụ ngôn.

1 – Sự kiện lịch sử : chính là từ một con sấu, tu lâu năm hóa cù, từ cù hóa rồng, nhưng lúc chưa được ai thâu phục thì nó còn hung dữ.

Về nguồn gốc của con nghiệt thú, cách đây khoảng 144 năm. Thuở Đức Phật Thầy Tây

An khai sáng Phật giáo Bửu Sơn Kỳ Hương tại miền Thất Sơn, tỉnh An Giang, Nam phần Việt Nam.

Một hôm, Đức Phật Thầy kêu ông Đình Tây (một trong 12 đệ tử lớn của Ngài) bảo : “Ông hãy xuống vùng Láng Linh cứu người”.

Vâng lệnh Đức Phật Thầy, ông Đình Tây đến nơi bỗng gặp lúc vợ của anh Xinh chuyển bụng sắp sanh mà không có chồng ở nhà. Ông Đình thấy vậy liền làm giường và rước mụ giùm cho chị Xinh sanh để an toàn. Khi anh Xinh đi bắt rùa, rắn về, nghe rõ tự sự thì hết sức cảm ơn ông Đình. Ông thấy trong giỏ của anh Xinh có một con sấu nhỏ, mũi đỏ, có năm cái chon ⁽⁴⁴⁾ lòng rất thích nên hỏi mua. Vì mới thọ ơn ông Đình giúp vợ mình sanh đẻ nên anh Xinh vui lòng biểu con sấu ấy cho ông. Được con sấu, ông Đình đem về khoe với Thầy. Đức Phật Thầy nhìn biết nó là sấu thần nên bảo ông Đình Tây hãy đem giết nó đi để trừ hậu hoạn.

⁴⁴Do đó người ta gọi là sấu năm chèo hay ông năm chèo.

Đã không nghe lời Thầy, ông Đình còn lén nuôi con sấu ấy được ba năm, ⁽⁴⁵⁾ sấu mau lớn, dị thường, bỗng một hôm nó bứt dây bò đi mất, không dám dấu, ông Đình liền đem việc ấy bạch với Đức Thầy Ngài chặt lưỡi rồi giải bày cho ông Đình biết : “sau này con sấu ấy sẽ nhiều hại dân chúng không biết bao nhiêu mà kể”. Ngài liền cấp cho ông Đình Tây một lưỡi câu, một sợi dây se bằng chỉ ngũ sắc, một mũi mun và hai cây lao. Ngài dặn ông Đình Tây hãy gìn giữ phòng khi trừ con sấu ấy” ⁽⁴⁶⁾

Sau thời gian gặp mùa nước nổi, con sấu trườn lên vùng Láng Linh rượt bắt người và thú vật ăn thịt. Người ta kinh sợ bèn đến Thới Sơn báo cho ông Đình Tây hay, nhưng cứ

⁴⁵ Ai có đến viếng vùng Thất Sơn, đều thấy một bên Đình Thần có cái ao xây đá chung quanh, đó là cái ao nuôi sấu hồi trước.

⁴⁶ Bây giờ những vật ấy ông Năm Hạnh, rể thứ tư của ông Đình Tây và người cháu ngoại còn giữ. Lưỡi câu một tấc 4 phân rưỡi (đo bề ngang) ngành bên và dài 5 phân 3 ly, lưỡi mun thì bị mẻ một gốc ở đất, bề dài 5 tấc 6 phân, có lỗ ở hậu như cây đục tông để tra cán. 2 mũi lao nhọn và dài 3 tấc. Tất cả đều rèn bằng sắt còn sợi dây thì se bằng chỉ ngũ sắc, cỡ đầu đũa, dài 16 thước.

mỗi lần ông mang bửu vật đến thì sấu lặn mất, không tìm đâu được.

Đã nhiều phen tới lui như thế mà không lần nào gặp được sấu thần. Lần chót, ông Đình lưu lại Láng Linh chờ đợi ngót nửa tháng mà sấu vẫn bặt tăm, ông ra giữa đồng kêu lớn :

– Bớ sấu thần ! Nếu nhà người chưa tới số thì từ nay hãy lặng yên, đừng nổi lên phá hại xóm làng nữa. Còn như mạng người đã hết thì nên sớm chịu lịnh trời, đừng để ta phải lâu ngày nhọc công chờ đợi. Nói xong ông đợi suốt ngày sấu vẫn im bặt. Thế rồi từ ấy trở đi, sấu không còn trườn lên nhiều hại lê dân nữa.

Theo lời ông Ngô Thành Bá (Biện Đài) kể lại : Đức Huỳnh Giáo Chủ có cho ông biết, con sấu ấy sau này sẽ xuất hiện tại sông Vàm Nao, như Ngài đã viết một đoạn trong Quyển Nhứt :

“Mặc dưng mất dạng từ bi,
Thuyền đi trở ngược về thì Vàm Nao.
Dòm xem thiên hạ lao xao,
Không ghé nhà nào cũng gọi vài câu.
Con sông nước chảy vòng cầu,
Ngày sau có việc thăm sấu thiết tha.
Chùng ấy nổi dậy phong ba,
Có con nghiệt thú nuốt mà người hung.
Đến chùng thú ấy phục tùng,
Bá gia mới biết người Khùng là ai.”

Ngài còn nói thêm : “con nghiệt thú ấy thân hình to lớn, nằm muốn giáp sông, ăn thịt người ta không sao kể xiết. Dầu ai có đem súng thần công đại bác cũng chẳng trị nó được, nhưng điều đặc biệt là nó chỉ nuốt những người hung ác mà thôi”.

Ông Biện Đài bạch Thầy :

– Ông Đình Tây tị ch rồi lấy ai mà bắt nó?

Đức Thầy đáp :

– Ông Đình Tây đã rồi nhiệm vụ lúc ở vùng Láng Linh, còn sau này Thầy sẽ trở về bắt nó :

“*Ta chi u lị nh Tây Phương thọ ký,
Gìn nghiệt long đặng cứu dương trần.*”

CĂN CỨ theo sử Phật Giáo : không riêng mình Đức Thầy hiện giờ có trách nhiệm tiêu phục con nghiệt long mà ngay khi thời Đức Thích Ca còn trụ thế, Ngài cũng hàng phục một con Độc long.

Thuở ấy, Ngài Ca Diếp chưa thọ giáo với Phật, gần nơi ông có một con rồng dữ biết phép phun lửa hại người và vật mà ăn thịt; nó thường trú ẩn trong hang đá. Hôm nọ, Phật đi vân du, trời vừa tối, Phật đến hỏi Ca Diếp ngụ nhò trong hang đá ấy một đêm?

Ca Diếp trả lời :

– Hang đá là của thiên nhiên, ai muốn ngủ cũng được, nhưng nơi ấy có con độc long ác nghiệt lắm, e Ngài ở đó không tiện, nên tìm chỗ khác là hơn.

Phật đáp :

– Không hề gì, miễn ông bằng lòng là được ! Nói rồi Phật đi ngay lại đó. Độc long ở trong hang nhìn ra thấy, nghĩ rằng : vị sa môn này không sợ chết, vẫn ngang nhiên đi lại chỗ ta. Nó liền phun lửa làm hại Phật.

Phật dùng lửa tam muội thổi hà lại, đốt cháy tiêu hang đá và thâu độc long vào bình bát, rồi Ngài liền thiền định đến sáng, ở bên ngoài ông Ca Diếp thấy lửa cháy đỏ, ngỡ Phật đã bị rồng dữ giết chết, nên than tiếc : “Tội nghiệp cho Sa môn Cù Đàm vì không nghe lời ta nên bị rồng dữ hại !”

Sáng ra, Ca Diếp ngạc nhiên khi thấy Phật ôm bình bát trở lại, Ngài nói : – Ta đã hàng phục được Độc Long rồi đây. Nói rồi Ngài nghiêng bình bát một con rồng nhỏ bò ra, đoạn Ngài thuyết pháp và chú nguyện cho nó nghe mà thoát kiếp”.⁽⁴⁷⁾

Qua đến thời Lục Tổ Huệ Năng ở Trung Hoa Ngài cũng có thâu phục con Độc Long ở

⁴⁷Dẫn theo lược chuyện Phật Thích Ca.

gần chùa Bửu Lâm thuộc tỉnh Thiều Châu (Trung Hoa).

Nguyên trước chùa có một cái ao lớn, con rồng sống dưới ao không biết tự hồi nào. Nó cũng có phép biến hóa, thường hay làm mưa làm gió, diều động cả cây rừng.

Một ngày kia, rồng hiện lớn lên làm cho nổi sóng, nước trào, mây kéo tối mịt. Cả môn đồ, dân chúng chung quanh vùng đều sợ hãi. Đức Lục Tổ nghe bảo liền bước ra xem, nạt rằng : “Người có thể hiện ra hình lớn, chớ không biến hình nhỏ được. Nếu người là bậc thần thông thì biến hóa được; nhỏ biến ra lớn, lớn biến ra nhỏ cho Ta coi”.

Rồng ấy thoát nhiên sụp xuống, giây lâu biến hình nhỏ nhảy khỏi mặt hồ. Tổ Sư mở bình bát ra nói thách rằng : “Chắc nhà người không dám chui vô bình bát của Lão Tăng?”

Rồng nghĩ : ta chun vô rồi biến lớn cho bể bình bát của Lão Sư này. Nghĩ rồi rồng hăm hở nhảy tới trước mặt. Tổ Sư thâu vô bình bát, rồng hết phương vùng vẫy.

Tổ Sư đem bình bát về chùa, thuyết pháp cho rồng nghe, rồng liền cõi lốt đi mất.

Bộ xương rồng dài 7 tấc, đầu đuôi sừng cẳng đều có đủ, để lưu niệm tại chùa làm kỷ niệm. ⁽⁴⁸⁾

Qua hai thời đại lịch sử : Đức Thích Ca ở Ấn Độ và Lục Tổ Huệ Năng ở Trung Hoa, đủ chứng minh cho hiện đại là Đức Huỳnh Giáo Chủ cũng “nói theo chí Thích Ca ngày trước”, và cũng hưng truyền chánh pháp vô vi thì việc Ngài thấu phục con long ác nghiệt hiển nhiên phải có.

2 – Diễn tích thứ hai là phần TRIẾT LÝ :

Xưa nay kinh Phật thường tỷ dụ; tâm độc hại hận thù của mỗi người như con rồng dữ, nếu nhà tu không hàng phục được nó, thì chẳng những bị nó đốt cháy cả rừng công đức của mình mà còn làm nguyên nhân cho mình phải luân hồi sanh tử mãi mãi.

Vậy muốn hàng phục rồng dữ nơi tâm, ta phải làm sao?

Theo ý Đức Phật và chư Tổ, trước nhất ta phải dùng tâm chánh định (Đại định) để hàng phục lòng độc hại. Bởi chữ tam muội là chánh định, cho nên Phật dùng lửa tam

⁴⁸ Bộ xương rồng lưu giữ được tới năm Kỷ Mão, niên hiệu Chí Chánh, bị nạn binh lửa lạc mất.

muội (chánh địn) đốt cháy lửa thường (tà địn) của độc long, mới hàng phục được nó.

Vả lại, trong tâm của mỗi chúng ta không chỉ có một con nghiệt long, mà có trùng trùng điệp điệp, nhưng chung qui do 3 con chúa đảng Tham, Sân, Si (tam độc) sanh ra. Vậy ta hãy dùng Đại địn, Đại bi và Đại trí để độ tham sân si thì bầy rồng dữ sẽ tiêu vong.

Cộng vào đó, ta cần có một bản nguyện Đại hùng lực và bền bỉ dẻo dai : “Tự tánh chúng sanh vô biên thệ nguyện độ”.

3 – Danh từ “long ác nghiệt”, ngoài hai ý nghĩa sự và lý vừa kể trên, nó còn có một ngụ ý đặc biệt : Nghiệt thú là chỉ cho hạng người đầy lòng tham gian hung hãn, mong làm bá chủ khắp hoàn cầu, hay gây sự chia rẽ hận thù, chiến tranh tang tóc cho nhân loại.

Do đó, “Chư Phật mới nhủ lòng Từ bi cùng các vị chơn Tiên lâm phạm độ thế”. Trong số đó có Đức Huỳnh Giáo Chủ. Chừng nào các Ngài cảm hóa và hàng phục được hạng người tham ác nói trên, khiến họ quay đầu hướng thiện, biết thương yêu đoàn kết lẫn nhau và đối xử nhau được hòa hài tốt đẹp. Nhất là, ai cũng biết tôn trọng sự bình đẳng của nhau. Chính đó là ngày cả nhân loại đều chung hưởng cảnh hòa bình an lạc.

*“Công đồng hoạch đi nh san hà,
Nước ai nấy ở nhà nhà tự do.”*

Nói tóm lại, về con Độc Long hay Long ác nghiệt hoặc sáu năm chèo, qua ba sự kiện lịch sử vừa kể trên, mỗi mỗi đều là sự thật. Tuy nhiên cũng do sự tìm hiểu, suy nghiệm và nhận xét của chư độc giả.

39 – QUẠT BA TIÊU

*“Chúng sanh nên tâm QUẠT BA
TIÊU,
Chừa hỏa diễm nơi tâm cho tắt.
Thì đạo hạnh ngày kia mới đắc,
Chớ chừa hờn, đũa dư ích chi.”*

(Sa Đéc)

Danh từ Quạt Ba Tiêu xuất phát từ bộ truyện Tây Du, do câu chuyện Thầy trò Tam Tạng đi thỉnh kinh. Đây là bộ truyện có tánh cách triết lý về Pháp Giáo nhà Phật. Sơ lược cốt truyện như sau :

Sau khi Đức Như Lai và Quan Âm Bồ Tát thân phục bốn Thầy trò Tam Tạng giả, rồi dắt Tôn Ngộ Không thiệt đem về giao cho Tam

Tạng và khuyên Thầy trò tiếp tục đi thi nh kinh. Đường đi êm ả, phút chốc đã đến mùa Thu, đáng lẽ tiết trời mát dịu, nhưng tại sao ai cũng nghe nóng bức, sức nóng càng lúc càng tăng, nên Thầy trò Tam Tạng dừng lại để tìm người hỏi thăm. Kể gặp cụ già cho biết :

– Ở xứ này chỉ có một mùa nóng, chớ không có mùa lạnh hay mùa mát dịu nào cả.

Tam Tạng hỏi : – Tại sao vậy?

Cụ già trả lời :

– Vì cách đây không xa, về hướng Tây, tức con đường quý ông định đi tới, có một hòn núi lửa tên là “Hỏa Diệm Sơn”, quanh năm lửa cháy khô cả cây cỏ.

– Vậy có con đường nào khác để đi qua Tây phương chăng?

– Không ! Phải đi qua con đường này mới tới Tây Phương, chớ chẳng có con đường nào khác cả. Trong lúc Thầy trò đang hỏi thăm đường, bỗng có người bán bánh vừa đi vừa rao. Ngộ Không lanh trí nhỏ lông biển ra tiền, kêu người bán bánh lại hỏi mua, thấy bánh lên hơi nóng hổi. Ngộ Không hỏi : ở đây nóng bức thế này làm gì có lúa nếp mà làm ra bánh?

Cụ già xen vào trả lời :

– Sở dĩ ở vùng này chúng tôi có lúa nếp để sống là nhờ Bà Thiết Phiến công chúa ở núi Thủy Vân, có cây quạt phép “Ba Tiêu”. Chúng tôi sắm lễ vật lên đó cầu mượn quạt phép đem về quạt một cái là tắt lửa, rồi quạt thêm là mưa xuống, làm mùa gặt hái xong đem trả quạt.

Tôn Hành Giả nghe nói hỏi phăng :

– Núi ấy ở hướng nào, đường từ đây tới đó bao xa?

Cụ lão nói :

– Núi ấy ở phía Tây Nam, cách đây xa lắm, tới 1.436 dặm. Nghe xong Hành Giả sửa soạn ra đi, cụ già nắm lại nói :

– Ông không chuẩn bị gì hết làm sao đi? Chúng tôi ở đây, tới kỳ đi mượn quạt phải có lễ vật : nào heo gà, nào hương hoa bánh trái. Còn phải chuẩn bị lương thực mang theo, vì đường vừa đi vừa về phải trên một tháng. Dọc đường toàn là rừng núi, hổ lang thú dữ, không nhà cửa tiệm quán chi hết.

Hành Giả nói :

– Không sao, liền cân đấu vân mắt dạng. Ai nấy trông thấy đều hết hồn kính phục...

Khi tới nơi, đâu phải dễ mượn quạt, Hành Giả và Trư Bát Giới phải chiến đấu với Khánh

Anh La Sát và Ngưu Ma Vương bao phen long trời dậy đất. Có lần Hành Giả bị La Sát quạt một cái bay xa tới mù tới chót núi Hoàn Phong, Hành Giả mới vớ được bực đá nằm chụ u lại. Sáng ra gặp Linh Kiết Bồ Tát hỏi thăm...

Bồ Tát nói :

– Cây quạt Ba Tiêu đó, nếu người thường bị nó quạt một cái thì bay tới 8 muôn 4 ngàn dặm, còn như Đại Thánh đây nhờ có Thất thập nhị huyền công, nên chỉ bị bay tới đây chỉ có 5 muôn dặm mà thôi. Nói rồi Bồ Tát cho Hành Giả một hột Định Phong Đan, ngậm trong miệng sẽ trị được gió phép của Thiết Phiến La Sát.

Cuối cùng Hành Giả và Bát Giới nhờ Như Lai sai chư Bồ Tát Kim Cương và thiên binh, thiên tướng cùng các thiên thần trợ lực mới hàng phục được vợ chồng Ngưu Ma Vương qui đầu theo Phật. Thiết Phiến đến quì trước mặt Tam Tạng tạ tội và dâng quạt phép. Tôn Hành Giả lấy quạt, quạt luôn 49 cái. Hỏa Diệm Sơn tắt luôn. Từ đó dân chúng ở đấy mới làm ăn yên ổn. việc đã xong, thầy trò Tam Tạng lên đường thi nh kinh.

Xem qua cốt truyện và đọc 4 câu giảng của Đức Thầy, chắc ai cũng công nhận, đây là câu chuyện triết lý. Bởi theo lịch sử Trung Hoa, thì Thầy Trần Huyền Trang, tức Tam Tạng Pháp sư một nhân vật lịch sử. Ngài rời khỏi Trung Hoa sang Ấn Độ mười mấy năm để nghiên cứu Đạo Phật. Sau ông trở về nước phiên dịch kinh điển truyền bá giáo lý. Ngài là người phiên dịch Kinh Điển Phật Giáo nhiều nhất. Còn ba người đệ tử do nhà viết truyện dựng đặt thêm để triết lý mà thôi.

Tam Tạng chỉ cho cái tâm của người khởi tu, lấy tâm làm chủ trì tất cả. Tề Thiên (Tôn Hành Giả) là dụ cho cái trí, Bát Giới dụ cho cái tâm mê si, ham ăn, ham ngủ. Sa Tăng thì dụ cho tánh cần cù siêng năng hay gánh vác nặng nhọc. Nhờ có tâm và trí huệ hợp nhau, mới phá tan vô lượng phiền não đạt thành chánh quả. Bấy giờ tâm chúng sanh trở thành tâm Phật tức thông đạt cả Tam Tạng Kinh Điển.

Còn Đức Giáo Chủ PGHH hiện nay, cũng ám chỉ cái Hỏa Diệm Sơn nơi tâm của mỗi hành giả, tức là tánh nóng giận của mỗi người, như Ngài đã bảo :

*“Ác thứ chín hận sân luận tiếp,
Lửa trong tâm chẳng đốt mà lừng.
Nổi lời đình đầu có đệ nh chừng,*

Cho ta biết mà toan giữ trước.”

Chính nó là một trong tam độc : tham, sân, si là nguồn gốc sanh ra 8 vạn 4 ngàn trần lao phiền não. Bởi lòng sân hay thiêu đốt cả rừng công đức của mình, cho nên ví nó như hòn núi lửa (Hỏa Diệm Sơn). Hễ tâm quyết tiêu trừ phiền não phải nhờ đến trí huệ. Cũng như Tam Tạng muốn đến Tây Phương gặp Phật Tổ thỉnh Kinh, phải nhờ đến Tê Thiên. Vì nếu, có trí huệ thì mê si tan : tham sân si cũng chẳng còn, thế là tất cả phiền não đều bị diệt vong. Nhà tu bấy giờ được tự tại vô ngại, cũng như Thầy trò Tam Tạng vượt qua 81 nạn và hàng phục hết các loài yêu quái dọc đường, mới được gặp Phật thỉnh Kinh.

Riêng về Hỏa Diệm Sơn và quạt Ba Tiêu; khi gặp núi lửa chặn đường, Tam Tạng cho dừng lại hỏi thăm, gặp cụ già trả lời : “không còn con đường nào khác ! Các ông muốn đến Tây Phương gặp Phật, tất phải đi qua con đường này và cái núi lửa này”, ý cho biết ai muốn thành Phật phải “DẬP TẮT LÒNG SÂN HẬN”.

Khi cái tâm không còn biết cách nào để gỡ rối thì cái trí huệ làm việc. Nghĩa là Tôn Hành Giả lạnh trí kêu mua bánh để tìm ra manh mối. Rồi vận dụng hết khả năng đi tìm ra quạt Ba Tiêu, đem về, quạt tắt núi lửa. Tức

nhờ có trí huệ mới tìm ra phương pháp trừ tánh sân hận; chớ bây giờ quạt Ba Tiêu của bà Thiết Phiến công chúa đâu đây mà muốn. Vậy quạt Ba Tiêu là dụ cho pháp nào trừ được lòng sân hận?

Nhận xét trong các pháp tu : có phương pháp trừ được lòng sân hận và tượng trưng cho quạt Ba Tiêu là : nhẫn nhục, khoan dung và Từ Bi.

Xưa, Đức Phật dạy rằng : “nếu có người mong làm hại mình, hoặc mắng chửi, hoặc quyết tâm phân thân xẻ thịt mình chẳng hạn. Lúc đó mình phải mang cái áo nhẫn nhục và ôm chặt cột trụ Từ bi, nén lòng giận dữ, phát tâm hoan hỷ tha thứ họ, thì ba nghiệp thân khẩu ý chẳng hề sanh tội lỗi”.

Còn Đức Thầy hiện nay dạy rằng :

*“Diệt được nó tâm trần thông thả,
Ta thường nên lập tánh khoan dung.
Thiệt hành đi đứng có ngại ngừng,
Tha thứ kẻ lỗi làm ngu xuẩn,
Và nhẫn nại n đừng ham tranh luận
Khỏi mất lòng tất cả mọi người
Tánh thuần lương vẻ mặt vui tươi
Vậy mới đáng tin đồ Phật Giáo.”*

Thêm một lần nữa Ngài đã khuyên :

*“Ai chửi mắng thì ta giả điếc,
Đợi cho người hết giận ta khuyên.”*

Chữ nhân hòa ta để đầu tiên,
 Thì đâu có mang câu thù oán.
 Việc hung ác hễ vừa thấp thoáng,
 Chữ từ bi ta diệt nó liền.
 Sự oán thù đáp lại chữ hiền,
 Thì thù oán tiêu tan mất hết.”

Nói tóm lại, nếu nhà tu biết áp dụng ba phương cách : Từ bi, nhân nhục và khoan dung để đối trị lòng sân hận, khi lòng sân hận dứt sạch :

“Thì Đạo hạnh ngày kia mới đắc.”

40 – ĐƯỢC THỦ TRỤ

“Sách có câu Minh đức tân dân,
 ĐƯỢC THỦ TRỤ huyền khai nhứt khiêu.”

(Sa Đéc)

Danh từ thủ trụ là trụ tâm nơi không có chỗ trụ, nghĩa là trụ mà không trụ và không trụ mà trụ, tức là lia cả hai bên đối đãi. Câu này xuất phát từ Kinh Kim Cang, Phẩm trang nghiêm Tịnh Độ, Phật dạy :

“Thị cố tu Bồ Đề ! Chư Bồ Tát Ma ha tát ung như thị sanh thanh tịnh tâm, bất ung

trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thịnh hương vị, xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” (Bối vậy, Nầy Tu Bồ Đề ! Các đại Bồ Tát nên sanh tâm thanh tịnh, chẳng nên sanh tâm trụ vào sắc, chẳng nên sanh tâm trụ vào tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, thân sung sướng, ý tham chấp vạn pháp. Nên sanh tâm không có chỗ trụ).

Xưa kia Lục Tổ Huệ Năng nhờ nghe đoạn kinh này mà gặp được lối vào... rồi đến lúc Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn kêu Ngài vào phòng, thuyết kinh Kim Cang cho nghe cũng đến câu “Ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Ngài hoát nhiên đại ngộ và được thọ truyền y bát, làm Tổ thứ sáu (kể từ đức Đạt Ma sơ Tổ).

Xem sơ lược cốt truyện như sau : ⁽⁴⁹⁾

Lục Tổ tên thật là Huệ Năng, Ngài sanh vào đêm mùng 8 tháng 2 năm Mậu Tuất (638) thuộc đời Đường (Trung Hoa). Lúc sanh Ngài, có một đạo hào quang chiếu lên hư không, lại có mùi thơm xông khắp nhà. Trời vừa rạng sáng có hai vị Tăng lạ mặt đến xin viếng và gọi thân phụ Ngài nói : “Nhân có đứa nhỏ trong nhà sanh hồi hôm nên chúng tôi đến

⁴⁹ Dẫn theo Pháp Bảo Đàn Kinh, do Minh Trục Thiền Sư dịch ch.

xin đặt tên giùm : Trên là chữ Huệ và dưới là chữ Năng’.

Thân phụ Ngài liền hỏi :

– Tại sao gọi là Huệ Năng?

Một Thầy đáp :

“Huệ có nghĩa là đem pháp huệ thí cho chúng sanh, Năng là người làm được việc Phật’.

Nói rồi hai vị Tăng từ giã ra đi. Từ khi lọt lòng mẹ, Ngài không bú sữa, vì hằng đêm có thần nhân cho uống nước cam lồ. Mới 3 tuổi, Ngài phải chịu mồ côi cha, mẹ Ngài thủ tiết nuôi con trong cảnh nghèo khổ, cháo rau đạm bạc. Lúc lớn lên Ngài chuyên nghề đốn củi sanh sống.

Một hôm, Ngài gánh củi xuống chợ đổi gạo, nghe có người tụng kinh Kim Cang đến câu : “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” thì Ngài tỏ ngộ, nên khởi ý quyết đi tu... vài hôm sau, may gặp người hảo tâm giúp cho 10 lượng bạc, Ngài liền chu cấp cho mẹ già rồi đến chùa Đông Thiên huyện Huỳnh Mai vào làm lễ Ngũ Tổ.

Ngũ Tổ hỏi :

– Người là người ở đâu, đến muốn cần việc chi?

Huệ Năng bạch :

– Đệ tử là dân ở quận Tân Châu, xứ Lãnh Nam. Từ phương xa đến đây lạy Tổ Sư chỉ cầu tu thành Phật.

Tổ Sư nói :

– Người là người xứ Lãnh Nam, lại là giống người dã man, thế nào thành Phật được?

Huệ Năng thưa :

– Con người tuy phân có Nam Bắc, chớ Phật tánh không có Nam Bắc. Cái thân dã măn này đối với Hòa Thượng tuy chẳng giống nhau, chớ Phật tánh nào có khác !

Ngũ Tổ còn muốn nói chuyện nữa, nhưng thấy môn đồ đứng vây quanh, nên bảo Huệ Năng hãy theo chúng Tăng mà làm việc.

Trên 8 tháng Ngài lo làm công quả : giã gạo, bửa củi, gánh nước... không chút than van, chỉ lo hành trì môn “Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật”.

Hôm nọ, Ngũ Tổ truyền khắp môn đồ, mỗi người hãy làm một bài kệ tự tánh, nếu ai tỏ ngộ sẽ được kể truyền ngôi Tổ thứ sáu. Trong đồ chúng cả ngàn người, nhưng không ai dám làm, duy có Thượng Tọa Thần Tú học rộng biết nhiều, làm một bài kệ lén dán lên tường :

“Thân thị Bồ đề thọ – Tâm như minh
cảnh đài
Thời thời cần phát thức – Vật sử nhá
trần ai.”

(Thân ấy Bồ đề thọ – Tâm như minh
cảnh đài

Giờ giờ cần phủi sạch – Chớ để vương
trần ai.)

Bài kệ được đồ chúng truyền tụng. Hôm nọ
thấu đến tai Huệ Năng Ngài liền mượn Quan
Biệt Giá chép giùm bài kệ của Ngài lên vách
vì Ngài không biết chữ.

“Bồ đề bốn vô thọ – Minh cảnh diệt phi
đài

Bốn lai vô nhứt vật, Hà xứ nhá trần ai”.

(Bồ đề vốn không thọ, Minh cảnh cũng
không đài

Xưa nay không có vật, Nào chỗ vương
trần ai.)

Bài kệ biên lên vách xong đồ chúng tụ lại
xem ai nấy đều kinh hãi, khen ngợi khôn
cùng. Ngũ Tổ thấy vậy, sợ có người hại Huệ
Năng nên nói : “bài kệ này cũng chưa thấy
tánh hãy bỏ đi.”

Ngày kể Ngũ Tổ đi ngay xuống phòng già
gạo, thấy Huệ Năng đeo thêm đá bên lưng
mà già. Tổ kêu hỏi :

– Người cầu Đạo phải vì Pháp quên thân như thế sao?

Không đợi Huệ Năng trả lời, Tổ hỏi tiếp :

– Giã gạo trắng chưa?

Huệ Năng bạch :

– Dạ ! gạo trắng đã lâu, chỉ còn thiếu người sàng (ý nói đã thấy tánh, chỉ còn người truyền pháp).

Ngũ Tổ lấy gậy gõ vào tay cối ba lần, rồi chấp tay sau lưng đi lên. Huệ Năng hội được ý, nên đợi đến canh ba vào ngõ sau gặp Ngũ Tổ. Tổ thuyết kinh Kim Cang cho Huệ Năng nghe đến câu : “Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm” thì hoát nhiên đại ngộ, Ngài liền nói lên bài kệ :

*“Nào dè tánh mình vốn sẵn thanh tịnh
 Nào dè tánh mình vốn không sanh diệt
 Nào dè tánh mình vốn sẵn đầy đủ
 Nào dè tánh mình vốn không lay động
 Nào dè tánh mình hay sanh muôn pháp”.*

Đoạn Ngũ Tổ truyền Ấn và Y Bát cho Huệ Năng nối ngôi Tổ thứ 6. Thuở ấy nhằm đời Đường Cao Tông, niên hiệu Long Sóc, năm Tân Dậu, rồi bảo Lục Tổ ra đi gấp. Sau Ngài đi về phương Nam ẩn dật 16 năm mới ra truyền Đạo.

Đến ngày mùng 3 tháng 8, năm Quý Sửu, Ngài đang ở chùa Quốc Ân hội hết đồ chúng lại thuyết kệ :

“Tro tro chẳng làm lành,
Xắn xắn chẳng tạo ác.
Bật bật dứt thấy nghe,
Lồng lộng tâm không ác.”

Thuyết kệ xong tới canh ba Ngài ngồi ngay ngắn thị tịch. Đến đời vua Hiếu Tông nhà Đường, ban hàm ân cho Tổ là “Đại Giám Thiền Sư” và đề tặng trên tháp bốn chữ “Nguyên Hòa Linh Chiếu”, các đệ tử tạo tháp thờ Ngài ở Tào Khê. Nhục thân của Ngài không hư rã, chừ môn đồ xây tháp lưu giữ cho đến ngày nay.

Quan Huyện Triều Châu có dựng bia ghi Đạo hạnh của Lục Tổ để làm kỷ niệm :

“Tổ Xuân Thu bảy mươi lăm (76 tuổi), năm 24 tuổi được truyền y bát, 39 tuổi xuống tóc, Tổ thuyết pháp 37 năm. Trong các môn nhơn của Ngài, 43 người đạt được tôn chỉ và nối truyền chánh pháp. Còn những người ngộ Đạo siêu phàm chẳng biết bao nhiêu mà kể”.

Trong hàng cao đệ của Ngài như : Thanh Nguyên Hạnh Tư, Nam Nhạc Hoài Nhượng, Hà Trạch Thần Hội, Vĩnh Gia Huyền Giác,

Nam Dương Tuệ Trung và Pháp Hải v.v... đó là những nhân vật trọng yếu.

Lời truyền giáo của Tổ còn lưu lại cho đời quyển “Pháp Bửu Đàn Kinh”, lý nghĩa diệu mầu khó tả, hàm chứa tâm ấn và Chánh Pháp của Đạo Phật.

Ngày nay Đức Huỳnh Giáo Chủ chỉ dạy chúng ta tu theo Lục Tổ, tức là tu đúng theo chánh pháp vô vi của Đức Bổn Sư Thích Ca :

*“Khùng nói cho già trẻ làm tin,
Theo Lục Tổ chớ theo Thần Tú.”*

Hai câu giảng mở đầu đã chứng minh cho vấn đề. Nghĩa là Ngài dạy các hành giả nên trở về với cái tâm trong sạch, an nhiên, lâu lâu sáng suốt, không hề kẹt chấp vào một pháp nào “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”, tức đạt được Niết Bàn tự tánh.

41 – ĐƯỜNG VÔ SANH

*“Cả vạn vật đồng về Phật cảnh,
Chẳng luyến trần ảo ảnh gạt lòng.”*

*Nguyện cầu chư Phật mười phương,
Niết Bàn tịch tịnh là ĐƯỜNG VÔ
SANH.”*

(Bài Nguyện Trước Bàn Thờ Ông Bà)

Đức Giáo Chủ dùng từ “Đường Vô Sanh” ý chỉ đến mục đích của nhà tu Phật, khi đạt đến Niết Bàn tịch tịnh. Đây là cái lý vô sanh, bất diệt, vì không còn một niệm sanh nên chẳng cần phải diệt. Đồng nghĩa với câu kệ của Đức Lục Tổ “Bổn Lai vô nhứt vật, Hà xứ nhá trần ai”. Chúng ta thử đọc câu chuyện Phá Táo Đọa.

Phá Táo Đọa là cái tên do thiền Sư Huệ An đặt cho một đệ tử của Sư tại vùng Trung Nhạc, có nghĩa : cái bếp hư và cũng chỉ cho sự biến cố trong đời sống của một Thiền Sư vô danh, nhờ đó mà về sau được giới tu hành chú ý.

Bấy giờ tại vùng núi Trung Nhạc, có một Cổ Miếu, nơi hậu diện có để một Bếp lửa. Dân chúng gần xa đến cúng tế rất đông. Cái Bếp này không hở, họ nấu luộc rất nhiều sanh mạng để cúng Thần Miếu.

Một hôm có nhà Sư vô danh dẫn các đệ tử vào Miếu. Sư lấy gậy gõ vào Bếp bảo :

– Chặc ! Bếp ơi là bếp !

Mi há không phải là bùn gạch hiệp thành sao? – Thánh linh nơi mi ở đâu vậy? Tại sao mi đòi lược quá nhiều sanh vật để cúng như thế?

Nói xong, ông lại cầm gậy gõ vào bếp 3 lần nữa. Bếp nghiêng đổ, đất gạch vỡ ra từng mảnh.

Chốc lát, chợt có một người mặc áo xanh, đội nón cối, chạy lại gần sư quì lạy...

Sư hỏi :

– Ông là ai?

Người ấy đáp :

– Tôi là Táo Thần của Miếu này. Tôi ở đây rất lâu, do nghiệp báo đời trước. Nay nhờ nghe “Pháp vô sanh” của Thầy mà thoát khỏi sự ràng buộc và được sanh lên cõi trời. Giờ đến đây để hết dạ bái tạ Thầy.

Sư bảo :

– Vô sanh là bản tánh bằng hữu của người, chẳng phải nhờ ta thuyết pháp.

Thần nhon liền lễ bái sư rồi biến mất.

Sau đó, các môn đồ Phật tử đến hỏi sư :

– Chúng tôi theo hầu Thầy rất lâu, nhưng chưa hề nghe chính Thầy giảng pháp. Còn Táo

Thần được nghe Thầy dạy Pháp gì mà lại được thác sanh ngay lên trời vậy?

Sư đáp :

– Ta chỉ bảo nó là bùn gạch hiệp thành, chớ có đạo lý gì khác dạy riêng cho nó.

Các Tăng hầu và mọi người chung quanh đứng im không nói.

Sư lên tiếng : – Hiểu không?

Vị chủ sự thưa :

– Bạch Thầy chúng con không hiểu.

Sư tiếp lời :

– Tánh bản hữu của hết thầy các Pháp ⁽⁵⁰⁾, tại sao các người không hiểu?

Các thầy Tăng lạ tạ – Sư bảo tiếp :

– Đổ rồi ! Đổ rồi ! Vỡ rồi !

⁵⁰Tánh bản hữu của mỗi chúng sanh và các pháp là "sanh mà vô sanh". Đạo lý này vốn được các nhà "Tánh không luận" của Đại Thừa tích cực quảng diễn, theo đó, mọi sinh khởi đều do nhân duyên, nếu chúng không có tự tánh tức không tự hữu. Không tự hữu tức không hiện hữu, đó gọi là "lý vô sanh".

42 – KHÔNG KHÔNG MÀ CÓ

*“Chuyện cao siêu Phật pháp còn dài,
Khó gặp chữ KHÔNG KHÔNG MÀ
CÓ.”*

(Sa Đéc)

Bốn chữ “không không mà có” là chỉ cái “chơn không” mà “Điều hữu”. Cũng gọi là “Lý sắc không”, là cái “chơn không bất hoại”. Xuất phát từ câu chuyện của ông Tu Bồ Đề :

Thuở Đức Thích Ca còn trụ thế thuyết pháp độ sanh, đệ tử của Ngài rất đông. Trong số đó có 10 vị đệ tử được coi là trời hơn hết. Là “Thập Đại Đệ Tử”, mà ông Tu Bồ Đề là một. Ông thường được Đức Phật, chư Thiên và Tứ chúng⁽⁵¹⁾ khen tặng là “Giải không đệ nhất”.

Một hôm, trong Đại hội Bát Nhã Đức Phật tỏ lời khen ngợi ông :

– Này Tu Bồ Đề ! Trong hàng đệ tử của Ta, người tu đạt đến trình độ như ông thật hiếm có, ông đã thể chứng vô tranh tam muội. Đó

⁵¹Tứ chúng; Tỳ kheo, Tỳ Kheo Ni và Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di

là đệ nhất trong loài người, ta chúc mừng cho ông : ông đã là vị La Hán ly dục bậc nhất !

Tu Bồ Đề được Phật khen, trong tâm rất cảm kích vui mừng, nhưng chẳng dám tự nhận. Tôn giả chấp tay đánh lễ Phật :

– Bạch Đức Thế Tôn ! Ngài ban cho đệ tử những lời từ ái khích lệ ấy, con đem hết tâm tư cảm kích. Thế Tôn cho con là bậc nhất trong loài người, A La Hán ly dục số một, nhưng con chẳng hề nghĩ rằng con là A La Hán ly dục...

Bạch Đức Thế Tôn ! Con không nghĩ như vậy, cũng không làm như vậy, vì nhân duyên vô sanh vô vi, Đức Thế Tôn mới nói với con những lời ái hộ mỹ mãn. Thật ra chính các Tôn giả Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên mới đúng là A La Hán ly dục.

Một lần khác. Tôn giả Tu Bồ Đề đang thiền định trong hang đá, tâm ông đã nhập vào thể không tam muội, công hạnh thâm sâu đó cảm động đến chư Thiên hộ pháp. Bấy giờ chư Thiên xuất hiện trên hư không, tung rải nhiều hoa bay phoi phới trước Tôn giả và chấp tay khen ngợi ông...

Khi xuất định ông lên tiếng hỏi lớn :

– Các ông là ai vậy?

Vị thủ lãnh chư Thiên hiện ra chấp tay thưa :

– Tôi là Thiên Đế Thích còn tất cả là chư thiên nhỏ.

– Vì sao mà các ông mua hoa và khen ngợi tôi vậy?

– Bạch Tôn giả ! Vì chúng tôi kính trọng tôn giả đã nhập Không Tam Muội và đang giảng thuyết Bát Nhã Ba La Mật !

– Tôi chưa hề thốt một lời giảng thuyết Bát Nhã Ba La Mật và chẳng có gì hết để chư thiên tán thán.

Nhưng các Thiên Thần đều quả quyết :

– Ngài không giảng gì hết, cái được nói là không. Cái được nghe cũng không, đây mới là chơn thật Bát Nhã Ba La Mật. ⁽⁵²⁾

Đọc câu chuyện trên, người sau thử bình tĩnh mà nhận xét :

Thời nay, Đức Giáo Chủ viết hai câu giảng :

“Chuyện cao siêu Phật Pháp còn dài,
Khó gặp chữ KHÔNG KHÔNG MÀ CÓ”.

⁵² Dẫn theo Thập Đại Đệ Tử.

Đó là Ngài dùng phương tiện ngôn ngữ văn tự để làm hướng nhắm cho các môn đồ nương theo đó mà đạt tới đích “Chơn không bất hoại”, tức thanh tịnh Niết Bàn. Cũng như dùng ngón tay để chỉ mặt trăng. Nếu hành giả chỉ nhìn ngón tay cũng không sao thấy được mặt trăng. Hễ còn chấp có, thì chẳng được gì, bằng chấp không, cũng chẳng đến đâu. Thế nên hành giả chỉ nương cái “CÓ” để đến cái “không”, rồi cũng xả luôn cả cái không nữa mới đạt đến cái “không không mà có”. Bởi bản thể của Đạo hay chân tâm hoặc Phật tánh vốn là : “KHÔNG MÀ CHẲNG KHÔNG”.

43 – PHÁP BẤT KHẢ DÙNG

“Chúng sanh mê nên đem Pháp thuyết,

Giải thoát rời pháp BẤT KHẢ DÙNG.”

(Diệu Pháp Quang Minh)

Hai câu giảng trên có chữ “Pháp”, ý nghĩa khác nhau. Chữ “Pháp” ở câu 1 là chỉ giáo lý của Phật thuyết ra để giáo hóa chúng sanh.

Còn chữ “Pháp” trong câu 2 có nghĩa rất rộng (vạn pháp) bao hàm cả vạn vật, dầu pháp ấy là xấu, ác hay tốt lành, hữu vi hoặc vô vi. Cho nên nhà tu khi được tỏ ngộ thì không còn câu chấp hay vướng mắc (Pháp bất khả dụng).

Đọc Thiên Sử Trung Hoa, thấy có Sư Huệ Hải là một trong số đồ đệ của Ngài Mã Tổ (788). Hôm nọ các thầy Tăng tự cho mình học rộng (Bác học) đến viếng Sư và chất vấn :

– Chúng tôi xin hỏi Ngài ít câu, Ngài có thật tâm khai sáng chăng?

Sư Huệ Hải trả lời :

– Trăng lòng đáy nước, quý vị cứ tự tiện mà vớt lên.

Chúng Tăng hỏi tiếp :

– Phật là ai?

– Nhìn thẳng vào đây xem. Nếu không phải là Phật thì ai đã vào đây?

Nghe câu trả lời ấy chúng Tăng khựng lại, đứng làm thinh một lúc rồi mới nghĩ ra ý hỏi thêm : “Ngài giáo hóa chúng sanh bằng pháp gì?”

Sư đáp :

“Tôi chẳng có pháp gì để giáo hóa quần chúng”, Đáp xong. Sư Huệ Hải hỏi lại các Thầy Tăng :

– Này quý thúc giả. Theo quý vị, đem pháp gì để giáo hóa quần chúng?

Chúng Tăng trả lời :

– Chúng tôi giảng “Kinh Kim Cương”

– Quý vị đã giảng được bao nhiêu lần?

– Trên 20 lần.

– Ai thuyết Kinh ấy?

Lúc đó một trong số Tăng bác học cất tiếng lớn :

– Này Sư ! Chúng tôi mong Ngài không có đùa chứ ! Chả lẽ Ngài không biết rõ chính Phật thuyết ra sao?

– Sư Huệ Hải liền đáp :

– Các vị có nhớ chăng? – Kinh thường nói : “Nếu ai bảo rằng Phật có thuyết Pháp, ấy là hủy báng Ngài và không hiểu Pháp của Ngài. Bằng nếu bảo kinh này không do Phật thuyết, ấy là hủy báng kinh” – thưa các thúc giả, xin khơi sáng cho tôi chỗ này?

Bấy giờ các nhà Tăng bác học không đáp được. Một lát sau, Sư hỏi tiếp :

– Kinh nói : “*Nhược sĩ sắc kiến ngã, Dĩ ám thính cầu ngã, Thị nhân hành tà Đạo, Bất năng kiến Như Lai?*”

Chúng Tăng trả lời :

– Chỗ này chúng tôi thấy lò mò.

Sư hỏi thêm :

– Trong khi chẳng có cái gì đáng gọi là “tò ngộ” tại sao quý vị bảo lò mò?

Bấy giờ chúng Tăng tỏ ra kính phục Sư và cầu xin :

– Mong Ngài giảng cho chúng tôi nghe chỗ này.

Sư nói :

– Đây chư trí thức, quý vị nói : giảng Kinh Kim Cương trên 20 lần, nhưng quý vị chưa hiểu Như Lai sao?

Các Thầy Tăng bác học đều làm lễ sư một lần nữa và khẩn cầu chỉ giáo !

Sư dạy :

“*Như Lai là Pháp như thật, sao các Ngài lại quên?*”

– Vâng, chúng tôi biết rằng : Như Lai là các pháp như thật.

Sư nói :

– Thừa các đại đức, cái “vâng” của các Ngài chưa nhất thiết là tốt ráo.

– Tại sao không thể là tốt ráo? Kinh công bố trọn vẹn sự việc gì?

– Các Ngài có phải là các Pháp như thật không?

– Thừa Phải.

– Như thật của các Ngài cũng đồng với như thật của gỗ đá chẳng?

– Thực không khác.

– Như vậy các Ngài và gỗ đá khác nhau ở chỗ nào?

Các Thầy Tăng nghe hỏi không trả lời được và phải công nhận là không thắng nổi Sư. Sau một lúc, chúng Tăng ấy hỏi tiếp :

– Làm thế nào chúng Đại Niết Bàn?

Sư đáp :

– Không có hành nghiệp sanh tử luân hồi.

– Hành nghiệp sanh tử luân hồi còn có cái gì?

Sư nói :

– Mong cầu đại Niết Bàn, dứt trừ ô nhiễm, thành tựu ô nhiễm rồi cho rằng có sở đắc và sở chứng thì không thoát khỏi biên chấp, đấy là còn nghiệp sanh tử luân hồi

Chúng tăng hỏi nữa :

– Vậy làm sao để được giải thoát.

Sư đáp :

– Không phiền trước, từ đâu thì mong cầu giải thoát làm chi? – Làm theo ý muốn, đi theo sở thích mà không hề có một tạp niệm nào, đây là con đường tối thắng !

Nghe xong, chúng tăng tán thán :

– Thật sự, quả là một nhân vật kỳ lạ. Đoạn rồi họ lễ tạ Sư mà lui ra.

Đọc câu chuyện trên, qua hai câu giảng của Đức Thầy, nhận thấy rất trùng hợp với lời dạy của Đức Phật khi xưa. Sau khi đắc Đạo hoàn toàn, Ngài lê chân khắp đó đây và thuyết pháp độ sanh suốt 49 năm, nhưng sau rốt Ngài đã nói : “Suốt 49 năm Như Lai không có nói một lời nào cả”. Và “Nếu ai nói rằng Như Lai có nói Pháp, tức là hủy báng Như Lai... “

Bởi lẽ giáo pháp là phương tiện, chớ chưa phải cứu cánh, vì nó như chiếc thuyền đưa người qua sông, như vị thuốc trị lành các bệnh và cũng như ngón tay để chỉ mặt trăng. Nhà tu nương các phương tiện đó mà tiến tới cứu cánh. Nghĩa là nương dùng phương tiện,

nhưng tâm không hề vương chấp các phương tiện, ấy là chọn lý giải thoát, là : “Giải thoát rồi pháp bất khả dùng”.

44 – LÝ CHON KHÔNG

*“Tìm tối Đạo màu trong Phật pháp,
Cho đời hiểu rõ lý CHON KHÔNG”.*

(Khuyên Bồ Di Đ oan)

Từ ngữ “Lý Chon Không”, tức cái không mà chẳng không, cũng như từ “không mà có”. Người mới tu thường hay chấp có, tu thời gian rồi lại chấp không. Nếu hành giả còn kẹt chỗ không hoặc có thì chưa nắm được chọn lý. Cho nên nhà tu chẳng nên lìa có, bỏ không hoặc chấp có hay không, mà phải dung thông nó lại mới được cái “không mà chẳng không”. Cũng như câu chuyện Thầy trò Tam Tạng trong truyện Tây Du Diễn Nghĩa.

Bấy giờ bốn Thầy trò Tam Tạng lìa khỏi chùa Từ Vân đi luôn nửa tháng bình an vô sự, xảy thấy hòn núi cao chận đường phía trước. Tam Tạng đón dắc sợ hãi, kêu Ngộ Không bảo :

– Đồ đệ ơi ! Trước mặt có núi cao phải giữ gìn cho lắm ! Tôn Hành giả cười, thưa :

– Đây đã gần cửa Phật, song các sãi ở chùa Từ Vân có nói : Từ chùa đến kinh đô Thiên Trúc còn 2.000 dặm đường, không biết bao xa nữa mới tới chùa Lô Âm, chưa chắc là gần cảnh Phật.

Hành giả bạch :

– Bộ Thầy đã quên “Tâm Kinh” của Ô Sào Thiên Sư truyền cho rồi sao?

– Bát Nhã Tâm Kinh là vật báu chân truyền tùy thân làm sao Ta quên được. Từ ngày Ô Sào Thiên Sư truyền cho có ngày nào mà Ta chẳng tụng. Ước chừng ta đọc ngược còn được, lý nào quên.

Hành giả nói :

– Sư phụ chỉ đọc thuộc lòng theo văn tự, song chưa biết Thầy giải nghĩa lý được chăng?

Tam Tạng nghiêm sắc mặt bảo :

– Con khi ! Làm sao lại cho ta giải nghĩa lý không được. Vậy chớ người giải lý được không?

Hành giả thưa :

– Con giải nghĩa được, mà giải lý cũng được luôn ! Nghĩa là đúng với lý nghĩa của Bát Nhã Tâm Kinh : “phải làm thính không nói gì cả”.

Lúc đó Tam Tạng và Hành giả đều đứng làm thình, không nói năng gì hết. Bát Giới đứng một bên cười ngặt nghèo, nói :

– Thôi im đi ! “Đại ca cũng là chúa yêu xuất thân như tôi, chẳng phải tránh mặt Hòa Thượng mà biết luật biết Kinh gì, khéo nói càng bướng ! Giống gì mà cắt nghĩa không đặng, cái gì mà cứ làm thình? – xin Đại ca luận thử, tôi đang chờ nghe đây !”

Sa Tăng nói tiếp :

– Nhị ca à ! Anh cũng tin lời Đại ca sao?

Anh ấy muốn đặt chuyện mà nói để nung chí cho Thầy an tâm vững bước; chớ thật ra Đại ca chỉ có tài múa gậy mà thôi, chớ làm sao mà ảnh luận lý, giải kinh cho được

Nghe đến đây Tam Tạng liền ngăn lời hai đệ tử :

– Này Ngộ Năng, Ngộ Tĩnh ! Các người nói đều sai hết ! Thiệt Ngộ Không giảng lý Tâm Kinh đặng, nên mới nói tiếng làm thình. Nếu chẳng làm thình (ngộ không) thì làm sao thấu đạt cái “Lý chơn không” của Tâm Kinh Bát Nhã có thấu đạt đến đó mới mong đắc thành chánh quả.

Đọc câu chuyện trên, thấy rằng nhà tu muốn thấu đạt “Lý chơn không”, tuy trước cũng nhờ nương theo văn tự, nhưng sao phải lìa văn tự (vô chấp) để nhìn thẳng vào nội tâm của mình mà trực nhận...

Như đã biết, Tam Tạng dụ cho cái tâm, Ngũ Không dụ cho cái trí. Cho nên khi tâm và trí chưa đồng hòa thì còn đấu lý với nhau; nhưng lúc trí huệ soi thấu tới chân lý thì tâm và trí hòa nhau một thể. Thế nên khi Tam Tạng và Ngũ Không hội ý giữa nhau, Thầy trò mới đồng làm thính.

Còn Bát Giới dụ cho tánh mê si thì bảo làm sao y chẳng cười ngật nghẹo cho được.

45 – NHỒI QUẢ

*“Việc khó khăn lắm lúc khôi hài,
 Ấy cũng bởi thầy lay ông tạo.
 Ông NHỒI QUẢ cho người hành đạo,
 Lúc nguy nàn thối chí cùng chẳng?
 Nếu bền lòng vị quả cao thẳng,
 Chẳng chặt dạ bỏ lẩn Phật Thánh”.*

(Sa Đéc)

Nhồi quả là một trong năm cách quả báo⁽⁵³⁾. Có nghĩa bao nhiêu duyên nghiệp đã gây tạo từ trước, giờ đây phải bị trả đòn một lượt, nên gọi là bồi báo (quả).

Mỗi chúng sanh có mặt trong cõi trần, ai cũng có tạo nghiệp lành hoặc dữ, nên khi hưởng hết quả phước thì quả bất lành sẽ đưa tới. Hoặc giả nếu có người nào quyết tâm rời bỏ cõi Ta Bà để lên bờ giải thoát thì bao nhiêu nghiệp nợ đã gây tạo từ trước hút về đòi một lượt. Cho nên nhà tu hết vương tai nạn này kể gặp khó khăn khác. Nếu ta biết kiên chí chấp nhận và vui trả, tất các món nợ ấy sẽ mau hết, như câu chuyện ông hai Huệ được nghe Đức Thầy kể lại :

Ông Hai Huệ người ở xã Phú An, Quận Tân Châu, Tỉnh Châu Đốc (Nam phần Việt Nam). Gia đình ông rất nghèo khổ, gặp cảnh đói đau liên tiếp, dầu vậy nhưng lòng ông vẫn giữ một mực hiền lành chơn chất.

Năm 1939 ông qui y với Đức Thầy, mỗi buổi tối ông thường đến Tổ Đình Hòa Hảo nghe Đức Thầy thuyết pháp. Hôm nọ, sau khi nghe thời pháp ông Hai còn ở lại, Đức Thầy

⁵³ Năm cách trả báo : Hiện báo, Sanh báo, Hậu báo, Nồi báo và Dự báo.

kêu mọi người bắt ghe ra sân ngồi hứng mát, Ngài nhìn ông Huệ nói :

– Bây giờ tôi kể chuyện cổ tích cho các ông nghe nhen ! Rồi Ngài bắt đầu kể :

“Thời xưa, có hai vợ chồng anh nợ, tánh tình hiền lành, nhưng phải sống cảnh nghèo nàn vất vả, mùa màng làm đâu thất đó, nợ nần chồng chất... một hôm anh bàn tính với vợ : mình chẳng còn cách nào sanh nhai được nữa, thôi để tôi sang nhà ông phú hộ làng kế cận xin lãnh tiền ở muón, đem về trả số nợ, còn dư ra thì bà chi dụng. Nghe chồng nói, bà vợ lấy làm băn khoăn, song cuối cùng bà cũng đồng ý. Hôm sau ông chồng ra đi, đến nơi anh trình ý kiến với ông phú hộ. Ông trả lời :

– Nhà tôi công việc nhiều, muón thêm mấy người làm nữa cũng được, nhưng tôi muón không đắt giá lắm, mỗi năm 6 đồng bạc. Tùy chú muón lãnh mấy năm thì lãnh, cứ lấy tiền về thanh toán nợ nần đi, kỳ hạn 7 ngày chú phải trở lại đây làm.

Anh nhà nghèo xin lãnh số tiền ba năm là 18đ, 00. Ông phú hộ cầm anh ở lại dùng bữa cơm chiều rồi mới về. Khi về gần tới đầu làng, trời tối, thêm gặp đám mưa thật lớn, nên anh ghé vào một ngôi chùa hỏi đựt nhờ. Bấy giờ vị Sư trụ trì đã vô liêu đóng cửa nghỉ, chùa thì bị hư dột ướt tít tung, chỉ thấy còn

chỗ dưới chánh điện là khô, nên anh lấy chiếc chiếu cúng trải nằm khoanh tại đó mà ngủ.

Khuya lại, nhà Sư thức dậy công phu, anh nhà nghèo cũng thức và bước đến xin lỗi nhà Sư về việc đứt mua đầu hôm tới giờ chưa xin phép.

Sư rất hoan hỉ thông cảm. Công phu xong, Sư nấu nước mời anh hãy dùng trà cho ấm bụng rồi sẽ về. Sư hỏi thăm duyên do?... anh nhà nghèo nói hết tình cảnh của mình, rồi bạch hỏi Sư :

- Sao chùa này hư rách hết mà Sư không tu bổ?

- Ở đây ít Phật tử quá mà cũng chưa ai phát tâm, nên đành chịt u vậy...

- Vậy tôi xin hiến 12 đồng bạc để Sư mua lá lợp chùa lại. Còn 6 đồng tôi đem về cũng đủ trả nợ.

Nghe anh nói, nhà Sư rất cảm động, nhưng đã hiểu tình cảnh của anh nhà nghèo, nên đáp :

- Tôi không nỡ nhận số tiền này, vì gia đình ông đang nghèo túng, rất cần có tiền để xoay trở. Anh nhà nghèo nài nỉ đôi ba phen nhà Sư mới chịt u nhận. Sư hỏi tên họ và đem đến Tam Bảo cầu nguyện cho anh. Được sư

nhận, anh rất mừng, bái sư một bái, từ giã ra về.

Hôm sau Sư mượn người mua lá lợp chùa, Sư không quên làm bảng ghi công hỷ cúng của anh để làm kỷ niệm. Còn anh nhà nghèo đem 6 đồng bạc về trả nợ và nói cho vợ hay việc anh đã làm, bà thấy chồng mình làm được việc từ thiện nên cũng vui vẻ an tâm. Sau 7 ngày anh từ giã vợ lên đường đi ở đợ..

Công việc êm sông, mãi ba năm ông phú hộ thấy anh nhà nghèo rất hiền từ chất phác, nên tặng thêm cho anh một số tiền gạo, quà bánh để anh về sum họp gia đình. Cuộc hạnh phúc chẳng bao lâu, kể anh bị phong ghê quá nặng, vợ lo chạy chữa thuốc thang... thời gian tiền bạc hết sạch, bệnh tình có giảm, nhưng anh phải mang bệnh cùi, không còn làm gì được. Thấy bà vợ chịu cực khổ với mình quá nhiều, nên anh kêu vợ nói : – bà rán lo cho tôi chiếc xường nhỏ để tôi bơi đi xin ăn, chớ ngồi một chỗ báo cô bác hoài tội nghiệp ! Nghe chồng nói, bà vợ xúc động rơi nước mắt... rồi cũng chạy mượn tiền mua sắm đủ phương tiện cho chồng. Tưởng việc đã yên, không ngờ cảnh phủ phàng lại tới tấp, chỉ 7 ngày sau có người quen đến báo tin : tôi gặp xác ông chồng cô chết trôi tấp vào bãi còn cách đây mấy dặm đường. Bà vợ liền mượn ít người

trong xóm đến nơi vót xác chồng đem về lo chôn cất, ngày đêm thương cảm khôn cùng và hằng cầu siêu cho chồng...

Bà hỏi tường cuộc sống trong gia đình vừa qua, chắc nghiệp tội của chồng mình nặng lắm mới chịu quả khổ dồn dập thế này, sức mình không thể cầu siêu nổi : phải nhờ một nhà Sư có đức hạnh cầu hộ mới mong kết quả. Bà hỏi thăm đến ngôi chùa ở cuối làng. Đến nơi bà vào lễ Phật rồi thỉnh nhà Sư đến cầu siêu cho chồng. Bà cũng kể rõ sự trạng của chồng cho Sư nghe, Sư liền hỏi tên họ để viết bài vị, khi nghe đến tên họ, Sư rất ngạc nhiên nói :

– Chính chồng bà trước đây có giúp số tiền cho tôi lập ngôi chùa này. Bao nhiêu công cán trong ba năm ở đợ, cộng với gia đình đang nghèo túng mà ông làm được việc bố thí thật là hy hữu. Thế mà tai nạn cứ dồn dập đến như vậy làm cho tôi rất khó nghĩ. Thôi bà về trước, chiều nay tôi sẽ đến.

Trên đường đi, Sư nguyện thầm với Đức Phật làm sao giúp cho con cởi mở mỗi hoài nghi này... từ đó, không lúc nào Sư không nghĩ đến chuyện anh nhà nghèo. Suốt ba đêm Sư thành tâm khẩn nguyện, hồi hướng hết công đức của mình cho vong linh anh nhà nghèo được siêu thoát. Đêm thứ ba Sư đang

ngủ, bỗng chiêm bao thấy Đức Phật dắt anh nhà nghèo đến đứng bên giường, kêu Sư nói :

– Nhà Sư đừng thắc mắc nữa, theo nghiệp tội tiền kiếp của người nhà nghèo này phải trả quả luôn ba kiếp mới hết :

– Một kiếp nghèo khổ suốt đời.

– Một kiếp phải mang bị nh cùi.

– Một kiếp chi u nghèo nàn và chết trôi sông.

– Song vì vợ chồng biết lo tu thân làm lành, lánh dữ và tạo được việc phước điền, nên thay vì phải quả đũ ba kiếp, nay chỉ trả đòn có mấy tháng là xong. Đây là cuộc nhồi quả, người nhà nghèo đã được siêu thoát theo ta về cảnh Phật từ hôm bỏ xác tới nay !

Trong giờ phút ấy, bà vợ anh nhà nghèo cũng nằm mộng thấy chồng về báo tin như vậy... Bà vui mừng thao thức không ngủ được, nên dậy sớm nấu nước sẵn, chờ Sư thức dậy bà bung nước lên mời Sư dùng. Rồi bà thuật rõ điềm chiêm bao cho Sư nghe. Nhà Sư bình tĩnh nói :

– Tôi cũng chiêm bao thấy y như vậy, cũng trong một giờ mà hai người đều thấy giống nhau, quả đây là “thần mộng”. Cô nên tin tưởng và từ đây hãy tinh tấn làm lành niệm

Phật để sau này được về cõi Phật như chồng cô.

Đức Thầy kể câu chuyện đến đây, Ngài nhìn ông Hai Huệ bảo :

– Đời sống tu hành của ông cũng như mọi người hôm nay, dầu gánh chịu nhiều gian lao khổ nạn chúng ta cũng đừng nản lòng thối chí, hãy xem đây là bị nhồi quả vậy thôi ! Theo định luật, một khi nợ xấu ác trả xong thì quả phúc lành sẽ đến, không hề sai chạy.

Câu chuyện trên giúp chúng ta vững niềm tin nơi luật nhân quả. Hiểu rằng kiếp sống của mỗi chúng ta thường hay gặp những nghiệp duyên chướng ngại : nạn tai, bệnh tật hoặc kém thiếu hơn người. Tất cả đều do nghiệp nhân xấu ác của mình đã gây tạo từ kiếp trước hoặc nhiều kiếp trước nữa, giờ đây chính là ngày kết quả của nó. Đức Thầy đã bảo :

*“Thầy thương đệ tử ngăn ngo sầu,
Vẫn biết công phu con dãi dầu.
Nhưng nỗi tiền khiến gây làm nợ,
Đời này trả dứt mới mong cầu”.*

Thế thì ta phải chấp nhận, vui lòng chịu trả, và tự nguyện từ đây không gây tạo thêm nữa. Đồng thời, quyết tâm lo vun trồng các nhân tốt lành khác, tức nhiên :

“Quả dữ trả rồi nhân thiện đến,”

Và : *“phải bền lòng mới rảnh trần ai.”*

Trong một đoạn khác Đức Thầy đã khuyên :

*“Trả cho rồi nợ tiền khiên,
Đến ngày hiệp mặt kiếng tiền vui vầy.”*

Hoặc là :

*“Tu đền nợ thế cho rồi,
Thì sau mới được đứng ngòi tòa sen.”*

46 – BUNG LẠI KHUẤY BUNG

*“Cũng BUNG sao LẠI KHUẤY BUNG?
Một bầu ngờ gác cội tùng còn xa.”*

(Thu Đã Cuối)

Thành ngữ “Bung lại khuấy bung” có nghĩa đồng loại nở hại nhau. Ở đây chỉ người Việt Nam trở lại hại người Việt Nam, thử đọc câu chuyện sau đây :

Thời xa xưa về trước, thuở các loài vật còn biết nói tiếng người. Bấy giờ có một con Hồ tinh, tánh tình hiền hậu vui vẻ, thường chơi thân với loài người.

Hôm nọ có số bạn bè tổ chức tiệc rượu, mời tân khách đông đủ, trong số đó cũng có mặt Hồ tinh. Họ đồng giao ước với nhau : ai sợ vật gì phải kể ra. Nếu trình bày không đúng lý, sẽ bị phạt một chén rượu lớn. Các tân khách bắt đầu từng người, đứng lên kể.

– Người thứ nhất trình bày : sợ người học giỏi, người kể đó lại sợ kẻ giàu sang, rồi lần lượt sợ quan to, sợ người nịnh giỏi : nào sợ người khiêm tốn, sợ kẻ lễ phép câu nệ, sợ người thận trọng ít nói v.v...

Sau cùng Hồ tinh đứng lên nói :

– Tôi sợ Hồ tinh là hơn hết !

Ai nấy đồng cười rộ, bảo rằng : Người ta sợ Hồ tinh mới phải, tại sao Hồ tinh lại sợ Hồ tinh?

Vậy người phải chịu phạt một chén rượu lớn !

Hồ tinh liền đứng lên tươi cười biện lẽ :

– Muôn vật sống trong trời đất, chỉ có đồng loại với nhau mới là đáng sợ mà thôi. Như con cùng một cha mới tranh giành tài sản, gái cùng một chồng mới ghen tương hãm hại lẫn nhau : kẻ làm quan đồng một triều mới hay tranh quyền tước với nhau. Kẻ tranh lợi nhau là vì buôn bán chung một món hàng.

Bức nhau thì làm trở ngại nhau, làm trở ngại nhau là khuynh loát lẫn nhau.

Thế cũng chưa hết, người ta muốn bắt con trĩ, phải dùng trĩ làm mồi, không thể dùng gà hay ngỗng được. Săn Hươu phải dùng Hươu làm mồi... Phàm những việc phản gián đều phải dùng đồng loại.

Cứ thế mà suy thì tài nào mà Hồ tinh chúng tôi chẳng sợ Hồ tinh cho được ! Chắc các ông cũng đồng công nhận chứ !

Hồ tinh nói dứt lời, toàn thể cử tọa đều vỗ tay khen ngợi ý kiến của Hồ tinh là thâm thúy. ⁽⁵⁴⁾

Dùng thành ngữ “Bung lại khuấy bung”, Đức Thầy có ngụ ý chỉ cho đời hiện tại (Pháp thuộc) có số người Việt dua nịnh, làm việc theo Pháp. Hễ thấy trong đồng bào, ai có lòng yêu dân mến nước thì họ chỉ cho người Pháp bắt đem tù đày hoặc giết hại. Cũng như trường hợp Đức Thầy trong hiện tình. Ngài khai Đạo độ đời chưa đầy một năm (18 - 5 Kỷ Mão tới 15 - 4 Canh Thìn 1940) thì toa rập với người Pháp bắt Đức Thầy lưu đày

⁵⁴ Dẫn theo Cổ Học Tinh Hoa.

nhieu nơi, làm cho tó Thầy xa cách. Cuối cùng họ quản thúc Ngài tại nhà thương Chợ Quán để tìm cách ám hại. Thời gian ở đây Ngài có sáng tác bài “Thu Đã Cuối” mà trong đó có hai câu giãng nêu trên :

“Cũng bung sao lại khuấy bung,
Một bầu ngợ ngác cội tùng còn xa.”

.
. .

47 – KÉO VÀO QUAN

*“Biết được trần là mộng huyền,
Tử thần sửa soạn KÉO VÀO QUAN.”*

(Tinh Bạ Trần Gian)

Kiếp sống của con người trong cõi trần quá mỏng manh ngắn ngủi, thế mà nhiều người vẫn sống say chết ngủ, đua đòi theo vật chất phù hoa, bị danh lợi tình cảm dổ, để rồi phải gánh chịu vô vàn đau khổ. Chùng tình lại sức đã già, tinh thần yếu kém, để rồi ai ai cũng phải vào quan tài và bị vùi sâu vào lòng đất lạnh :

*“Học thức giữ tên còn rách nát
Công danh rớt cuộc cái quan tài.” (CT)*

Thành ngữ xuất phát từ điển tích như sau :

Ngày xưa tại Huyện Ngô, Tỉnh Giang Tô (TH), có ngôi chùa, hiệu là Tô Châu. Sư trụ trì tên Viên Thủ Trung, đã tu hành lâu năm và được chứng Đạo.

Bình nhật nhà Sư thường bày trên án một cái quan tài nhỏ bằng gỗ Bạch Đàn, dài độ 3 tấc, có nắp đậy mở được. Hôm nọ có ông khách đến viếng chùa, thấy vậy liền cười hỏi :

– Nhà Sư chế ra cái này dùng để làm gì?

Sư ôn tồn đáp :

– Con người có sống tất có chết, khi chết rồi phải vào ngay cái này. Tôi thật thấy làm lạ, người đời ai cũng chỉ biết lo sao mình chóng đạt phú quý, công danh, tài sắc... Bao nhiêu thị hiếu, lo buồn chi phối, thân tâm phải vất vả suốt đời, chẳng nghĩ đến cái chết là gì.

Như tôi đây mỗi khi có việc không như ý, tôi liền cầm lấy cái này mà ngắm, tức khắc tâm được yên ổn và muôn nghìn tư lự, buồn phiền đều tiêu tan sạch như hư không.

Cái quan tài nhỏ đầy đủ thay cho lời giáo huấn và giới răn của bậc nghiêm Sư. Chính nó là một tấm gương sáng, một bài học quý giá, được để ngay trước mặt, hai bên để nhắc nhở chúng ta vậy ! ⁽⁵⁵⁾

Thay vì nhận xét câu chuyện, chúng ta thử chiêm nghiệm thêm hai bài thi trong 10 bài “Tĩnh Bạ Trần Gian” của Đức Huỳnh Giáo Chủ :

“Phong lưu nào phải gọi người ngoan,
Sa ngã biển nên kẻ khốn nàn.

⁵⁵Dẫn theo Cổ Học Tinh Hoa.

Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
 Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang.
 Tuổi già thân yếu đa sầu cảm,
 Tóc bạc mình ve lấm rợn ràng.
 Biết được trần gian là mộng huyễn,
 Từ thân sửa soạn kéo vào quan.
 Kéo vào quan quách biết bao người,
 Cảnh sống sum vầy phỏng mấy mươi?
 Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
 Nhiều khi vụng vầy khóc pha cười.
 Tuồng đời chuốt ngót cho xong tiếng,
 Cuộc thế trau giồi mượn tác hơi.
 Nín thở nằm ngay không chựa quậy
 Xót thương con trẻ khóc đòi lời".

48 – TRỒNG HUÊ

“Biết lo sửa kiếng TRỒNG HUÊ,
 Thơm tho gia trụ danh đề Tổ Tông.”
 (Từ Giã Làng Nhơn Nghĩa)

– Trồng Huê, cũng gọi là trồng hoa kiếng. Đây là lối văn ẩn dụ để chỉ cho cái kết quả của người thật tâm tu niệm sẽ được vinh tông diệu tổ và sách sử ghi biên, như câu : “Lập thân hành Đạo dương danh ư hậu thế, Dĩ hiển

kỳ phụ mẫu, hiếu chí chung dã”⁽⁵⁶⁾ trong sách Thánh.

– Đức Thầy hằng khuyên dạy : “Nên nhớ rằng, Đức Phật sẽ điu dắt và ủng hộ những kẻ nào làm ăn chơn thật, hiền lành, đúng theo giáo lý của Ngài”. Và :

“Khuyên nhơn sanh lấy lễ chí công,
Mà ăn ở nói năng chơn chất.”

Các bạn thử đọc thêm câu chuyện :

– Thời xa xưa về trước có vị quốc Vương đang thống trị một Quốc độ, rất thanh bình an lạc, dân chúng đều chung hưởng cảnh trù phú vui tươi. Riêng Vua và Hoàng Hậu lại có một việc âu lo, vì ông bà tuổi đã khá cao mà chưa có đứa con nào để nối nghiệp.

– Vua tự xét : chắc mình kém tu, thiếu phước mới gặp cảnh ngộ như vậy, nên từ đó Vua và Hoàng Hậu lo tu nhân tích đức, thường bố thí, phóng sanh và đến các chùa lễ bái cầu tự. Qua thời gian dài chờ đợi cũng chưa thấy kết quả gì. Hôm nọ, vua nghĩ ra cách khác : “quyết định chọn một cậu bé con

⁵⁶ Đem thân tâm thì hành việc Đạo lý, tên để đời sau, rạng danh ông bà cha mẹ, ấy cái hiếu sau vậy.

của thần dân trong nước đem nuôi dưỡng. Ngài liền ra yết thị khắp nước : “Không phân biệt con của quan quân hay thường dân, ai có con trai từ 7 tới 12 tuổi đều được đem đến triều đình cho vua và Hoàng Hậu tuyển chọn.”

– Giữa trào nội, Vua trao cho mỗi cậu bé một ít hạt giống hoa, bảo hãy đem về trồng và vun quén cho đến khi nào hoa trở bông thì mang đến dự thi. Vua cũng ấn định cuộc khảo thí sau đó 3 tháng, vào đêm rằm Trung Thu. Nếu chậu hoa nào trở tươi tốt nhất thì cậu bé đó sẽ được vào cung làm Thái Tử để sau nối ngôi Vua”.

– Đúng đêm Trung thu, trăng sáng tỏ, nơi vườn ngự uyển của Vua đây đây các loại hoa, đủ màu sắc rực rỡ. Mỗi cậu bé đều ăn mặc tươm tất, đứng chực kể chậu hoa của mình, lòng tràn ngập nỗi vui mừng, nhưng cũng hơi hồi hộp. Vua, Hoàng Hậu và các quan cận thần xem lược qua các chậu hoa vô cùng khen ngợi, nhưng chưa có chậu nào Vua ưng ý nhất.

– Cuối cùng có một cậu bé khoảng 8 tuổi, mặc y phục tầm thường gương mặt trông dễ thương. Hai tay cậu khệ nệ bưng cái chậu đi vào; nhìn trong đó có phân đất, chớ chẳng thấy cây hoa nào cả, ai nấy đều cười rộ. Bấy giờ cậu bé quì xuống trước mặt Vua, nước mắt chảy xuống đôi má, tức cười nói :

– Muôn tâu Bệ Hạ ! Con đã cố gắng hết sức mình, lựa đất thật tốt, phân thật hoai trộn lại mới đặt hạt giống hoa vào, phơi sương, ủ nắng và tưới nước đều đặn; cho đến nay nó vẫn chưa nứt mầm tọc gì cả !

– Lắng nghe cậu bé trình bày đến đây, nhà vua không dấu được sự xúc động, Ngài liền bước xuống ngai vàng ôm chầm cậu bé vào lòng reo mừng :

– Ôi ! Con là đóa hoa trung thực, chính đây là vị hoàng tử mà ta và cả thần dân đang mong đợi.

– Lúc đó, những người có mặt đều kinh ngạc, bất bình. Vua hiểu ý, liền quay ra vuốt râu mỉm cười, giải thích :

– Các người nên biết, những hạt giống hoa trước kia, trẫm đã luộc chín hết, rồi mới trao cho các thí sinh. Cho nên nó có thể trở ra một đóa hoa vô hình và chon thật như thế này, chớ đâu có nứt mầm được. Còn các đóa hoa tươi đẹp kia hẳn đã bị người ta thay vào hạt giống khác để dối trẫm.

– Nói đến đây, Đức Vua chỉ cái chậu đất của cậu bé, nói tiếp : – Giống hoa trẫm đã ban cho các thí sinh trẻ tuổi trước kia, chỉ được trở hoa trong cái chậu này. Người trồng

được đóa hoa chân thật này sẽ là vị Minh Quân để kế nghiệp trăm, trị vì đất nước.⁽⁵⁷⁾

Đọc qua câu chuyện chắc ai cũng thấy lòng chân thực rất có giá trị trong mặt xử thế dù đời hay Đạo. Cho nên Đức Thầy hằng khuyên môn đồ : “Phải cần kiểm soát sống lo làm ăn và lo tu hiền chơn chất”. Ngược lại, kẻ đã tu hành mà còn dối mình, tức dối Thánh, Thần, Trời, Phật thì làm người cũng chưa hẳn được, mong gì đi đến kết quả Phật Tiên. Đức Thầy cảnh tỉnh :

*“Chớ giả dối mà mang sắc áo,
Mượn bồ đề chuỗi hạt loè người.
Làm cho dân khinh để ngạo cười,
Tội lỗi ấy luật nào dung thứ.”*

Và :

*“Tu thật tâm thì được thanh thoi,
Tu giả dối thì lao thì lý”*

49 – ĐỐI TƯ TƯỢNG

⁵⁷ Theo truyện cổ Phật Giáo

*“Sự đầu tiên của người hành Đạo là
cốt sửa những tư tưởng, tìm cách
đánh*

*đổi tư tưởng xấu xa, đem THAY VÀO
những TƯ TƯỞNG ôn hòa, đạo đức.”*

(Trong việc Tu Thân Xử Kỳ)

Thay đổi tư tưởng là pháp tu chuyển đổi từ tà tư duy ra “chánh tư duy”. Một khi tư tưởng hoàn toàn trong sạch chân chánh, hành giả sẽ chứng quả A La Hán, ra khỏi sanh tử.

Thuở Đức Phật còn trụ thế, tại nước Xá Vệ có gia đình cư sĩ nọ, vốn là một thí chủ trung kiên của Ngài Xá Lợi Phất. Có cậu con trai vừa lên 7 tuổi, tên Sukha, tánh tình rất thông minh hiền hậu.

Hôm họ, Sukha xin với cha mẹ để được theo tu học với Thầy Xá Lợi Phất. Cha mẹ cậu rất vui mừng thuận ý.

Sau khi xuất gia làm Sa di được 7 ngày, Thầy Xá Lợi Phất bảo Sukha : “hôm nay trò ôn bình bát theo ta vào thành khất thực”.

Trên đường vào thành, Sa di thấy nước chảy theo một con mương, liền hỏi :

– Bạch Thầy ! Đó là cái gì?

Thầy Xá Lợi Phất đáp :

- Đó là cái muông do người ta đào.
- Người ta đào muông để chi vậy, bạch Thầy?
- Để dẫn nước đi từ chỗ này đến chỗ kia, nơi nào đất khô thì dẫn nước vào làm ruộng.
- Nhưng, bạch Thầy nước có trí khôn chăng?
- Này con ! Nước không có trí khôn !
- Bạch Thầy, nước không có trí khôn mà người ta có thể điều khiển nó theo ý muốn được sao?
- Được, này con, đúng như vậy !

Sa di Sukha tự nghĩ : “nếu người ta có thể điều khiển dòng nước là vật vô tri, đi từ chỗ này tới chỗ khác theo ý muốn. Tại sao người ta không thể điều khiển được tư tưởng của chính mình, hay tự kiểm soát tâm ý mình và hướng dẫn nó theo ý muốn để thành đạt Đạo quả A La Hán”.

Đi một đôi nữa, chú Sa di thấy một nhóm thợ đang chuốt tên, họ hơ cây tên trên lửa, tay nắn uốn và đưa lên mắt nhắm nhắm... Rồi tiếp tục uốn nữa. Sa di lấy làm lạ, hỏi nữa :

- Bạch Thầy họ đang làm gì đó?
- Đó là những người thợ chuốt tên, họ đang hơ cây tên trên lửa để uốn nắn cho tên ngay thẳng.

– Những cây tên ấy có trí khôn chẳng?

– Này con, cung tên là vật vô tri, vô giác không có trí khôn. Sukha thầm nghĩ : “Nếu người ta có thể hơ lửa uốn nắn một cây tên không có trí khôn làm cho nó ngay thẳng theo ý muốn. Tại sao các nhà tu có đủ trí khôn lại không chuyển đổi uốn sửa trí khôn của mình theo ý muốn để thành đạt Đạo quả A La Hán?”

Đi thêm một đoạn đường nữa, bỗng gặp một toán thợ đóng xe. Người chuốt cầm, kẻ đẽo niên, người thì đục lỗ v.v... Sukha cũng hỏi Thầy như hai câu chuyện trước. Thầy Xá Lợi Phất cũng trả lời như vậy...

Tư tưởng sau cùng của Sa di Sukha : “nếu người dùng những khúc gỗ không có trí khôn để làm thành các bộ phận của một chiếc xe. Tại sao có đầy đủ trí khôn như ta lại không thể kiểm soát và chuyển hóa tư tưởng để được chứng A La Hán?”

Chú liền bạch với Thầy :

– Nhờ Thầy khất thực luôn giùm con để con trở về Tịnh Thất kiểm đổi tư tưởng. Chú Sa di bước vào Thất đóng cửa ngồi tịnh tọa, tập trung tâm trí thanh lọc sạch hết tư tưởng vạy tà. Chỉ mấy tiếng đồng hồ công phu mà tâm trí chú tiểu Sukha hoàn toàn thanh lặng.

Bấy giờ Phật đang ngồi nơi Tịnh Xá biết rõ, đúng giờ ngộ Sukha sẽ thành Đạo, nên Ngài dùng hóa thân đón đường Xá Lợi Phất hỏi thăm một vài việc; khiến ông chậm lại đôi phút để Sukha kịp giờ, rồi Phật mới để cho Xá Lợi Phất mang trai phạn về, Thầy trò gặp nhau và vui vẻ trong bữa cơm chúng Đạo.

Việc chú tiểu Sukha mới 7 tuổi xuất gia và chỉ hành Đạo có một buổi mai mà được chúng quả, ai cũng hay biết, chư Tăng cùng nhau tán thán, bàn luận xôn xao. Thầy Xá Lợi Phất đến trước lễ Phật và hỏi duyên do? Nhân đó Đức Phật nhắc lại quảng đời tiền kiếp của Sukha cho đại chúng nghe :

Thời xa xưa về trước có một chàng nông dân nghèo, tên là Ba Ta Batica. Hôm nọ, anh đến một đô thị để thăm người bạn. Ông bạn hỏi :

– Từ trước tới giờ anh có từng thấy người nào dùng một bữa ăn cực kỳ sang trọng, đến đâu có hàng ngàn người đến xem chưa?

– Chưa ạ ! Thưa anh !

– Tại đô thị này có ông quan giữ kho cho vua, giàu có nhất vùng, cứ 7 ngày là ông dùng một bữa sang trọng. Đối diện với bàn ăn của ông là một nhà khách để chứa hàng ngàn người xem ông ta dùng bữa. Mai này là tới

ngày ăn sang của ông. Vậy anh hãy ở nán lại xem một lần cho biết !

Anh nông dân nghe nói động tánh hiếu kỳ nên bằng lòng ở lại. Sáng hôm sau, anh cùng đến ngay vị trí, thấy hai nữ hầu đưa Trường giả ngồi trên ghế bành trước một bàn ăn. Trên mâm com đủ các món trân hào hải vị v.v... Ai nấy đều trầm trồ khen tặng !

Khi ông Trường giả dùng com xong, anh nông dân không về lại đi thẳng tới xin gặp ông và nói :

– Tôi muốn được một bữa com như ông vừa dùng. Vậy phải trả giá bao nhiêu?

Ông Trường giả nhìn anh nông dân rồi đáp :

– Anh có thể làm công cho tôi mãi 3 năm, tôi sẽ trả anh một bữa ăn đầy đủ như thế. Anh nông dân bằng lòng với lời giao kết. Anh nhờ người bạn nhắn tin giùm về nhà, còn anh thì bắt đầu làm việc.

Thời gian thấm thoát đã đúng ba năm. Sáng hôm ấy, Trường giả ra lệnh cho các tùy nữ đưa anh nông dân đi tắm rửa, rồi thay cho anh một bộ đồ thật sang đẹp, có tấm dầu thơm ngào ngạt. Kế đến, anh được đưa ngồi trên ghế giữa như ông Trường giả ngồi mọi lần. Các thức ăn lần lượt được dọn ra và ban ca

nhạc chuẩn bị hòa tấu giúp vui cho anh dùng bữa.

Cái tin anh nông dân nghèo, ở độ ba năm chỉ đổi lấy một bữa ăn sang cả ai cũng hay biết, nên dân chúng tứ phương kéo đến xem còn đông hơn mấy lần trước. Anh đang ngồi ngay ghế giữa hướng về phía trước hội trường, để nghe những lời hoan hô chúc tụng, vang rền luôn mấy phút. Bỗng thấy một vị Sa môn ôm bình bát từ từ đi qua, với dáng vẻ trang nghiêm, gương mặt sáng sủa lộ đầy nét nhân ái từ hòa, tư tưởng anh khởi lên sự kính mộ. Anh liền rời ghế ngồi, bước ra quì trước mặt vị Sa Môn. ⁽⁵⁸⁾

– Bạch Ngài ! Con xin Ngài chấp nhận vào đây, để con cúng dường Ngài bữa ăn ngon lành hầu con có dịp kết duyên lành với Tam Bảo và nguyện đời đời kiếp kiếp luôn gặp Phật Pháp để tu hành giải thoát sanh tử. Đoạn rời anh thỉnh vị Sa môn ngồi ngay ghế giữa còn anh thì đứng hầu một bên và từ từ gắp các thức ăn để vào bát cho vị Sa môn dùng.

Này giờ ông Trưởng giả đứng theo dõi anh nông dân, dâng thức ăn cho Ngài Sa môn, lòng ông kính thương anh vô hạn ! Khi vị Sa

⁵⁸ Đây là vị Độc Giác Phật.

môn đi rồi, Trưởng giả mở tiệc khác đãi anh nông dân và nhận anh làm em kết nghĩa. Ông còn chia gia tài cho anh nông dân, khiến anh trở nên giàu có.

Mấy ngày sau, vua nghe được tin liền cho vời anh nông dân về trào khen ngợi : “Anh sẵn sàng đem một bữa ăn trị giá 3 năm ở muôn, cúng dường cho một nhà Tu, thật việc này ít ai làm được. Vậy trăm thưởng cho anh một ngàn đồng tiền vàng, để bù đắp lại tấm lòng thiện hảo ấy.”

Kể đến đây, Phật kêu Xá Lợi Phất và đại chúng nói tiếp :

“Do các duyên ấy anh nông dân Ba Ta sau khi chết linh hồn được sanh lên cõi trời hưởng phúc lạc đầy đủ. Nay anh lại tái sanh xuống đây gặp Xá Lợi Phất và Ta để hoàn thành Đạo giải thoát”. Cho nên khi mới lên 7 tuổi là xuất gia tu hành và chỉ thiền định chuyển hóa tư tưởng trong một buổi mà được thành quả A La Hán.

Đọc câu chuyện bé Sukha, thấy rằng tư tưởng là phần quan trọng của mỗi hành giả. Trước kia từ tư tưởng tham, sân, si tức là tạo nghiệp rồi sanh tử luân hồi làm chúng sanh.

“Gây ra lắm nợ phong trần,

Luân hồi sáu nẻo khôn lần bước ra.”

Giờ đây nếu nhà tu biết đem tư tưởng tốt lành Đạo đức đổi hết tư tưởng xấu ác ra, tức chúng sanh trở thành Phật Thánh và giải thoát an vui.

Chuyện cậu bé Sukha quả là một tấm gương sáng chói cho người sau noi dấu. Chúng ta là môn đồ của nhà Phật há chẳng học đòi ư?

.
. . .

50 – THÀNH TÂM

*“Tây Phương tuy ở cõi xa,
THÀNH TÂM thì có Phật mà đáo lai.”*
(Sám Giảng Q III)

Từ ngữ “Thành Tâm” là lòng thành tha thiết, là tập trung hết tư tưởng vào một (nhứt tâm) niệm Phật hoặc cầu nguyện một cách chí thành chí thiết thì việc chi ắt cũng nên. Đức Thầy từng dạy : “Khi cầu khi nguyện chuyện gì thành tâm”.

Vấn đề thành tâm xưa nay xuất phát từ nhiều điển tích, đây xin kể lại câu chuyện :

Thuở Đức Thích Ca còn trụ thế, Ngài đang cư ngụ tại rừng tre gần thành Vương Xá. Bấy giờ ở phía Nam Kinh Thành, có một nhà Đại phú hào tên Phú Lô Na. Ông rất giàu lòng bố thí, thường giúp đỡ hạng cơ bản và hay cúng dường các nhà tu.

Hôm nọ có số bà con đến viếng, trong lúc trò chuyện họ có ca ngợi công đức của Phật và chúng Tăng. Hiện thời Vua Tần Bà Sa La và có cả trăm ngàn người đồng qui y theo Phật.

Trưởng giả nghe qua khởi lòng kính tin và vui mừng vô hạn. Ông lên nóc lầu đặt bàn hương án có đủ hương hoa tịn thủy rất thanh khiết, rồi quì gối hướng về nơi Đức Phật thành tâm khẩn nguyện : “Xin Đức Thế Tôn mở lòng Từ Bi chúng giám, Ngài và chư đệ tử thân hành đến đây để con trân trọng cúng dường”. Với sức thành tâm khẩn thiết ấy, cộng với thần lực của Phật khiến các cành hoa kết giăng phía trên chỗ Phật ngự thành một tràng hoa rực rỡ. Khói hương thì quyện thành một vùng mây năm màu tuyệt đẹp, còn nước đọng lại như một cột trụ lưu ly.

Thấy cảnh lạ A Nan chấp tay hỏi Phật :

– Bạch Đức Thế Tôn ! Lý do gì có hiện tượng như vậy?

– A Nan ơi ! Về phương Nam có một người là Bà La Môn tên là Phú Lô Na đang thành tâm khẩn thỉnh chúng ta. Vậy A Nan và Chư Tỳ Kheo chuẩn bị đi với ta.

Nói xong, Phật dùng thần thông cùng Chư đệ tử đến trước sân của Phú Lô Na. Ngài dạy tất cả đều ẩn mình không cho ai thấy, chỉ một mình Ngài ôm bình bát đứng tại cửa.

Bấy giờ Phú Lô Na thấy Phật đứng trang nghiêm, đủ 32 tướng hảo, 80 vẻ đẹp và một vòng hào quang sáng chói bao quanh. Ông rất vui mừng liền chạy ra quì xuống làm lễ cúng dường. Ông kêu người nhà bưng các thức ăn ngon lành mà ông đã chuẩn bị sẵn, rồi tự tay rót vào bát của Phật. Có điều lạ là ông rót thêm không hề chán nản. Còn Phật thì dụng thần thông chuyển thức ăn qua bát của 1.000 đệ tử đầy rồi mới tới bát của mình. Đến đó Phật mới cho các Tỳ Kheo lộ thân ra và chư thiên đồng hô to : bát của chư Tỳ Kheo đã đầy đủ thức ăn rồi !

Bấy giờ Phú Lô Na mới nhìn thấy chư Tỳ Kheo bưng bát đứng hàng hàng lớp lớp sau lưng Phật. Ông hết sức vui mừng, quì gối hun chân Phật và thỉnh nguyện từ đây con sẽ

cúng dường tứ sự⁽⁵⁹⁾ cho Phật và chư Tỳ Kheo trọn đủ 3 tháng. Phật hoan hỉ chấp nhận và hỏi :

– Ông làm Phật sự này mục đích hồi hướng về việc chi?

Phú Lô Na bạch :

– Với sự thành tâm và phát nguyện tha thiết cúng dường hôm nay, con xin hồi hướng về nơi Phật quả để dẫn độ chúng sanh giải thoát sanh tử luân hồi.

Phật hoan hỉ mỉm cười và thọ ký trước đại chúng : “sau này Phú Lô Na sẽ thành Phật hiệu là Purna eradra”. Có nghĩa là đầy đủ diệu hiền và thông minh.

Chuyện trên giúp ta thấy được sự màu nhiệm của lòng thành khẩn thiết tha đến ngàn nào ! Cho nên trong giới tu hành, nếu thiếu lòng thành thì chẳng đi tới đâu. Bằng có được nó thì dầu quả vị Phật Thánh nào cũng đạt tới một cách dễ dàng. Bởi thế, Đức Thầy hằng khuyên :

“Ở đâu cũng Phật cũng Trời,

⁵⁹ Thức ăn, thức uống, y phục, dụng cụ nghỉ ngơi.

*Tâm thành cầu nguyện xem đời khó
chí.”*

Hoặc là : *“Thành lòng nước lã nên hồ,
Hữu tâm chí đức cam lồ Phật ban.”*

51 – TẢO TRỪ

*“Phá ngũ uẩn rút làn tham ái,
Cột sân si cũng phải TẢO TRỪ,
Đem về giác tánh chơn như,
Kim thân thị hiện dứt trừ tử sanh.”*

(Cho Cờ Tàu Hảo)

Chữ “Tảo trừ” là quét dọn trừ sạch trần cấu (bụi bậm). Ở đây có ý dạy dùng cây chổi pháp vô hình quét sạch tham, sân, si. Vì ba món ấy là ba thứ trong ngũ uẩn, thường che đậy chân tánh và nó cũng là tam độc cội gốc phiền não : nó hay sanh ra 8 vạn 4 ngàn trần lao phiền não khác. “Tảo trừ” xuất phát từ hai chữ “Tảo chửu” tức là chổi quét mà xưa kia Đức Phật đã truyền dạy ông Bàn Đạc Ca Tôn Giả.

Kinh Di Đà Sớ Sao có chép :

– Bấy giờ tại nước Xá Vệ có Thầy Tỳ Kheo, tên là Bàn Đạc. Vì tối dạ quá nên sau khi xuất gia theo Phật, ông học hoài mà không nhớ

câu kinh nào hết. Phật giao cho 500 vị A la Hán, cứ thay phiên nhau, mỗi ngày hai vị, dạy ông một bài kệ bốn câu, gồm 20 chữ :

“Cần tảo già lam đại,
 Thời thời phước huệ sanh,
 Tuy vô tâm khách chí,
 Diệc hữu Thánh nhơn hành”

(Siêng quét đất vườn chùa, Giờ sanh phước huệ. Tuy không tâm khách đến, cũng có thánh nhơn đi)

– Suốt ba năm như vậy, ông cũng chưa thuộc câu nào. Anh của ông là Tỳ kheo Châu Lợi kêu ông quả trách : “Người ta xuất gia tu hành ai cũng thuộc một ít bài kinh để tụng niệm. Còn em đã 3 năm rồi mà học chẳng thuộc câu nào hết, tốt hơn huòn tục cho rồi”. Bàn Đặc quá buồn khổ, nên đứng dựa cửa Kỳ Hoàn mà khóc ! Phật trông thấy kêu hỏi :

– Vì sao ông lại khóc?

Bàn Đặc thưa :

– Bạch Đức Thế Tôn, 500 vị A La Hán chán dạy, vì con quá tối dạ, nay anh con cũng quả hầy huòn tục cho rồi. Song con nghĩ : nếu con về nhà thì làm sao hằng ngày thấy được Đức Thế Tôn để chiêm ngưỡng, con không thể xa Ngài đặng.

Phật an ủi :

– Thôi đừng khóc nữa ! Hãy theo Ta về Tịnh Xá. Đến nơi Phật trao cho cây chổi và dạy ông vừa quét vừa học hai chữ “chổi quét” thôi ! Thế nà hể ông học nhớ được chữ quét lại quên mất chữ chổi, suốt cả mấy ngày như vậy. Đến chùng Phật quán biết ông sắp hết chướng nghiệp mới kêu lại mà khai ngộ :

– Này Bàn Đặc ! Hai chữ chổi quét nó cao cả sự lẫn lộn. Về sự : dùng cây chổi hữu hình quét sạch bụi rác trong Tịnh Xá và ngoài sân để trông mát khỏe cho Ta lẫn người. Còn về lý : dùng cây chổi pháp vô hình để quét sạch trần cấu phiền não nơi tâm địa của mình, chớ có khó gì đâu mà không nhớ !

– Phật nói dứt lời, ông Bàn Đặc sạch hết chướng nghiệp, hốt nhiên tỏ ngộ, chúng A La Hán và có đủ 6 phép thần thông.

– Bấy giờ bên phái Tỳ Kheo Ni có Tịnh xá riêng. Phật phân công mỗi một vị Tỳ kheo đã chứng quả A La Hán, đến đó thuyết Kinh giáo giới cho chúng Tỳ kheo Ni nghe.

– Ngày nọ, bên Tịnh Xá Tỳ kheo Ni được tin hôm nay tới phiên ông Bàn Đặc đến đây giáo giới, nên quý bà quý cô đều ngơ ngác tự hỏi : “Huynh ấy tối dốt tận mạng làm sao giáo giới cho được? Họạ chẳng là Huynh mượn sự huynh của huynh thế cho.” Ai nấy còn

đương bàn tán, bỗng nghe tiếng tích trượng reo ngoài cổng, mọi người nhìn ra đồng nói :

- Huynh thiệt, đúng rồi ! Bà nào cũng xăm xì và cười khúc khích, có ý dễ người; nhưng vì kỷ luật bắt buộc, các tỳ Kheo ni phải ra tiếp rước và kính thỉnh ông vào ngồi trên ghế cao. Tất cả đều làm lễ dâng cơm nước, rồi ngồi có thứ tự để chờ nghe pháp, nhưng bà nào cũng lấy tay áo chà sa che miệng vì không thể nín cười được.

- Ngồi trên Pháp tòa, Tỳ Kheo Bàn Đặc nghĩ thầm : “do đã lãnh hội lý được lý nghĩa hai chữ chổi quét mà Phật đã chứng truyền. Vậy các Đại Tỷ hãy để tâm yên lặng, nghe đệ giảng thử, coi có hợp với tinh thần giáo giới không?”

- Thưa các Đại Tỷ ! “Trong Giáo lý nhà Phật có rất nhiều phương pháp, người tu Phật tùy theo trình độ mà học hỏi trì hành, nhưng điểm cốt yếu là làm thế nào quét sạch bụi trần, cũng như đào thải cho hết phiền não. Nhứt là tẩy thanh những chướng ngại, như : lòng tự ý, kiêu căng, khinh mạn... để cho ba nghiệp thân, khẩu, ý trong sạch, sáu căn thanh tịnh như gương lau sạch bụi, tức được minh tâm kiến tánh, chứng quả vô lậu. Ấy là ý nghĩa của hai chữ chổi quét.”

“Vậy có thể nói cả 8 vạn 4 ngàn pháp môn không ngoài ý nghĩa hai chữ “chối quét” là vì nó cố diệu năng quét sạch 8 vạn 4 ngàn trần lao phiền não. Đó các Đại tử xét coi có phải thế không?”

– Tôn giả Bàn Đặc giảng vừa dứt, cả 500 Tỳ Kheo Ni đều tỉnh ngộ, phải sạch lòng khinh mạn, đủ niệm kính thành, đồng chúng quả A La Hán một lượt.

– Sau đó mấy hôm Vua Ba Tư Nặc thỉnh Phật và chúng Tăng vào cung thụ trai. Phật muốn phá lòng khinh mạn của quần chúng, nên trao bình bát của Ngài cho ông Bàn Đặc mang và bỏ đi sau hết. Phật khởi hành đi trước, kế đó là 1.250 Tỳ Kheo. Khi Phật và chúng Tăng tiến vào cửa thành, tới ông Bàn Đặc là người sau cùng, bị lính gác cửa cản lại không cho vào, họ chỉ trích ông :

– Chúng tôi là cư sĩ đây, dầu bận việc gia đình, quân chính, nhưng cũng học thuộc được một hai bài kinh để tụng niệm. Còn ông, đã là một Tỳ kheo xuất gia, với bài kệ chỉ có 4 câu, 20 chữ mà suốt ba năm ông không thuộc chữ nào, nên không đủ tài đức vào thụ trai của nhà Vua. Bàn Đặc Tôn Giả đành phải chụ u đứng tại cửa thành chờ đợi.

– Đến giờ trai đàn, Vua bưng thức ăn định nhót vào bát của Phật trước. Ông Bàn Đặc đứng

ngoài cửa thành, với cặp mắt thiên nhãn ông thấy biết rõ nên dụng thần thông với cánh tay dài đưa bình bát tới ngay trước mặt Vua và Phật. Vua ngạc nhiên bạch hỏi Phật :

– Phật liền giới thiệu và giải thích rõ việc của Bàn Đặc cho Vua cùng quần thần nghe. Vua vội sai nội quan ra thỉnh vị La Hán ấy vào. Cuộc thọ trai xong Vua quì xuống bạch hỏi Phật :

– Vì sao Tôn Giả Bàn Đặc tội dốt? Lại tu học thế mà được chứng quả như vậy?

– Phật hoan hỷ giải rõ từ tiền kiếp hiện kiếp của Tôn giả Bàn Đặc cho Vua và đại chúng nghe.

“Kiếp trước của Bàn Đặc cũng là một nhà tu, rất thông minh sáng suốt, thuộc lòng kinh điển. Chỉ vì có ý để một mình làm Thầy quần chúng, bèn sên không bố thí pháp cho ai, sợ mọi người hơn mình. Bởi lỗi làm (tiếc) Pháp đó, thành thử đời này bị quả báo tội dốt, nhưng nhờ có lòng nhiệt tình ham tu, kính Phật và quyết chí kiên nhẫn tu học không nản lòng, giải đãi. Nhờ đó tội chướng tiêu sạch và cuối cùng chỉ tu học hai chữ “chối quét” (Tảo chửu). Luôn ba ngày ông đã quét sạch phiền não, trí huệ phát khai, chứng quả A La Hán, đắc 6 pháp thần thông như thế đó...”

– Nghe Phật giảng xong Vua Ba Tư Nặc, quần thần và đại chúng đều hết lòng ca ngợi, kính tin đồng lễ bái Phật.

Nghe qua câu chuyện và đọc lại bốn câu giảng nêu trên, thấy rằng : xưa khi Phật dùng chữ “chối quét” dạy ông Bàn Đạc và chư Tỳ kheo. Thời nay Đức Thầy cũng dùng hai chữ “Tảo trừ” để dạy môn đồ, đồng lý nghĩa quét dọn và trừ sạch trần ai phiền não, nơi tâm tư của mỗi hành giả. Bởi vì ba món phiền não căn bản (tham, sân, si) ấy là gốc sanh ra 8 vạn 4 ngàn trần lao phiền não khác. Nếu nhà tu biết áp dụng phương cách “chối quét” hoặc “Tảo trừ” để dọn sạch tham, sân, si tất 8 vạn 4 ngàn trần lao phiền não kia phải tiêu vong. Bấy giờ tâm trí của nhà tu được trong sạch sáng màu hoà vào giác tánh chơn như (Phật hóa tánh tình) chúng kim thân bất hoại !

*“Đem về giác tánh chơn như,
Kim thân thị hiện dứt trừ tử sanh.”*

*“Chữ TỰ HỐI nào ai có lạ,
Là ăn năn cải sửa tâm lành.”*

(Giác Mê Tâm Kệ Q IV)

Danh từ Tự Hối, một trong nhiều nghĩa của chữ Sám hối. “Sám giả, sám kỳ khiên, hối giả, hối kỳ hậu quá”. Riêng chữ tự hối là tự mình ăn năn cải sửa những tội lỗi mà mình đã vi phạm. Phương cách này, chẳng những giúp cho hành giả tan nghiệp tội mà còn được tự tại trên đường giải thoát sanh tử.

Chúng ta thử đọc câu chuyện “Giọt lệ tự hối”

Thời xa xưa về trước, có gia đình anh Quyền Bình Vẹ, chuyên sống nghề gài bẫy chim (vạt). Hôm nọ phụ thân anh sắp từ trần, nên kêu anh đến bên giường, di chúc :

– Nếu con thấy không tìm được nghề khác sanh nhai thì mỗi đêm con chỉ gài bắt một chim vạt, đủ sống trong ngày mà thôi ! Bằng bắt dư sẽ mang nhiều nghiệp tội !

Quyền làm y lời cha dặn... nhưng chỉ được thời gian, rồi anh tự nghĩ : “phải thức suốt đêm mà chỉ bắt mỗi một con chim như thế này tốn công nhiều quá, chi bằng ta dùng 100 cái bẫy đem gài một lượt, sẽ bắt đặng 100 chim, tức ta được ở không trên ba tháng”. Thế rồi, anh thực hành ngay ý định.

Đêm đó, một bầy chim vạc đáp xuống vùng bầy đã gài, song chỉ mắc được 99 con. Trong tay Quyền Bình Vệ nắm chặt các mối dây, nhưng còn chờ cho đủ số 100 con mới bắt. Bỗng chốc trời rạng đông, bầy vạc đồng bay lên một lượt, Quyền nắm dây cố trì lại, nhưng không được nữa, sức mạnh của bầy vạc xách Quyền bay bổng lên hư không. Quyền kêu cứu ầm lên, nhưng chẳng ai cứu kịp. Quyền đành đánh liều cho bầy vạc lôi đi...

Phút chốc, Quyền tự dưng thấy mình bị rơi xuống đất, nhưng lạ quá sao chẳng nghe đau đớn gì? Thế rồi lòng Quyền bắt sanh nghi, anh bèn nhìn kỹ lại, thì ra, mình đã hóa thành chim vạc. Kể nghe bụng đói, Quyền liền rảo bước chung quanh để tìm cá ăn đỡ lòng. Trong khi bước lang thang, bỗng chân Quyền vướng vào cái bầy, chính Quyền đã gài còn sót lại hôm qua... Quyền dùng đủ sức tháo gỡ, nhưng không tài nào gỡ được. Lòng buồn rầu vô hạn, Quyền “tự hối”.

– Số chim của mình đã bắt từ mấy lúc qua, chúng tỏ nó cũng đau đớn khổ sầu. Thế mà bấy lâu mình nở sống yên vui trên sự đau khổ của chúng, chẳng chút tình thương xót.

Càng nghĩ, Quyền càng hối hận và tự trách mình, khiến hai dòng lệ tuôn trào. Nhưng rất lạ lùng, khi nước mắt của Quyền Bình Vệ chảy

xuống khắp mình thì lông cánh rụng hết !
Bảy giờ thân thể của Quyển đều được hoàn
nguyên như cũ...

“Nhiệm màu thay ! Cho dòng lệ tự hồi”.
Quyển vừa tán thán, vừa thành tâm sám hối.
Từ ấy anh tự nguyện bỏ dứt nghề : bẫy chim
và nghiệp sát hại, quyết tâm tin tấn tu hành,
chẳng bao lâu anh được chứng quả.

Đọc câu chuyện trên giúp ta nhận rằng : hễ
ai “gieo gió, tức gặt bão” và “sinh nghề tử
nghiệp”; nhưng Phật pháp rất nhiệm màu, đã
dạy cho người tu hành pháp “sám hối”, nếu
ta thật lòng ăn năn cải sửa, tất giải tan được
các tội khổ ba đời và chứng Đạo quả.

53 – CƠ BÁO ỨNG

*“Mở tâm linh nghĩ đến đoạn này,
Điều họa phúc ấy CƠ BÁO ỨNG.”*

(Khuyến Thiện Q. V)

– Thành ngữ “Cơ báo ứng” ý nói việc họa
hay phúc người đang hưởng đều do căn gốc
của mỗi người đã gây tạo vừa qua hay từ

nhều kiếp trước trả lại. Cũng như hiện giờ ta gây tạo nghiệp thiện hay ác thời gian sau, hoặc nhiều kiếp sau nữa sẽ bị báo ứng y như vậy. Như Kinh Minh Thánh đã bảo :

– “Tạo tác thiện thiện ác ác, báo ứng như ảnh tùy hình ; mặc đạo tạo tác bất báo, trực đãi ác quán mãn định ; mặc đạo tự nhiên vô ứng, trực đãi thiện quả vô thành.” (Những sự làm lành làm dữ, việc báo ứng như bóng theo hình; đừng nói làm dữ không báo, vì còn đợi chuỗi ác cho đầy đủ mới thấy, đừng nói làm lành không ứng, chỉ còn chờ quả thiện cho tròn mới hay).

Chúng ta thử đọc câu chuyện tạo phúc : (60)

– Cách đây không xa lắm, tại xã Phong Mỹ, Quận Cao Lãnh, Tỉnh Kiến Phong, Nam phần Việt Nam. Có gia đình anh Trần Văn Tám, bấy giờ (1947) giặc Pháp ruồng bỏ dữ dội, nên gia đình anh di cư vào Đồng Tháp Mười. Thời gian ở đây có người đem bán một con rùa nhỏ, độ bằng cái chén, anh Tám liền mua để phóng sanh. Trước khi thả, anh có khắc tên họ và ngày tháng, năm trên lưng của nó. Đến năm 1954 gia đình anh Tám di cư lên

⁶⁰ Dẫn theo truyện tích Việt Nam của Lê Hương

Sài Gòn sống nghề mua bán, ít lâu gia đình anh khá giả nên mua được chiếc xe loại chở hàng hóa. Anh thường chở hàng xuống các tỉnh miền Tây.

– Vào cuối năm 1967 anh giao hàng tại tỉnh lỵ Ba Xuyên, sáng sớm trên đường về Sài Gòn, đến khoảng vắng hai bên toàn là đồng ruộng. Anh Tám trông thấy một con rùa lớn hơn trái dưa, đang bò giữa đường, anh sợ xe cán rùa chết nên cho dừng lại, rồi nhảy xuống định bắt nó đưa qua khỏi lộ. Nhưng anh rất ngạc nhiên, vì thấy khắc lần chữ và tên họ mà anh đã khắc trên vỏ rùa còn rất rõ ràng. Anh vừa vuốt ve rùa, vừa nghĩ : đã 20 năm qua con rùa lớn như thế này và từ Đồng Tháp Mười sao nó bò tới đây, thật cũng lạ ! Anh liền kêu tài xế xuống giải thích cho nghe, rồi đem rùa thả xuống ruộng.

– Khi ấy trên đường một chiếc xe hàng khác và hai chiếc xe lam, qua mặt, chạy trước một đôi, bỗng cán cốt mìn nổ tung, ba chiếc xe ấy đều bị lật xuống ruộng, xe hư, người chết, người bị thương nằm chung.

– Anh Trần Văn Tám giật mình nhớ lại : nếu không nhờ Anh hồi tưởng lúc trước mình chỉ phóng sanh một con rùa mà bây giờ nó cứu lại cả hai mạng sống và chiếc xe, nghĩ công nó nhiều hơn !

– Khi xe về tới nhà, anh Tám kể lại chuyện đó cho vợ nghe. Hai vợ chồng đều rơi nước mắt cảm thương con vật biết ơn. “Cứu vật, vật trả ơn”. Từ đó vợ chồng anh Tám càng thương mến vật và tinh tấn tu hành hơn lúc trước.

Đọc qua câu chuyện trên giúp chúng ta tin sâu nơi luật báo ứng, làm lành hưởng phúc, tạo ác mang tai hầu nỗ lực “làm hết các việc từ thiện” và “tránh tất cả điều độc ác”, để nghiệp dữ sớm tiêu vong và tự tại trên đường giải thoát.

54 – NỒI DA XÁO THỊT

“... Những cuộc cẩu xé lẫn nhau, những vụ NỒI DA XÁO THỊT, những tương sát tương tàn, những điều hung hăng bạo ác cũng do sự tham lam mà ra cả...”

(Thập ác; ác tham lam)

Thành ngữ NỒI DA XÁO THỊT có nghĩa lấy vỏ rùa làm nồi để xào thịt rùa. Đây ngụ ý cho tình ruột thịt nở hại nhau. Nói rộng hơn giữa thân bằng : cha con, anh em, đồng bào,

dân tộc nữ tương tàn tương sát lẫn nhau. Đây cũng đồng nghĩa với các thành ngữ : “Cốt nhục tương tàn”, “Củi đầu nấu đầu”.

Như thời xưa trong số đàn con của Tào Tháo đời Tam Quốc (TH) có người con thứ tên Tào Thục, học thức thông minh, văn chương lỗi lạc. Tào Phi là con lớn, rất ganh ghét, đố kỵ tài ba của Thục. Khi Tào Tháo chết, Tào Phi được nối nghiệp cha. Một hôm, Phi đòi Tào Thục đến bảo :

- Ta với ngươi là tình huynh đệ từ trước, nhưng giờ đây là nghĩa vua tôi. Khi vua cha còn sanh tiền, ngươi hay đem tài văn chương ra khoe hợm với người. Bấy lâu ta nghĩ ngươi mượn tay kẻ khác giúp đỡ. Bây giờ trước trào nội ta gia hạn cho nhà ngươi, đi tới bảy bước phải làm xong một bài thơ. Nếu làm được sẽ lãnh thưởng, bằng không, phải bị chém đầu.

Tào Thục bằng lòng và xin vua cho đầu đề. Nhân có một bức tranh thủy mặc treo trên tường, vẽ đôi trâu chọi nhau, một con thua ngã xuống giếng chết. Phi chỉ lên tường bảo Thục :

- Đó là đầu đề, nhưng ta cấm ngươi không được dùng chữ : “hai con trâu chọi trên tường, một con lộn xuống giếng chết”.

Thục vâng lệnh, vừa từ từ bước vừa ngâm thơ :

“Đôi vật đi cùng đường,
Trên đầu bốn khúc xương.
Gặp nhau tựa sườn núi,
Hung hăng mở chiến trường.
Đôi bên thi sức mạnh,
Một vật lăn xuống hang.
Nào phải lực nó kém,
Chẳng qua sự lờ làng”.

Thục vừa ngâm vừa bước được bảy bước đã xong bài thơ trên. Nghe rồi, các quan có mặt tại đó đều hết lời ca ngợi Thục !

Tào Phi lại nói :

– Đi bảy bước còn chậm, người có thể ứng khẩu ngâm liền một bài thi nữa mới thật là tài !

Thục không dám từ chối, đứng chờ vua ra đề.

Phi nói :

– Ta với mi là anh em, vậy lấy đó làm đầu đề, nhưng cấm không được phạm vào hai chữ anh em.

Thục liền ứng khẩu đọc :

“Nấu đậu lại dùng bằng củi đậu,
Tuồng trong nồi đậu cũng xót xa !

*Gốc cùng rễ ấy mà ra
Hại nhau quá quắt sao mà chẳng
thương !”*

Tào Phi nghe bốn câu thơ xong, lòng cảm động rung rung hai dòng lệ. Từ đó Phi một mực thương em, xử sự với nhau rất hòa thuận.

Đọc chuyện trên nhớ lại hai câu thơ của Nguyễn Du :

*“Cố tài mà cậy chi tài,
Chữ tài liền với chữ tai một vần”*

Thật vậy, Tào Thục vì tài cao mà thiếu chút nữa phải thiệt mạng. Còn Tào Phi vì ty hiềm kẻ cố tài mà nở bực ép một đứa em ruột thịt. Nếu Thục không ứng đối kịp thời, thì trong trào nội phải xảy ra cuộc cốt nhục tương tàn, “nồi da xáo thịt”.

Thời nay, Đức Giáo Chủ cũng đã diễn tả tâm trạng của người đời, họ chỉ biết :

*“... Giành của tiền cốt nhục giết nhau,
Tranh lợi danh giết lẫn đồng bào,
Tình nhờn loại phân chia yếm bách.”*

Cho nên Ngài khuyên dạy mọi người hãy có bốn phận : “... gây sự hòa hảo trong đệ huynh, tạo hạnh phúc cho gia đình, cho cha mẹ vui lòng thỏa mãn... “ và rộng hơn nữa :

*“Giống nòi nữ giết nhau chi,
Bạng Duật tương trì lợi lữ ngư ông.”*

Và : *“Nếu thiệt người thì biết thương người”.*

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu.....	3
LỜI ĐẦU SÁCH.....	5

TẬP I : DIỄN VĂN

1 – BỐ KINH	9
2 – NẮC NIA.....	10
3 – TÀO KHANG	12
4 – NGŨ VIÊN KỲ	14
5 – TÊN DÃ TRÀNG.....	15
6 – BẠN TÁC.....	20
7 – KHOE TÀI	25
8 – TỰ ĐẮC.....	32
9 – NGHĨA NHÂN.....	36
10 – TRỢNG PHU	40
11 – THẤT THỦ HẠ BÌ	44

12 – TIN HỒNG	52
13 – NỢ NƯỚC VẮN CHƯƠNG	53
14 – NHU THẮNG CANG	66
15 – NGHĨA CÔNG.....	73
16 – NGỌN ĐÔNG PHONG	75
17 – SANH VI TƯỚNG TỬ VI THẦN	82
18 – Ô NGÂN – CẦU NGÂN – MƯA NGÂU ...	88
19 – SÂM THƯƠNG	90
20 – BÓNG THỎ.....	91
21 – NON LỊCH.....	93
22 – CỘT ĐỒNG NHÀ NAM	95
23 – TRI ÂM	96
24 – TRI KỶ	99
25 – MỘ KHAN THẦN TỈNH	102
26 – TƯỚNG BÁI ĐÀN ĐĂNG	103
27 – GIẤC MỘNG HOA	104
28 – SÂN TRÌNH	105
29 – CỬA KHỔNG.....	107

30 – KIM LÂN XÍCH PHỤNG.....	108
31 – LÁ THẮM.....	112
32 – CHIM XANH	114
33 – HUỖNH BÀO.....	116
34 – XÍCH THĂNG	118
35 – VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH.....	121
36 – LỮ HUỖNH CÂN	123
37 – TAY VIN HÀNH QUẾ.....	126
38 – NGUỒN MÂY BẠC.....	127
39 – MƯA TẦN.....	129
40 – NẮNG SỞ.....	130
41 – TIẾNG QUYÊN.....	131
42 – GIẤC HUỖNH.....	134
43 – TÌNH TRƯỜNG	134
44 – NẪM GAI NẾM MẬT.....	138
45 – TRÒ CHUA.....	140
46 – LẠC HỒNG.....	142
47 – LONG TUYỀN KIẾM	146

48 – BÌNH NGÔ	149
49 – SÁT ĐẤT	152
50 – BẠNG DUẬT TƯƠNG TRÌ	154
51 – MƯỢN GƯƠM LÊ LÝ.....	156
52 – MỘNG VÕ HẦU.....	160
53 – BẠCH ĐẰNG GIANG.....	163

TẬP II : ĐIỂN TRIẾT

1 – DANH LỢI CHẰNG MÀNG	171
2 – DẤU ĐẦU LỜI ĐUÔI	173
3 – HỌA PHƯỚC VÔ MÔN	175
4 – CŨNG CÁI LƯỖI.....	179
5 – TỰ TRỊ.....	181
6 – CÁI KHÔNG MỚI CÓ.....	185
7 – MA PHẬT TẠI TÂM.....	188
8 – THIỆT TƯỞNG	192
9 – TỬ THẦN.....	196

10 – THẮNG TAM BÀNH LỤC TẶC	199
11 – CỬA PHI NGHĨA	214
12 – TIN BƯỚNG NGHE CÀNG.....	217
13 – THAM VƯỜN RUỘNG	221
14 – NHƯ TA.....	225
15 – THƯƠNG HẢI TANG ĐIỀN	229
16 – ĐÀO NGUYÊN	230
17 – LAM KIỀU	235
18 – CƠ THÂM HỌA DIỆC THÂM.....	237
19 – RẮN HÓA CÙ.....	240
20 – THAM SẮC ĐẸP	242
21 – CỘI TÙNG.....	247
22 – NHƯ CUỘI TRÊN TRĂNG	248
23 – MÀI SẮC NÊN KIM.....	250
24 – GIẤC MỘNG VÀNG	253
25 – THIÊN LÝ VỊ NHIÊN.....	261
26 – TỈNH GIẤC NAM KHA	265
27 – OAN OAN TƯƠNG BÁO	266

28 – ĐOẠN TRƯỜNG	269
29 – TÚI THAM.....	272
30 – RÚT BỎ.....	277
31 – BỊ GẠT.....	280
32 – THIỆT DUYÊN	286
33 – HÓA KIẾP.....	291
34 – TỢ LỬA LÒ.....	297
35 – PHƯỚC DUYÊN ĐỂ DÀNH	299
36 – THẦN KHÂM QUỈ NHƯỜNG	302
37 – TÂM VÔ KỶ VẬT	307
38 – LONG ÁC NGHIỆT	312
39 – QUẠT BA TIÊU.....	321
40 – ĐƯỢC THỦ TRỤ	328
41 – ĐƯỜNG VÔ SANH	335
42 – KHÔNG KHÔNG MÀ CÓ.....	339
43 – PHÁP BẤT KHẢ DÙNG	342
44 – LÝ CHƠN KHÔNG.....	348
45 – NHỒI QUẢ.....	351

46 – BUNG LẠI KHUẤY BUNG	359
47 – KÉO VÀO QUAN.....	363
48 – TRỒNG HUÊ.....	365
49 – ĐỔI TƯ TƯỞNG.....	369
50 – THÀNH TÂM	377
51 – TẢO TRỪ	381
52 – TỰ HỐI.....	387
53 – CƠ BÁO ỨNG	390
54 – NỒI DA XÁO THỊT.....	393